

MARIA MONTESSORI

PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MONTESSORI



THE ABSORBENT MIND



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MỤC LỤC

[VAI TRÒ CỦA TRẺ NHỎ TRONG VIỆC TÁI THIẾT THẾ GIỚI](#)

Trẻ nhỏ có một loại sức mạnh bí ẩn, sức mạnh này có thể dẫn dắt chúng ta tiến vào một tương lai tươi sáng. Nếu thật sự muốn đổi mới thế giới này, giáo dục phải coi phát triển tiềm năng của trẻ là mục tiêu hàng đầu.

[GIÁO DỤC QUYẾT ĐỊNH CẢ CUỘC ĐỜI](#)

Đó chính là sự giáo dục trợ giúp – sự giáo dục được tiến hành ngay từ thuở vừa mới lọt lòng. Nó làm nên một cuộc cách mạng hòa bình, hướng tất cả sự vật tới cùng một mục tiêu chung duy nhất.

[NHỮNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ](#)

Bộ não của người trưởng thành không thể thực hiện được những điều mà bộ não của một đứa trẻ có thể làm. Quá trình từ chưa biết đến thành thạo một ngôn ngữ đòi hỏi một năng lực tinh thần đặc biệt. Trẻ em có được năng lực đó, trí tuệ của trẻ hoàn toàn không giống với người trưởng thành.

[CON ĐƯỜNG MỚI](#)

Cuộc đời trẻ là vạch nối liền giữa hai thế hệ người trưởng thành, một đầu là người sáng tạo, đầu còn lại là người được sáng tạo, được bắt đầu bởi một người trưởng thành này và kết thúc ở một người trưởng thành khác.

[KÌ TÍCH CỦA TẠO HÓA](#)

Mỗi loài động vật, động vật có vú trong đó có con người – được coi là sinh vật kì diệu nhất – đều là kết quả của quá trình phát triển từ một tế bào giản đơn như mọi tế bào nguyên thủy khác, không có bất cứ sự khác biệt nào.

[PHÔI THAI HỌC VÀ HÀNH VI](#)

Trẻ không những có khả năng tự sáng tạo, theo đuổi sự hoàn mỹ, mà sự tồn tại của trẻ còn vì một mục đích khác, đó chính là tạo ra sự hài hòa, phục vụ cho cả quần thể sinh vật. Một đứa trẻ vừa chào đời đã có thể có được năng lực sáng tạo to lớn, và năng lực này sẽ được phát huy thông qua môi trường sống xung quanh.

[PHÔI TINH THẦN](#)

Dường như con người có hai giai đoạn phôi thai, một là giai đoạn trước khi ra đời, đó là giai đoạn mà bất cứ động vật nào cũng đều phải trải qua; một giai đoạn phôi thai khác xảy ra sau khi con người chào đời, đó là giai đoạn riêng có của con người và tạo ra sự khác biệt vô cùng lớn giữa con người với các động vật khác, đó cũng là nguyên nhân tại sao chúng ta cần tìm hiểu về nó.

[SỰ ĐỘC LẬP CỦA TRẺ](#)

Việc trẻ muốn được độc lập chính là bước tiến cơ bản mà chúng ta gọi là “phát triển tự nhiên”. Nếu chúng ta quan tâm đúng mức tới sự phát triển tự nhiên của trẻ, trẻ sẽ dần dần có được sự độc lập. Điều này không chỉ đúng với phương diện tâm lí mà còn phù hợp trên phương diện thể chất.

[KHỞI NGUỒN CỦA SỰ SỐNG](#)

Bộ não tự thúc đẩy sự phát triển của nó thông qua những tri thức tiếp thu được từ môi trường xung quanh. Đặc biệt là giai đoạn sau khi trẻ vừa chào đời, chúng ta cần làm cho trẻ cảm thấy môi trường xung quanh thật thú vị và đầy thu hút. Năm đầu tiên trong cuộc đời trẻ có thể được phân thành vài giai đoạn, với mỗi giai đoạn, chúng ta đều cần dành sự quan tâm đặc biệt.

SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ

Ngôn ngữ là một bức tường, nó bao quanh một nhóm người nào đó, đồng thời lại cách li một nhóm khác ở bên ngoài. Đây có thể là nguyên nhân tại sao từ ngữ có một tác dụng thần bí trong não con người, nó có thể vượt ra khỏi biên giới dân tộc để gắn kết con người với nhau. Ngôn ngữ chính là sợi dây nối liền con người với con người.

TIẾNG GỌI CỦA NGÔN NGỮ

Thứ đầu tiên mà trẻ phải học chính là tên gọi của sự vật. Phương thức giáo dục của tự nhiên hoàn toàn trùng khớp với dự kiến của chúng ta. Thế giới tự nhiên chính là người thầy của trẻ, dưới sự dìu dắt của tự nhiên, trẻ bắt đầu học thứ ngôn ngữ mà người lớn chúng ta cho là không có ý nghĩa gì, nhưng trẻ lại tỏ ra vô cùng hào hứng.

ẢNH HƯỞNG CỦA NHỮNG TRỞ NGẠI

Hai năm đầu đời sẽ có ảnh hưởng tới suốt cả cuộc đời mỗi con người. Trẻ nhỏ có tiềm năng tâm lí vô cùng lớn, và chúng ta vẫn chưa dành cho tiềm năng này của trẻ sự tôn trọng đúng mức. Trẻ cực kì nhạy cảm, chỉ một hành động hơi thô lỗ cũng đủ ảnh hưởng tới tâm lí của trẻ, thậm chí ảnh hưởng tới cả cuộc đời trẻ sau này.

TÁC DỤNG CỦA VẬN ĐỘNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Mọi sự vận động đều có một cơ chế vô cùng tinh tế, kì diệu. Đối với con người, tất cả những sự vận động đều không phải là vừa ra đời đã sẵn có mà được hình thành và hoàn thiện thông qua đủ loại hoạt động trong đời sống của trẻ.

ĐÔI TAY VÀ TRÍ TUỆ

Sự phát triển của vận động gồm có hai mặt. Một mặt vận động tuân thủ quy luật của sinh vật, mặt khác vận động có liên quan mật thiết với thế giới nội tâm của con người, và cả hai phương thức đều phụ thuộc vào việc sử dụng cơ bắp. Đối với việc nghiên cứu trẻ nhỏ, chúng ta phải tuân thủ cả hai lộ trình phát triển, một là sự phát triển của tay, hai là sự phát triển của khả năng giữ thăng bằng hay là khả năng đi lại.

PHÁT TRIỂN VÀ MÔ PHỎNG

Tạo hóa không chỉ ban tặng cho con người khả năng mô phỏng mà còn cho chúng ta khả năng thay đổi bản thân để dần dần trở nên giống với bản mẫu. Là người làm công tác giáo dục, nếu muốn giúp trẻ đạt được mục đích này thì chúng ta cần giúp đỡ trẻ nhiều hơn nữa.

TỪ NGƯỜI SÁNG TẠO ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đột nhiên, trẻ trở thành một người có thể tự làm mọi việc mà không cần tới sự giúp đỡ của người khác. Điều đó đã vượt ra khỏi dự liệu của chúng ta, người lớn lúc này chỉ đóng vai người quan sát. Trong thế giới nhỏ bé này, trẻ thu được những thành tựu thật lớn lao, dần dần thích ứng với đời sống xã hội, đồng thời dần dần thay đổi tính cách của mình.

VĂN HÓA VÀ TRÍ TƯỞNG TƯỢNG

Việc phác họa hình ảnh những sự vật chưa từng được nhìn thấy đòi hỏi trẻ phải có một năng lực tâm lí cực kì đặc biệt. Nếu bộ não chỉ có thể ghi nhớ những gì đã được trông thấy thì việc đưa trẻ ra ngoài tiếp xúc với môi trường là việc vô cùng cần thiết.

SỰ HÌNH THÀNH TÍNH CÁCH CỦA TRẺ

Thiếu cá tính hoặc khiếm khuyết trong cá tính rồi sẽ tự nhiên biến mất mà không cần đến sự thuyết giáo của người lớn. Mọi sự uy hiếp, dụ dỗ của người lớn đều chẳng đem lại điều gì, việc chúng ta phải làm là tạo ra cho trẻ một điều kiện sống bình thường.

ĐỂ TRẺ PHÁT TRIỂN BÌNH THƯỜNG

Trẻ làm việc thiếu quy luật là do trước đó đã từng có người tùy tiện cưỡng chế công việc có quy

luật của trẻ; trẻ lười biếng là do trẻ bị bắt làm việc; trẻ không nghe lời là vì trước đó chúng đã bị bắt phải nghe lời.

SỰ HÌNH THÀNH TÍNH CÁCH PHỤ THUỘC VÀO BẢN THÂN TRẺ

Tính cách của trẻ không phải là thứ mà người lớn có thể dạy nên, điều mà họ có thể làm là tiến hành giáo dục một cách khoa học để trẻ không bị làm phiền hoặc gặp trở ngại, đồng thời hoàn thành quá trình này một cách hiệu quả.

TÂM LÝ CHIẾM HỮU CỦA TRẺ VÀ SỰ CHUYỂN HÓA TÂM LÝ CHIẾM HỮU

Chúng ta không thể ngăn chặn trẻ phá hỏng mọi thứ bằng cách thuyết giáo. Khi một đứa trẻ muốn có thứ gì đó chỉ để người khác không có được nó, chúng ta thường sẽ dùng cách giảng giải với trẻ. Nhưng tính hiệu quả của những lời giảng giải này không duy trì được lâu, chẳng mấy chốc trẻ sẽ lại lặp lại việc này.

TRẺ EM VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

Phân tách con người theo độ tuổi là một việc làm vô cùng tàn nhẫn và không có nhân tính, đối với trẻ cũng vậy. Làm như vậy chính là cắt đứt mối liên hệ trong đời sống xã hội, khiến con người và con người không thể nào học tập lẫn nhau. Tuyệt đại đa số trường học trước hết sẽ căn cứ vào giới tính, sau đó căn cứ vào độ tuổi để phân chia lớp học. Đây là một sai lầm lớn, và cũng là căn nguyên của rất nhiều tội ác.

SỰ GẮN KẾT CỦA XÃ HỘI

Ý thức tập thể không thể được hình thành bằng cách tuyên truyền. Nó cũng không phụ thuộc vào bất cứ hình thức cạnh tranh nào, mà là kết quả của tự nhiên. Đó là thành quả trẻ thu được bằng sự nỗ lực của bản thân. Chỉ có thông qua hành vi của chính mình, trong quá trình phát triển tự nhiên thì trẻ mới có thể cho ta thấy những giai đoạn buộc phải trải qua của đời sống xã hội.

SAI LẦM VÀ CÁCH SỬA CHỮA

Nếu chúng ta buộc phải tiến hành khen ngợi và trừng phạt trẻ thì có nghĩa là trẻ đã không có được năng lực tự kiểm chế bản thân, lúc này phương pháp kiểm chế phải do giáo viên mang lại. Nhưng giả sử trẻ đang làm việc gì đó, nếu chúng ta không ngừng khen ngợi hay trừng phạt trẻ thì điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tự do về tinh thần của trẻ.

BA GIAI ĐOẠN CỦA SỰ PHỤC TÙNG

Có người cho rằng thiên tính của trẻ là không chịu sự quản thúc, hơn nữa còn có khuynh hướng bạo lực. Cơ sở của quan điểm này là khi làm việc, trẻ thường không chịu để bị người khác quản thúc, không chịu sự quản thúc chính là biểu hiện của ý chí của trẻ. Trong khi sự thật lại khác xa với nhận định này, hành vi này không phải là “hành vi có mục đích” của trẻ.

GIÁO VIÊN VÀ TÍNH KỈ LUẬT

Chúng ta luôn luôn cần nhớ rằng, tính kỉ luật trong sâu thẳm nội tâm là thứ được hình thành trong cuộc sống chứ không phải là bẩm sinh đã có. Nhiệm vụ của chúng ta chính là đưa ra phương hướng cho việc hình thành tính kỉ luật. Khi trẻ có thể dồn toàn bộ sự chú ý lên những sự vật mà đối với trẻ có sức hấp dẫn, điều này chứng tỏ trẻ đã có tính kỉ luật.

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN

Giáo viên cần đầu tư toàn bộ sức lực, đồng thời căn cứ vào sự khác biệt giữa những giai đoạn phát triển của trẻ để thay đổi cách thức làm việc của mình. Trách nhiệm hàng đầu của giáo viên chính là quan tâm đến môi trường dành cho trẻ. Ảnh hưởng của môi trường là gián tiếp, nhưng nếu môi trường không tốt thì trẻ cũng không thể phát triển về thể chất, trí lực và tâm lí, và nếu có phát triển thì sự phát triển đó cũng không tồn tại lâu dài.

TRẺ EM – NGỌN NGUỒN CỦA TÌNH YÊU THƯƠNG

Muốn làm cho thế giới này trở nên hòa hợp hơn, chúng ta nên suy ngẫm nhiều hơn về tình yêu, nghiên cứu hàm nghĩa bên trong của tình yêu. Trẻ em chính là điểm hội tụ tình yêu và sự ấm áp của con người. Toàn nhân loại đắm mình trong tình yêu thương này của trẻ. Trẻ chính là ngọn nguồn của tình yêu, tất cả những gì liên quan đến trẻ đều liên quan đến tình yêu.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời nói đầu



Sức thấm thấu của tâm hồn là cuốn sách được yêu thích nhất của Maria Montessori, đồng thời thể hiện rõ nét nhất tư tưởng giáo dục có ý nghĩa cải cách của bà. Cuốn sách liên tục được tái bản bằng nhiều thứ tiếng khác nhau trên toàn thế giới, cho thấy tiếng nói của bà trong các cuộc luận bàn liên quan đến giáo dục và tiềm năng của con người đã nhận được sự coi trọng của toàn thế giới. Những nghiên cứu của Montessori về sự phát triển của trẻ và giáo dục truyền thống có giá trị to lớn đối với các bậc phụ huynh, các nhà công tác giáo dục, chuyên gia tâm lý và tất cả những người nghiên cứu về trẻ em và xã hội.

Cuốn sách này được biên soạn dựa trên những tư liệu bằng tiếng Italy của Montessori khi bà giảng dạy tại Ahmedabad (Ấn Độ) - nơi bà sinh sống trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ hai. Cuốn sách *Sức thấm thấu của tâm hồn* thể hiện tư tưởng giáo dục thời kì sau của Maria Montessori. Trong thời kì này, bà đã dự đoán được những lí luận về trẻ em của mình sẽ được toàn thế giới quan tâm. Điều khiến người ta ngạc nhiên là những tư tưởng của Montessori vượt xa những đồng nghiệp trong giới tâm lý học và giáo dục cùng thời với bà. Ví dụ, “giáo dục không phải là giáo viên làm gì, mà là kết quả của sự phát triển tự thân và tự nhiên của con người. Giáo dục không có được thông qua việc nghe giảng, mà có được thông qua việc trẻ tích lũy kinh nghiệm trong môi trường đặc biệt.”

Lí luận nói trên có thể coi là căn cứ lí luận của các nhà giáo dục theo chủ nghĩa kết cấu - những người đang có ảnh hưởng sâu rộng đến giáo dục ngày nay. Sức ảnh hưởng của Montessori cũng tương tự như vậy, giáo dục chủ nghĩa kết cấu đã có ảnh hưởng to lớn đến giáo dục trước tuổi đến trường, hơn nữa hiện nay đã bắt đầu có tác động rất lớn đến giáo dục tiểu học. Giáo dục trung học - dưới ảnh hưởng của lí luận này - có từ bỏ phương thức giáo dục coi nội dung là trung tâm, bài trừ việc hướng dẫn, không coi trọng sự khác biệt hay không thì còn đang được tiếp tục theo dõi.

Nếu có lí luận nào gần với hạt nhân lí luận của Montessori hơn lí luận “quan tâm đến trẻ và hành vi của trẻ” thì đó chính là “tư tưởng giáo dục phải bắt kịp với thời đại” của bà. Các nhà công tác giáo dục trong các hoạt động như xây dựng giáo trình thì chỉ quan tâm tới bản thân giáo trình, và trong thi cử chỉ chú ý tới mục đích có được thành tích tốt mà coi nhẹ trình độ phát triển của cá nhân trẻ. Khi đọc những tài liệu có liên quan đến cải cách giáo dục, bạn sẽ phát hiện ra rằng, trong việc chuẩn hóa các kì thi thì “thành tích xuất sắc” đã trở thành mục đích duy nhất của giáo dục. Montessori nói: “Giáo dục không nên dừng lại ở giáo trình và thời khóa biểu, giáo dục phải phù hợp với nhu cầu thực tế của bản thân con người.”

Việc xuất bản cuốn sách của Mark Bernstein: *Thời kì phát triển mấu chốt - quan điểm liên ngành* đã một lần nữa chứng minh quan điểm mà Montessori luôn kiên trì cho đến nay đã được sự ủng hộ rộng rãi của các nhà xã hội học.

Dan Robbins thuộc Đại học California cũng viết một số tài liệu liên quan đến thời kì học ngôn ngữ quan trọng của trẻ. Ông cho rằng tính phức tạp của quá trình học ngôn ngữ khiến giả thiết “bộ não của trẻ tiến hành công việc dựa vào một phương thức đã được định trước, căn cứ vào đặc điểm kết cấu ngôn ngữ con người” trở nên có vẻ đúng nhưng thật ra là sai. Ông tiến tới nhận định rằng, những bằng chứng gián tiếp của quá trình này bắt nguồn từ thực tế “thời kì quan trọng trong quá trình học ngôn ngữ của con người dường như được quyết định bởi đặc tính sinh vật”.

Một chủ đề lớn trong cuốn sách này của Dan chính là việc học ngôn ngữ của trẻ. Trong cuốn sách này, trải qua quá trình quan sát tỉ mỉ và suy ngẫm thấu đáo, Montessori đã hình thành nên một mô thức rất gần với Lí thuyết tương tác ngày nay. Tư tưởng của bà không giống với chủ nghĩa hành vi và lí thuyết học tập mô phỏng lúc đó, cũng hoàn toàn khác với quan điểm của Noam Chomsky 20 năm sau đó.

Khi nói về sự phát triển của ngôn ngữ (chứ không phải là việc dạy ngôn ngữ), Montessori đã cho rằng, sự phát triển của ngôn ngữ của tất cả trẻ nhỏ đều tuân theo nguyên tắc cố định. Bà cảm thấy mỗi đứa trẻ đều học ngôn ngữ, cú pháp và quy tắc ngữ pháp từ môi trường sống của mình, cho dù những thứ đó đơn giản hay phức tạp, bởi vì bất cứ ai, bao gồm cả người lớn, cũng đều không thể trình bày tường tận và chính xác hoàn toàn quy tắc ngữ pháp. Chúng ta phải giả thiết Montessori cho rằng, khi trẻ nói dường như trẻ đã hiểu quy tắc ngữ pháp.

Đồng thời bà cho thấy, việc học tập ngôn ngữ thời kì thơ ấu ảnh hưởng đến khả năng phân biệt phát âm của chúng ta. Ví dụ, nếu sự khác biệt giữa S và Z trong tiếng Tây Ban Nha quan trọng như trong tiếng Anh, trẻ sẽ học cách phân biệt chúng, để rồi cuối cùng học được cách phát âm hai chữ cái này. Nhưng một người trưởng thành trong môi trường toàn tiếng Tây Ban Nha có thể sẽ nhầm lẫn cách phát âm hai chữ này.

Montessori cho rằng, hành vi học ngôn ngữ của trẻ không diễn ra trong trạng thái có ý thức, mà tâm hồn trẻ vừa sinh ra đã có khả năng học ngôn ngữ từ môi trường một cách vô thức. Những học giả sẽ nghiên cứu những lí luận được đề cập đến trong cuốn *Sức thẩm thấu của tâm hồn* và những lí luận khác của Montessori sẽ nghiên cứu việc học ngôn ngữ thời kì đầu như thế nào, đồng thời ảnh hưởng đến tâm lí của trẻ ở một mức độ lớn hơn. Đối với những người này, việc nghiên cứu này là vô cùng thú vị.

Montessori cũng dùng quan điểm phân tích và chứng minh cho những mô tả của mình về việc học ngôn ngữ của trẻ. Đối với Montessori, chủ động thúc đẩy trẻ học ngôn ngữ là điều hoang đường. Ngoài ra, những quan điểm của bà rất giống với lí luận chủ nghĩa kết cấu, nhưng hoàn toàn khác với chủ nghĩa hành vi.

Montessori cho rằng, trong thiên tính của con người vốn sẵn có khả năng học tập bất cứ ngôn ngữ nào (ngôn ngữ trong môi trường mà con người sinh sống). Trẻ nhỏ không phải vừa sinh ra đã có khả năng học tập một ngôn ngữ nhất định nào đó. Dựa vào suy luận này, đồng thời với việc suy ngẫm về quan điểm nói trên, bà cho rằng chắc chắn trẻ nhỏ đặc biệt nhạy cảm với phát âm. Vì vậy bà nhận định rằng, ngay từ đầu trẻ đã có khả năng nhận thức - sớm hơn rất nhiều so với độ tuổi mà các nhà tâm lí học trẻ em thời đó cho rằng trẻ nhỏ bắt đầu có khả năng nhận thức. Bà cho rằng, khi có thể phát ra âm thanh và bắt chước người khác nói chuyện, trẻ đã bước vào thời kì này. Cho dù loại khả năng nhận thức này hay là những biểu hiện cụ thể của nó thì cũng đều đã được hình thành trong thời kì sơ sinh.

Đối với các hành vi liên quan đến ngôn ngữ và những biểu hiện của chúng, Montessori đã phân giai đoạn và mô tả như sau: Giai đoạn sớm nhất - khi trẻ chưa đầy 8 đến 10 tháng tuổi, lúc này đối với trẻ, ngôn ngữ vẫn thuộc về giai đoạn sơ khai; khi trẻ 1 tuổi, trẻ vô cùng mong muốn cho người khác biết cảm giác và nhu cầu của mình; khi trẻ 18 tháng tuổi, chúng phát hiện ra rằng mỗi sự vật đều có tên gọi riêng. Không lâu sau đó, chúng có thể sử dụng “câu một từ đơn” hoặc “một vài từ đơn không quy phạm”. Montessori đã đưa ra ví dụ sau:

Khi nhìn thấy bữa tối đã sẵn sàng, trẻ nói “mupper”, có nghĩa là “mẹ ơi (mummie), con muốn ăn tối (supper)”. Đặc điểm điển hình của kiểu ngôn ngữ này là từ đơn đã bị trẻ cải biên nguyên dạng. Những từ đơn này thường do những phát âm tượng thanh tổ hợp thành, như tiếng chó sủa “gâu gâu” hoặc một số từ đơn khác do trẻ tự “phát minh”.

Sự phân chia giai đoạn của Montessori dường như chưa có được nhiều sự hỗ trợ của kinh nghiệm thực tế, nhưng đúng như Robbins đã viết trong cuốn sách của mình, trực giác của Montessori dường như lại một lần nữa vượt trước thời đại.

Montessori gọi 2 tuổi là “thời kì bùng nổ từ vựng”. Trước thời điểm này là thời kì số lượng từ vựng của trẻ tăng lên rất nhiều. Sau 2 tuổi, khả năng sử dụng câu của trẻ nhanh chóng tăng lên, đồng thời có thể tiến hành sắp xếp những từ đơn mới học một cách có trật tự. Lúc này trẻ đã có được khả năng vận dụng cú pháp. Montessori cho rằng, nếu trong thời kì quan trọng này, trẻ tiếp nhận hai loại ngôn ngữ, ví dụ như cha và mẹ của trẻ nói hai thứ tiếng khác nhau, khả năng sáng tạo sẵn có trong tâm lí sẽ cho phép trẻ đồng thời học được cả hai ngôn ngữ đó, cũng có nghĩa là trẻ lần lượt nói từng thứ tiếng với cha và mẹ.

Vào năm 1970, Robbins cùng với đồng sự của mình tại Berkeley đã tiến hành một lần thực nghiệm liên ngành mang tính chất dấu mốc - tiến hành nghiên cứu việc học ngữ pháp của trẻ. Trong số những trẻ tham gia cuộc thực nghiệm này có cả trẻ em da trắng và da đen, có những trẻ thuộc tầng lớp nghèo khổ, cũng có trẻ thuộc tầng lớp trung lưu, có trẻ thuộc các nước khác nhau như Đức, Nga, Phần Lan, Kenya và Samoa. Trong lần thực nghiệm này, Robbins định nghĩa từ “ngữ pháp” là “công cụ có liên quan đến phát âm và ngữ nghĩa”. Kết quả báo cáo cho thấy, các giai đoạn phát triển ngôn ngữ thông thường rất giống với các giai đoạn mà Montessori đã đưa ra. Cũng có nghĩa là đối với những đứa trẻ thuộc các bối cảnh văn hóa khác nhau tham gia vào cuộc thực nghiệm này thì giai đoạn bập bẹ học nói đều kết thúc ở thời gian khoảng 18 tháng tuổi. Robbins còn giới hạn giai đoạn trẻ nói “1, 2 từ đơn”, giai đoạn này thông thường bắt đầu từ khi trẻ được 18-24 tháng. Nghiên cứu cũng phát hiện thời gian trẻ nói “1, 2 từ đơn” rất ngắn, nhưng đứa trẻ nào cũng đều phải trải qua giai đoạn này. Kết luận mà Robbins cùng đồng sự có được là sự tồn tại phổ biến của thời kì “1, 2 từ đơn” cho thấy sự thành thực của “công cụ học tập ngôn ngữ” có một “giai đoạn tương đối cố định”.

Cũng giống như Montessori, Robbins đã nhận thức được sự phức tạp và đặc biệt của quá trình học ngôn ngữ và tầm quan trọng của nó trong việc truyền thụ và kế thừa văn minh. Ông cho rằng, thế hệ trẻ em này nối tiếp thế hệ trẻ em khác tiến hành làm mới ngôn ngữ. Montessori nói rằng: “Nếu không có khả năng cảm nhận ngôn ngữ đặc biệt này, trẻ sẽ không thể tự nhiên nắm vững ngôn ngữ, vậy thì tất cả những việc mà nhân loại đã làm được đều vô dụng. Hiện tượng này không thể xuất hiện trong quá trình truyền thụ văn minh. Chúng ta cần nhìn nhận trẻ từ góc độ chân thực này, điều này vô cùng quan trọng. Trẻ khiến tất cả hành vi của chúng ta trở nên có ý nghĩa. Hành vi của trẻ dựa trên nền tảng là nền văn minh của nhân loại.”

Montessori không đồng ý việc trẻ nhỏ học ngôn ngữ giống như người lớn. Những người ủng hộ quan điểm lí luận học tập ngôn ngữ kiểu “kích thích - phản ứng” của người lớn hiện nay vẫn có những phản ứng nhất định, nhưng những người ủng hộ quan điểm này đã trở nên ngày càng ít đi.

Noam Chomsky có thể sẽ đồng ý với quan điểm “ngôn ngữ không được học tập bằng phương thức chủ nghĩa hành vi” của Montessori. Trong cuốn sách nổi tiếng của mình xuất bản năm 1965, ông viết: “Kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ không thể có được bằng bất cứ hình thức ứng dụng dần dần những hướng dẫn nào do các môn khoa học như ngôn ngữ học, tâm lí học hay triết học nào phát triển thành. Hiển nhiên việc học ngôn ngữ dường như dựa trên cơ sở là trẻ lĩnh hội ngữ pháp tạo sinh mà mình đã học được, lí luận này xem ra khá thâm thúy và trừu tượng. Khả năng lí luận và nguyên tắc của nó chỉ có chút liên hệ với những kinh nghiệm có được nhờ sự đan cài phức tạp của những bước tiến vô thức, tương tự suy lí.”

Hoạt động thực nghiệm cũng chứng minh quan điểm “bùng nổ” ngôn ngữ. Phân chia giai đoạn và quan điểm sự phát triển mang tính không liên tục dường như là sự miêu tả thích hợp nhất về sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, đặc biệt là ở phương diện từ vựng. Ngoài ra, Montessori cũng mô tả về toàn bộ quan điểm ngữ pháp của mình, bà nói: “Chúng ta cần biết rằng trẻ tự học những kiến thức ngữ pháp, nhưng điều này không thể trở thành lí do của việc khi nói chuyện với trẻ, chúng ta có thể không tuân theo quy tắc ngữ pháp, cũng không thể trở thành lí do chúng ta không giúp trẻ học cấu trúc ngữ pháp.” Tóm lại, lí luận học ngôn ngữ thời kì sơ sinh của Montessori đã định hình. Nếu bạn nói rằng lí luận này không đủ chi tiết thì đó là vì nó đang nằm trong giai đoạn dần dần hoàn thiện.

Cuốn sách nổi tiếng của Montessori đưa ra một chủ đề vẫn đang còn gây tranh cãi không dứt: Vai trò của chính phủ trong quá trình hỗ trợ gia đình và giáo dục trẻ em. Những vấn đề chúng ta phải đối mặt như tội phạm, bạo lực, nghiện hút và sự thất bại của giáo dục nhà trường... đều có thể bắt nguồn từ gia đình. Trước những vấn đề này, Montessori vẫn tỏ rõ lập trường của bà: “Bộ máy xã hội phải thích ứng với quan niệm mới về nhu cầu cố hữu - 'bảo vệ con người' và phải huy động sự trợ giúp của toàn nhân loại. Cha mẹ phải hoàn thành trách nhiệm của mình. Nếu gia đình không thể lãnh trách nhiệm này, xã hội phải đưa ra hướng dẫn cho những người có nhu cầu, đồng thời trợ giúp việc nuôi dưỡng trẻ.”

Tóm lại, *Sức thấm thấu của tâm hồn* là một cuốn sách rất đáng đọc. Cuốn sách này cho thấy quan điểm của Montessori đã vượt xa so với những đồng nghiệp của bà. Cuốn sách là sự kết hợp giữa những nghiên cứu của Montessori về sự phát triển của trẻ và những đánh giá về việc “làm thế nào thiết lập được một phương pháp giáo dục mới nhằm thay thế phương pháp giáo dục cũ”. Ngày nay, quan điểm này của bà tất yếu phải phát triển và biến đổi cùng với những lý luận mới về việc học tập và trưởng thành của trẻ, đồng thời giữ được sự quan tâm và yêu mến của bà dành cho trẻ em.

Tiến sĩ **John Chattin-McNichols**

(Hội trưởng Hiệp hội Montessori Hoa Kỳ)

Chương 1

VAI TRÒ CỦA TRẺ NHỎ TRONG VIỆC TÁI THIẾT THỂ GIỚI

Trẻ nhỏ có một loại sức mạnh bí ẩn, sức mạnh này có thể dẫn dắt chúng ta tiến vào một tương lai tươi sáng. Nếu thật sự muốn đổi mới thế giới này, giáo dục phải coi phát triển tiềm năng của trẻ là mục tiêu hàng đầu.



Cuốn sách này là một phần trong tư tưởng đang không ngừng phát triển của nhân loại, cũng là một phần nội dung trong việc bảo vệ tiềm năng vận động to lớn của trẻ. Bản thân chúng ta cũng đang nằm trong sự vận động ấy. Thế giới ngày hôm nay đang không ngừng phân tranh. Và để tái thiết thế giới tương lai, con người hôm nay đang ấp ủ và đưa ra hàng loạt kế hoạch. Giáo dục được số đông coi là phương pháp tốt nhất để thực hiện việc tái thiết thế giới, nhưng không ai có thể phủ nhận rằng trí tuệ của con người vẫn còn cách xa so với nhu cầu phát triển văn minh nhân loại.

Tôi cũng cho rằng, sự tiến bộ của con người ngày nay chưa thể giúp nhân loại thực hiện được những lí tưởng cao xa, xây dựng xã hội hài hòa, hòa bình và xóa bỏ chiến tranh. Bản thân con người cũng chưa có sự chuẩn bị kĩ lưỡng để khống chế và điều khiển mọi việc và thực hiện mục tiêu của mình. Ngược lại, họ vẫn luôn ở trong trạng thái bị động trong quá trình giải quyết mọi thứ.

Tuy được coi là biện pháp tốt nhất nâng cao năng lực con người, nhưng giáo dục vẫn chỉ dừng lại ở chỗ tiến hành giảng dạy những “tư tưởng” mà thôi. Biện pháp nâng cao năng lực con người bằng giáo dục này và những quan điểm lạc hậu cũng không khác nhau là mấy - vốn không có tính mới lạ và tính xây dựng.

Tôi vốn không nghi ngờ những đóng góp của triết học và tôn giáo trong quá trình hoàn thành sứ mệnh này. Thế nhưng trong xã hội văn minh này liệu có được bao nhiêu triết gia thật sự? Trong quá khứ, số này là không nhiều và cũng sẽ không tăng lên bao nhiêu trong tương lai! Chúng ta đã từng có những tiêu chuẩn và lí tưởng cao xa, những lí tưởng và tiêu chuẩn này đã trở thành nội dung chủ yếu trong giáo dục nhưng chiến tranh và xung đột không vì thế mà ít đi. Nếu giáo dục chỉ là kế thừa tri thức theo như những quan niệm lỗi thời thì giáo dục sẽ không thể mang lại cống hiến gì cho tương lai của con người. Bởi vì một khi trình độ phát triển của con người trở nên trì trệ thì kế thừa tri thức liệu có ích lợi gì? Ngược lại, chúng ta cần phải xem xét một loạt những nhân tố mà trước đây chưa ai nghĩ tới hoặc bị coi nhẹ như nhân cách xã hội, sức mạnh thế giới mới... Những nhân tố này lại chỉ có thể được phát huy bởi trẻ em, vì chính trẻ em sẽ bảo vệ sự trường tồn của loài người.

Trẻ em có một loại sức mạnh bí ẩn, sức mạnh này sẽ dẫn dắt chúng ta bước vào một tương lai tốt đẹp hơn. Nếu thật sự muốn thay đổi thế giới này thì giáo dục phải coi phát triển tiềm năng của trẻ là mục tiêu hàng đầu.

Ngày nay, hoạt động tâm lí ở trẻ sơ sinh đã bắt đầu nhận được sự quan tâm đúng mức. Nhiều chuyên gia tâm lí đã bắt đầu tiến hành quan sát tỉ mỉ sự phát triển của trẻ sơ sinh ngay từ lúc các bé mới ra đời được ba giờ đồng hồ. Một số chuyên gia tâm lí khác - sau những nghiên cứu chuyên sâu - đã đưa ra kết luận rằng hai năm đầu đời chính là khoảng thời gian quan trọng nhất trong cuộc đời con người.

Quá trình hình thành nhân cách đã sớm bắt đầu ngay từ khi một sinh linh cất tiếng khóc chào đời. Quan điểm có chút màu sắc thần bí này đã đưa đến một kết luận kì lạ: Giáo dục phải bắt đầu ngay từ khi một đứa trẻ vừa được sinh ra. Sở dĩ nói rằng kết luận này kì lạ là vì, theo lẽ thường chúng ta chẳng thể nào dạy dỗ một đứa trẻ sơ sinh, thậm chí là dạy dỗ một đứa trẻ

chưa đầy 2 tuổi cũng còn rất khó khăn. Chúng ta sẽ dạy gì cho những đứa trẻ thậm chí còn chưa hiểu chúng ta nói gì, khi mà ngay cả lưỡi của trẻ cũng chưa thể trở nên linh hoạt? Phải chăng người ta đang muốn nói tới việc giáo dục ý thức vệ sinh cho trẻ? Không! Hai chữ “giáo dục” ở đây mang một ý nghĩa sâu sắc hơn thế.

Giáo dục trong giai đoạn trẻ vừa mới chào đời có nghĩa là giúp trẻ phát triển những năng lực tinh thần tiềm tàng. Hay nói một cách khác, chúng ta không thể sử dụng phương pháp giáo dục bằng cách thuyết giảng như truyền thống.

Những nghiên cứu gần đây đã chứng minh trẻ nhỏ có những năng lực tinh thần đặc biệt. Và điều này đã vạch ra một con đường mới cho các chuyên gia giáo dục. Con đường này không giống như mọi con đường trước đây và từ trước đến nay chưa được mọi người xem trọng, nó có mối liên hệ chặt chẽ với thế giới tinh thần của con người. Sức sáng tạo và tiềm năng của trẻ nhỏ suốt hàng nghìn năm qua vẫn chưa được con người chú ý tới. Kể từ khi xuất hiện trên trái đất này, nhân loại chưa nghĩ tới việc khám phá những tiềm năng vô cùng to lớn trong bản thân mình, kể cả cho tới ngày nay khi nhân loại đã có được những bước tiến vĩ đại thì vẫn chưa chú ý tới những tài sản quý giá trong thế giới tinh thần của trẻ nhỏ.

Kể từ khi con người xuất hiện, tiềm năng này đã bị xem nhẹ. Mãi cho tới gần đây mới có người đề cập đến sự tồn tại của nó. Ví dụ, Karel nói: “Giai đoạn sơ sinh thật sự rất đáng được quan tâm. Chúng ta nên tận dụng mọi cách thức giáo dục khả thi và thiết thực để khai phá giai đoạn này, bởi nếu bỏ lỡ nó thì sau này sẽ không có cách gì bù đắp lại được. Chúng ta chớ nên coi thường mà nên dốc sức tìm hiểu về giai đoạn sơ sinh này”.

Những nghiên cứu có liên quan tới hai năm đầu đời của một đứa trẻ đã mở ra cho chúng ta một cánh cửa rộng lớn mà ở đó chúng ta sẽ phát hiện ra những quy luật kiến tạo nên thế giới tinh thần của con người từ trước tới nay chưa ai biết đến. Chính trẻ em sẽ bày ra những quy luật ấy trước mắt chúng ta. Chúng ta sẽ được khám phá những hoạt động tinh thần hoàn toàn không giống với thế giới của người trưởng thành, đây chính là “con đường mới” mở ra cho các nhà giáo dục. Không phải các giáo sư áp đặt kiến thức tâm lý học lên trẻ em, mà chính là trẻ em sẽ chỉ dạy cho giáo sư về sự phát triển tâm lý của chúng.

Điều này nghe qua thì rất khó hiểu, nhưng bằng cách từ từ đi sâu xem xét, mọi chuyện sẽ dần được sáng tỏ hơn. Trẻ em có một tâm hồn có thể hấp thu kiến thức và có năng lực tự học hỏi. Xin lấy một ví dụ đơn giản để chứng minh điều này: Trẻ em rồi sẽ biết nói thứ ngôn ngữ mà cha mẹ mình nói, nhưng đối với một người trưởng thành thì học một ngôn ngữ mới thật chẳng dễ dàng gì. Chẳng cần tới thầy giáo chỉ dạy từng câu từng chữ, trẻ vẫn biết cách sử dụng danh từ, động từ, tính từ một cách rất chính xác và nhuần nhuyễn.

Nghiên cứu sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ em thực sự là một hoạt động rất lí thú. Tất cả những người đã từng dành thời gian nghiên cứu hoạt động này đều đồng ý rằng giai đoạn học nói đầu tiên – học cách dùng từ đơn và tên gọi là một giai đoạn có tính cố định, dường như được bố trí sẵn vậy. Trẻ dường như ngoan ngoãn và nghiêm túc tuân theo một thời gian biểu nghiêm khắc mà tạo hóa đã định đoạt cho mình, giống như đang theo học một ngôi trường cực kì quy củ. Cùng với thời gian biểu nghiêm khắc này và những nỗ lực không ngừng, trẻ sẽ bắt đầu học được những thành phần ngôn ngữ bất quy tắc và những cấu trúc ngữ pháp.

Dường như mỗi đứa trẻ đều có một người thầy cần mẫn và tài giỏi, và ngôn ngữ mà con người có thể sử dụng lưu loát nhất chính là thứ ngôn ngữ được học trong những năm đầu đời. Không những thế, sau khi đã lớn lên và học thêm một thứ tiếng khác thì ngay cả những học giả uyên bác nhất cũng không thể dạy trẻ nói được thứ tiếng ấy một cách thành thạo như tiếng mẹ đẻ.

Vì vậy, chắc chắn có một sức mạnh tinh thần đang phát huy sức mạnh hỗ trợ trẻ phát triển. Điều này không chỉ thể hiện ở phương diện ngôn ngữ. Bởi vì một đứa trẻ 2 tuổi đã có thể nhận biết tất cả con người và sự vật xung quanh mình. Biết được điều này thì chúng ta mới hiểu rằng trẻ nhỏ đã học được rất nhiều thứ và nhờ đó mà thế giới tâm hồn trẻ dần dần trưởng thành hơn. Như vậy mọi hiểu biết của chúng ta đã bắt đầu hình thành từ giai đoạn sơ sinh và

đặc biệt là trong hai năm đầu đời. Trẻ nhỏ không những phải nhận thức những sự vật xung quanh, học cách lí giải và thích nghi với môi trường sống, mà cả những kiến thức phức tạp khác như trí tuệ, tín ngưỡng và tình yêu đối với dân tộc và xã hội cũng được hình thành trong giai đoạn ấu thơ. Đường như tạo hóa đã khiến trẻ nhỏ không hề chịu ảnh hưởng bởi những cách thức tư duy của người lớn mà tiến hành học tập theo cách riêng của chúng. Trước khi trí tuệ của người lớn kịp chiếm cứ và thay đổi nội tâm trẻ, trẻ đã hoàn thành việc kiến thiết cơ cấu tâm lí của mình.

Năm 3 tuổi, trẻ em đã xây dựng được nền tảng nhân cách riêng, và cho tới lúc này mới bắt đầu cần tới sự giáo dục đặc biệt của nhà trường. Bởi trẻ đã có được những thành tựu lớn đến vậy trong giai đoạn này nên người ta nói: Một đứa trẻ lên ba giống như một người lớn thu nhỏ vậy. Các chuyên gia tâm lí khẳng định rằng, người lớn chúng ta phải học tập vất vả suốt 60 năm mới có thể học hết những thứ mà một đứa trẻ chỉ học trong ba năm. Các chuyên gia tâm lí thường dùng câu nói sau để nhấn mạnh ý nghĩa trên: “Một đứa trẻ 3 tuổi đã thực sự là một người lớn.” Nhưng khả năng học hỏi từ môi trường xung quanh vẫn chưa được phát huy một cách triệt để.

Trẻ em thường bắt đầu tới trường mẫu giáo vào lúc 3 tuổi, trước đó không ai có thể trực tiếp chỉ dạy trẻ, nhưng trẻ vẫn chứng tỏ cho chúng ta thấy sự vĩ đại của trí tuệ con người. Lúc này chúng ta vẫn chưa mang lại cho trẻ một trường học thực thụ mà chỉ là một căn phòng cho trẻ nhỏ. Trẻ có thể học được nhiều điều thông qua môi trường xung quanh chứ không cần sự dạy bảo trực tiếp nào. Có những đứa trẻ ở trường của chúng tôi có xuất thân từ tầng lớp dưới trong xã hội, nhưng vẫn biết đọc và biết viết trước 5 tuổi. Nếu có ai đó hỏi chúng: “Ai đã dạy các cháu viết chữ?” Chúng thường sẽ ngạc nhiên đáp lại rằng: “Dạy ư? Chẳng có ai dạy cháu cả.”

Việc một đứa trẻ bốn tuổi rưỡi biết viết chữ xem ra có chút kì lạ, bởi lúc này trẻ nhỏ còn chưa có bất cứ nhận thức nào về việc học hành. Vậy nên giới truyền thông bắt đầu bàn tán về quan điểm “tiếp nhận văn hóa một cách tự nhiên” này. Các chuyên gia tâm lí rất muốn biết liệu những đứa trẻ ở trường của chúng tôi có giống như mọi đứa trẻ bình thường khác hay không. Chính chúng tôi cũng đau đầu vì vấn đề này suốt một thời gian dài. Trải qua nhiều lần thử nghiệm, cuối cùng chúng tôi đã có thể chính thức kết luận rằng: Mỗi đứa trẻ được sinh ra đều đã mang sẵn trong mình năng lực “thấm thấu” văn hóa. Chúng tôi cũng từng tự hỏi nếu kết luận này là đúng, nếu trẻ nhỏ có thể tiếp nhận văn hóa một cách dễ dàng đến thế, vậy còn những phương diện khác thì sao? Qua thực nghiệm, chúng tôi lại phát hiện trẻ nhỏ học hỏi những thứ khác còn nhanh hơn cả học đọc, học viết. Ví dụ, trẻ có thể dùng phương thức rất đơn giản và tự nhiên, cũng không vất vả chút nào để nhận thức và học hỏi những kiến thức về thực vật, động vật, tính toán, địa lí.

Vì vậy chúng tôi cho rằng, giáo dục không có nghĩa là giáo viên giảng cho học sinh nghe, mà giáo dục là quá trình con người phát triển một cách tự nhiên. Giáo dục không phải do thầy cô giáo đem lại mà là những điều trẻ tự lĩnh hội được thông qua môi trường xung quanh. Nhiệm vụ của giáo viên không phải là giảng bài mà là tạo ra một môi trường đặc thù, chuẩn bị và bố trí một loạt các hoạt động văn hóa cho trẻ.

Tôi đã tiến hành thực nghiệm ở các quốc gia khác nhau suốt 40 năm. Cùng với việc lũ trẻ ngày càng lớn, rất nhiều bậc phụ huynh mong muốn tôi kéo dài thời gian thực nghiệm. Chúng tôi phát hiện ra rằng, hoạt động cá nhân là một yếu tố kích thích và đẩy mạnh sự phát triển. Điều này phù hợp với cả trẻ em thuộc độ tuổi trước khi đến trường, tiểu học và các cấp học cao hơn nữa.

Những thực nghiệm mới cũng chứng minh một điều: Không chỉ đối với giáo dục và nhà trường mà đối với mỗi cá nhân cũng vậy, nếu bản chất của con người được tự do phát triển và đạt được những thành tựu to lớn thì hẳn tinh thần của anh ta chưa từng phải chịu đựng một sự áp bức nào.

Vì vậy chúng tôi cho rằng, tất cả những hành động cải cách giáo dục đều phải bắt đầu từ nền tảng cá tính con người. Con người phải trở thành trọng tâm của giáo dục, chúng ta phải hiểu

rằng con người không đợi đến khi học đại học mới lĩnh hội tri thức, mà quá trình học hỏi đó đã bắt đầu ngay từ khi được sinh ra và lượng tri thức được tích lũy nhiều nhất và tập trung nhất là vào ba năm đầu đời. Trong khoảng thời gian ấy, chúng ta cần dành cho trẻ nhiều sự quan tâm hơn. Nếu nghiêm túc tuân thủ nguyên tắc này, chúng ta sẽ không thấy trẻ em là một gánh nặng mà là một tạo vật vĩ đại và kì diệu nhất của tạo hóa. Chúng ta sẽ nhận ra không phải mình đang đối mặt với một sinh linh chỉ biết xin sự giúp đỡ, cũng không phải là một con người cần chúng ta truyền thụ trí tuệ mà ngược lại, sự trưởng thành của trẻ sẽ mang đến những tư liệu quý giá cho kho tàng tư tưởng của chúng ta. Cùng với tiềm năng thiên phú của mình, trẻ sẽ học tập không biết mệt mỏi, tuân thủ theo một thời gian biểu nghiêm ngặt và cuối cùng sẽ tạo nên một tác phẩm kì diệu nhất trong vũ trụ bao la này – con người. Là thầy cô giáo, chúng ta chỉ có thể hỗ trợ sao cho quá trình này diễn ra thuận lợi, giống như một đầy tớ hầu hạ chủ nhân mà thôi. Vì vậy chúng ta sẽ trở thành người chứng kiến sự phát triển tinh thần của con người, một “con người” hoàn toàn mới mẻ. Và từ đó, con người đã thoát khỏi những vụn vặt nhỏ nhoi, bắt đầu chỉ đạo và kiến tạo tương lai của chính mình.

Chương 2

GIÁO DỤC QUYẾT ĐỊNH CẢ CUỘC ĐỜI

Đó chính là sự giáo dục trợ giúp - sự giáo dục được tiến hành ngay từ thuở vừa mới lọt lòng. Nó làm nên một cuộc cách mạng hòa bình, hướng tất cả sự vật tới cùng một mục tiêu chung duy nhất.



T rước hết tôi muốn nói rõ hơn về mệnh đề mở đầu cho chương này: “Giáo dục được tiến hành ngay từ thuở lọt lòng”. Gandhi là một vị lãnh tụ nổi tiếng trên thế giới. Ông từng nói rằng giáo dục nên kéo dài suốt cả cuộc đời. Hơn nữa, ông còn nhận định vấn đề chủ chốt của giáo dục phải là bảo vệ con người. Đây là lần đầu tiên một lãnh tụ dân tộc và tinh thần đưa ra những suy nghĩ như vậy. Ngoài ra, không chỉ giới khoa học nhận định rằng giáo dục trọn đời là cần thiết, mà thực tế cả một thế kỉ cũng đã chứng minh rằng giáo dục kéo dài cả cuộc đời sẽ mang lại thành công cho con người. Nhưng điều khiến người ta hối tiếc chính là từ trước tới giờ, chưa có một tổ chức chính phủ nào chấp nhận và áp dụng quan điểm giáo dục này.

Giáo dục ngày nay chỉ chú trọng đến phương pháp, mục tiêu và thỏa mãn nhu cầu của xã hội chứ chưa hề xét tới bản thân con người. Trong tất cả các phương thức giáo dục hiện nay của các quốc gia trên thế giới, chưa có một phương pháp nào hỗ trợ cũng như bảo vệ sự phát triển của con người ngay từ khi mới lọt lòng. Quan niệm giáo dục hiện nay đang không đi đôi với quy luật sinh lí cũng như quy luật của cuộc sống xã hội. Tất cả những người đang bắt đầu tiến hành học tập đều bị cách li khỏi xã hội. Sinh viên đại học bị yêu cầu tuân theo quy định của nhà trường, hơn nữa còn phải học tập theo những giáo trình đã được soạn sẵn. Cho tới gần đây, có thể nói giáo dục đại học vẫn không hề chú trọng xem xét yếu tố cuộc sống vật chất và xã hội. Nếu một sinh viên ăn không đủ no, hoặc vì thị lực và thính lực kém mà ảnh hưởng tới năng lực học tập thì sinh viên đó chỉ có thể nhận điểm thấp. Mặc dù ngày nay những khiếm khuyết cơ thể đã bắt đầu nhận được sự chú ý (nhưng chỉ là bảo vệ ở góc độ sinh lý) thì vẫn không có ai quan tâm tới việc những phương thức giáo dục không kiện toàn hoặc không phù hợp sẽ gây ra tổn hại và uy hiếp tinh thần của sinh viên như thế nào. Cuộc vận động “giáo dục mới” của nhà tâm lí học Édouard cũng từng đưa ra những nghi ngờ về số lượng bài học, hơn nữa ông đã nỗ lực giảm thiểu số lượng giáo trình để giảm bớt gánh nặng cho học sinh, tuy nhiên hành động này chưa chạm tới được vấn đề “vì sao trẻ nhỏ có thể tiếp nhận văn hóa một cách hoàn toàn tự nhiên”. Đại đa số quan chức giáo dục chỉ quan tâm tới việc hoàn thành các kế hoạch đã đề ra mà thôi. Nếu một học sinh nào đó phản ứng trước những bất công trong xã hội hoặc những vấn đề chính trị mà chúng cảm thấy bức xúc thì các cơ quan quyền lực lập tức sẽ ra lệnh cấm học sinh đó quan tâm tới chính trị, yêu cầu cậu ta chú tâm tới việc học hành. Những học sinh bị trói buộc về tư tưởng một cách nghiêm trọng như vậy, sau khi rời giảng đường sẽ đánh mất đi cá tính của riêng mình và không thể đưa ra những phán đoán chính xác về những vấn đề của thời đại mình nữa.

Cơ chế giáo dục cách xa cuộc sống xã hội. Cuộc sống và những vấn đề nảy sinh dường như chẳng có liên quan gì tới học sinh. Giới giáo dục giống như một ốc đảo mà cuộc sống của những người sống trong đó hoàn toàn tách biệt với bên ngoài, hơn nữa họ đã chuẩn bị sống cuộc sống ấy trọn đời. Nếu một sinh viên đại học chết vì bệnh lao phổi, nhà trường (chính là môi trường xã hội mà sinh viên ấy đang sống) sẽ tới đám tang bày tỏ lòng thương xót và sự quan tâm, trong khi những thứ ấy chưa hề được bày tỏ trong thời gian sinh viên ấy lâm bệnh. Điều này khiến người ta không khỏi cảm thấy ngạc nhiên và đau lòng. Lại có một số sinh viên khác cảm thấy vô cùng căng thẳng vì phải hòa nhập xã hội sau khi tốt nghiệp, trở thành gánh nặng cho gia đình và bạn bè. Cho dù là như vậy, bạn cũng đừng mong chờ nhà trường quan tâm tới điều đó. Thái độ thờ ơ của họ đã được minh chứng bằng rất nhiều quy định – những quy định này không cho phép giáo dục quan tâm tới yếu tố tâm lí mà chỉ cho phép giáo dục tổ chức việc học hành và thi cử. Sau đó là đến việc mang lại cho học sinh bằng cấp và học vị. Đó chính là

những nhiệm vụ tối cao của một trường học ngày nay. Các học giả nghiên cứu các vấn đề xã hội cũng phát hiện, những sinh viên đã tốt nghiệp và những người có bằng cấp hoàn toàn không hề có sự chuẩn bị nào cho tương lai, không những vậy, năng lực hòa nhập vào công tác xã hội của các em cũng rất kém. Các số liệu nghiên cứu đã chỉ ra rằng, số lượng người gặp phải trục trặc tâm lý, tội phạm và những trí thức “quái đản” ngày càng gia tăng. Các chuyên gia kêu gọi nhà trường cần quan tâm hơn tới thực trạng này, nhưng nhà trường lại không hề bận tâm. Trường học thuộc về một thể hệ khác, cổ hủ và không dễ dàng chịu phá vỡ những truyền thống của mình. Chỉ có những áp lực từ bên ngoài mới có thể thay đổi và lấp đầy những thiếu sót của giáo dục. Phương thức giáo dục sai lầm đã mang lại những ảnh hưởng quá lớn đối với học sinh.

Vậy đối với giai đoạn từ khi mới sinh đến khi 6, 7 tuổi thì sao? Trường học vốn không hào hứng với giai đoạn này, từ đó xuất hiện giáo dục tiền học đường, hay nói cách khác là việc giáo dục ở lứa tuổi này đã bị đẩy ra khỏi sự kiểm soát của chính phủ. Đúng là một đứa trẻ sơ sinh biết học gì ở nhà trường chứ? Những cơ sở được xây dựng dành cho trẻ sơ sinh hầu như đều không thuộc sự quản lý của nhà nước mà là của các tổ chức tư nhân. Bảo vệ sự phát triển tâm lý trẻ nhỏ vẫn chưa được coi là vấn đề xã hội cần quan tâm, người ta cho rằng trẻ nhỏ thuộc sự quản lý của gia đình chứ không phải của chính quyền.

Ngày nay giai đoạn một năm đầu đời của trẻ đã bắt đầu được lưu tâm hơn, nhưng vẫn chưa có ai đưa ra những biện pháp thực thi dành riêng cho giai đoạn này. Mọi người chỉ cho rằng nên định hướng giáo dục gia đình, vì thế cần phải giáo dục người mẹ trước tiên, nhưng rốt cuộc gia đình không phải là một phần của trường học mà nó thuộc về xã hội. Thế là nhân cách và sự quan tâm tới phát triển nhân cách lại bị tách rời. Một mặt, yếu tố gia đình – một phần của xã hội nhưng lại bị cách li khỏi xã hội – bị xem nhẹ. Mặt khác, nhà trường, bao gồm cả trường đại học cũng bị tách rời khỏi xã hội. Không có một khái niệm thống nhất về vấn đề này, xã hội không quan tâm đúng mức tới con người, khi đối diện với nó, người ta chỉ biết hôm nay cầu cứu nhà trường, ngày mai lại đòi hỏi sự trợ giúp của gia đình, sau này thì lại nhờ tới trường đại học. Đại học cũng bị coi là một loại trường học, là giai đoạn cuối của giáo dục nhà trường. Thậm chí một số ngành khoa học xã hội như xã hội học, tâm lý xã hội học đã nhận thức được tác hại của sự phân tách này nhưng những nghiên cứu của họ vẫn chỉ là lý thuyết màu xám. Vì vậy cho tới nay vẫn chưa xuất hiện một hệ thống có thể thực sự giúp ích cho sự phát triển của nhân loại. “Trợ giúp cho sự phát triển của con người” vốn không phải là một khái niệm mới, chỉ là nó chưa có đủ sức nặng trong nhận thức của xã hội. Nền văn minh của nhân loại cần sớm tiến thêm một bước nữa, và những ý tưởng cho bước tiến này đã bắt đầu hình thành. Các nhà phê bình có thể dễ dàng chỉ ra những thiếu sót hiện nay của chúng ta, còn các nhà nghiên cứu cũng đã biết được con người cần những tri thức như thế nào trong mỗi giai đoạn khác nhau. Mọi sự đã được chuẩn bị sẵn sàng, việc cần làm chỉ là bắt tay vào mà thôi. Thành quả của những nghiên cứu khoa học xã hội hiện nay giống như những viên đá cần thiết đều đã được chuyển tới nơi cần đến chúng. Việc còn lại chỉ là sắp xếp lại những viên đá đó, bắt đầu xây nên nấc thang mới của văn minh nhân loại.

Quan niệm “lấy con người làm trung tâm” đã thay đổi tất cả những tư tưởng giáo dục trước kia. Giáo dục không thể chỉ bó hẹp bằng giáo trình và thời khóa biểu mà phải phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của cá nhân. Quan điểm này tự nhiên khiến việc giáo dục trẻ sơ sinh trở nên quan trọng. Quả thực là trẻ sơ sinh chưa biết làm bất cứ việc gì, và theo lẽ thường thì chúng ta không thể giáo dục trẻ sơ sinh, chúng chỉ là đối tượng để chúng ta quan sát và trợ giúp trong những nhu cầu cơ bản nhất như ăn uống hay làm vệ sinh cá nhân. Mục đích của những nghiên cứu của chúng ta là tìm ra quy luật của sự sống. Bởi muốn trợ giúp sự sống thì trước hết ta phải hiểu quy luật của nó. Nhưng như thế vẫn chưa đủ, chỉ hiểu quy luật của sự sống cho thấy chúng ta vẫn chưa thực sự đi sâu vào lĩnh vực tâm lý học.

Chúng ta nên tuyên truyền rộng rãi những kiến thức về phương diện phát triển tâm lý trẻ nhỏ, chỉ có như vậy, giáo dục mới có thể mang một “tầm vóc” mới và mới có thể cất tiếng nói đầy quyền uy với thế giới: “Đây chính là quy luật của sự sống, các bạn cần phải tuân theo những quy luật ấy, chúng chính là ‘tuyên ngôn nhân quyền’ của con người, là chân lý thường thấy nhất.”

Nếu xã hội cho rằng giáo dục là cần thiết, hay nói cách khác con người cần phải được giáo dục, nếu chúng ta tán đồng với quan điểm giáo dục cần bắt đầu ngay từ khi một đứa trẻ vừa ra đời, vậy thì thấu hiểu quy luật phát triển của con người sẽ trở thành việc vô cùng quan trọng. Trong tình trạng giáo dục bị xem nhẹ, các cơ quan quyền lực cần phải phát huy vai trò vốn có của mình trong xã hội. Xã hội cần bảo vệ nhu cầu cổ hữu hoàn toàn mới này của sự sống. Mọi người cần chung tay góp sức, cha mẹ cần làm tròn trách nhiệm của mình. Nếu gia đình không thể thực hiện nghĩa vụ của mình thì xã hội phải ra tay, phải chịu trách nhiệm chăm sóc đứa trẻ. Nếu giáo dục có nghĩa là bảo vệ con người thì khi gia đình bất lực và xã hội ý thức được điều đó thì chính là lúc xã hội cần dang đôi tay của mình để cứu giúp trẻ. Chính phủ không thể luôn luôn phủ tay chối bỏ trách nhiệm được nữa.

Giáo dục nên trở thành một phần chức năng của xã hội chứ không nên bị cách li khỏi xã hội như trước kia. Nếu xã hội muốn quản lí con người một cách hiệu quả, nếu giáo dục quả thực có thể giúp ích cho con người thì sự quản lí đó không nên bị kiểm chế hoặc cấm cản, xã hội cũng cần trợ giúp cả về phương diện vật chất hoặc tinh thần. Bước đầu tiên xã hội cần làm là thỏa mãn nhu cầu về tài chính của giáo dục.

Cũng đã có những nghiên cứu về nhu cầu của trẻ trong giai đoạn phát triển và kết quả cũng đã được công bố với giới truyền thông. Xã hội hiện đại được coi là một chính thể cần tỏ rõ trách nhiệm giáo dục của mình, đồng thời giáo dục – đang hưởng thụ lợi ích từ sự phát triển của xã hội – cũng cần có ý thức báo đáp xã hội. Giáo dục không chỉ là việc của trẻ em và cha mẹ chúng mà còn là việc của chính phủ và toàn thể xã hội. Nó có thể khơi mào cho những cải cách trong mỗi thành phần xã hội và là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Hiện nay còn có thứ gì có thể lạc hậu và bảo thủ hơn giáo dục không? Nếu nhà nước có ý định thắt chặt kinh tế thì giáo dục tất nhiên sẽ trở thành vật hi sinh trước tiên. Nếu bạn hỏi một quan chức chính phủ rằng, ông ta nhìn nhận thế nào về giáo dục, ông ta hẳn sẽ trả lời giáo dục chẳng liên quan gì đến mình, ông ta đã giao trọng trách giáo dục con cho vợ của mình, và vợ ông ta lại giao trọng trách đó cho nhà trường. Trong một tương lai không xa, các quan chức chính phủ sẽ không còn đưa ra câu trả lời như vậy, cũng không thể có cái nhìn thờ ơ đến thế với giáo dục.

Chúng ta có thể rút ra điều gì từ những báo cáo nghiên cứu trẻ sơ sinh của các nhà tâm lí học? Tất cả đều cho rằng, khi nhận được sự quan tâm và giúp đỡ đúng mức, sức mạnh nội tại của trẻ sẽ khiến chúng trở nên mạnh mẽ hơn, tâm lí cân bằng hơn, trí tuệ phong phú hơn. Vậy nên chúng ta hãy chủ động bắt tay hành động bằng cách quan tâm đến những đứa trẻ đang trong giai đoạn phát triển một cách khoa học. Điều đó có nghĩa là bạn không nên chỉ thỏa mãn nhu cầu vật chất của trẻ. Cũng giống như cách bạn bảo vệ con không bị đau đớn về thể xác, bạn cũng nên bảo vệ tinh thần và bộ não của trẻ khỏi bị tổn thương.

Khoa học cũng có những khám phá mới mẻ khác về trẻ sơ sinh. Sức mạnh tinh thần của những đứa trẻ còn đang ở tuổi quần tã lớn hơn rất nhiều so với những gì chúng ta tưởng tượng. Xét trên phương diện tâm lí học thì trẻ sơ sinh không thể làm được bất cứ việc gì. Ngay cả việc dịch chuyển bản thân đối với trẻ cũng là một việc vô cùng khó khăn, chân tay của trẻ chưa phát huy được tác dụng nào cả, hầu như không làm được việc gì. Ngoài ra, trẻ cũng không thể nói được mặc dù trẻ đã có thể nhận biết được những việc đang diễn ra quanh mình. Tuy nhiên, cùng với thời gian, những đứa trẻ ngày nào giờ đã biết đi, biết nói, trẻ lần lượt đạt được hết thành tựu này đến thành tựu khác, và cuối cùng, trên cả phương diện sinh lí lẫn tâm lí, trẻ đã trở thành một con người thực thụ. Tất cả những thực tế nói trên đã chứng minh cho một chân lí: Trẻ em vốn không phải là một cá thể bị động luôn luôn chờ đợi sự trợ giúp của chúng ta, cũng không phải là một chiếc bình rỗng chờ đợi được lấp đầy. Mà ngược lại, không có trẻ em thì sẽ không có người lớn, không có trẻ em thì cũng chẳng có loài người.

Chúng ta đã bàn luận rất nhiều về năng lực mang tính kiến thiết này của trẻ, và các nhà khoa học cũng đang dày công nghiên cứu về điều đó. Nhưng từ trước đến nay, chúng ta đều nhận định rằng yếu tố có quan hệ mật thiết nhất với vấn đề này chính là người mẹ. Người ta thường nói rằng, chính người mẹ đã nuôi nấng một đứa trẻ khôn lớn thành người, chính mẹ đã dạy trẻ biết đi, biết nói. Nhưng tất cả những hành vi nói trên đều phải do người mẹ thực hiện, mà đó chính là thành tựu của bản thân trẻ. Mẹ chỉ là người đã sinh ra trẻ, còn quá trình khôn lớn

trưởng thành là do trẻ đã tự mình thực hiện. Cho dù người mẹ có qua đời, trẻ vẫn sẽ tiếp tục lớn lên và hoàn tất quá trình trưởng thành của mình. Nếu đưa một đứa trẻ Ấn Độ sang Mỹ và để người Mỹ nuôi dạy nó, thì nó sẽ nói tiếng Anh chứ không phải tiếng Hindi. Sở dĩ như vậy là vì ngôn ngữ của một đứa trẻ không được hình thành bởi người mẹ, mà hình thành bởi việc học tập một cách tự giác của trẻ, cũng giống như cách trẻ lĩnh hội những thói quen và truyền thống từ những người xung quanh mình. Trẻ không thể thu được tất cả những điều đó thông qua di truyền. Trẻ đã tiếp thu tất cả từ môi trường sống quanh mình, để rồi dần dần khôn lớn thành người.

Thừa nhận những năng lực phi thường này của trẻ không có nghĩa là chúng tôi hạ thấp quyền năng của những bậc sinh thành. Một khi cha mẹ có thể tự thuyết phục bản thân từ bỏ “vai chính” trong quá trình này để đảm nhận vai trò của “diễn viên phụ”, thì họ sẽ càng thực hiện chức trách của mình tốt hơn. Xét một cách toàn diện thì lúc này sự giúp đỡ của cha mẹ sẽ càng có giá trị hơn. Nếu những sự trợ giúp này được đưa ra một cách thích hợp, trẻ sẽ trưởng thành lành mạnh. Bởi lẽ quyền năng của cha mẹ không đến từ những bộ mặt nghiêm nghị, mà đến từ việc cha mẹ có thể đưa tay ra giúp đỡ trẻ. Đó mới là quyền năng và phẩm giá chân chính của người làm cha mẹ.

Bây giờ chúng ta hãy thử nhìn nhận địa vị của trẻ trong xã hội từ một góc độ khác.

Lí luận chủ nghĩa Marx đã đề cao hình tượng người lao động, và đã trở thành một bộ phận trong đạo đức lương tri của xã hội hiện đại. Người lao động được coi là người đã tạo ra của cải vật chất, là lực lượng trụ cột sáng tạo ra xã hội văn minh. Xã hội đã dần dần nhận thức được giá trị kinh tế và lí luận của người lao động, và từ đó thỏa mãn những yêu cầu sinh hoạt và lao động của họ.

Hãy thử vận dụng lí luận này vào lĩnh vực của trẻ. Đứa trẻ cũng là một người lao động, mục đích lao động của trẻ là để khôn lớn trưởng thành. Cha mẹ là người cung cấp phương tiện tất yếu cho sự lao động sáng tạo của trẻ. Lúc này, vấn đề xã hội càng trở nên quan trọng hơn, bởi lẽ thành quả lao động của trẻ không phải là vật chất thông thường, mà là sự sáng tạo nhân cách cho không chỉ riêng một dân tộc, một giai cấp hay một tổ chức xã hội nào, mà là cho toàn thể nhân loại. Từ góc độ ấy, chúng ta có thể rút ra một kết luận rằng, xã hội cần phải quan tâm chăm sóc trẻ, thừa nhận quyền lợi của trẻ, thỏa mãn nhu cầu của trẻ. Khi dành toàn bộ công sức vào nghiên cứu con người, chúng ta sẽ phát hiện ra chúng ta đang chạm vào nơi sâu kín nhất của nhân loại, thông qua nghiên cứu này, chúng ta có thể nắm được cách thức thay đổi vận mệnh. Khi nói giáo dục chính là một cuộc cách mạng, điều này có nghĩa là diện mạo của giáo dục hôm nay đã hoàn toàn đổi khác. Tôi thì coi đó là cuộc cách mạng sau cùng – không có bạo lực, không có đổ máu, bởi vì chỉ cần một chút máu đổ thôi cũng sẽ khiến công cuộc kiến thiết tâm hồn của trẻ bị vấy bẩn và lu mờ.

Thứ mà chúng ta cần phải bảo vệ chính là quá trình kiến thiết trạng thái bình thường của con người. Chẳng phải tất cả những nỗ lực mà chúng ta đã bỏ ra đều là để dọn sạch những chướng ngại, xóa bỏ mọi hiểm nguy và hiểu lầm trên con đường phát triển phía trước của trẻ hay sao?

Đó chính là giáo dục, với tư cách mang lại sự trợ giúp cho con người, giáo dục bắt đầu từ khi một con người vừa chào đời. Nó làm nên một cuộc cách mạng hòa bình, thu hút tất cả hướng tới một mục tiêu chung. Chính trẻ em cùng tiềm năng tâm hồn đầy bí ẩn của chúng sẽ tiến hành cuộc cách mạng này. Cha mẹ, cũng như các chính trị gia đều phải tôn trọng cũng như đưa ra sự trợ giúp cần thiết cho tiến trình này. Bởi đó chính là tia hi vọng cho loài người. Thứ mà nhân loại cần không chỉ là một cuộc tái thiết, mà là thúc đẩy công việc đầy tính kiến thiết này và đưa nó đến thành công. Nó có thể khai thác những tiềm năng to lớn của trẻ – thể hệ con cháu của chúng ta.

Chương 3

NHỮNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Bộ não của người trưởng thành không thể thực hiện được những điều mà bộ não của một đứa trẻ có thể làm. Quá trình từ chưa biết đến thành thạo một ngôn ngữ đòi hỏi một năng lực tinh thần đặc biệt. Trẻ em có được năng lực đó, trí tuệ của trẻ hoàn toàn không giống với người trưởng thành.



Một số chuyên gia đã tiến hành nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình kể từ khi một đứa trẻ ra đời cho đến khi tốt nghiệp đại học, họ cho rằng có thể chia quá trình này thành những giai đoạn khác nhau. Sau Havelock Ellis và W. Stern, nhiều nhà khoa học khác cũng đồng ý với quan điểm này, trong đó có Charlotte Buhler và những người ủng hộ bà. Mặt khác, điều này cũng được khẳng định trong những nghiên cứu của trường phái Freud. Nhận định này hoàn toàn trái ngược với một số quan điểm thịnh hành trước đó. Những quan điểm đó cho rằng, một con người khi vừa mới chào đời chẳng có giá trị gì, và giá trị con người dần dần được nâng cao theo thời gian. Theo lý luận này thì một đứa trẻ sơ sinh có vai trò rất nhỏ trong toàn bộ quá trình phát triển, giá trị của trẻ dần dần được nâng cao, nhưng thường có hình thức tương tự nhau. Các chuyên gia tâm lý đã bác bỏ quan niệm cổ hủ này. Ngày nay, người ta cho rằng, trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau của con người sẽ tồn tại những loại hình tâm lý khác nhau. Ranh giới giữa những giai đoạn này rất rõ ràng. Điều thú vị là chúng có mối liên hệ mật thiết với những giai đoạn phát triển của cơ thể con người. Xét từ khía cạnh tâm lý học, sự thay đổi giữa những giai đoạn khác nhau là rất rõ ràng. Quả không ngoa khi nói rằng: “Trưởng thành là một quá trình không ngừng tái sinh”, khi một giai đoạn cá tính tâm lý kết thúc là một giai đoạn khác lại bắt đầu. Giai đoạn khởi đầu của chuỗi giai đoạn này chính là khoảng thời gian từ khi trẻ mới được sinh ra cho đến khi 6 tuổi. Dù rằng có những điểm hoàn toàn khác với những giai đoạn sau đó, nhưng trong suốt cả quá trình này, tâm lý vẫn đồng nhất. Giai đoạn này có thể được chia thành hai giai đoạn nhỏ hơn: Từ 0–3 tuổi và từ 3–6 tuổi. Trong giai đoạn từ 0–3 tuổi, người lớn không có cách nào để hiểu được tâm lý của trẻ, hay có nghĩa là, chúng ta không thể tạo ra bất cứ một ảnh hưởng trực tiếp nào đến trẻ. Trên thực tế cũng không có trường học nào tiếp nhận trẻ ở độ tuổi này. Trong giai đoạn từ 3–6 tuổi, trí tuệ của trẻ không có nhiều thay đổi lớn, nhưng trẻ bắt đầu dễ chịu ảnh hưởng từ người lớn. Trước 6 tuổi, nhân cách của trẻ có những thay đổi rất lớn. Chúng ta chỉ có thể nhận ra sự thay đổi này thông qua so sánh một đứa trẻ sơ sinh và một đứa trẻ 6 tuổi. Tạm thời bỏ qua việc lý giải những thay đổi đáng kinh ngạc này đã xảy ra như thế nào, có một sự thực không thể chối bỏ là, trẻ 6 tuổi đã có đủ trí tuệ để có thể tới trường.

Giai đoạn tiếp theo là từ 6–12 tuổi. Giai đoạn này không có sự thay đổi lớn nào. Trẻ tỏ ra yên bình và vui vẻ. Xét từ góc độ tinh thần, trẻ đang ở giai đoạn phát triển lành mạnh và cực kì ổn định. “Sự ổn định này thể hiện ở cả phương diện tinh thần lẫn thể chất.” Ross đã nhận định như vậy khi nhắc tới giai đoạn này, “Tính ổn định này là một đặc trưng rất rõ nét của giai đoạn qua tuổi nhi đồng. Nếu một người hành tinh khác chẳng biết gì về chúng ta đặt chân tới trái đất, và nếu họ chưa từng gặp một người trưởng thành thực thụ, rất có khả năng họ sẽ lầm tưởng một đứa trẻ mười mấy tuổi chính là một con người trưởng thành.”

Từ phương diện sinh lý, có những biến đổi rõ rệt giữa hai giai đoạn này. Đó là những điều mà ta có thể dễ dàng nhận ra. Việc trẻ thay răng chính là một ví dụ điển hình.

Giai đoạn thứ ba là từ 12–18 tuổi. Con người trong giai đoạn này sẽ có những thay đổi tương đối lớn. Cũng có thể chia thành hai giai đoạn nhỏ hơn: Từ 12–15 tuổi và từ 15–18 tuổi. Thể chất con người có những biến đổi và gần như trưởng thành trong giai đoạn này. Đến năm 18 tuổi, quá trình dậy thì của con người về cơ bản đã hoàn tất, sau 18 tuổi, cơ thể người không còn sự thay đổi to lớn nào khác, thứ duy nhất tăng lên chính là tuổi tác mà thôi.

Điều khiến chúng ta ngạc nhiên là, các quan chức ngành giáo dục đã ý thức được những giai đoạn tâm lý này, nhưng dường như nhận thức của họ chỉ dừng lại ở mức là những trực giác mơ hồ. Giai đoạn từ 0-6 tuổi đã được thừa nhận một cách rõ ràng, bởi lẽ lứa tuổi này không nằm trong phạm vi phải tiếp nhận giáo dục. Mọi người đều biết rằng, thời điểm 6 tuổi có một sự thay đổi lớn, đó chính là trẻ đã có thể đi học. Điều này cho thấy, chúng ta công nhận rằng một đứa trẻ 6 tuổi có thể hiểu rất nhiều điều. Trên thực tế, nếu trẻ không có năng lực tự chủ, không biết đi, không thể hiểu lời giáo viên nói thì trẻ sẽ không thể nào tham gia cuộc sống tập thể. Vì vậy, có thể nói rằng, sự thay đổi này đã được thừa nhận qua thực tế. Tuy nhiên, các nhà lý luận giáo dục lại tỏ ra chậm chạp trong việc nhận thức vấn đề này. Trẻ có thể đến trường, có năng lực tự chủ, có thể nghe hiểu lời người khác nói, cho thấy rằng giai đoạn từ 0-6 tuổi có những bước tiến lớn, bởi khi mới chào đời, trẻ chưa hề biết làm những việc đó.

Giai đoạn thứ hai, vô tình hay hữu ý cũng được thừa nhận, bởi ở đại đa số các quốc gia, trẻ 12 tuổi sẽ rời trường tiểu học hoặc bắt đầu cấp trung học. Tại sao nói từ 6-12 tuổi là giai đoạn thích hợp để truyền thụ những khái niệm văn hóa cơ bản cho trẻ? Không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên khi mà hầu hết các quốc gia đều có nhận định và hành động như vậy. Việc thiết kế kết cấu giáo dục như vậy chỉ có thể được hình thành trên những cơ sở tâm lý chung của trẻ. Việc thiết kế này là kết luận có được thông qua đúc rút kinh nghiệm. Thực tế, kinh nghiệm đã nói với chúng ta rằng, trí tuệ của trẻ ở độ tuổi này phù hợp với yêu cầu của giáo dục nhà trường. Trẻ có thể nghe hiểu lời giảng của giáo viên cũng như có thể kiên nhẫn nghe giảng và học tập. Trong suốt giai đoạn này, trẻ có thể kiên trì học tập và cũng rất khỏe mạnh. Đó cũng chính là lý do vì sao lứa tuổi này được nhận định là giai đoạn thích hợp nhất để tiếp nhận văn hóa.

Sau 12 tuổi, một hình thức giáo dục nhà trường khác được hình thành, điều này đồng nghĩa với việc các nhà giáo dục đã nhận thức được rằng, cá thể đã bước vào một giai đoạn phát triển trí tuệ khác. Giai đoạn này vẫn có thể được chia thành hai giai đoạn nhỏ hơn. Cấp trung học được chia thành trung học cơ sở và trung học phổ thông chính là minh chứng cho điều này. Trung học cơ sở thường kéo dài ba năm và cấp trung học phổ thông là bốn năm. Việc phân chia thời gian học vốn không quan trọng. Điều chúng ta quan tâm là trên thực tế sáu năm giáo dục trung học được chia thành hai giai đoạn. Nói tóm lại, giai đoạn này không còn yên ả và đơn giản như giai đoạn trước. Sở dĩ các chuyên gia tâm lý chú trọng giáo dục thanh thiếu niên là vì giai đoạn này tâm lý con người nảy sinh những thay đổi rất lớn, gần giống như giai đoạn từ 0-6 tuổi. Tính cách của thanh thiếu niên giai đoạn này cực kỳ bất ổn và có xu hướng nổi loạn. Sự phát triển thể chất cũng không còn ổn định như trước. Nhưng nhà trường lại không quan tâm đến điều này. Cho dù trẻ có muốn hay không thì nhà trường vẫn đã ấn định cho trẻ thời gian biểu, việc của trẻ là tuân theo. Trẻ không thể không dành thời gian dài ngồi nghe giảng và chuyên tâm học tập.

Đại học là bậc học cao nhất trong giáo dục nhà trường. Giáo dục đại học về thực chất không có gì khác biệt so với những cấp học đã nói ở trên, tất nhiên là trừ phương diện lượng giáo trình. Trong trường đại học, vẫn là giảng viên giảng bài, sinh viên lắng nghe. Suốt thời ngồi trên ghế giảng đường, rất nhiều sinh viên không cạo râu, họ để đủ kiểu râu khác nhau. Việc họ tụ tập cùng nhau trong giảng đường nom thật kì quái. Những con người đã trưởng thành này bị đối xử chẳng khác nào trẻ nhỏ: Bị bắt ngồi nghe giảng, đáp ứng yêu cầu của giảng viên, được sự cho phép của cha mẹ mới được hút thuốc hoặc đi tàu điện, ngoài ra còn bị trách mắng vì thành tích kì thi không tốt. Đó là những người mà trí tuệ của họ sẽ là nền tảng để xây dựng sự nghiệp, trong tương lai sẽ là những bác sĩ, kĩ sư, kiến trúc sư...

Vậy thì, chúng ta chắc chắn sẽ thắc mắc, phải mất bao lâu họ mới có được học vị? Liệu họ có thể tự kiếm tiền để nuôi sống bản thân hay không? Họ có thể đảm nhận những trọng trách nghề nghiệp hay không? Có ai dám giao việc thiết kế công trình cho một kiến trúc sư trẻ tuổi như vậy? Một luật sư trẻ sẽ kiện tụng ra sao? Chúng ta nên giải thích hiện tượng mất lòng tin vào giới trẻ này như thế nào? Đó là vì những người trẻ tuổi này đã phải mất quá nhiều năm ngồi nghe giảng, trong khi chỉ nghe giảng thì không thể tạo nên một nhân tài thực thụ. Chỉ có thực hành và kinh nghiệm mới có thể khiến những con người trẻ tuổi này trở nên thực sự

trưởng thành. Đó là lí do vì sao bác sĩ cần có mấy năm thực tập, luật sư cần có chuyên gia hướng dẫn, kiến trúc sư cần nhiều năm công tác thực tế mới có thể bắt tay vào thiết kế. Hơn thế nữa, để có thể đảm nhận các công tác này, những sinh viên vừa tốt nghiệp không thể không tìm kiếm sự giúp đỡ và tiền cử, ngoài vô số những chướng ngại không thể lường trước. Đáng tiếc là tình trạng này đang tồn tại ở tất cả các quốc gia. Tại New York đã từng xảy ra một cuộc biểu tình của những sinh viên thất nghiệp. Hàng trăm người không thể tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp đã giơ cao dòng chữ: “Không ai thuê chúng tôi. Tương lai chúng tôi sẽ ra sao?” Không ai có thể trả lời câu hỏi này. Giáo dục xa rời thực tiễn, hơn nữa không thể thay đổi truyền thống thâm căn cố đế này. Công việc của giáo dục chỉ là nhận thức rằng mỗi cá thể trong những giai đoạn khác nhau thì có những hình thức phát triển khác nhau.

Vào thời tôi còn trẻ, chẳng có ai quan tâm đến những đứa trẻ từ 2-6 tuổi. Ngày nay đã có rất nhiều lớp học chiều sinh trẻ từ 3-6 tuổi. Nhưng cũng giống như trước, đại học vẫn được coi là mục tiêu cao nhất trong hệ thống nhà trường. Bởi những người có thể theo học đại học hẳn phải là những kẻ hơn người. Mặc dù các chuyên gia tâm lí đã bắt đầu nghiên cứu về bản thân con người từ lâu, nhưng có một xu hướng hoàn toàn trái ngược đang ngày càng trở nên rõ nét. Giống như tôi, rất nhiều người cũng cho rằng, giai đoạn quan trọng nhất của đời người không phải là thời đại học, mà chính là giai đoạn từ 0-6 tuổi. Bởi vì trí tuệ của con người được hình thành từ giai đoạn này. Không chỉ có trí tuệ mà cả sự định hình năng lực tinh thần của con người cũng được hoàn tất trong giai đoạn này. Quan điểm trên đã để lại cho những người đang tìm hiểu tiềm năng con người một ấn tượng sâu sắc, rất nhiều người bắt đầu nghiên cứu về trẻ từ giai đoạn sơ sinh cho đến 1 tuổi. Bởi giai đoạn này quyết định đặc trưng nhân cách của một đứa trẻ sau này.

Sự quan tâm của giới nghiên cứu đối với vấn đề này có thể sánh ngang với sự lo lắng của con người thời xưa trước cái chết. Sau khi chết, con người sẽ ra sao? Chẳng còn gì khiến người ta quan tâm hơn thế. Nhưng ngày nay đã có một lĩnh vực mới nơi con người có thể sử dụng trí tưởng tượng vô hạn của mình. Vì chúng ta đã bắt đầu phát hiện ra những năng lực chưa từng được biết tới ở những đứa trẻ sơ sinh.

Tại sao con người lại phải trải qua thời kì sơ sinh chậm chạp và khiến người ta vất vả đến vậy? Không có bất cứ động vật nào giống chúng ta. Điều gì diễn ra trong quá trình trưởng thành này? Không còn nghi ngờ gì nữa, có một thế lực sáng tạo đang phát huy tác dụng của nó. Một đứa trẻ vừa ra đời vốn chẳng biết gì, ấy vậy mà chỉ một năm sau đó, trẻ đã biết mọi thứ. Trẻ vừa mới chào đời, không có tri thức, không có kí ức, không có bất cứ điều gì thuộc về chủ quan, trẻ chỉ không ngừng lớn lên theo thời gian. Một con mèo vừa ra đời đã biết kêu “meo meo”, chim mới nở và bê mới sinh đã biết phát ra âm thanh giống như cá thể trưởng thành. Nhưng con người thì không như vậy, một đứa trẻ sơ sinh chỉ có thể dùng tiếng khóc để bộc lộ cảm xúc của mình. Vì vậy mà con người không có cách nào để giải quyết vấn đề về sự phát triển và trưởng thành, mà chỉ có thể tiến hành nghiên cứu thực tế về sự phát triển đó mà thôi. Đó là một quá trình bắt đầu từ không đến có, một quá trình thật kì diệu. Đối với đầu óc của chúng ta, hiểu được quá trình kì diệu này quả thực khó khăn.

Để hoàn tất bước tiến này, trẻ nhỏ cần có một bộ óc hoàn toàn khác với người trưởng thành chúng ta. Bộ óc của trẻ có sức mạnh hoàn toàn khác với của người trưởng thành, nó mang tính sáng tạo lớn lao. Trẻ không những hoàn tất việc tạo ra ngôn ngữ, đồng thời còn hoàn thiện những cơ quan phát âm của chúng. Thế chất của trẻ luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng để đáp ứng sự phát triển của những yếu tố như trí lực. Tất cả những công tác vĩ đại này đều không được hoàn thành trong tình trạng có ý thức. Người trưởng thành như chúng ta biết mình muốn gì, còn trẻ thì không. Trẻ phải đồng thời sáng tạo ra tri thức và cả nguyện vọng tiếp thu tri thức.

Nếu chúng ta gọi hành vi của người trưởng thành là có ý thức thì hành vi của trẻ chính là vô thức, nhưng sự vô thức đó hoàn toàn không giống với những gì chúng ta hằng tưởng tượng. Đó là một bộ óc vô thức nhưng lại sở hữu những trí tuệ phi thường. Chúng tôi phát hiện ra rằng, điều này đúng với tất cả các loài sinh vật, bao gồm cả côn trùng, tất cả đều được tạo hóa phú cho trí tuệ vô thức đó. Trẻ nhỏ có được trí tuệ vô thức và đó chính là thứ đã giúp trẻ đạt được những bước tiến lớn.

Quá trình trưởng thành bắt đầu từ việc tiếp thu những tri thức từ môi trường xung quanh. Trẻ đã làm việc đó như thế nào? Trẻ tiếp nhận tri thức thông qua những đặc điểm mà chúng ta đã biết về chúng. Những sự vật xung quanh đánh thức sự tò mò và lòng nhiệt tình ở trẻ, khiến trẻ nảy sinh tính mẫn cảm đặc trưng với sự vật, từ đó sự tương tác giữa trẻ và sự vật bắt đầu. Trẻ không tiếp thu tri thức bằng tư tưởng chủ quan, mà bằng khả năng thiên phú của chúng.

Ngôn ngữ chính là minh chứng rõ ràng nhất cho điều này. Điều gì xảy ra khi một đứa trẻ học nói? Chúng tôi trả lời rằng, trong mỗi đứa trẻ đã sẵn có khả năng nghe hiểu người khác. Cho dù đồng ý với nhận định này, có thể các bạn vẫn sẽ thắc mắc, tại sao giữa vô vàn âm thanh xung quanh, trẻ chỉ tiếp nhận và học tập tiếng nói của con người mà thôi? Nếu trẻ chỉ tiếp nhận và học tập tiếng nói của con người, thì chắc hẳn ngôn ngữ của con người phải mang lại cho trẻ ấn tượng sâu sắc hơn tất cả. Ấn tượng này phải rất mạnh mẽ và tạo ra một sự đồng cảm lớn lao, từ đó khiến đầu óc trẻ nảy sinh lòng nhiệt tình đến nỗi trẻ tự mình phát ra thứ ngôn ngữ đó.

Có thể so sánh như thế này, những âm thanh tuyệt mỹ trong một buổi hòa nhạc có thể làm thay đổi biểu cảm của khán giả, tay và đầu của họ có thể bất giác chuyển động theo sự thay đổi của âm nhạc. Trong bộ óc vô thức của trẻ cũng có thể nảy sinh thứ phản ứng giống như hiện tượng phản ứng tâm lý của con người trước âm nhạc vậy. Thậm chí phản ứng của trẻ trước ngôn ngữ còn mạnh mẽ hơn thế. Ta dường như không cảm nhận được sự chuyển động của lưỡi, của má và sự rung lên của các cơ quan phát âm, tất cả đều đang âm thầm chuẩn bị cho việc trẻ học phát âm. Điều này đã tạo ra ảnh hưởng rất lớn trong bộ óc vô thức của trẻ. Trẻ học nói như thế nào? Làm thế nào mà ngôn ngữ trở thành một phần cố định trong nhân cách tâm lý của trẻ? Thứ ngôn ngữ mà con người học được trong thời kỳ sơ sinh được gọi là tiếng mẹ đẻ. Tiếng mẹ đẻ so với những thứ ngôn ngữ khác mà con người học được sau này có sự khác biệt rất rõ ràng, tựa như răng giả và răng thật thì không thể giống nhau vậy.

Làm thế nào mà những âm thanh ban đầu là vô nghĩa lại có thể trở thành thứ chuyển tải ý nghĩa và tư tưởng? Trẻ đã không chỉ học từ đơn và nghĩa của từ đơn, mà trên thực tế đã học được câu và kết cấu của câu. Khi hiểu được ngôn ngữ, chúng ta buộc phải hiểu được kết cấu của câu. Ví dụ, khi ta nói: “Cái cốc ở trên bàn”, trật tự của từ đơn ở mức độ nào đó đã quyết định ý nghĩa của câu. Còn nếu nói: “Bàn trên ở cái cốc.” thì câu sẽ không có ý nghĩa. Chúng ta hiểu ý nghĩa của câu qua trật tự của từ, đó chính là cách trẻ lí giải câu.

Vậy thì tất cả những điều đó diễn ra như thế nào? Có thể nói rằng: “Trẻ đã ghi nhớ.” Nhưng để ghi nhớ thì phải có trí nhớ, mà một đứa trẻ lại chưa có được điều này. Ngược lại, trẻ phải xây dựng trí nhớ. Trước khi hiểu rằng trật tự từ tạo ra ngữ nghĩa, con người phải học được cách suy luận. Đó chính là năng lực mà trẻ còn thiếu.

Bộ não của người lớn không thể làm được điều mà bộ não của một đứa trẻ có thể làm, việc từ không biết đến thành thạo một ngôn ngữ đòi hỏi một năng lực tâm lý đặc biệt. Trẻ nhỏ có được năng lực tâm lý này, trí tuệ của trẻ hoàn toàn không giống người lớn.

Có thể nói, con người tiếp thu tri thức thông qua đại não, còn trẻ em lại tiếp thu tri thức bằng năng lực tâm lý. Trẻ dần dần học được tiếng mẹ đẻ thông qua quá trình sống, một thứ phản ứng văn hóa tinh thần đang diễn ra trong con người trẻ. Ngược lại, quá trình học tập của người lớn chỉ là quá trình tiếp nhận mà thôi. Tri thức đi vào bộ não của chúng ta và chúng ta lưu giữ chúng, giữa chúng ta và tri thức đó không xây dựng mối liên hệ trực tiếp, cũng như một chiếc bình hoa không trực tiếp liên quan đến nước đựng ở trong nó vậy. Còn trẻ thì trải qua một quá trình thay đổi, tri thức không chỉ đi vào bộ não mà còn thúc đẩy sự hình thành bộ não và trở thành một phần bên trong đó. Thông qua môi trường xung quanh, trẻ bắt đầu xây dựng thế giới tinh thần của mình. Chúng ta gọi hình thức tâm lý này là “sự thẩm thấu của tâm hồn”.

Đối với chúng ta, năng lực tâm lý ở trẻ là thứ thật khó để hình dung, nhưng sức mạnh của nó là thứ mà ta không thể phủ nhận. Nếu chúng ta có được năng lực đó giống như trẻ, có thể trong lúc vui chơi thỏa thích vẫn học được một ngôn ngữ mới thì tốt biết mấy! Nếu chúng ta có thể tiếp thu tri thức một cách nhẹ nhàng như việc ăn uống và hít thở thì tốt biết mấy! Ban đầu, ta

chẳng cảm nhận thấy bất cứ thay đổi nào, rồi bỗng nhiên những gì ta đã học xuất hiện trong đầu óc ta tựa như một ngôi sao, để rồi ta ý thức được sự tồn tại của một tri thức mới bên trong mình.

Thử tưởng tượng rằng có một hành tinh mà ở đó không có trường học và giáo viên, không ai biết việc học hành là gì, con người chẳng làm gì cả, cả ngày chỉ vui chơi và ăn uống mà vẫn học được rất nhiều điều. Đến đây, các bạn hẳn đang cho rằng điều tôi nói chỉ là tưởng tượng viễn vông, nhưng tất cả là sự thật. Đó chính là cách mà trẻ học tập, trẻ dần dần học được từng thứ một cách nhẹ nhàng trong vô thức, từ vô thức đến có ý thức mà không chịu bất cứ gánh nặng nào.

Việc tiếp thu tri thức của con người xem ra rất vĩ đại. Đó là quá trình vừa tiếp thu tri thức vừa hình thành nên não bộ. Nhưng chúng ta cũng phải trả giá vì việc đó, cho đến khi việc học tập của con người trở thành một việc có ý thức thì mỗi thứ mà chúng ta học được đều phải trả một cái giá rất lớn.

Vận động là một nội dung học tập quan trọng khác của trẻ. Khi vừa mới chào đời, trẻ chỉ có thể nằm yên nhìn ngày tháng trôi. Nhưng chẳng bao lâu sau, trẻ đã biết đi, biết cử động, biết làm. Trẻ vô tư vui đùa cả ngày và rồi dần dần học được các loại động tác. Khi đã học được ngôn ngữ, trẻ bắt đầu học cách vận động. Không những thế, trẻ còn học được rất nhiều thứ khác với một tốc độ đáng kinh ngạc. Trẻ học mọi thứ xung quanh mình, tập quán, truyền thống, tôn giáo, tất cả đều tạo được dấu ấn sâu sắc trong đầu trẻ.

Việc học cách vận động của trẻ không diễn ra tùy tiện mà tuân theo một quy luật cố định. Mỗi động tác được học vào một thời điểm nhất định. Kể từ khi học vận động, não bộ của trẻ bắt đầu tìm hiểu môi trường xung quanh. Trước đó, trẻ đã có sự phát triển vô thức. Kể từ khi học động tác đầu tiên, vô thức đã trở thành có ý thức. Nếu quan sát một đứa trẻ 3 tuổi, bạn sẽ phát hiện ra rằng trẻ luôn chơi một thứ gì đó. Điều đó có nghĩa là trẻ đang biến những thứ vô thức ban đầu thành có ý thức. Thông qua những kinh nghiệm bên ngoài mà trẻ coi như là một trò chơi, trẻ bắt đầu nghiên cứu những thứ mà ban đầu trẻ đã học một cách vô thức. Trẻ bắt đầu trở nên có ý thức, tự hoàn thiện bản thân bằng hành động của mình. Trẻ tự hoàn thành quá trình này bằng kinh nghiệm. Ban đầu trẻ coi một điều gì đó là trò chơi, rồi sau đó là công việc. Và đôi tay chính là công cụ mang lại trí tuệ cho con người. Sau những kinh nghiệm, tính cách sẽ quyết định con người trẻ, và đương nhiên đồng thời cũng trở thành thứ hạn chế trẻ. Bởi lẽ so với thế giới vô thức và tiềm thức thì thế giới tri thức là vô cùng hạn chế.

Sau khi được sinh ra, trẻ bắt đầu hành trình đầy thần bí này, dần dần xây dựng nên ý thức cá nhân và thích ứng với đất nước và thời đại. Trẻ dần xây dựng tư tưởng của mình, cho đến khi nó trở thành một phần của trí nhớ, đồng thời trang bị cho bản thân năng lực lí giải và suy nghĩ. Cuối cùng, khi được 6 tuổi, trong mắt của những người làm công tác giáo dục, trẻ bỗng có năng lực lí giải và có đủ kiên nhẫn để nghe giảng, nếu không thì đã không thể nào dạy dỗ chúng.

Thứ cuốn sách này muốn bàn luận chính là giai đoạn đầu tiên này. Những nghiên cứu về những năm đầu đời của trẻ đã mở rộng tầm mắt cho chúng ta, không ai là không kinh ngạc trước những sự thật này. Với tư cách là những người trưởng thành, công việc của chúng ta không phải là giáo dục, mà là hỗ trợ sự phát triển trí tuệ của trẻ. Nếu bằng sự chuẩn bị sẵn sàng, sự tôn trọng đúng mức dành cho trí tuệ của trẻ, sự thấu hiểu những nhu cầu của trẻ, chúng ta có thể kéo dài giai đoạn trí tuệ có sức thẩm thấu này thì tốt biết bao! Nếu có thể giúp con người tiếp thu tri thức một cách nhẹ nhàng nhất, thì đó sẽ là công hiến to lớn nhất cho nhân loại. Nếu con người có thể tiếp thu tri thức trong vô thức thì đó sẽ là việc thần kì nhất! Tất nhiên, chẳng phải mọi thứ trong thế giới tự nhiên đều kì diệu sao.

Việc phát hiện ra rằng trẻ nhỏ có thể tiếp thu tri thức một cách tự nhiên đã mở ra một cuộc cách mạng trong giáo dục. Chúng ta dễ dàng hiểu được vì sao giai đoạn hình thành tính cách của trẻ – cũng chính là giai đoạn phát triển đầu tiên của con người – lại vô cùng quan trọng. Đó là giai đoạn mà trẻ cần được trợ giúp nhất. Chúng ta cần loại bỏ bất cứ điều gì ngăn trở sức sáng tạo của trẻ, để sức sáng tạo đó được phát huy một cách tối đa. Chúng ta cần giúp đỡ trẻ,

không phải vì trẻ yếu ớt không thể làm gì, mà vì sức sáng tạo thiên bẩm của trẻ vô cùng mong manh và cần được yêu thương và bảo vệ một cách thích hợp. Chúng ta giúp trẻ phát huy những năng lực tiềm tàng này không phải vì giúp đỡ bản thân trẻ, cũng không phải là hỗ trợ những điểm yếu của trẻ. Khi biết rằng những năng lực này thuộc về vô thức, sự vô thức này thông qua việc đúc rút kinh nghiệm từ môi trường xung quanh sẽ trở thành có ý thức, chúng ta phát hiện ra rằng tâm lí của trẻ nhỏ hoàn toàn không giống với người lớn. Chúng ta không thể đạt được mục đích bằng cách dùng ngôn ngữ để chỉ đạo hay trực tiếp tham gia vào quá trình đó, vì thế toàn bộ những quan niệm giáo dục có liên quan đã bị thay đổi. Giáo dục trở thành phương thức trợ giúp sự phát triển tâm lí của trẻ chứ không còn là quá trình tuyên truyền thuyết giảng bằng ngôn ngữ và quan điểm.

Đó chính là phương hướng phát triển của giáo dục – mang lại sự trợ giúp cho quá trình phát triển tâm lí, hỗ trợ nhằm nâng cao tiềm năng của trẻ.

Chương 4

CON ĐƯỜNG MỚI

Cuộc đời trẻ là vạch nối liền giữa hai thế hệ người trưởng thành, một đầu là người sáng tạo, đầu còn lại là người được sáng tạo, được bắt đầu bởi một người trưởng thành này và kết thúc ở một người trưởng thành khác.



S

inh vật học hiện đại đang chuyển sang một hướng đi mới. Tất cả những nghiên cứu trước đây đều tập trung vào cá thể người trưởng thành. Khi nghiên cứu động vật hay thực vật, tiêu bản được các nhà khoa học lựa chọn là các cá thể trưởng thành, và nghiên cứu với con người cũng giống như vậy. Bất luận là vấn đề liên quan đến đạo đức hay liên quan đến hình thái xã hội thì cũng chỉ có người trưởng thành mới là đối tượng để nghiên cứu. Một vấn đề được bàn luận nhiều nhất chính là cái chết. Điều này không khiến chúng ta ngạc nhiên, bởi vì tất cả những người trưởng thành đều đang trên đường tiến dần đến cái chết. Tất cả mọi vấn đề đạo đức đều có liên quan đến pháp luật hoặc là những vấn đề quan hệ xã hội của người trưởng thành. Nhưng khoa học hiện đại đang chuyển sang một hướng đi khác, thậm chí có thể nói là đối lập. Bởi vì những nghiên cứu ngày nay không chỉ về con người mà đối với các hình thái sự sống khác, thì trọng điểm cũng tập trung vào cá thể non trẻ, thậm chí là tập trung vào nguồn gốc của những hình thái sự sống đó. Phôi thai học và tế bào sinh thái học (nghiên cứu sự sống của tế bào) là những ngành đi tiên phong. Thông qua nghiên cứu về những hình thái cấp thấp này, một ngành triết học mới đã bắt đầu hình thành – mà ngành triết học này không hoàn toàn chỉ mang tính lý luận. Theo quan sát, chúng tôi có thể nói rằng, nó đầy tính khoa học vì được tổng kết từ những kết luận của các nhà tư tưởng phi trau tượng thời kì đầu. Cùng với sự tiến triển của những hoạt động đang được tiến hành bên trong phòng thí nghiệm, ngành triết học mới này cũng đang dần dần vén lên bức màn bí ẩn của nó.

Trên thực tế, phôi thai học đã đưa chúng ta quay về điểm khởi đầu của một cá thể trưởng thành. Có rất nhiều điều trong giai đoạn này không giống với giai đoạn trưởng thành. Các nhà tư tưởng trước kia hoàn toàn không biết chút gì về sinh mệnh, còn môn khoa học này lại mang ánh bình minh đến với những nghiên cứu về tính cách của trẻ nhỏ.

Hãy bắt đầu từ cách nói vô cùng đơn giản như thế này: Không giống với việc người trưởng thành đang dần dần tiến gần đến cái chết, đứa trẻ lại đang tiến về phía sự sống và sự huy hoàng. Việc mà trẻ phải làm chính là gắng sức xây dựng nên một con người chân chính. Đứa trẻ sau khi đã khôn lớn trưởng thành sẽ không còn là đứa trẻ như trước nữa. Vì thế, cuộc đời trẻ đang phát triển theo hướng hoàn thiện và hoàn mỹ. Thông qua những luận điểm đó, chúng ta có thể suy luận rằng, trẻ đang rất hào hứng làm một công việc, đó chính là hoàn thiện bản thân mình. Cũng chính bởi có quá trình đó mà cuộc đời trẻ đầy ắp niềm vui và hạnh phúc. Còn đối với người trưởng thành thì cuộc sống hàng ngày lại đầy rẫy áp lực.

Đối với trẻ, cuộc đời chính là một kiểu vươn xa và mở mang. Cùng với sự tăng dần của tuổi tác, trẻ cũng trở nên càng ngày càng thông minh và cường tráng hơn. Chính hành động và việc làm của trẻ đã giúp trẻ có được sức mạnh và trí tuệ đó. Nhưng tuổi tác tăng lên cũng có mặt hạn chế riêng. Nói cách khác, khi trưởng thành, trẻ sẽ không thể nào hoàn thiện bản thân giống như thuở thơ ấu. Hay nói một cách đơn giản thì sẽ chẳng có ai giúp trẻ trưởng thành giống như trước được nữa.

Nếu nhìn ngược lại thời điểm trước khi một đứa trẻ được sinh ra, nó đã có mối liên hệ với người trưởng thành, bởi vì sự phát triển của phôi thai đã diễn ra trong tử cung của người mẹ. Và trước đó, phôi thai được tạo ra nhờ sự kết hợp hai tế bào của người cha và người mẹ. Cho dù là lợi ngược dòng để tìm về trạng thái nguyên thủy của đứa trẻ hay là nghiên cứu quá trình phát triển của trẻ thì chúng ta cũng đều thấy có mối liên hệ với người trưởng thành.

Cuộc đời trẻ là đường nối liền hai thế hệ người trưởng thành, một đầu là người sáng tạo và đầu kia là người được sáng tạo, khởi đầu ở một người trưởng thành này và kết thúc ở một người trưởng thành khác. Đó chính là con đường mà một đứa trẻ phải trải qua, con đường ấy rất gần với người trưởng thành, những nghiên cứu về vấn đề này sẽ mang lại cho chúng ta niềm hứng khởi lớn lao và những gợi ý quan trọng.

Quy luật tự nhiên luôn đòi hỏi chúng ta phải chăm bẵm, lo liệu cho trẻ. Trẻ được sinh ra vì tình yêu, tình yêu chính là suối nguồn tự nhiên nuôi dưỡng trẻ. Khi vừa ra đời, trẻ đã nhận được sự chăm sóc cẩn thận của cha mẹ. Điều này có nghĩa là trẻ không hề bơ vơ, cha mẹ chính là hàng rào đầu tiên bảo vệ trẻ khỏi thế giới bên ngoài. Tự nhiên đã trao cho cha mẹ tình yêu đối với con cái và không có thứ gì có thể tô vẽ để trở thành tình yêu giống như vậy, nó là thứ tình yêu vô điều kiện. Tình yêu của cha mẹ dành cho trẻ rất vĩ đại, nó đại diện cho một sức mạnh của tình yêu, một kiểu bản năng có thể thôi thúc một người hi sinh vì một người khác, có thể khiến một người tình nguyện cung phụng một người khác. Từ nơi sâu thẳm của tình yêu thương ấy, cha mẹ sẽ không ngại hi sinh cả cuộc sống của mình để bảo vệ cuộc sống của trẻ, đó là một thứ tình yêu sinh ra rất tự nhiên. Nó mang lại cho cha mẹ niềm vui chứ không phải là cảm giác thiệt thòi. Chẳng có ai nói rằng: “Nhìn con người tội nghiệp kia đi, anh ta có tới hai đứa con!” mà ngược lại, người ta cảm thấy có hai đứa con là điều vô cùng may mắn. Làm mọi việc cho con cái sẽ khiến cha mẹ cảm thấy hạnh phúc, đó chính là bản tính của cha mẹ. Có thể nói, đứa trẻ đã thức tỉnh một thứ tình cảm đẹp đẽ của loài người, chính là sự dâng hiến rất vô tư, đó là sự dâng hiến mà người khác ngoài những thành viên trong gia đình sẽ không bao giờ làm được. Một thương nhân lặn lội kiếm tiền sẽ không bao giờ nói với đối thủ của ông ta rằng: “Tôi không cần, những điều tốt đẹp này xin dành cả cho anh.” Thế nhưng khi thiếu thức ăn, cha mẹ sẽ dành chiếc bánh mì duy nhất cho con mình, còn bản thân thì tình nguyện chịu đói.

Vì thế, chúng ta có thể phát hiện rằng, ở người trưởng thành có hai kiểu tâm thái hoàn toàn khác nhau. Một kiểu tâm thái của người làm cha mẹ, kiểu còn lại chính là tâm thái của một thành viên trong xã hội. Tâm thái của người trưởng thành khi được làm cha mẹ đã bộc lộ một phần tốt đẹp trong bản tính loài người.

Hai tình trạng hoàn toàn khác nhau này cũng tồn tại một cách phổ biến trong thế giới động vật, những loài vật hung bạo nhất cũng sẽ xử sự rất ôn hòa với con non. Sư tử, hổ đều rất âu yếm với những đứa con thơ của chúng. Và ngược lại, những con hươu mẹ hàng ngày vốn rất hiền lành cũng sẽ trở nên hung dữ khác thường khi bảo vệ con của nó. Quy luật này dường như phù hợp với tất cả các loài động vật, khi đối diện với những đứa con còn nhỏ, loài động vật nào cũng sẽ thể hiện một tâm thái hoàn toàn khác một cách rất tự nhiên. Đó là bản năng đặc biệt của cha mẹ, bản năng đó hoàn toàn khác với những thứ chúng ta vẫn thường thấy. Nhiều loài động vật còn ôn hòa hơn con người cũng có bản năng tự bảo vệ mình, và khi phải bảo vệ con của chúng, bản năng này sẽ trở nên mãnh liệt hơn bao giờ hết.

Loài chim cũng vậy, khi đối diện với nguy hiểm, bản năng thôi thúc chúng sải cánh bay lên. Nhưng nếu đang ấp trứng, chúng sẽ nhất quyết không rời khỏi tổ và dùng đôi cánh che đi những quả trứng màu trắng rất dễ bị phát hiện. Có một số loài chim sẵn sàng đối mặt với nguy cơ bị chó cắn để dụ chó rời xa khỏi tổ của chúng, khiến chó không chú ý tới sự tồn tại của cái tổ. Thông qua việc nghiên cứu về các loài động vật, chúng tôi đã rút ra một kết luận tương đồng: Động vật có hai kiểu bản năng, một là bản năng tự bảo vệ mình, hai là bản năng bảo vệ con non. Nhà sinh vật học vĩ đại – J.H.Fabre đã từng đưa ra một ví dụ rất tinh tế, ông đã dùng câu nói sau để làm lời kết cho một tác phẩm nổi tiếng của mình: “Mọi loài động vật đều nên nói lời cảm ơn mẹ vì đã bảo vệ sự sinh tồn của chúng. Nếu kĩ năng sinh tồn là thứ duy nhất để dựa vào khi trốn chạy khỏi nguy hiểm, thì những đứa con bé nhỏ – trước khi được trang bị những kĩ năng này – sẽ bảo vệ mình như thế nào? Hổ con mới sinh ra chẳng hề có răng, chim non thì không hề có lông. Vì thế, để duy trì sự tồn tại của giống nòi, trước hết các con mẹ phải bảo vệ những đứa con không có khả năng tự vệ của mình.”

Nếu sự sinh tồn chỉ nhờ vào cơ thể cường tráng thì các loài động vật đã sớm bị diệt vong. Bởi thế, tình yêu mà các cá thể trưởng thành dành cho con non là nguyên nhân chủ yếu của sự sinh tồn và duy trì của các loài động vật.

Một phần kì diệu nhất trong lịch sử thế giới tự nhiên chính là phần nghiên cứu những biểu hiện bên ngoài của trí tuệ. Kiểu biểu hiện bên ngoài này của trí tuệ tồn tại ở cả những động vật ôn hòa nhất. Mỗi loài động vật đều được tạo hóa ban tặng bản năng phòng vệ, mỗi loài sinh vật đều có trí tuệ đặc trưng của mình, nhưng trí tuệ này chủ yếu được dùng để bảo vệ các cá thể con non. Đồng thời chủng loại bản năng tự bảo vệ cũng thấp hơn và trí tuệ cũng được thể hiện ít hơn. Trên đây chỉ là một vài ví dụ rất nhỏ, còn nhà sinh vật học Fabre trong 16 cuốn sách nổi tiếng của mình đã miêu tả vô số hành vi mà các con côn trùng trưởng thành bảo vệ con non của chúng.

Nếu tiến hành nghiên cứu với các sự sống khác nhau, chúng ta sẽ phát hiện ra tính tất yếu của hai kiểu bản năng và hai phương thức sống khác nhau này. Nếu xem xét kết luận này ở con người, dù chỉ từ góc độ xã hội thì chúng ta cũng cần tiến hành nghiên cứu về trẻ em bởi vì nó có ảnh hưởng to lớn đến hành vi của người trưởng thành. Những nghiên cứu về loài người muốn có được thành quả thì buộc phải bắt nguồn từ việc nghiên cứu trẻ em.

Chương 5

KÌ TÍCH CỦA TẠO HÓA

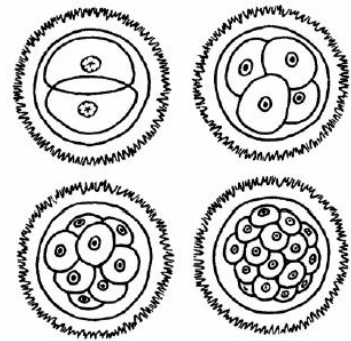
Mỗi loài động vật, động vật có vú trong đó có con người – được coi là sinh vật kì diệu nhất – đều là kết quả của quá trình phát triển từ một tế bào giản đơn như mọi tế bào nguyên thủy khác, không có bất cứ sự khác biệt nào.



ác nhà tư tưởng các thời kì đều bị lôi cuốn bởi một thực tế, đó là tại sao một sinh vật có thể đi từ không đến có, để rồi cuối cùng phát triển thành một người đàn ông hay một người đàn bà có tư tưởng hẳn hoi?

C Quá trình này diễn ra như thế nào? Những cơ quan vừa phức tạp vừa kì diệu đến thế đã được hình thành như thế nào? Đôi mắt là do cái gì tạo thành? Cái lưỡi mà chúng ta dùng để nói có được từ đâu? Còn cả bộ não và những bộ phận khác trên cơ thể con người, tất cả được hình thành do đâu? Các nhà khoa học và các nhà tư tưởng thời kì đầu thế kỉ 18 đều cho rằng, những bộ phận đó được hình thành từ rất lâu rồi. Họ cho rằng, trong tế bào chắc chắn phải có một con người tí hon hay thu nhỏ. Họ cho rằng con người trong tế bào đó nhỏ đến nỗi mắt thường không thể nào nhìn thấy được, nhưng chắc chắn có tồn tại, và rồi sẽ phát triển thành một con người to lớn như bình thường. Quan điểm này còn được cho là đúng với mọi loài động vật có vú, nhưng các nhà khoa học thời đó cũng chia thành hai trường phái: Một theo thuyết tinh trùng, một theo thuyết noãn tử. Hay nói một cách khác, một quan điểm cho rằng con người tí hon này tồn tại trong tế bào mầm ở nam giới, còn một quan điểm khác lại nhận định con người tí hon này tồn tại trong tế bào mầm ở nữ giới. Phần lớn các tranh luận đều diễn ra xung quanh vấn đề này.

Nhưng một dược sĩ thời bấy giờ tên là G.F.Watts đã quyết định sử dụng chiếc kính hiển vi mới phát minh ra để tự mình quan sát, với mong muốn xem rõ cuộc quá trình này đã xảy ra như thế nào. Để đạt được mục đích của mình, ông đã tiến hành nghiên cứu tế bào trứng đã được thụ tinh ở gà. Cuối cùng ông đã đưa ra một kết luận khiến mọi người kinh ngạc: Trong quả trứng không hề có gà con, mà gà con được hình thành từ từ. Đồng thời ông cũng miêu tả lại những gì mình đã nhìn thấy qua kính hiển vi: Ban đầu chỉ có một tế bào mầm duy nhất, sau đó tế bào này phân tách thành hai tế bào, hai tế bào lại phân chia thành bốn tế bào (hình 1), cứ tiếp tục như thế, cuối cùng một chú gà đã được hình thành.



Hình 1 - Sự phân chia của tế bào mầm

Các học giả bảo vệ quan điểm cũ tất nhiên vô cùng phẫn nộ với Watts. Thật thiếu hiểu biết! To gan! Dị đoan! Mạo phạm tôn giáo! Những lời chỉ trích cứ thế dồn dập trút lên ông. Quan điểm của Watts phải đối diện với tình thế vô cùng khó khăn, đến nỗi ông đành trốn chạy ra nước ngoài. Ông tổ của ngành phôi thai học hiện đại đã lưu vong ở nước ngoài như thế đó.

Mặc dù kính hiển vi đã được sử dụng rộng rãi nhưng suốt 50 năm sau đó, không có ai dám dùng nó để tiến hành quan sát và nghiên cứu về bí mật đó nữa. Watts – người tiên phong đã vượt lên trước thời đại rất xa. Về sau, có một nhà khoa học tên là K.E. Van.Bayer đã tiến hành lại những thực nghiệm của Watts và phát hiện ra rằng, những kết luận của ông là chính xác, lúc

này mọi người mới chấp nhận phát hiện thực tiễn mới mẻ này. Từ đó, một phân nhánh mới rất thú vị của khoa học đã ra đời, đó chính là ngành phôi thai học.

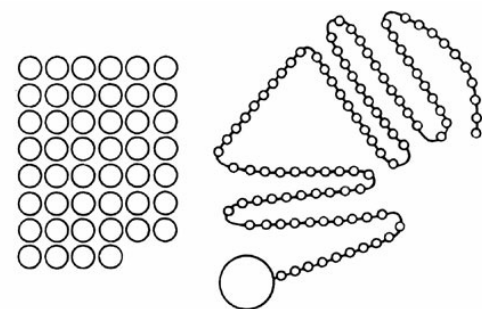
Phôi thai học rõ ràng là một phần kì diệu nhất của khoa học, không nghiên cứu các bộ phận trên cơ thể người trưởng thành như trong giải phẫu học, không nghiên cứu chức năng của các bộ phận cơ thể như trong sinh lí học, cũng không nghiên cứu về bệnh tật như trong bệnh lí học, môn khoa học này lại chuyên nghiên cứu về quá trình phát triển của sự sống, nghiên cứu quá trình từ không đến có của sự sống.

Mỗi loài động vật, động vật có vú trong đó có con người – được coi là sinh vật kì diệu nhất – đều là kết quả của quá trình phát triển từ một tế bào giản đơn như mọi tế bào nguyên thủy khác, không có bất cứ sự khác biệt nào. Vì kích thước của những tế bào này vô cùng nhỏ bé nên người ta cảm thấy chúng rất kì diệu. Tế bào mầm ở cơ thể nam giới dài chưa tới $1/10$ mm, hay nói một cách trực quan sinh động hơn là bạn hãy dùng một chiếc bút chì đã được vót nhọn và chấm một chấm trên giấy, tổng độ dài của mười dấu chấm liên tiếp như thế chắc chắn chưa đầy 1 mm. Từ đó có thể thấy rằng, tế bào nguyên thủy mà sau này sẽ phát triển thành một con người, ban đầu nhỏ bé đến mức nào. Tế bào này phát triển độc lập với cơ thể người, nó được bao bọc bởi một lớp nang có tác dụng bảo vệ. Nang này sẽ biệt lập với cơ thể người đang chứa nó.

Phát hiện trên đúng với tất cả mọi loài động vật. Tế bào mầm tách biệt với cơ thể mẹ, sự phát triển từ bé đến lớn của tế bào này là hoàn toàn tự thân. Nó đã mở ra không gian vô hạn cho trí tưởng tượng của con người. Tất cả các vĩ nhân – dù là Alexander hay Napoleon, dù là Dante, Shakespeare hay Gandhi thì cũng đều giống như đồng bào của họ – đều là kết quả phát triển từ một tế bào vô cùng nhỏ bé.

Dùng một chiếc kính hiển vi cao cấp hơn nữa, chúng ta có thể phát hiện ra rằng, tế bào mầm này là tổ hợp của một số lượng huyết cầu nhất định và rất dễ bị vật chất hóa học nhuộm sắc, đó là lí do vì sao con người đặt tên cho chúng là “nhiễm sắc thể”. Nhiễm sắc thể của từng loài khác nhau cũng không giống nhau. Con người có 46 nhiễm sắc thể, các loài vật khác có từ 13 đến 15 nhiễm sắc thể, số lượng nhiễm sắc thể của từng loài là cố định. Nhiễm sắc thể được coi là vật chất mang đặc trưng di truyền. Gần đây, thông qua loại kính hiển vi siêu phóng đại, người ta đã khám phá ra mỗi nhiễm sắc thể là một hộp nhỏ chứa một chuỗi các hạt, mà mỗi chuỗi này có thể bao gồm 100 hạt nhỏ. Sau khi nhiễm sắc thể tách ra, các hạt nhỏ này được giải phóng và tế bào trở thành một kho chứa khoảng 4000 hạt nhỏ (gen). “Gen” là từ dùng để chỉ khái niệm di truyền từ đời này sang đời khác. Đại đa số quan điểm cho rằng, bên trong gen chứa đựng những thông tin di truyền nhất định, ví dụ như hình dạng mũi hay màu của tóc.

Đương nhiên không thể giải thích hiện tượng khoa học này chỉ bằng cách dựa vào kính hiển vi, bởi vì bộ não của con người rất giàu tính sáng tạo. Đại não không chỉ chụp lại và lưu giữ hình ảnh của những sự vật bên ngoài mà còn có khả năng sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng và khả năng “đào sâu suy nghĩ”, con người có thể liên kết những sự việc đang diễn ra với nhau. Tất cả những phát hiện khoa học mà con người thu được đều nhờ vào năng lực này. Nếu chúng ta không tin tưởng vào phát hiện về nguồn gốc của sinh vật thì những lí thuyết khoa học đơn điệu này sẽ bỗng chốc trở nên vô cùng bí ẩn. Trong tế bào nhỏ bé đến mức không thể nhìn thấy bằng mắt thường đó chứa đựng thông tin di truyền được tích lũy từ đời này sang đời khác. Tế bào bé xíu này lại bao hàm tất cả những kinh nghiệm của loài người.



Hình 2 - Chuỗi 100 gen nối nhau, những gen này tồn tại bên trong 46 nhiễm sắc thể được sắp xếp theo dạng hình học ở bên trái.

Trước khi trong tế bào diễn ra những thay đổi và phát triển mà mắt thường có thể nhìn thấy được thì gen đã sắp bố trí trình tự của chúng rồi. Trong quá trình bố trí gen cũng xảy ra cạnh tranh và lựa chọn ưu thế, vì vậy không phải bất cứ gen nào cũng có thể phát huy tác dụng trong quá trình trưởng thành của con người trong tương lai. Chỉ những gen giành chiến thắng trong quá trình cạnh tranh mới có thể phát huy tác dụng, chúng mang đặc trưng di truyền nổi trội.

Những gen không thể phát huy tác dụng là những gen mang đặc tính lặn. Hiện tượng khác thường này của tế bào mầm đã được phát hiện lần đầu tiên bởi Mendel. Ông đã đưa ra giả thuyết khoa học này dựa vào những thí nghiệm nổi tiếng của mình. Mendel đã thử lai một giống thực vật hoa đỏ với một giống thực vật cùng họ nhưng hoa trắng. Hạt giống sau khi lai tạp khi nảy mầm và sinh trưởng đã cho tỉ lệ hoa đỏ : hoa trắng là 3:1. Điều đó có nghĩa là tỉ lệ cây hoa đỏ – gen trội và cây hoa trắng – gen lặn là 3:1. Thông qua ví dụ này có thể dễ dàng rút ra một kết luận, rằng sự xuất hiện tổ hợp đặc trưng di truyền trội và lặn tuân theo một quy luật bất biến. Việc nghiên cứu các khả năng tổ hợp của gen là một công việc vô cùng phức tạp. Dưới điều kiện là ưu thế gen khác nhau, mỗi tế bào sinh dục sẽ trưởng thành thành một cá thể xấu đẹp, mạnh yếu khác nhau.

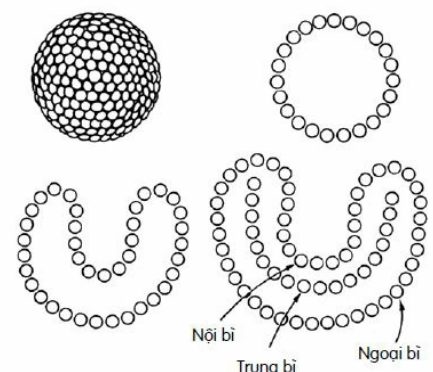
Chính vì sự tổ hợp gen khác nhau như vậy mà mỗi người là một cá thể hoàn toàn khác biệt với những người khác. Đó cũng là lí do mà những đứa trẻ cùng cha cùng mẹ sinh ra nhưng lại có người đẹp người xấu, người khỏe người yếu, người thông minh kẻ ngốc nghếch.

Vì vậy mà người ta bắt đầu chú ý tới việc nghiên cứu điều kiện xuất hiện gen di truyền ưu việt, từ đó một môn khoa học hoàn toàn mới đã ra đời – môn ưu sinh học ứng dụng.

Mặc dù chương này là nghiên cứu lịch sử khoa học (về gen và sự tổ hợp gen) dựa trên cơ sở của rất nhiều giả thiết, nhưng không ảnh hưởng trực tiếp đến nghiên cứu kết quả sau quá trình tổ hợp gen.

Quá trình trưởng thành sinh học của một cá thể bắt đầu từ đó. Đó là quá trình phân li từ một tế bào, rất đơn giản và dễ dàng quan sát được. Thậm chí ngay sau lần đầu tiên quan sát sự phát triển của phôi thai qua kính hiển vi, Woolf đã có thể tiến hành mô tả các giai đoạn khác nhau trong quá trình đó.

Đầu tiên, một tế bào phân chia thành hai tế bào giống nhau và có liên hệ với nhau. Hai tế bào sau đó trở thành bốn, bốn trở thành tám, tám trở thành mười sáu, cứ thế các tế bào phân li không ngừng. Quá trình này chỉ dừng lại khi có sự xuất hiện của hàng trăm tế bào, tương tự như việc để xây một căn phòng, trước hết bạn phải mua đủ số lượng gạch vậy. Sau đó, những tế bào này được phân thành ba lớp có ranh giới rõ ràng, giống như những viên gạch đã được xây thành tường (so sánh của Huxley). Quá trình diễn ra sau đó ở mỗi loài động vật là giống nhau. Đầu tiên, tế bào hình thành một quả cầu rỗng giống như quả bóng cao su Ấn Độ (phôi dâu). Sau đó vỏ của nó bị bẻ cong thành hai mặt đối xứng nhau, vì thế nó có ba mặt, kết cấu hoàn chỉnh cuối cùng được hình thành (hình 3).



Hình 3 - Hình trên cùng bên trái là tế bào nguyên thủy hình cầu (phôi dâu) được tạo thành từ

tế bào đơn (hình trên bên phải), hình dưới bên trái là phôi vị (phôi dạ) có thành tế bào cong vào trong. Hình dưới bên phải là hai thành tế bào phôi vị cong vào trong hình thành nên thành thứ ba.

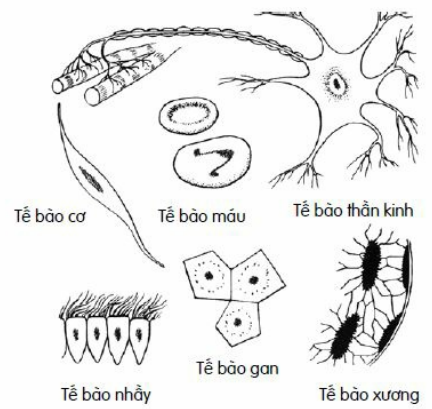
Một tế bào gồm có những lớp sau: Lớp ngoài cùng là ngoại bì, lớp ở giữa là trung bì, lớp cuối cùng là nội bì. Những lớp này cùng tổ hợp thành một cá thể phân chia nhỏ bé. Kích thước to nhỏ của các tế bào là như nhau. Và tất nhiên, chúng có kích thước nhỏ hơn tế bào nguyên thủy.

Ba lớp phức tạp này, mỗi lớp sẽ sản sinh một hệ thống cơ quan phức tạp. Lớp ngoài cùng hình thành nên da và hệ thống thần kinh, cơ quan cảm giác. Trên thực tế, điều này không khác những gì chúng ta tưởng tượng, bởi vì lớp này tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài, tế bào được bảo vệ bởi da, hệ thống thần kinh và cơ quan cảm giác là mối liên kết chúng với thế giới bên ngoài. Lớp trong cùng sẽ phát triển thành các cơ quan như ruột, dạ dày, tuyến tiêu hóa, thận, tuyến tụy, phổi... cung cấp dinh dưỡng cho cơ thể. Lớp trung bì sẽ hình thành nên khung xương chống đỡ cơ thể và cơ bắp. Hệ thống thần kinh được gọi là “cơ quan liên lạc” vì chúng chịu trách nhiệm liên hệ giữa cơ thể với thế giới bên ngoài. Hệ tiêu hóa và hệ hô hấp được gọi là “cơ quan thực vật”, vì chúng phục vụ những bộ phận mang tính thực vật và phi hoạt tính của sinh vật.

Sự phát triển tự thân của tế bào là kết quả của những nghiên cứu mới đây. Trong mỗi tầng có khá nhiều điểm trung tâm, những điểm này đột nhiên thể hiện sức sống mạnh mẽ. Trong các mô hình nhỏ này xuất hiện tế bào và phát triển thành các cơ quan hoặc hình thức ban đầu của các cơ quan. Cho dù các cơ quan đó ra sao thì quá trình khởi thủy cũng đều như nhau, tất cả đều được hình thành từ những điểm trung tâm này. Tất nhiên quá trình sau đó ở mỗi cơ quan là khác nhau và chúng ta không thể biết được. Quá trình trên được phát hiện bởi giáo sư Charles Stewart thuộc đại học Chicago (Mỹ). Ông gọi những điểm trung tâm này là “gradient sinh lí”, một chuyên gia phôi thai học người Anh cũng có những phát hiện tương tự như Stewart, có điều những nghiên cứu của ông chỉ dừng lại ở hệ thống thần kinh mà thôi.

Khi các cơ quan bắt đầu xuất hiện, hình thái ban đầu không khác gì việc các tế bào bắt đầu chuyển hóa. Giữa các tế bào bắt đầu xuất hiện sự khác biệt lớn. Quá trình này được quyết định bởi chức năng của từng cơ quan. Để đáp ứng nhu cầu chức năng của từng cơ quan sau này, các tế bào bắt đầu phát triển theo xu hướng chuyên biệt hóa. Dù sự “chuyên biệt hóa” này là để phục vụ cho chức năng của các cơ quan trong tương lai, nhưng trước khi các chức năng phát huy tác dụng thì những tế bào vốn đã thích ứng nhu cầu của các cơ quan này rồi.

Thông qua hình (4), có thể thấy rằng giữa các tế bào của các cơ quan đã có sự khác biệt rất lớn. Tế bào gan có hình lục giác, xếp liền nhau giống như những phiến đá lát, nhưng giữa chúng không có tổ chức liên kết. Tế bào xương hình bầu dục, số lượng ít, nằm cách xa nhau và được nối bởi mô tuyến tính, nhưng phần quan trọng nhất của xương là một tổ chức liên kết rắn được tạo nên bởi chính bản thân tế bào. Các tế bào bề mặt khí quản thì thú vị hơn. Các vòng nhỏ nằm rải rác trong những tế bào hình tam giác không ngừng tiết ra chất giống như nhựa cây để ngăn chặn bụi từ trong không khí xâm nhập vào. Các tế bào tam giác có tua sợi này không ngừng chuyển động và khiến chất nhầy không ngừng được tiết ra. Lớp da của chúng ta thì gồm các tế bào dạng phẳng. Các tế bào biểu bì không ngừng chết đi và được thay thế bởi các tế bào phía dưới. Những tế bào có tác dụng bảo vệ cơ thể này khiến chúng ta liên tưởng tới những chiến sĩ luôn sẵn sàng hiến dâng sinh mạng cho Tổ quốc.



Hình 4 - Các loại tế bào

Các tế bào thần kinh chính là các tế bào phát triển nhất và cũng quan trọng nhất. Chúng là những tế bào không thể thay thế được. Các tế bào hình tua dài này là những đường dây truyền đi mệnh lệnh, giống như đường dây điện thoại liên lạc giữa các châu lục với nhau.

Sự khác biệt giữa các tế bào là cả một câu chuyện thú vị, nhưng rồi cuối cùng chúng đều có khởi điểm như nhau. Để hoàn thành những sứ mệnh tương lai, chúng bắt đầu biến đổi. Trước khi biến đổi, các tế bào ban đầu không thể hoàn thành được công việc trong tương lai. Nhưng sau khi việc chuyển hóa hoàn tất, chúng sẽ không thay đổi nữa. Tế bào gan vĩnh viễn không thể trở thành tế bào thần kinh. Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, các tế bào không còn giống như chúng ta tưởng tượng lúc trước, tiến hành những công tác chuẩn bị trên cơ sở đầu tiên, mà đã thay đổi trạng thái của chúng.

Chúng ta phát hiện ra rằng, các cơ quan trong cơ thể người cũng giống như những nhóm người khác nhau trong xã hội. Thời nguyên thủy, một người có thể làm rất nhiều công việc. Cùng một người có thể làm kiến trúc sư, thợ mộc và cả bác sĩ. Nhưng cùng với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của xã hội loài người, mỗi người chỉ chọn cho mình một nghề nghiệp, vì thế về phương diện tâm lý cũng không thể thích ứng được với các công việc khác. Theo một nghề không giống như học một kỹ thuật nào đó. Theo một nghề có nghĩa là phải làm nghề đó thật tốt. Ngoài kỹ thuật thì cao hơn nữa là tâm lý người đó phải thích ứng với công việc của mình. Nó chính là lý tưởng của một người, để rồi trở thành mục tiêu suốt đời của họ.

Bây giờ chúng ta hãy cùng quay lại vấn đề phôi. Mỗi cơ quan trong cơ thể là sự hợp thành của những tế bào đặc trưng, có những chức năng nhất định và không giống chức năng của các cơ quan khác. Những chức năng này giữ vai trò rất yếu trong việc duy trì sự khỏe mạnh của cơ thể và sự vận hành bình thường của các cơ quan. Mỗi cơ quan đều được hình thành và phát triển vì mục đích đó.

Sự phát triển của phôi không chỉ tạo thành cơ quan mà còn tạo ra mối liên hệ giữa chúng. Công việc này được thực hiện bởi hai hệ thống quan trọng – hệ tuần hoàn và hệ thần kinh. Hai hệ thống này phức tạp hơn tất cả các hệ thống khác. Chúng là hai hệ thống kết nối các cơ quan khác nhau trong cơ thể.

Hệ tuần hoàn giống như một dòng sông, vận chuyển vật chất tới các bộ phận trong cơ thể, giống như một người làm công việc thu thập. Trên thực tế, hệ tuần hoàn là công cụ vận chuyển chất dinh dưỡng tới các cơ quan trong cơ thể, nhưng đồng thời cũng hấp thụ oxy từ phổi. Máu cũng đồng thời chứa vật chất mà tuyến nội tiết tiết ra. Vật chất này được gọi là hormone. Hormone có ảnh hưởng tới các cơ quan trong cơ thể người, kích thích hoạt động của chúng. Điều quan trọng nhất là hormone có thể điều tiết hoạt động của các cơ quan khiến chúng duy trì hoạt động nhịp nhàng.

Khoảng cách giữa các cơ quan cần hormone và tuyến tiết ra hormone lại cách nhau quá xa. Vì vậy việc vận chuyển hormone do hệ tuần hoàn đảm nhận. Mỗi cơ quan đều đặt bên “bờ” của “dòng sông” này. Các cơ quan sẽ lấy những gì mình cần từ dòng sông, đồng thời cũng đưa những vật chất mà mình tạo ra vào đó. Những vật chất ấy cũng có thể chính là thứ mà những

cơ quan khác đang cần.

Còn có một hệ thống khác điều hòa các tổ chức trong cơ thể, đó là hệ thần kinh. Nó làm công việc truyền các mệnh lệnh từ đại não – cũng chính là “phòng điều khiển” tới các cơ quan trong cơ thể.

Trong xã hội loài người cũng có hệ thống tuần hoàn như vậy. Sản phẩm mà các quốc gia và các khu vực khác nhau tạo ra được đưa vào lưu thông và qua lưu thông thì người mua sẽ có được những gì họ muốn. Hàng hóa qua lưu thông được đưa tới các quốc gia và khu vực trên thế giới. Nhà sản xuất và người bán hàng chẳng phải cũng giống như hồng cầu trong máu sao? Chẳng phải trong xã hội cũng có hiện tượng hàng hóa được sản xuất ở nơi này lại được tiêu thụ ở nơi khác sao? Trong những năm gần đây, chúng ta đã được tận mắt chứng kiến công tác điều tiết của các “hormone” này.

Một số nước lớn bắt đầu quy hoạch môi trường, kiểm soát thương mại, khuyến khích và chỉ đạo hoạt động của doanh nghiệp với mục đích mang lại sự phát triển hài hòa cho xã hội loài người. Có người nói rằng, những công việc này vẫn còn tồn tại những thiếu sót rõ rệt. Điều này chỉ cho thấy rằng sự phát triển phôi “hệ tuần hoàn xã hội” đang nằm trong giai đoạn khởi thủy và còn lâu mới đạt tới sự hoàn mỹ. Trong xã hội, cơ quan đóng vai trò giống như hệ thần kinh vẫn còn thiếu.

Trong tình trạng thế giới vẫn còn hỗn loạn như ngày nay, chúng ta có thể nói rằng, cơ quan đóng vai trò giống như hệ thần kinh vẫn chưa xuất hiện. Và khi chưa có được điều này thì xã hội chưa thể đạt tới trình độ phát triển hài hòa. Hình thức văn minh cao nhất hiện nay – dân chủ, cho phép chúng ta bỏ phiếu để bầu ra người lãnh đạo mình. Trong phôi thai học thì điều này là vô lí. Bởi nếu mỗi tế bào phải chuyên biệt hóa cao độ, thì tế bào điều khiển những tế bào đó phải có mức chuyên biệt hóa cao hơn nữa. Việc điều khiển tất cả những tế bào khác là rất khó khăn, công việc này phải có trình độ chuyên biệt hóa cao hơn hẳn những công việc khác. Và vì vậy, đối với tế bào, không có thứ gọi là lựa chọn, mà là quá trình rèn luyện dần dần thích ứng với các điều kiện. Để lãnh đạo được người khác thì trước tiên phải thay đổi bản thân mình. Nếu không có sự chuẩn bị đầy đủ, chẳng ai có thể trở thành người lãnh đạo. Quá trình chuyên biệt hóa phải tuân theo nguyên tắc này. Nhất định chúng ta phải nhận thức được tác dụng to lớn của nó.

Phôi thai học cũng có tác dụng chỉ đường và khơi gợi những cảm hứng của chúng ta. Julian Huxley đã đánh giá về sự thần kì của phôi thai học như sau: “Con người, từ chưa tồn tại đến hiện hữu, từ giản đơn đến phức tạp, từ sơ sinh đến khôn lớn trưởng thành, là một phép lạ vĩ đại của tạo hóa. Nếu trong chúng ta, có ai đó không bị phép lạ này làm cho kinh ngạc, thì chỉ vì một nguyên nhân duy nhất mà thôi, đó là phép lạ này từng giờ từng phút đang diễn ra trước mắt chúng ta.”

Cho dù nghiên cứu loài chim, thỏ, hay bất kì động vật có xương sống nào khác, chúng ta cũng phát hiện rằng chúng được tạo nên bởi những cơ quan vô cùng phức tạp. Điều khiến ta kinh ngạc là những cơ quan vô cùng phức tạp này có mối quan hệ đầy thần bí với nhau. Nếu tiến hành nghiên cứu tỉ mỉ, chúng ta sẽ thấy rằng hệ tuần hoàn có cấu tạo phức tạp, tinh vi và cực kì hoàn chỉnh, cho dù chúng ta có sử dụng những kĩ thuật tiên tiến nhất cũng không thể tạo ra thứ gì tuyệt vời như thế. Bộ não cũng vậy. Cơ quan này sẽ tập trung các thông tin cảm giác, sau đó tiến hành xử lí. Đó là một quá trình thần kì, không có bất cứ máy móc hiện đại nào có thể làm được công việc đó. Không có máy móc nhân tạo nào có thể làm thay công việc của tai và mắt con người. Nếu tiến hành nghiên cứu kĩ lưỡng những phản ứng hóa học trong cơ thể con người, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng, cơ thể con người là một phòng thí nghiệm hoàn chỉnh và được trang bị đầy đủ nhất để có thể tự vận hành. Đó là điều mà không máy móc nhân tạo nào làm được. Tất cả những hệ thống kì diệu con người đã tạo ra như điện thoại, vô tuyến điện, ti vi, điện báo đều không thể so sánh được. So sánh với hệ thần kinh thì những sáng tạo này càng trở nên nhỏ bé, nực cười.

Những đội quân được huấn luyện tinh nhuệ nhất trong xã hội ngày nay cũng không thể so

sánh với cơ bắp con người. Chúng có thể hoàn thành những công việc mà đại não đưa ra một cách nhanh nhất, giống như một người đầy tớ ngoan ngoãn luôn sẵn sàng thực thi mệnh lệnh. Nếu nghiền ngẫm thực tế này, rồi xem xét những cơ quan trong cơ thể, nghiên cứu hệ cơ bắp, nghĩ về những tế bào thần kinh nhỏ bé, và biết rằng tất cả được bắt nguồn từ một tế bào mầm giản đơn, chúng ta chắc chắn sẽ phải thốt lên rằng: Tạo hóa thật thần kì và vĩ đại!

Chương 6

PHÔI THAI HỌC VÀ HÀNH VI

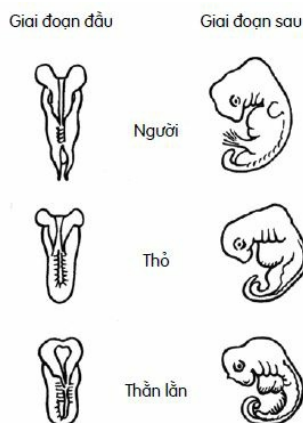
Trẻ không những có khả năng tự sáng tạo, theo đuổi sự hoàn mỹ, mà sự tồn tại của trẻ còn vì một mục đích khác, đó chính là tạo ra sự hài hòa, phục vụ cho cả quần thể sinh vật. Một đứa trẻ vừa chào đời đã có thể có được năng lực sáng tạo to lớn, và năng lực này sẽ được phát huy thông qua môi trường sống xung quanh.



hững nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra rằng, các giai đoạn phát triển của phôi thai ở các động vật bậc cao (bao gồm cả con người) đều giống nhau. Còn ở các động vật bậc thấp, vì sự phát triển là chưa hoàn toàn nên có sự khác biệt. Sở dĩ có điều đó là do tác động của một trở ngại trong một giai đoạn nào đó gây ra.

N Ví dụ, trùng roi khi phát triển đến giai đoạn hình cầu thì dừng lại. Nó mãi mãi chỉ là một quả cầu rỗng trôi nổi trong đại dương. Trên bề mặt của tế bào trùng roi có các “roi” không ngừng lay động giúp trùng roi di chuyển.

Các giai đoạn phát triển của động vật ruột khoang cũng tương tự. Hình cầu rỗng bắt đầu cong vào phía trong, hình thành nên lớp nội bì và lớp ngoại bì của tế bào. Sau khi đã hình thành ba lớp rõ ràng, hình thái giai đoạn sau ở hầu hết các loài động vật là như nhau, khiến chúng ta rất dễ nhầm lẫn giữa phôi thai của các loài với nhau. Hình (5) sẽ chỉ cho chúng ta thấy rõ đặc điểm này.



Hình 5 - Hình thái phôi thai

Thực tế này được coi là một chứng cứ thuyết phục về mức độ tiến hóa khác nhau của động vật. Vì vậy mà con người được cho là tiến hóa từ loài vượn. Động vật có vú và các loài chim thì tiến hóa từ động vật bò sát, trong khi động vật bò sát thì tiến hóa từ động vật lưỡng cư. Động vật lưỡng cư thì tiến hóa từ cá, cứ như vậy quay ngược lại cho đến hình thái đơn giản nhất của sinh vật – động vật đơn bào. Vì nguyên nhân di truyền, phôi thai phải trải qua tất cả các giai đoạn mà tổ tiên nó đã từng trải qua. Có thể nói phôi thai là sự phản ánh rõ ràng quá trình tiến hóa của một loài. Hay nói cách khác là cá thể lặp lại diễn biến của cả hệ thống.

Cũng chính vì nguyên nhân này mà phôi thai học được gộp vào học thuyết của Darwin. Lí luận của Darwin được coi là những bằng chứng đáng tin cậy nhất. Nhưng sau khi những phát hiện của De Fraise được công bố thì người ra bắt đầu nhận thức được rằng, muốn lí giải một cách chính xác về sinh vật, phôi thai học cần bao hàm nội dung rộng lớn hơn.

Chúng ta hãy bắt đầu từ lí thuyết đột biến. De Fraise đã tiến hành quan sát các cây khác nhau được gây giống từ một cây mẹ. Ông phát hiện ra rằng, đột biến xảy ra trong điều kiện không có bất cứ tác động nào từ bên ngoài, người ta gọi là tiến hóa tự nhiên. Nếu không thể tìm thấy nguyên nhân của những biến đổi này từ thế giới bên ngoài thì chỉ có thể quy kết nguyên nhân là do hoạt động bên trong phôi thai. Hay có thể nói rằng, ngay trong phôi thai đã xảy ra sự tiến

hóa nhanh chóng.

Vì vậy chúng ta phải nhìn thẳng vào các loại khả năng khác chứ không chỉ dừng lại ở giả thiết “thích ứng – biến đổi” của Darwin. Thích ứng với thay đổi đòi hỏi một thời gian rất dài. Điều này cho phép các nhà nghiên cứu tự do hơn trong việc tìm kiếm đáp án từ những phương diện khác và chấp nhận nhiều khả năng hơn.

Trên thực tế, sự phát triển của phôi thai quan sát được qua kính hiển vi chỉ là một quá trình máy móc. Bởi vì sinh vật không chỉ là tập hợp của các cơ quan. Điều khiến chúng ta cảm thấy kì diệu là sau khi phôi thai của các động vật cao cấp trải qua quá trình hầu như giống hệt nhau thì có phôi phát triển thành động vật bò sát, có phôi phát triển thành chim, có phôi phát triển thành động vật có vú, thậm chí là thành người.

Hình thái cuối cùng trong sự phát triển của các động vật này, ví dụ như các chi, răng... vốn không có liên hệ nhiều với hình thái phôi thai của chúng, mà phần nhiều được quyết định bởi hành vi của chúng trong môi trường sinh tồn.

Điều này cho thấy giới tự nhiên có quy luật sinh tồn của riêng mình. Sự phát triển của phôi và công việc của con người có phần giống nhau. Mọi công trình kiến trúc của con người, cho dù đơn giản hay phức tạp đều bắt đầu bằng khâu chuẩn bị vật liệu (gạch, đá), công việc sau đó là dùng các vật liệu để xây thành những bức tường. Thế nhưng điều gì khiến cho vẻ bề ngoài của các công trình hoàn toàn khác biệt nhau? Không phải vì vật liệu sử dụng là khác nhau, mà là vì mục đích thiết kế nên những công trình đó là khác nhau.

Điều thật sự quan trọng là phôi thai học đã bước qua giai đoạn suy luận logic và bước đầu định hình. Phôi thai học không tiết lộ bản chất của sự vật, mà chỉ ra cho chúng ta một con đường nghiên cứu thông qua thực nghiệm. Bằng con đường ứng dụng thực tiễn này, chúng ta đã có được nhiều bước tiến rất lớn.

Trên thực tế, phôi có thể bị tác động. Hay nói cách khác, con người có thể gây ảnh hưởng đến phôi thông qua các hoạt động thí nghiệm, từ đó thay đổi tiến trình cuộc sống con người. Đã từng có người tiến hành những thí nghiệm kiểu này.

Chúng ta có thể thông qua gen và ảnh hưởng của sự tổ hợp gen để tiến hành thay đổi quá trình di truyền ở các loại rau hoặc động vật. Lĩnh vực rất mới và đầy thú vị này đã mở ra trước mắt ta một cánh cửa lớn, nó không chỉ mang tính lí luận mà còn có tác dụng thực tiễn. Sở dĩ việc nghiên cứu phôi có tầm quan trọng là vì trước khi phôi phát triển thành các cơ quan, chúng ta có thể dễ dàng can thiệp vào phôi. Hiện nay con người đã nắm bắt được bí mật này.

Vài năm trước, nước Mỹ đã trao giải thưởng đầu tiên trong lĩnh vực phôi thai học. Chúng ta đã có thể tạo ra giống ong không có ngòi có thể lấy được nhiều mật hơn các loại ong thường. Cũng nhờ thí nghiệm trong phôi thai học mà con người có thể tạo ra các cây ăn quả cho nhiều quả hơn, thân cây không có gai. Một số loài thực vật có thể cho giá trị sử dụng cao hơn, hay độc tính trong một số loài thực vật có thể giảm đi.

Thông tin quen thuộc nhất với phần lớn mọi người chính là nhờ phương pháp này, các nhà khoa học đã lai tạo được nhiều giống hoa khác nhau. Ngoài ra, có thể chúng ta chưa biết rằng, bàn tay của con người không chỉ chạm tới động thực vật trên mặt đất mà đã vươn tới các sinh vật dưới biển sâu. Vì vậy có thể nói rằng, con người đã có thể vận dụng trí tuệ của mình để làm cho trái đất này tươi đẹp và phong phú hơn. Nếu bỏ công sức nghiên cứu hành tinh này giống như các nhà sinh vật học, đồng thời gây ảnh hưởng đến các sinh vật theo chiều hướng mà bản thân mong muốn, chúng ta sẽ kinh ngạc phát hiện ra rằng, sự tồn tại của loài người trên trái đất này còn mang một ý nghĩa khác. Đó chính là con người cũng là một thể lực vĩ đại thay đổi vũ trụ này.

Việc con người sử dụng trí tuệ của mình để sáng tạo như thể nhiệm vụ của con người là đẩy nhanh quá trình sáng tạo vật chất của tạo hóa. Bằng việc kiểm soát sự sống, con người đã có thể hoàn thành nhiệm vụ này của mình.

Vì vậy việc nghiên cứu phôi thai học không còn trừu tượng và nhàm chán nữa.

Chúng ta có thể tưởng tượng, cùng bằng phương pháp đó, con người ngày nay có thể tạo ra rất nhiều giống loài mới và trong tương lai còn có thể tiến hành kiểm soát cả thế giới tâm lí của con người.

Sự phát triển thế giới tâm lí và sự phát triển cơ thể của con người là như nhau, đều tuân theo quy luật giống nhau, từ chỗ không có sự khác biệt dần phát triển thành có sự khác biệt.

Cũng giống như bên trong tế bào mầm nguyên thủy của con người chưa có sẵn hình hài một con người, một đứa trẻ vừa chào đời cũng không có tính cách tâm lí nhất định. Chúng ta phát hiện ra rằng, nền tảng tâm hồn con người ban đầu chỉ là một mớ vật chất hỗn độn, hay nói cách khác chỉ là một tổ hợp tế bào. Quá trình này được tôi khái quát bằng cụm từ “tâm hồn có sức thẩm thấu”. Trên nền tảng này, ở xung quanh các điểm trung tâm cảm giác lần lượt hình thành các cơ quan tâm lí. Quá trình này tinh vi đến mức chúng ta không thể tái hiện lại, và nó được ẩn giấu sau việc trẻ nhỏ học ngôn ngữ. Bản thân tâm lí không tạo ra năng lực cảm giác này, mà các cơ quan của nó đã làm việc đó. Trong đó, mỗi cơ quan phát triển một cách độc lập. Ví dụ, cùng với sự phát triển ngôn ngữ thì khả năng phán đoán khoảng cách và khả năng nhận thức, khả năng phối hợp hai chân cân bằng cũng cùng lúc phát triển độc lập.

Mỗi khả năng này đều có nét đặc sắc riêng, hơn nữa loại hình cảm giác này rất linh hoạt, nó có thể khiến con người thực hiện được một loạt các động tác khác nhau. Nhưng chúng không tồn tại trong suốt cả quá trình. Mỗi loại hình sẽ biến mất sau khi hình thành cơ quan tâm lí. Khi các cơ quan đã định hình thì các loại hình cảm giác này không còn tồn tại nữa. Nhưng trong quá trình hình thành, nó cung cấp rất nhiều năng lượng cho chúng ta. Sau khi các cơ quan hình thành, chúng ta không còn nhớ mình đã từng có loại hình cảm giác đó. Sau khi tất cả các cơ quan đã được hoàn thiện, chúng sẽ giúp hình thành nên tổ hợp tâm lí hoàn chỉnh.

Cũng có thể tìm thấy minh chứng cho sự tồn tại loại hình cảm giác tạm thời này ở các loài côn trùng. Ở phần trên đã nhắc tới việc De Fraise tiến hành xây dựng lí thuyết về đột biến đã cho chúng ta thấy những cảm giác này xuất hiện trên côn trùng và sau hàng loạt hoạt động đã bắt đầu phát huy tác dụng như thế nào. Mỗi loại hình cảm giác này đều là điều kiện tất yếu cho sự sống còn và phát triển của côn trùng. Phát hiện này của De Fraise đã khiến việc nghiên cứu tâm lí học và sinh vật học có thể mở rộng trên các động vật khác nữa. Điều này đã dẫn tới sự phát triển của hàng loạt lí luận và học thuyết khác nhau, cho đến khi Watson – nhà tâm lí học người Mỹ mở ra một con đường mới giữa cục diện hỗn loạn này.

“Hãy gạt bỏ những điều không thể kiểm chứng.” Ông nói, “Chúng ta chỉ nên chú tâm vào những gì mình chứng minh được mà thôi. Hiện nay, có một điều chắc chắn là chúng ta có thể quan sát được động vật và hành vi của chúng. Hãy coi đó là nền tảng để mở ra một con đường nghiên cứu mới.”

Những nghiên cứu của ông bắt đầu từ những động vật và hành vi bên ngoài mà chúng ta đều có thể quan sát thấy. Vì tin rằng hành vi là những chỉ dẫn chắc chắn nhất giúp con người đào sâu nghiên cứu về sự sống, nên ông đã hướng mục tiêu nghiên cứu tới hành vi của con người và tâm lí của trẻ nhỏ. Nhưng chẳng bao lâu, ông đã phát hiện trẻ sơ sinh chẳng có hành vi nào đáng kể. Vì vậy ông đã nhận định trẻ không có thứ gọi là bản năng và di truyền về mặt tâm lí, đồng thời cho rằng hành vi của con người được quyết định bởi phản ứng dưới một loạt điều kiện nhất định. Những phản ứng này ngày càng chững chắt. Và ông đã đưa ra học thuyết “chủ nghĩa hành vi” của riêng mình. Học thuyết này từng rất phổ biến ở Mỹ, nhưng lại vấp phải sự phê bình và phản đối ở các quốc gia khác, bị cho là non kém và hời hợt.

Tuy nhiên, những nhận định của Watson đã khơi gợi hứng thú tìm hiểu của hai nhà nghiên cứu người Mỹ. Họ quyết định tìm hiểu và nghiên cứu hành vi thông qua phương pháp thí nghiệm.

Họ chính là Kessen và Gesell. Kessen coi thuyết hành vi là cơ sở để nghiên cứu phôi thai học. Gesell thì tiến hành nghiên cứu về sự phát triển của trẻ nhỏ một cách có hệ thống, đồng thời

xây dựng một phòng thí nghiệm tâm lí nổi tiếng thu hút sự quan tâm của toàn thế giới.

Kessen, nhà nghiên cứu ở Philadelphia đã dành nhiều năm nghiên cứu phôi của một loài động vật. Sự tiến hóa của loài động vật này chưa đạt đến trình độ của động vật lưỡng cư, kết cấu giản đơn của nó rất phù hợp với công tác nghiên cứu. Kết quả thí nghiệm của Kessen đến năm 1929 mới được công bố. Sở dĩ phải sau nhiều năm như vậy, kết luận này mới được đưa ra là bởi vì nó hoàn toàn khác biệt với tư tưởng vốn thâm căn cố đế của các nhà sinh vật học lúc đó. Dù đã lặp đi lặp lại các thí nghiệm một cách cẩn thận, ông vẫn thấy rằng trung khu thần kinh đại não phát triển sớm hơn những cơ quan tiếp nhận mệnh lệnh của nó. Ví dụ trung khu điều khiển thị giác xuất hiện trước thần kinh thị giác. Nếu sự phát triển của phôi thai cũng tuân theo quy luật “những cơ quan xuất hiện trước trong quá trình phát triển của sinh vật thì cũng xuất hiện trước trong bào thai”, vậy thì xét từ góc độ sử dụng, thứ xuất hiện trước tiên trong phôi phải là các cơ quan chứ không phải là trung khu thần kinh của chúng. Vậy thì tại sao trung khu thị giác không chỉ xuất hiện trước khi hình thành đôi mắt, mà còn xuất hiện trước thần kinh thị giác rất lâu?

Thành tựu của Kessen đã có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ những nghiên cứu về hành vi của động vật. Không những thế, những nghiên cứu của ông còn chỉ ra một quan điểm đáng kinh ngạc: Nếu các cơ quan phát triển sau sự hình thành trung khu điều khiển, vậy thì sự hình thành của các cơ quan này nhất định là kết quả của sự thích nghi với môi trường. Theo quan điểm này, không chỉ có hành vi là được di truyền mà sự hình thành các cơ quan cũng là kết quả của sự thích nghi hành vi trong môi trường.

Trên thực tế, chúng ta đã từng bắt gặp những minh chứng cho nhận định này trong thế giới tự nhiên. Hình thái của các cơ quan có mối liên hệ mật thiết với công việc mà nó phải đảm nhận, mặc dù có một số cơ quan chẳng có mấy tác dụng với bản thân động vật. Những loài côn trùng sống nhờ mật hoa thường có vòi dài để có thể hút được mật từ tán hoa. Đồng thời trên cơ thể các côn trùng đó cũng xuất hiện một lớp lông, tuy không có tác dụng gì đối với việc hút mật hoa, nhưng lớp lông này lại giúp thụ phấn cho các bông hoa, để chúng có thể tiếp tục sản sinh mật hoa. Thú ăn kiến có một cái miệng rất nhỏ, chỉ đủ để thè cái lưỡi dài và mảnh ra ngoài, bề mặt lưỡi thô ráp giúp nó bắt được kiến và mồi.

Tại sao hành vi của động vật lại hạn chế như vậy? Tại sao có động vật bò sát, có động vật leo trèo, có động vật ăn kiến, có động vật chỉ ăn hoa? Tại sao có loài chỉ ăn động vật sống, có loài lại ăn xác chết, có loài ăn cỏ, có loài lại ăn gỗ, có loài chỉ sống trong đất mùn? Tại sao trên trái đất lại tồn tại nhiều loài động vật đến thế? Tại sao mỗi sinh vật đều có mô thức hành vi cố định và hoàn toàn khác với các loài khác? Tại sao có những loài vật rất tàn bạo và hung hãn, trong khi lại có những loài hết sức hiền lành? Sự tồn tại của mỗi sinh vật trên hành tinh này có thể không giống như những kết luận của Darwin – chỉ là để sinh tồn và thu lợi từ môi trường xung quanh. “Sự sống” không chỉ là quá trình không ngừng hoàn thiện hình thái sống. Hoàn thiện bản thân không phải là mục đích chính của mỗi sinh vật.

Điều này xung đột mạnh mẽ với những quan điểm đã có từ trước. Theo lí luận này, mục đích sống của mỗi sinh vật có mối liên hệ mật thiết với yêu cầu của toàn bộ môi trường. Hay nói cách khác, sự sống là tác phẩm của tạo hóa, mỗi sinh vật đều có một nhiệm vụ riêng, giống như người giúp việc trong gia đình lớn hay công nhân trong nhà máy vậy. Sự hài hòa của giới tự nhiên trên trái đất là kết quả nỗ lực của vô số sinh vật, mỗi loài có một nhiệm vụ riêng. Đó chính là mô thức hành vi mà chúng ta thấy. Hành vi của mỗi sinh vật không chỉ để thỏa mãn nhu cầu của bản thân chúng.

Vậy còn lí thuyết tiến hóa vốn có chỗ đứng vững chắc suốt một thời gian dài trong giới khoa học thì sao? Chẳng lẽ thuyết tiến hóa đã trở nên lỗi thời? Không. Nó chỉ được phát triển thêm mà thôi. Tất nhiên quan điểm của thuyết tiến hóa không thể chỉ dừng lại ở mức độ “dần dần tiến hóa, đạt tới sự hoàn hảo” như trước. Ngày nay, tầm vóc của hoạt động nghiên cứu sự tiến hóa nên được mở rộng, vươn tới nhiều khía cạnh khác. Nó nên bao gồm cả mối quan hệ giữa các chức năng, mối quan hệ này sẽ liên kết các hoạt động của các hình thái sống khác nhau.

Mối liên hệ này không nên chỉ được nhìn nhận là một hình thức hỗ trợ lẫn nhau một cách đơn giản, mà nên được hiểu là mục đích chung cuối cùng của cả giới tự nhiên. Khi đạt được mục đích chung, tất cả các sinh vật trong giới tự nhiên có thể có được những yếu tố thỏa mãn nhu cầu sinh tồn của riêng mình.

Chức năng của sự sống và trái đất có mối quan hệ với nhau đã được một nhà địa lí học ở thế kỉ trước thừa nhận. Đó là một người cùng thời với Darwin. Ông đã cho thấy vào những niên đại địa lí khác nhau, các động vật khác nhau trên trái đất sẽ có hình thái sinh tồn khác nhau. Ông đã nghiên cứu động vật thông qua hóa thạch của chúng ở các địa tầng khác nhau. Sau đó, các nhà khoa học khác cũng đã nghiên cứu và chứng minh được hành vi của động vật có ảnh hưởng đến sự kiến thiết bề mặt địa cầu. Tác phẩm *Trái đất và sự sống* của nhà địa lí học người Đức Frederick đã từng rất nổi tiếng ở nước Ý đầu thế kỉ này. Sau đó các ấn phẩm khác cũng đã bắt đầu đề cập tới rất nhiều khám phá và lí luận.

Trước kia, chúng ta từng cảm thấy vô cùng kinh ngạc khi phát hiện ra dấu tích của các động vật biển ở lớp nham thạch trên dãy núi Himalaya hay dãy núi Alps. Những dấu tích này cũng có thể được tìm thấy trong lớp vật chất bị xói mòn từ trên đỉnh núi. Không còn nghi ngờ gì nữa, những động vật này đã từng đóng vai trò hữu ích trong việc kiến tạo lục địa. Ngày nay, chúng ta vẫn có thể chứng kiến chúng tiếp tục làm công việc của mình ở những rặng san hô, khiến những đảo san hô này không ngừng mở rộng như những đóa hoa giữa đại dương mênh mông. Đó đều là thành quả của các nhà kiến tạo vô danh, chúng âm thầm góp sức mình vào công cuộc phục hưng những lục địa đang ngày càng già cỗi.

Hàng loạt minh chứng và kết quả nghiên cứu lần lượt hiện ra trước mắt chúng ta. Hình thái bề mặt lục địa ngày nay không thể chỉ được tạo ra dưới tác động của gió và nước, mà động vật, thực vật và cả con người đều đang đóng vai trò quan trọng trong quá trình kiến tạo này. Nhà địa lí học người Italy – Antonio Stoppani đã cho chúng ta thấy sinh vật ảnh hưởng đến bộ mặt địa cầu như thế nào. Ông viết: “Các loài sinh vật dần dần trở thành một đội quân được đào tạo bài bản, không ngừng chiến đấu để bảo vệ sự hài hòa của giới tự nhiên.”

Hiện nay, chúng ta đã không còn phải bàn luận về kết quả của một quan sát nào đó nữa, bởi vì đã có một bộ môn khoa học mới mang tên là sinh thái học chuyên làm công việc nghiên cứu mối liên hệ giữa các sinh vật. Môn khoa học này đi sâu nghiên cứu ảnh hưởng của hành vi của một loài tới những loài khác, cũng giống như kinh tế học có ảnh hưởng tới tự nhiên vậy. Dưới sự trợ giúp của ngành sinh thái học, chúng ta có thể giải quyết rất nhiều thực trạng ở nông thôn. Ví dụ, để ngăn chặn một loài vật ở một vùng nào đó mà con người không có cách khống chế, chúng ta có thể căn cứ vào sinh thái học để tìm ra loại côn trùng tương khắc và khôi phục sự cân bằng trong tự nhiên. Nước Úc đã từng làm như vậy.

Sinh thái học có thể được gọi là sinh vật học ứng dụng trong thực tiễn, nó nghiên cứu mối liên hệ giữa các loài với nhau chứ không nghiên cứu một cách đơn lẻ đặc trưng của từng loài.

Phần ý nghĩa nhất của khoa học hiện đại nằm ở chỗ tính thực dụng của nó, nó nhận định rằng sự tiến hóa diễn ra bởi hoạt động của sinh vật dưới những điều kiện môi trường cụ thể. Điều này đã khiến chúng ta tiến gần hơn tới chân lí. Xét từ góc độ này thì tác dụng của các loài sinh vật là mạnh nhất và có tính quyết định nhất. Sự tồn tại của một sinh vật trên trái đất không chỉ để duy trì nòi giống, mà còn là để chịu trách nhiệm cần thiết với những sinh vật khác.

Những thực tế bên ngoài mà mắt thường quan sát được đã mang lại cho chúng ta những chỉ dẫn hữu ích. Tất cả những ai có mong muốn trợ giúp con người thông qua giáo dục giống như tôi đều nên bỏ công sức nghiên cứu quá trình phát triển của trẻ giống như nghiên cứu các sinh vật khác. Điều này khiến chúng ta không khỏi thắc mắc, thời kì sơ sinh của con người trong sinh vật học và trong cả thế giới sinh vật có vai trò như thế nào? Lí thuyết tiến hóa truyền thống chỉ nghiên cứu sự phát triển của sinh vật thông qua di truyền thích ứng và hoàn thiện đã trở nên hạn hẹp. Chúng ta đã phát hiện ra một lực lượng mới, mục đích của lực lượng này không phải là sinh tồn mà là dung hòa, lực lượng này đã khiến nỗ lực của tất cả các sinh vật được tập hợp lại và phục vụ cho một mục tiêu chung.

Vì vậy, trẻ nhỏ không những có khả năng tự sáng tạo, theo đuổi sự hoàn mỹ, mà sự tồn tại của trẻ còn vì một mục đích khác, đó chính là tạo ra sự hài hòa, phục vụ cho cả quần thể sinh vật.

Trẻ nhỏ đồng thời chịu trách nhiệm kép, nếu chúng ta chỉ xem xét một trong số đó – tức là vấn đề sự phát triển của trẻ – thì có thể tiềm năng to lớn của trẻ sẽ không được phát huy đầy đủ.

Chúng ta đã biết rằng, một đứa trẻ vừa chào đời đã có thể có được năng lực sáng tạo to lớn, và năng lực này sẽ được phát huy thông qua môi trường sống xung quanh.

Một đứa trẻ sơ sinh vừa chào đời không có trong tay một chút gì, từ vật chất đến tinh thần, nhưng trẻ lại có tiềm năng phát triển dồi dào và tiềm năng này sẽ được phát huy nhờ môi trường xung quanh.

Sự “không có chút gì trong tay” này của trẻ có nét tương đồng với sự “không có gì” của tế bào mầm.

Tất nhiên, đây không phải là một quan điểm khiến người ta dễ dàng chấp nhận. Woolf đã tạo ra một cú sốc lớn cho những người cùng thời với ông khi đưa ra nhận định của mình về quá trình phát triển của sinh vật, lí luận của ông hoàn toàn khác với quan điểm của những triết gia trước đó.

Chúng ta phát hiện ra rằng, đến với thế giới này, trẻ không tuân theo những người xung quanh, không tuân theo những người thân thiết của mình, mà trẻ sáng tạo mọi thứ của riêng mình. Quả là một sự thật đáng ngạc nhiên! Và sự thật này đúng với tất cả mọi quốc gia, mọi dân tộc, mọi nền văn minh trên thế giới này.

Thứ phát huy tác dụng ở đây chính là sức sáng tạo, đó là sức sáng tạo mang tính bản năng của con người, nó khiến con người dần dần tự hoàn thiện bản thân cho đến khi có thể thích ứng với thời đại và xã hội của mình. Bản năng tự thẩm thấu và học hỏi đó là thứ mà bất cứ con người nào cũng có.

Nhiệm vụ của trẻ chính là tiến hành tìm hiểu xã hội ngày nay. Phân biệt tác dụng của hiện tượng đặc trưng này đối với trẻ nhỏ và người trưởng thành quả là một việc không dễ dàng. Có thể nói, tiến hành phân biệt quá trình di truyền đặc trưng này là việc rất khó khăn.

Trẻ nhỏ có một thái độ mặc nhiên trước việc tiếp thu tri thức. Thông qua việc học hỏi tri thức từ môi trường xung quanh, trẻ bắt đầu tạo nên tính cách của bản thân. Minh chứng có tính toàn thể với tất cả loài người này khiến chúng ta đều cảm thấy kinh ngạc.

Phát hiện đáng kinh ngạc này đã làm dấy lên làn sóng tìm hiểu về các bộ lạc nguyên thủy với hi vọng thông qua những nghiên cứu đó sẽ có thể có được thêm nhiều phát hiện mang tính tiến bộ khác.

Trong cuốn sách *Loại hình văn hóa* của mình, Ross Benedict kể lại sự kiện một nhóm truyền giáo người Pháp làm công tác nghiên cứu dân tộc học hiện đại đã tới Patagonia, tại đó họ phát hiện ra một tộc người cổ xưa nhất trên thế giới. Tiềm nghi cuộc sống và tập quán xã hội của họ vẫn còn thuộc về thời kì đồ đá. Khi vừa nhìn thấy người da trắng, những người Patagonia vội vã bỏ chạy, và trong lúc vội vã, họ đã bỏ rơi một bé gái sơ sinh. Bé gái này đã được đoàn truyền giáo nuôi dưỡng. Bây giờ cô bé đã có thể nói hai thứ tiếng châu Âu, mang những tập quán sinh hoạt điển hình của người phương Tây, theo đạo Cơ đốc giáo và hiện đang theo học ngành sinh vật học tại một trường đại học. Vậy là trong suốt 18 năm vừa qua, từ một người thuộc thời kì đồ đá, cô bé đã nhanh chóng bước vào thời đại “nguyên tử”.

Câu chuyện trên đã cho thấy khi một con người được sinh ra, người đó có thể học được rất nhiều thứ một cách vô thức mà không hề cảm thấy có gánh nặng nào.

Sự thẩm thấu tri thức từ thế giới bên ngoài này là một đặc trưng vô cùng quan trọng. Nó chỉ ra hiện tượng bắt chước (mô phỏng) của sinh vật, và không hề hiếm gặp như chúng ta đã từng tưởng tượng. Chúng ta có thể bắt gặp nhiều ví dụ tương tự như trên. Chỉ trong Bảo tàng động

vật học Berlin, bạn đã có thể tìm cho mình đủ các loại minh chứng. Mô phỏng là một loại hiện tượng bảo vệ, nó bao gồm cả việc tiến hành học tập từ môi trường xung quanh. Bộ lông màu trắng của gấu Bắc cực, đôi cánh sắc sảo của những chú bướm, tập quán sinh hoạt của các loài côn trùng, hình dạng phẳng dẹt của loài cá... tất cả đều là biểu hiện của hiện tượng mô phỏng này.

Sự mô phỏng từ môi trường xung quanh và lịch sử của đặc điểm này không có bất cứ mối quan hệ nào, cũng không phụ thuộc vào hiểu biết của sinh vật về môi trường. Một số sinh vật chẳng hề bị ảnh hưởng bởi môi trường, một số khác thì tiến hành mô phỏng.

Đặc trưng có liên quan đến các loại hình sinh vật khác này có thể giúp chúng ta hiểu thêm về sự phát triển của trẻ, dù bản chất của chúng là hoàn toàn khác nhau.

Chương 7

PHÔI TINH THẦN

Dường như con người có hai giai đoạn phôi thai, một là giai đoạn trước khi ra đời, đó là giai đoạn mà bất cứ động vật nào cũng đều phải trải qua; một giai đoạn phôi thai khác xảy ra sau khi con người chào đời, đó là giai đoạn riêng có của con người và tạo ra sự khác biệt vô cùng lớn giữa con người với các động vật khác, đó cũng là nguyên nhân tại sao chúng ta cần tìm hiểu về nó.



Tẻ sơ sinh buộc phải trải qua một loại giai đoạn hình thành. Công cuộc hình thành này không giống với sự hình thành mang tính sinh lí của phôi thai, mà nó ám chỉ sự trưởng thành về mặt tinh thần của đứa trẻ. Trẻ phải đối diện với một giai đoạn mới, hoàn toàn không giống với khi nằm trong tử cung của mẹ, và tất nhiên cũng không giống với những giai đoạn khác trên bước đường trưởng thành mai sau. Hoạt động mang tính kiến thiết này sẽ được hoàn tất trong giai đoạn mà chúng ta gọi là “giai đoạn hình thành”. Đó là lí do vì sao chúng ta có thể gọi đứa trẻ vừa ra đời là “phôi thai tinh thần”.

Dường như con người có hai giai đoạn phôi thai, một là giai đoạn trước khi ra đời, đó là giai đoạn mà bất cứ động vật nào cũng đều phải trải qua; một giai đoạn phôi thai khác xảy ra sau khi con người chào đời, đó là giai đoạn riêng có của con người và tạo ra sự khác biệt vô cùng lớn giữa con người với các động vật khác, đó cũng là nguyên nhân tại sao chúng ta cần tìm hiểu về nó. Năng lực này của trẻ là thứ mà các động vật khác không thể có được. Sự ra đời của trẻ là một bước tiến lớn, là điểm bắt đầu của một hành trình sống mới.

Sở dĩ chúng ta có thể nhận ra các loài sinh vật là vì giữa chúng có sự khác biệt chứ không phải vì chúng có điểm tương tự. Cơ sở tồn tại của một loài chính là điểm khác biệt của nó so với các loài khác. Sự xuất hiện của một loài mới không chỉ là sự kế thừa các loài trước đó, nó có thể biểu hiện những đặc trưng cơ bản của loài trước đó, và cũng có thể có những đặc trưng mà loài trước không có, vì thế vương quốc sinh vật xuất hiện một nguồn động lực mới.

Động vật có vú và loài chim xuất hiện đã mang lại bầu không khí mới cho thế giới. Nó không chỉ là sự di truyền, thích ứng và duy trì của các loài đã tồn tại trước đó. Sau khi khủng long bị tuyệt chủng, loài chim xuất hiện những đặc tính mới, chúng tăng cường cạnh tranh trứng của mình, xây tổ và bảo vệ con non; ngược lại, tiền thân của loài chim là động vật bò sát lại thường vứt bỏ trứng của mình, còn động vật có vú tiến hóa từ loài chim thì lại càng tăng cường việc bảo vệ con non. Chúng giữ con trong cơ thể mình và dùng máu để cung cấp dinh dưỡng cho con.

Đó đều là những đặc điểm mới của sinh vật. Con người còn có một bước tiến bộ hơn nữa, đó là có thêm một đặc trưng mới: Con người là loài duy nhất có hai thời kì phôi thai. Đó chính là điểm mới của con người so với các loài vật khác.

Chúng ta cần nghiên cứu thêm về điều này, nên có một khởi điểm mới trong việc nghiên cứu sự phát triển của trẻ và tâm lí của con người. Nếu sự lao động của con người trên hành tinh này có liên quan tới tinh thần và trí tuệ mang tính sáng tạo, vậy thì tinh thần và trí tuệ nhất định phải là điểm tựa sinh tồn của con người. Hành vi của con người sẽ coi đó là điểm tựa để phát triển, hay có thể nói nhân loại được phát triển dưới tiền đề tinh thần này.

Ngày nay, phương Tây cũng đã bắt đầu tiếp nhận quan điểm quan trọng này từ triết học Ấn Độ. Kinh nghiệm nói với chúng ta rằng, trạng thái tinh thần có thể tác động tới hành vi, trạng thái tâm lí thường là thứ tạo trở ngại về sinh lí, do tinh thần mất khả năng kiểm soát gây ra.

Nếu như thiên tính của con người là do tinh thần kiểm soát, nếu mọi hành vi của con người đều là ngoại diện của tinh thần, vậy thì chúng ta càng nên quan tâm hơn tới thể giới tinh thần

của trẻ sơ sinh chứ không phải là dành nhiều sự chú ý đến thể chất như hiện tại.

Một đứa trẻ trong quá trình phát triển không chỉ có khả năng học tập người lớn như tiếp thu sức mạnh, trí tuệ, ngôn ngữ... mà trẻ còn căn cứ vào môi trường xung quanh để xây dựng nên nhân cách của mình. Trẻ em có một loại hình tâm lí hoàn toàn không giống với người trưởng thành. Mỗi quan hệ của trẻ với môi trường cũng không giống mỗi quan hệ của người lớn chúng ta với môi trường. Người lớn có thể ghi nhớ những thứ ở môi trường xung quanh rồi tiến hành suy ngẫm, trong khi trẻ thẩm thấu mọi thứ từ môi trường. Trẻ không chỉ đơn thuần ghi nhớ sự vật sự việc ở môi trường, mà những sự vật sự việc đó sẽ hình thành nên một phần tâm hồn trẻ. Trẻ nhào nặn bản thân từ những điều tai nghe mắt thấy. Loại hình ghi nhớ và thẩm thấu một cách vô thức này được Passy gọi là “trí nhớ tiềm thức” (Khái niệm “trí nhớ tiềm thức” được nhà sinh vật học người Đức – Richard Simon đưa ra đầu tiên. Sau đó Passy, trong cuốn sách mang tên *Lí luận mục đích hành vi* đã phát triển và giải thích thuật ngữ này. Ý nghĩa của “trí nhớ tiềm thức” hoàn toàn giống với ý nghĩa mà ông đã lí giải).

Một trong những ví dụ điển hình chính là vấn đề mà chúng ta đã từng thảo luận ở trên – ngôn ngữ. Trẻ không “ghi nhớ” ngôn ngữ phát âm như thế nào, mà hình thành khả năng phát âm và phát huy nó một cách tối đa. Những lời trẻ nói hoàn toàn tuân thủ đúng ngữ pháp và đặc điểm cách dùng không phải vì trẻ đã nghiên cứu và ghi nhớ chúng. Trẻ chưa từng ghi nhớ ngôn ngữ một cách có ý thức, ngôn ngữ đã tự nhiên trở thành một phần trong con người trẻ. Không còn nghi ngờ gì nữa, vấn đề mà ta đang thảo luận hoàn toàn không phải là về chuyện ghi nhớ, mà là về bộ phận quan trọng nhất trong tư duy của trẻ. Trẻ được phú cho tính nhạy cảm với tri thức trong môi trường xung quanh, sự quan sát và thẩm thấu khiến trẻ có thể dần dần thích nghi với môi trường. Trẻ đã hoàn tất quá trình thích nghi một cách vô thức chính trong giai đoạn ấu thơ này.

Giai đoạn đầu tiên của cuộc đời trẻ chính là một giai đoạn thích ứng. Chúng ta buộc phải hiểu một cách chính xác ý nghĩa của từ “thích ứng” này, đồng thời phân biệt nó với hành vi thích ứng của người trưởng thành. Khả năng thích ứng đặc biệt này khiến mảnh đất trẻ ra đời trở thành nơi mà trẻ sẽ tồn tại một cách dài lâu, cũng giống như thứ ngôn ngữ mà chúng ta nói trôi chảy nhất chính là tiếng mẹ đẻ. Một người trưởng thành sinh sống tại nước ngoài mãi mãi không thể đạt được trình độ thích ứng giống như trẻ nhỏ. Thử lấy ví dụ là các nhà truyền giáo. Họ tình nguyện tới truyền giáo ở những đất nước xa xôi. Nếu được hỏi, họ sẽ trả lời: “Chúng tôi là những người khách lạ trên đất nước xa lạ!” Điều này chứng tỏ rằng khả năng thích ứng của người trưởng thành là cực kì hạn chế.

Nhưng đối với trẻ, chúng vô cùng yêu quý nơi mình sinh ra, cho dù đó là nơi gian khổ đến mấy thì chúng cũng cảm thấy nơi ấy hạnh phúc hơn tất cả. Cho dù đó là những bình nguyên băng giá ở Phần Lan hay vùng đất cát của Hà Lan, mỗi người đều thích ứng và yêu mến nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng mình.

Tình yêu nơi chôn rau cắt rốn được hình thành chính từ thời thơ ấu, và khi trưởng thành, trong mỗi người đã sẵn có thứ tình cảm này. Mỗi người thuộc về đất nước của mình, anh ta yêu mảnh đất đó và không tìm được ở đâu khác cảm giác bình yên và hạnh phúc như ở quê hương.

Cách đây rất lâu, những người dân được sinh ra ở vùng nông thôn Italy có thể cả đời không bước chân ra khỏi làng quê của mình. Sau khi quốc gia Italy thành lập, rất nhiều người vì lí do công tác hay kết hôn mà rời xa quê hương. Một điều kì lạ là những người này vào những năm cuối đời thường mắc các chứng bệnh như: sắc mặt xanh xao, suy nhược, thiếu máu... Rất nhiều phương pháp chữa trị được đưa ra nhưng không hề công hiệu. Cuối cùng bác sĩ đề nghị họ nên trở về hít thở không khí trong lành nơi quê hương. Lời khuyên này đạt được hiệu quả không ngờ, rất nhiều người nhờ vậy đã khỏe mạnh trở lại. Nhiều người nói rằng, không khí ở quê hương là phương thuốc tốt nhất, mặc dù có thể trên thực tế, thời tiết ở quê hương họ quả thực không hề dễ chịu chút nào. Thật ra, thứ mà những bệnh nhân này cần chính là sự bình yên ở nơi mà họ đã thích ứng một cách vô thức ngay từ thuở lọt lòng.

Năng lực thẩm thấu tâm lí này là thứ tối quan trọng với chúng ta. Nó thúc đẩy sự trưởng

thành của một con người, đồng thời khiến người đó thích ứng với những điều kiện như trật tự xã hội, khí hậu... Tất cả những nghiên cứu của chúng ta đều bắt đầu từ cơ sở đó. Mọi người đều công nhận: “Tôi yêu đất nước tôi.” Tất cả những lí lẽ ngược lại với điều này đều thật giả dối.

Từ khả năng thẩm thấu đặc biệt này, chúng ta biết được trẻ đã tiếp thu truyền thống và tập tục như thế nào. Cuối cùng trẻ sẽ trở thành một đại diện điển hình cho thời đại của mình. Những phương thức hành vi thích ứng cũng được hình thành trong những năm thơ ấu của mỗi người. Không ai vừa sinh ra đã có thể thích ứng ngay với tập tục của một vùng đất, đó là những thứ được hình thành sau đó. Vậy là chúng ta đã có được hiểu biết toàn diện hơn về hành vi của trẻ. Những hành vi đó không chỉ phù hợp với yêu cầu về thời gian và địa điểm, mà còn thích ứng với phong tục tập quán ở địa điểm đó. Người Ấn Độ rất coi trọng sự sống, thậm chí là tôn thờ động vật. Đó là thứ tình cảm mà người đã trưởng thành sẽ không thể học được. Chỉ một câu nói “Nên tôn trọng sự sống” không thể khiến người ta trở nên có lòng sùng bái giống như người Ấn Độ. Có thể tôi sẽ nghĩ rằng, người Ấn Độ đã đúng, chúng ta nên tôn trọng động vật, nhưng đối với tôi, đó mãi mãi là lí lẽ mà thôi, nó không thể khơi dậy tình cảm của tôi. Ví dụ, sự tôn thờ mà người Ấn Độ dành cho loài bò là thứ tình cảm mà người châu Âu không bao giờ có được. Cho dù những người Ấn Độ có thử suy nghĩ theo hướng ngược lại, thì sự tôn thờ của họ đối với động vật cũng không thể thay đổi, đó là thứ tình cảm đã ăn sâu bám rễ trong con người họ. Đặc trưng tâm lí này thoát đầu có vẻ như mang tính di truyền, nhưng trên thực tế lại là kết quả của việc học tập từ môi trường xung quanh trong thời thơ ấu. Một lần, trong vườn hoa ở trường Montessori, tôi nhìn thấy một cậu bé Ấn Độ khoảng trên 2 tuổi đang ngồi xổm và dùng tay vẽ những đường cong trên mặt đất. Thì ra ở đó có một con kiến bị mất hai chân đang bò đi một cách khó nhọc. Cậu bé đã dùng tay vẽ đường cho kiến bò. Rất nhiều người cho rằng tình yêu động vật của cậu bé Ấn Độ này là yếu tố di truyền.

Trước việc này, những đứa trẻ không cùng quốc gia, tôn giáo, tín ngưỡng sẽ có những thái độ khác nhau. Có đứa trẻ sẽ giẫm chết con kiến, có đứa thì bước đi mà chẳng buồn để tâm. Những người không yêu động vật và cho rằng động vật không thể chung sống với con người có thể sẽ thông cảm với những hành động trên. Có thể nói rằng, tình yêu và lòng sùng bái động vật đều được quyết định bởi bản thân con người.

Mỗi quốc gia trên thế giới lại tôn thờ một tôn giáo khác nhau. Trong khi con người có thể phê phán đó là những truyền thống lạc hậu, thì trong thâm tâm họ lại cảm thấy cực kì bất an. Bởi vì lòng tôn sùng và tín ngưỡng đã trở thành một phần không thể thiếu trong con người họ. Người châu Âu sẽ nói: “Tín ngưỡng đã ngấm vào máu chúng tôi.” Tập quán đạo đức và tập quán xã hội đã tạo nên tính cách cũng như tình cảm của con người. Khi có điều đó, chúng ta mới trở thành một người Ấn Độ, Italy hay một người Anh điển hình. Tình cảm đó hình thành từ thuở thơ ấu của mỗi người dưới tác động của một sức mạnh thần bí, được các nhà tâm lí học gọi là “trí nhớ tiềm thức”.

Điều này còn đúng với hành vi, thần thái, điệu bộ mang tính tập quán của con người. Những đặc trưng này ở mỗi dân tộc là hoàn toàn khác nhau. Một số người châu Phi có khuynh hướng tâm lí đối phó với động vật hoang dã, một số khác nỗ lực rèn luyện thánh giác, những người này có thánh giác vô cùng nhạy bén. Những gì một đứa trẻ tiếp thu được sẽ mãi mãi tồn tại trong trí não và làm nên tính cách của nó, cho dù sau này vì một số lí do nào đó mà những điều đã tiếp thu ấy sẽ không còn được sử dụng nữa thì nó vẫn mãi ở lại trong tiềm thức trẻ, bởi lẽ những thứ đã được thẩm thấu vào đầu trẻ thì sẽ vĩnh viễn không thể xóa bỏ hoàn toàn. “Trí nhớ tiềm thức” (có thể gọi là trí nhớ siêu việt) không chỉ tạo ra đặc tính cho cá thể, mà còn lưu giữ những đặc tính đó trong cá thể suốt đời. Những gì trẻ đã thẩm thấu sẽ vĩnh viễn là một phần trong đặc tính con người trẻ. Điều này cũng đúng với cơ thể và các cơ quan trong cơ thể người đó. Những thứ học được từ thuở còn thơ sẽ lưu dấu mãi mãi trên thân thể một con người.

Bất cứ nỗ lực nào nhằm thay đổi một người trưởng thành cũng đều là vô ích. Khi ta nói: “Người này thật chẳng có ý thức” hoặc khi một người nào đó tỏ ra lười biếng, ta sẽ rất dễ làm anh ta tổn thương hoặc xấu hổ, đồng thời anh ta cũng nhận ra được khuyết điểm của mình. Nhưng anh ta sẽ chẳng thay đổi khuyết điểm đó, bởi vì nó đã bám rễ trong anh ta từ lâu lắm

rồi.

Chúng ta có thể căn cứ vào đó để giải thích sự thích ứng của trẻ. Một người sinh ra trong thời cổ đại sẽ không thể nào hiểu được cuộc sống của người hiện đại. Trẻ nhỏ có thể thích ứng nhanh chóng với trình độ văn minh của thời đại mà chúng ra đời. Cho dù trình độ văn minh đó cao hay thấp thì trẻ cũng sẽ tự biến mình thành một người phù hợp với nó. Điều này chứng tỏ chức năng chính trong tính cách cá nhân của trẻ là có tính thích ứng. Trẻ phải xây dựng một loại mô thức hành vi để có thể tự do hòa nhập vào thế giới và từ đó tạo ảnh hưởng đến thế giới đó.

Ngày nay, chúng ta cần coi trẻ là sợi dây gắn kết những thời đại lịch sử khác nhau và những trình độ văn minh khác nhau. Thời kì sơ sinh là một giai đoạn vô cùng quan trọng, bởi nếu muốn đưa vào những tư tưởng mới, cải thiện phong tục tập quán của con người và tiếp thêm sinh lực cho những đặc điểm tự nhiên thì chúng ta phải coi trẻ là công cụ chính, người trưởng thành sẽ không thể nào hoàn thành được nhiệm vụ này. Chỉ có trẻ mới có thể hoàn thành sứ mệnh thắp lên ngọn đuốc truyền bá nền văn minh.

Sau khi chế độ thực dân Anh ở Ấn Độ kết thúc, có một vị quan chức ngoại giao thường cho phép người bảo mẫu đưa hai đứa con của mình về gia đình của bà ăn cơm bốc như những người Ấn Độ bình thường, với mong muốn bọn trẻ sẽ trưởng thành trong một môi trường không có sự phân biệt đối xử. Cách ăn uống độc đáo này của người Ấn cũng khiến người châu Âu cảm thấy thích thú. Chính những thói quen hàng ngày và cảm giác đối địch nảy sinh từ những thói quen đó là căn nguyên của mọi cuộc chiến giữa người với người. Đương nhiên, nếu muốn khôi phục những truyền thống xưa cũ, chúng ta cũng phải cầu viện tới sự trợ giúp của trẻ.

Chúng ta có thể thông qua trẻ nhỏ để tạo ảnh hưởng tới tiến trình xã hội, vì thế chúng ta cần hiểu được tầm quan trọng của trường mầm non. Chính những sinh linh nhỏ bé này đã tiến hành sáng tạo ra xã hội loài người, nên chúng ta cần tạo cho trẻ một môi trường phát triển phù hợp.

Môi trường chính là vật dẫn giúp giáo dục có ảnh hưởng đến trẻ, bởi trẻ thẩm thấu và học tập mọi thứ từ môi trường xung quanh mình để rồi từ đó hình thành nên tính cách của bản thân. Trẻ có thể trở thành sợi dây kết nối thế hệ trước với thế hệ sau, có thể trở thành người sáng tạo. Trẻ mang lại cho chúng ta niềm hi vọng to lớn và nhiều quan niệm mới lạ. Là nhà giáo dục, chúng ta cần đưa con người đạt tới trình độ phát triển cao hơn, sâu sắc hơn, và vì thế chúng ta có rất nhiều việc phải làm. Điều này có nghĩa là cần coi mỗi đứa trẻ từ giây phút chào đời đầu tiên đã là một sự sống có năng lực tâm lí đặc biệt và coi đó là căn cứ để tiến hành giáo dục. Trên thực tế, thế giới tâm lí của trẻ sơ sinh đã bắt đầu được quan tâm nhiều hơn, thậm chí có thể là nguồn gốc của một môn khoa học mới. Ngày nay, về phương diện thể chất, đã có phòng khám nhi khoa chuyên trị các loại bệnh cho trẻ em.

Nhưng nếu nói một đứa trẻ sơ sinh đã có đời sống tâm lí, vậy thì đứa trẻ đó hẳn đã có đời sống tâm lí từ trước khi được sinh ra, nếu không sau khi chào đời, trẻ đã không thể có sẵn điều này như vậy. Trên thực tế, đời sống tâm lí đã tồn tại ngay từ giai đoạn bào thai. Khi quan điểm này được mọi người đón nhận thì một cuộc tranh cãi khác đã nổ ra, đó là bào thai bắt đầu có hoạt động tâm lí từ thời điểm nào? Bởi như chúng ta đã biết, một đứa trẻ sinh non vào tháng thứ 7 đã có thể tồn tại một cách khỏe mạnh, chứng tỏ đời sống tâm lí của trẻ đã sẵn có vào thời điểm tháng thứ 7. Điều này cho thấy tất cả sự sống đều có tâm lí, mỗi loài sinh vật sẽ có một sức mạnh tinh thần và tâm lí đặc trưng nhất định, cho dù đó chỉ là sinh vật bậc thấp. Khi quan sát sinh vật đơn bào, chúng ta sẽ thấy chúng cũng có khả năng cảm nhận, biết tránh xa nguy hiểm và biết tìm kiếm thức ăn.

Tuy nhiên, trước đây không lâu, các nhà khoa học vẫn nhận định rằng, trẻ nhỏ không có năng lực tâm lí. Ngày nay, quan điểm trẻ nhỏ có năng lực tâm lí đã được giới khoa học chấp nhận, trong khi trước đó quan điểm này bị coi thường.

Rất nhiều thực tế đã bắt đầu hé lộ và thu hút sự chú ý của những người trưởng thành. Những

thực tế đó cho thấy rõ ràng, người lớn cần phải có trách nhiệm hơn. Vấn đề sinh nở đã kích thích trí tưởng tượng của nhân loại. Nó không chỉ thể hiện ở các phương pháp trị liệu tâm lý, mà còn thể hiện ở các tác phẩm văn học. Các nhà tâm lý học thường xuyên nhắc tới cụm từ “cuộc hành trình sinh nở đầy đau đớn”. Tuy nhiên, cụm từ này không nhằm vào người mẹ, mà là nói tới bản thân đứa trẻ. Phải chịu đựng nỗi đau đớn mà không thể biểu đạt thành lời, trẻ chỉ có thể cất tiếng khóc để báo hiệu sự kết thúc của hành trình gian khổ đó.

Trẻ không tự nguyện đột ngột đến với thế giới xa lạ này, môi trường nơi đây hoàn toàn khác với môi trường trẻ từng sống. Trẻ buộc phải thích nghi với môi trường mới mà không thể dùng lời nói để mô tả lại quá trình gian khổ đó. Các nhà tâm lý học hiện đại dùng cụm từ “nỗi sợ khi chào đời” (hay “cú sốc khi chào đời”) để miêu tả thời khắc quan trọng và mang tính quyết định này trong đời sống tinh thần của trẻ sơ sinh. (Cụm từ này được nhắc đến lần đầu tiên trong lý luận *Vết thương khi chào đời* năm 1923 của Otto Rank – thể hệ học trò đầu tiên của Freud. Tuy những lý thuyết của ông chưa được chấp nhận hoàn toàn, nhưng khái niệm “cú sốc khi chào đời” đã đứng vững trong lĩnh vực phân tâm học).

Điều chúng ta thảo luận ở đây là nỗi sợ vô thức. Nếu biết nói, trẻ sẽ kêu lên rằng: “Tại sao lại đưa tôi đến thế giới đáng sợ này? Tôi biết làm gì đây? Làm sao sống được trong môi trường mới này? Làm sao chịu đựng được những âm thanh khủng khiếp này? Làm sao gánh vác được những chức năng mà trước đó các cơ quan trong cơ thể mẹ đã làm cho tôi? Làm thế nào để học được cách hít thở và tiêu hóa? Làm thế nào mới có thể chịu đựng được sự biến động thời tiết lớn đến thế? Hơi ấm của cơ thể mẹ là mãi mãi.”

Trẻ không hề có ý thức về mọi chuyện đã diễn ra, trẻ không thể biết được nỗi đau đớn khi ra đời, nhưng nỗi đau này chắc chắn đã mãi mãi để lại dấu ấn trong tiềm thức của trẻ. Trẻ có thể cảm nhận được điều đó trong tiềm thức và giải tỏa nỗi đau đớn đó bằng tiếng khóc. Những nghiên cứu về lĩnh vực này đã đem lại kết luận rằng, chúng ta cần trợ giúp trẻ thích ứng với thế giới này. Chúng ta không được phép quên rằng, một đứa trẻ vừa chào đời cũng có cảm giác sợ hãi. Khi đưa trẻ vào chậu nước tắm, trẻ sẽ có động tác “tóm” như thể sợ bị rơi xuống. Đó là một phản ứng điển hình với nỗi sợ hãi. Vậy tạo hóa đã giúp đỡ trẻ như thế nào? Chắc chắn tạo hóa đã chuẩn bị sẵn cho trẻ, ví dụ, người mẹ sẽ ôm trẻ vào ngực theo bản năng, điều đó có thể ngăn chặn ánh nắng mặt trời trực tiếp chiếu vào trẻ. Tất cả những điều này diễn ra như thể trong tiềm thức của người mẹ đã ý thức được những nguy hiểm từ thế giới bên ngoài đối với trẻ. Mẹ sẽ ôm chặt trẻ vào lòng, ủ ấm cho trẻ, che chở trẻ khỏi mọi hiểm nguy.

Những biện pháp bảo vệ con của con người dường như không tích cực như động vật. Ví dụ, chúng ta chắc hẳn từng chứng kiến cảnh mèo mẹ giấu con vào góc tối, khi có người đến gần, nó sẽ tỏ ra vô cùng hung dữ. Bản năng bảo vệ con của con người không dữ dội như động vật, hơn nữa bản năng này có thể dễ dàng biến mất. Sau khi sinh ra, ít khi xảy ra tình trạng trẻ bị cướp đi như loài vật, chúng ta có thể tắm rửa, thay đồ cho trẻ, có thể đưa trẻ ra dưới ánh nắng để ngắm nghía màu mắt của trẻ. Chúng ta thích coi trẻ là một thứ gì đó thú vị hơn là một con người đơn thuần. Đó là vì lý tính của con người đã vượt qua bản năng, vì chúng ta đã quên cho rằng trẻ không có đời sống tâm lý.

Hiển nhiên, chúng ta cần nghiên cứu khoảng khắc chào đời của con người một cách độc lập. Điều này thường không liên quan đến đời sống tâm lý của trẻ. Sự chào đời của trẻ là một khúc nhạc. Lịch sử tự nhiên cho ta biết, tạo hóa đã ban tặng cho động vật có vú khoảng khắc đầy trí tuệ này. Trước khi một con thú non ra đời, mẹ của nó sẽ cách li khỏi cả đàn trong một khoảng thời gian, cho đến sau khi con non ra đời mới thôi. Hiện tượng này càng rõ nét hơn đối với các động vật quần cư như ngựa, bò, voi, sói, hươu, chó... Con non mới chào đời sẽ tranh thủ khoảng thời gian cách li với bầy đàn để học cách thích nghi với môi trường. Khi được ở một mình cạnh thú mẹ, thú non sẽ được mẹ bảo vệ và chăm sóc. Trong khoảng thời gian này, con non sẽ phát triển đến mức có năng lực tương đương với thú trưởng thành. Con non sẽ liên tục đưa ra phản ứng với những kích thích từ môi trường, dần dần trở nên mạnh mẽ như những con thú trưởng thành khác. Vì vậy khi quay trở lại với bầy đàn, con non đã có thể sinh sống như một cá thể bình thường trong đó. Đến lúc đó, về cả thể chất lẫn tinh thần, con non đã trang bị đủ để được gọi là “ngựa con”, “chó con” hay “nghe”.

Có thể nhiều người đã để ý thấy rằng, những động vật có vú đã được thuần hóa vẫn giữ bản năng nguyên thủy của chúng trong việc chăm sóc con non. Chó, mèo nuôi ở nhà có bản năng ủ ấm cho con, chúng vẫn giữ bản năng từ thời sống hoang dã, giữ truyền thống con non phải ở bên cạnh mẹ. Kể cả khi con non đã rời xa mẹ thì chúng vẫn là một phần của cơ thể mẹ. Đó chính là phương pháp tốt nhất khiến con non dần dần thích nghi với môi trường sống.

Vì vậy, chúng ta không thể không lí giải như sau về giai đoạn quan trọng này: Bản năng của loài ở động vật sẽ được đánh thức sau giai đoạn sinh nở. Không phải môi trường khắc nghiệt kích thích bản năng thích ứng với môi trường ở động vật mà chính những hành vi đó sẽ thúc đẩy sự phát triển của bản thân con vật.

Hiện tượng này không chỉ xảy ra ở các loài động vật mà còn đúng với cả loài người. Thứ chúng ta bàn đến không chỉ là một thời khắc khó khăn, mà còn là một thời khắc có tính quyết định với cả tương lai. Đó là sự thức tỉnh bản năng tiềm tàng. Bản năng tiềm tàng này sẽ khiến trẻ (được chúng ta gọi là “phôi thai tinh thần”) thực hiện được nhiều công việc mang tính sáng tạo, bởi vì mỗi giai đoạn cơ thể có sự thay đổi quan trọng, chúng ta đều có thể quan sát được một số dấu hiệu rõ ràng. Đứa trẻ sau khi sinh ra được cắt dây rốn chính là một trong những dấu hiệu đó. Giai đoạn đầu tiên đó vô cùng quan trọng, đó là thời điểm mà sức mạnh tiềm tàng của con người được thức tỉnh.

Vì vậy chúng ta không chỉ cần chú ý đến cái gọi là “cú sốc khi chào đời” mà còn phải chú ý tới một loạt hành vi kéo theo của nó. Tuy trẻ không có mô thức hành vi bẩm sinh (giống như động vật khác), nhưng trẻ có được một loại sức mạnh tiềm tàng thúc đẩy sản sinh ra các hành vi. Trong trí nhớ của trẻ, không có thứ mang tên là “di truyền”, nhưng trẻ sẽ trải qua giai đoạn sức mạnh tiềm tàng làm nảy sinh những nhu cầu bức thiết. Sức mạnh này giúp trẻ học hỏi từ môi trường xung quanh và định hình tính cách của bản thân. Chúng ta gọi những nhu cầu vô hình này là “tinh vân” (Sự thức tỉnh của tinh vân và sự thức tỉnh bản năng hành vi của động vật có mối liên hệ nhất định. Nó là sự thức tỉnh sau giai đoạn sinh nở, tâm lí khỏe mạnh thời kì này là điều vô cùng quan trọng). Động vật sau khi ra đời đã được di truyền bản năng này, chúng có thể hoạt động và kiểm soát bản thân một cách tự nhiên, đồng thời cũng có thể lựa chọn phương thức phòng ngự và thức ăn phù hợp.

Con người phải chuẩn bị sẵn sàng cho thời khắc bắt đầu bước chân vào đời sống xã hội. Một đứa trẻ sau khi chào đời phải thích ứng với xã hội mà nó đang sinh sống. Đó không phải là bản năng sẵn có ngay từ thuở lọt lòng, mà được hình thành sau đó. Việc quan trọng nhất sau khi ra đời của trẻ chính là thích ứng, bởi loài người không có mô thức hành vi mang tính bản năng như các loài vật khác.

Ghi nhớ đặc trưng này của trẻ, hiện nay chúng ta đang nghiên cứu sự phát triển của trẻ như là một cơ chế phổ biến, điều này thật thú vị.

Một đứa trẻ mà thể chất còn rất lâu nữa mới phát triển thành thực đã buộc phải không ngừng hoàn thiện bản thân cho đến khi trở thành một con người thực sự. Không giống như động vật, vừa chào đời đã có bản năng riêng và bắt đầu tiếp xúc với môi trường xung quanh, dù đã ra đời, trẻ vẫn phải tiếp tục hành trình phôi thai của mình, hình thành một loạt bản năng của con người.

Vì trong con người trẻ không tồn tại sẵn một thứ gì, nên trẻ buộc phải tự xây dựng đời sống tinh thần, xây dựng cơ chế biểu đạt với bên ngoài.

Sinh linh bé nhỏ này thậm chí còn chưa tự nâng nổi đầu mà đã phải bắt đầu một hành trình quan trọng. Từ học đứng, rồi học đi, trẻ dần dần hòa nhập vào thế giới này.

Tiềm năng to lớn này của trẻ khiến chúng ta nhớ lại phát hiện của Kessen, đó là các cơ quan được hình thành sau khi hình thành trung khu thần kinh. Vì vậy, loại hình tâm lí của hành vi của trẻ được hình thành trước khi trẻ có thể thực hiện hành vi. Khởi điểm của quá trình phát triển ở trẻ vốn không nằm ở phương diện thể chất mà là ở phương diện tinh thần.

Phương diện tối quan trọng trong sự phát triển của con người chính là phương diện tâm lí,

bởi mọi hoạt động của con người đều diễn ra dưới sự kiểm soát và chỉ đạo của tinh thần. Trí tuệ làm nên sự khác biệt giữa con người với các loài vật, sự hình thành trí tuệ là yếu tố mấu chốt, các phương diện khác chỉ có thể đứng phía sau nó mà thôi.

Trẻ vừa ra đời, các cơ quan trong cơ thể còn chưa hoàn thiện, xương còn chưa hoàn toàn cứng, dây thần kinh còn chưa được bao phủ bởi myelin và vì thế không có cách nào truyền đi mệnh lệnh của đại não. Vì vậy cơ thể trẻ vẫn còn nằm trong giai đoạn phản ứng chậm chạp.

Vì vậy sau khi được sinh ra, đầu tiên con người sẽ phát triển trí tuệ, trên cơ sở đó sẽ hình thành và phát triển các cơ quan khác nhau.

Sự phát triển của trẻ bao gồm nhiều phương diện, mỗi phương diện đều tuân thủ quy luật nhất định. Những nghiên cứu về sự phát triển của trẻ sau khi ra đời đã chỉ rõ, sau khi hộp sọ của trẻ phát triển, thóp liền, các khớp sọ dần khít thì kết cấu của toàn bộ cơ thể bắt đầu có sự thay đổi, tiến trình xương hóa cũng dần hoàn thành. Lúc này, dây thần kinh cột sống cũng đã được bao phủ bởi myelin, tiểu não giúp cân bằng các cơ quan trong cơ thể ban đầu có kích thước rất nhỏ, lúc này cũng bắt đầu phát triển nhanh chóng, đạt tỉ lệ phù hợp với bán cầu não. Cuối cùng, tuyến nội tiết và hệ tiêu hóa có liên quan với các tuyến này dần dần hình thành.

Đó là những gì chúng ta đều đã biết, nó cho thấy sự trưởng thành của cơ thể là một quá trình liên tục, diễn ra đồng bộ, hài hòa với sự phát triển của hệ thống thần kinh. Ví dụ, nếu tiểu não chưa phát triển tới trình độ thành thục thì trẻ sẽ không thể nào giữ thăng bằng, không thể biết đứng và biết ngồi vững vàng.

Giáo dục và luyện tập không thể có tác động nào lên khả năng này. Để trở nên thành thục, các cơ quan vận động dần dần tiếp nhận mệnh lệnh của đại não, đồng thời tiến hành vận động một cách mơ hồ để có thể tiếp thu kinh nghiệm từ môi trường xung quanh.

Thông qua luyện tập và những kinh nghiệm này, sự vận động của trẻ trở nên nhịp nhàng, cho đến khi có thể hoàn thành tốt mệnh lệnh mà não bộ đưa ra.

Không giống với động vật khác, con người không thể vừa sinh ra đã biết hoạt động nhịp nhàng mà cần có một quá trình mới có thể làm được điều đó. Trong não trẻ không có gì được lập trình trước, trẻ phải tự mày mò. Các loài vật khác vừa sinh ra đã biết đi, biết chạy, biết nhảy, chúng có thể nhanh chóng thực hiện được các động tác cực kì khó. Ví dụ một loài vật được di truyền khả năng nhảy thì con non vừa ra đời đã có thể nhảy qua các chướng ngại vật một cách nhanh nhẹn.

Còn con người thì không có được khả năng đó, nhưng bù lại, con người được tạo hóa ban tặng khả năng tiếp thu kĩ năng vận động bẩm sinh. Con người có thể học được tất cả các hoạt động khó và đòi hỏi kĩ thuật, ví dụ như vận động viên thể thao, phi công, diễn viên múa, nhạc sĩ, nghệ sĩ dương cầm...

Tất cả những hoạt động này không phải là kết quả của sự thành thục của các cơ quan vận động, mà là kết quả có được nhờ kinh nghiệm vận động và thực hành, hay nói cách khác, chính là kết quả của giáo dục. Từ xuất phát điểm giống nhau, mỗi người sẽ học được những kĩ năng vận động và phát triển chúng lên mức tối đa.

Chúng ta cần phân biệt thêm vài điểm trong sự phát triển của trẻ. Để làm rõ quan điểm, tôi buộc phải chấp nhận một thực tế là cơ thể là nền tảng vật chất cho vận động, nhưng cơ thể phải đạt đến một mức độ thành thục nhất định, còn sự phát triển tâm lí thì lại không bị lệ thuộc vào điểm này. Vì ta biết rằng, tinh thần là thứ đầu tiên phát triển trong con người, sự phát triển của các cơ quan bắt đầu sau sự hình thành tinh thần và do tinh thần kiểm soát. Sau khi các cơ quan bắt đầu vận động, tinh thần sẽ đạt thêm một bước tiến nữa. Thông qua vận động, hoạt động tâm lí sẽ tiếp nhận thêm kinh nghiệm từ môi trường xung quanh. Bởi vậy, nếu các cơ quan vận động của trẻ sau khi phát triển mà bị kìm hãm thì sự phát triển tâm lí của trẻ trong phương diện này cũng bị hạn chế. Dù sự phát triển tâm lí là vô hạn, nhưng nó lại được quyết định phần lớn bởi sự phát huy tác dụng của các cơ quan vận động, trong khi các cơ quan vận động lại phát triển một cách tự chủ.

Sự phát triển tâm lí có liên quan với một thứ thần bí hơn nhiều, đó chính là tác dụng của nó trong tương lai, hay nói cách khác là những nhiệm vụ nó phải hoàn thành. Mỗi cá thể người đều có khả năng hoàn thành quá trình này, nhưng chúng ta không thể quan sát năng lực này ở một đứa trẻ đang thuộc giai đoạn “phôi thai tinh thần”.

Trong giai đoạn này, chúng ta chỉ thấy rằng, đứa trẻ nào cũng giống nhau như ta thường nói: “Đứa trẻ sơ sinh nào cũng như nhau, trẻ đều lớn lên dưới những quy luật giống nhau.” Sự phát triển đại não của trẻ gần giống với phôi thai. Quá trình phân li tế bào cũng trải qua những giai đoạn giống nhau, chúng ta hầu như không tìm được điểm khác biệt giữa phôi này với phôi khác. Nhưng rồi những tế bào này lại phát triển thành những loài vật hoàn toàn khác nhau như: thần lằn, chim, thỏ. Tất cả phôi thai đều khởi đầu như nhau, nhưng kết thúc thì hoàn toàn khác nhau.

Vì vậy chúng ta nói rằng, cho dù là thiên tài, nghệ sĩ, lãnh tụ, thánh nhân hay người bình thường, tất cả đều phát triển từ “phôi thai tinh thần”. Những người bình thường cũng có những tính cách không giống nhau và có vị trí khác nhau trong kết cấu xã hội. Rõ ràng con người không giống như động vật bậc thấp, bị hạn chế bởi di truyền, làm những việc giống nhau bằng những phương thức khác nhau.

Nhưng chúng ta không thể dự đoán được quá trình phát triển sau đó và kết cục khác nhau của những phôi thai này, cũng không thể xem xét nó trong giai đoạn hình thành phôi thai.

Việc duy nhất chúng ta làm được trong giai đoạn này là hỗ trợ sự phát triển của trẻ. Đây là giai đoạn đầu tiên trong quá trình thích ứng của loài người. Nếu có thể mang lại sự trợ giúp nhất định cho những nhu cầu của con người trong giai đoạn này thì năng lực cá nhân của họ sẽ được nâng cao hơn nhiều trong tương lai.

Vì vậy chỉ có một phương pháp duy nhất để giáo dục những đứa trẻ non nớt này. Nếu giáo dục bắt đầu ngay từ khi con người vừa chào đời, vậy thì giáo dục phải phù hợp với những điều kiện trong giai đoạn đó. Trình tự giáo dục với trẻ em Ấn Độ, châu Á hay châu Âu, dù ở tầng lớp nào thì cũng giống nhau. Chúng ta chỉ có thể áp dụng phương pháp tuân thủ quy luật phát triển tự nhiên của con người. Bất cứ đứa trẻ nào cũng có nhu cầu tâm lí như nhau, cũng đều phải trải qua những giai đoạn phát triển giống nhau.

Đó không phải là thứ mà chủ quan con người có thể quyết định được, cũng không phải là thứ mà một nhà triết học, tư tưởng hay nhà công tác thực tiễn nào có thể thay đổi được. Chính tự nhiên đã xây dựng nên nguyên tắc, quyết định nhu cầu trong tiến trình phát triển của loài người. Chỉ có tự nhiên mới được đưa ra quyết định việc giáo dục phải tuân theo phương pháp nào. Phương pháp đó được quyết định bởi mục tiêu nhất định là thỏa mãn nhu cầu và quy luật của sự sống.

Sự phát triển tự thân trẻ tuân theo nhu cầu và quy luật này. Vẻ yên bình, vui vẻ và những nỗ lực không ngừng của trẻ đã chứng minh điều này. Nhiệm vụ của chúng ta là tìm hiểu cặn kẽ và tạo điều kiện tốt hơn cho sự phát triển của trẻ.

Hiện nay, tâm lí trị liệu đưa ra một thời điểm tạm thời có tính quyết định trong khoảng thời gian sau sinh, đó là lúc chào đời. Cách làm này dựa trên cơ sở lí luận của Freud, đồng thời cũng có thêm những luận chứng và luận cứ riêng. Nó nằm giữa khái niệm “triệu chứng hồi quy” trong “cú sốc khi chào đời” và “triệu chứng áp lực” có liên quan tới môi trường trong giai đoạn trưởng thành. Hồi quy không tương đồng với áp lực. Những triệu chứng này cho thấy một khuynh hướng vô thức của trẻ sơ sinh, đó là quay lại với cơ thể mẹ chứ không tiếp tục trưởng thành.

Ngày nay, chúng ta đã biết rằng “cú sốc khi chào đời” không chỉ khiến trẻ khóc lóc và chống cự mà còn khiến trẻ phát triển theo một cách không bình thường. Kết quả sẽ làm nảy sinh sự thay đổi tâm lí hoặc sức mạnh tinh thần. Trẻ sẽ phát triển theo một hướng dị thường.

Đứa trẻ vừa chào đời vẫn lưu luyến trạng thái trước khi được sinh ra và từ chối lớn lên. Hầu như đứa trẻ nào cũng ít nhiều mắc triệu chứng hồi quy. Trẻ có cảm giác không thể thích ứng

trong thời khắc chào đời, trong sâu thẳm nội tâm trẻ dường như muốn nói: “Tôi muốn trở lại trong bụng mẹ.” Trẻ sơ sinh ngủ nhiều được coi là hiện tượng bình thường, nhưng nếu việc này kéo dài quá lâu thì lại không còn bình thường nữa. Freud coi đó là sự trốn chạy của trẻ. Trẻ có cảm giác muốn thu mình lại trước sự sống và thế giới mà trẻ phải đối mặt.

Mặt khác, giấc ngủ có thể thúc đẩy khai thác tiềm thức. Khi gặp phải khó khăn quá lớn, chúng ta sẽ rất muốn ngủ một giấc, bởi trong khi ngủ ta chỉ phải đối diện với những giấc mơ chứ không phải là thế giới hiện thực, không cần phải đấu tranh với cuộc đời. Giấc mơ là “trại tị nạn” cho người trốn chạy khỏi thế giới hiện thực. Chúng ta cũng cần lưu tâm hơn đến tư thế ngủ. Tư thế ngủ tự nhiên của trẻ sơ sinh là hai tay đặt gần mặt, chân co lên. Ta cũng có thể bắt gặp tư thế này ở một vài người trưởng thành, nó cho thấy con người có khuynh hướng quay lại tư thế nằm trong tử cung trước kia. Một triệu chứng hồi quy khác thể hiện ở tiếng khóc của trẻ khi tỉnh dậy, dường như trẻ cảm thấy sợ hãi khi lại phải đối mặt với cái thế giới khó chịu này. Trẻ còn thường gặp ác mộng, điều này không thể làm tăng thêm thiện cảm của trẻ dành cho thế giới này.

Sau khi trưởng thành, hiện tượng hồi quy này có thể thể hiện thông qua sự dựa dẫm vào người khác. Dường như con người đều sợ sự đơn độc. Khuynh hướng dựa dẫm này không phải vì vui thích mà là vì sợ hãi. Những đứa trẻ nhút nhát luôn thích ở cạnh một ai đó, đặc biệt là thích ở cạnh mẹ. Trẻ không thích ra ngoài, chỉ thích ở nhà, tách biệt với thế giới bên ngoài. Những thứ ngoài kia đáng lẽ có thể khiến trẻ vui thích thì lại khiến chúng cảm thấy sợ hãi. Trẻ cảm thấy lạ lẫm khi đối diện với môi trường mới, môi trường đáng lẽ phải thu nhận trẻ thì lại cự tuyệt trẻ. Nếu trẻ sơ sinh tỏ ra sợ hãi trước môi trường xung quanh mình, thì đó sẽ là trở ngại cho sự phát triển bình thường của bé. Những đứa trẻ như vậy trong tương lai nhất định sẽ ngang bướng và khó hòa nhập với thế giới. Đối với trẻ, việc tiếp thu mọi thứ từ môi trường xung quanh là một việc khó khăn và không thể hoàn thành. Có thể dùng một câu nói để hình dung về cuộc đời của những người này: “Đời là bể khổ”. Trẻ chán ghét mọi thứ, ngay cả việc hít thở cũng khiến trẻ thấy mệt mỏi. Những việc mà trẻ làm đều đi ngược lại lẽ thường. Kiểu trẻ này cần được nghỉ ngơi và ngủ nhiều hơn người khác, khả năng tiêu hóa cũng yếu hơn. Chúng ta có thể tưởng tượng tương lai của những đứa trẻ này sẽ ra sao, hơn nữa triệu chứng này rất khó sửa đổi, có khi sẽ theo suốt cả cuộc đời. Những đứa trẻ như vậy thường thích khóc lóc, cầu viện sự giúp đỡ của người khác, lười biếng, tâm trạng bị ức chế. Khi trưởng thành, những người này khó hòa nhập với xã hội, không thích gặp người lạ, rất nhút nhát. Khả năng cạnh tranh của họ cũng yếu, luôn cần được cổ vũ và giúp đỡ.

Đó là mặt tiêu cực khá lớn của tâm lý tiềm thức. Nó không tồn tại trong trí nhớ có ý thức của chúng ta mà tồn tại trong tiềm thức. Có thể bề ngoài chúng ta dường như chẳng còn nhớ gì cả, nhưng những ký ức vẫn lưu lại trong ta dưới dạng “trí nhớ tiềm thức”, nó trở thành một phần trong tính cách con người.

Đó là nguy cơ lớn mà con người phải đối mặt. Những đứa trẻ mà trong quá trình phát triển không nhận được sự chăm sóc thích đáng, sau khi khôn lớn sẽ muốn trả thù xã hội. Đó là do sự vô tri của chúng ta, hậu quả của nó đáng sợ hơn nhiều so với sự đối đãi vô tri của ta với những người trưởng thành.

Sự thay đổi của nó tạo ra trở ngại lớn trong tình cảm của cá nhân, những người này sẽ là trở ngại cho sự phát triển của thế giới.

Các chuyên gia tâm lý đặc biệt coi trọng tác dụng của thời khắc chào đời này đối với đời sống tâm lý của con người, đó cũng là điều mà tôi đã nhấn mạnh ở trên. Chúng ta vừa bàn luận về tính nguy hiểm của hiện tượng hồi quy, đồng thời chúng ta cũng cần xem xét phương thức động vật có vú bảo vệ con non của mình. Các nhà tự nhiên chủ nghĩa cho rằng, vài ngày sau khi chào đời, sự chăm chút tỉ mỉ của mẹ sẽ đánh thức bản năng sinh vật của động vật. Chúng ta có thể căn cứ vào đó để hiểu sâu hơn về tâm lý của trẻ nhỏ.

Chúng ta cần coi trọng khả năng thích ứng của trẻ với thế giới xung quanh, đồng thời cũng cần coi trọng ảnh hưởng của khoảnh khắc chào đời đối với trẻ, và vì vậy cần đối xử với trẻ theo

một cách đặc biệt. Người mẹ và đứa trẻ phải đối mặt với những nguy cơ khác nhau, nhưng nổi bật và thì ngang nhau. Đối với trẻ, những rủi ro thể chất là rất lớn, nhưng so với nguy cơ về tâm lý thì vẫn nhỏ hơn nhiều. Nếu “cú sốc khi chào đời” là nguyên nhân của tình trạng hồi quy thì đứa trẻ nào cũng sẽ mắc phải tình trạng này. Đó là lý do vì sao chúng ta nghiêng về giả thiết đúng với cả con người và các loài vật khác. Những ngày đầu tiên sau khi chào đời, rõ ràng sẽ xảy ra một sự việc vô cùng quan trọng. So sánh với sự thức tỉnh hành vi di truyền ở động vật có vú, dường như ở trẻ cũng phát sinh những sự việc tương tự. Dù trẻ không có mô thức hành vi di truyền sẵn để tuân thủ, nhưng trẻ có khả năng học tập những mô thức hành vi đó. Khả năng tiềm tàng này có thể phát huy bằng việc tiếp thu, học hỏi từ môi trường xung quanh.

Vì thế chúng ta đưa ra khái niệm “tinh vân”, so sánh sự sáng tạo để tiếp thu tri thức từ môi trường xung quanh của trẻ với sự bắt nguồn của “tinh vân”. Khoảng cách giữa các thiên thể trong tinh vân rất xa, nhưng nhìn từ một hành tinh khác thì dường như chúng khá gần nhau. Tương tự như vậy, trẻ thu được kích thích và khả năng học tập ngôn ngữ. Đó không phải là thứ ngôn ngữ mà trẻ vừa được sinh ra đã biết, mà là trẻ dần dần học được từ môi trường, dưới một số quy luật chi phối nhất định. Nhờ năng lực kiểu “tinh vân” này mà trẻ có khả năng phân biệt cách phát âm khác nhau. Cũng chính bởi tiềm năng này, trẻ mới dần học được cách sử dụng ngôn ngữ, đồng thời dùng phương thức tương tự để tiếp thu tập quán và truyền thống xã hội, khiến bản thân trở thành một phần của cả một quần thể sinh sống.

“Tinh vân” ngôn ngữ vốn không quy định trẻ phải học một ngôn ngữ nhất định nào đó, nó yêu cầu trẻ sau khi sinh ra phải học thứ ngôn ngữ từ môi trường mà nó đang sống. Thời gian và trình tự học nói của trẻ em ở các quốc gia trên thế giới hầu như không có sự khác biệt.

Rõ ràng trẻ không được di truyền một loại hình ngôn ngữ nào mà chỉ di truyền khả năng học tập ngôn ngữ thông qua hoạt động vô thức. Tiềm năng này giống như gen của tế bào mầm, có thể kiểm soát một cách chính xác một cơ quan phức tạp và tinh vi trong tế bào, đó chính là thứ chúng ta gọi là “tinh vân ngôn ngữ”.

Tương tự, tinh vân liên quan đến khả năng thích ứng của trẻ trước môi trường và mô thức hành vi của trẻ, chứ không phải là sự di truyền từ đời cha ông. Trình độ văn minh ngày nay của chúng ta không hề được di truyền, mà chỉ là trẻ nhỏ được di truyền khả năng học tập và tiếp thu từ môi trường mà thôi. Điều này cũng đúng với việc học tập các phương diện khác ở trẻ. Karel từng viết: “Con cháu của các nhà khoa học không thể có được tri thức của cha ông bằng phương thức di truyền, nếu bị bỏ rơi trên hoang đảo, chúng cũng sẽ giống hệt người Cro-Magnon.”[\(1\)](#)

Ở đây, tôi muốn làm rõ hơn quan điểm của mình. Độc giả có thể có ấn tượng rằng, nhắc đến tinh vân tức là nhắc đến rất nhiều loại sức mạnh bản năng khác nhau, chúng độc lập với nhau chứ không phải một quần thể. Nhưng cần nhớ, “tinh vân” ở đây chỉ là một hình ảnh so sánh. Hình thức công việc của đại não hoàn toàn khác với tinh thể. Đối với chúng ta, tổ chức tâm lý là một chỉnh thể các động thái, thông qua môi trường xung quanh chủ động tiếp thu tri thức để kiến thiết kết cấu của bản thân. Nó được điều khiển bởi một loại năng lượng (hành động có mục đích), điều này có sự khác biệt với tinh vân.

Giả sử tinh vân ngôn ngữ – vì một lý do nào đó mà không thể hoạt động, dẫn đến không thể học tập ngôn ngữ. Hiện tượng bất thường này sẽ dẫn đến việc một đứa trẻ có thính giác, thị giác và đại não hoàn toàn bình thường không thể nói được. Đây không phải là hiện tượng hiếm gặp. Tôi đã từng chứng kiến một vài trường hợp như vậy, các chuyên gia đã kiểm tra và kết luận tai và hệ thần kinh của trẻ hoàn toàn bình thường, việc tại sao trẻ không biết nói mãi mãi là một bí ẩn. Nghiên cứu những trường hợp này là một công việc thú vị. Ta hãy thử tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra trong vòng vài ngày sau khi những đứa trẻ ấy ra đời.

Điều này có thể giúp giải thích rất nhiều vấn đề nan giải trong rất nhiều lĩnh vực khác, ví dụ như vấn đề khả năng thích ứng với xã hội. Nó thậm chí còn có giá trị thực dụng cao hơn so với lý thuyết “cú sốc khi chào đời”. Tôi cho rằng, rất nhiều khuynh hướng hồi quy xảy ra là do chúng ta thiếu đi việc thúc đẩy khả năng thích ứng với xã hội của trẻ. Những đứa trẻ được nhắc

đến ở phần trên, có thể do thiếu tính nhạy cảm nên không muốn tiếp thu tri thức từ môi trường, hoặc đã tiếp thu một cách không chính xác. Trong mắt chúng, thế giới bên ngoài chẳng có gì hấp dẫn, chúng thiếu đi “lòng nhiệt tình với cuộc sống bên ngoài” trong khi đáng lẽ những đứa trẻ này phải tiếp thu tri thức từ đó để dần trở nên tự lập.

Đương nhiên, nếu việc tiếp thu tôn giáo, truyền thống và đặc trưng của chủng tộc không diễn ra theo cách thông thường thì sẽ dẫn tới những bất thường về đạo đức, những con người kiểu này sẽ trở nên không phù hợp với thời đại và bộc lộ nhiều triệu chứng hồi quy giống như chúng ta đã đề cập ở phần trên. Con người vốn được phú cho tính nhạy cảm và sáng tạo chứ không trực tiếp di truyền những mô thức hành vi nhất định. Nếu trẻ từ từ trở nên thích ứng với hoàn cảnh, vậy thì rõ ràng là tâm lí và tính cách con người đã được hình thành trên cơ sở những năm tháng đầu đời. Chúng ta sẽ tự hỏi vì sao sự nhạy cảm này đôi khi bị thiếu đi hoặc chậm phát triển? Chúng ta chưa thể trực tiếp trả lời câu hỏi này mà chỉ có thể tìm kiếm đáp án ở những người gặp phải trục trặc này, để thực tế chứng minh mọi điều.

Hiện tại, tôi có một ví dụ có thể sẽ giúp ích cho các nhà nghiên cứu. Có một cậu bé nọ không nghe lời, và cũng không thích học tập. Cậu gặp trục trặc trong việc phát triển nhân cách và không ai muốn thấu hiểu cậu. Cậu bé này rất xinh trai, thông minh và khỏe mạnh. Trong vòng 15 ngày sau khi được sinh ra, cậu từng bị suy dinh dưỡng trầm trọng, cân nặng sụt giảm nhanh chóng, chẳng mấy chốc chỉ còn da bọc xương, đặc biệt là khuôn mặt rất đáng thương. Người hộ lí chăm sóc cậu bé cảm thấy cậu thật xấu xí, thường gọi cậu là “da bọc xương”. Ngoài trừ khoảng thời gian hai tuần đầu tiên đó, những giai đoạn phát triển sau đó của cậu bé bình thường như bao đứa trẻ khác. Cậu lớn lên khỏe mạnh cường tráng, nhưng dường như đã bị mặc định sẽ trở thành một phần tử “có vấn đề”.

Đương nhiên hiện tại tồn tại rất nhiều giả thiết đang chờ được xác thực. Nhưng có một thực tế rất quan trọng là cảm giác của “tinh vân” chỉ đạo sự phát triển tâm lí của trẻ giống như gen quyết định trứng đã thụ tinh trở thành người như thế nào. Vì vậy, trong khoảng thời gian ngắn ngủi sau khi được sinh ra, chúng ta cũng nên dành cho trẻ sự chăm sóc đặc biệt giống như các loài động vật bậc cao khác. Ở đây chúng ta không chỉ bàn tới sự quan tâm dành cho trẻ một năm, một tháng sau sinh, cũng không chỉ là sự quan tâm chăm sóc về thể chất. Mục đích của chúng ta là khiến cha mẹ và những người thân trong gia đình của trẻ nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề chăm sóc trẻ. Chúng ta phải tôn trọng quy luật một cách thích đáng, mang lại cho trẻ sơ sinh những sự chăm sóc thiết yếu.

Chương 8

SỰ ĐỘC LẬP CỦA TRẺ

Việc trẻ muốn được độc lập chính là bước tiến cơ bản mà chúng ta gọi là “phát triển tự nhiên”. Nếu chúng ta quan tâm đúng mức tới sự phát triển tự nhiên của trẻ, trẻ sẽ dần dần có được sự độc lập. Điều này không chỉ đúng với phương diện tâm lí mà còn phù hợp trên phương diện thể chất.



N

ếu không gặp phải hiện tượng hồi quy, trẻ sẽ cố gắng có được sự độc lập về chức năng. Sự phát triển của trẻ sẽ trực tiếp đi theo hướng tự lập, như một mũi tên lao về phía trước. Một đứa trẻ vừa ra đời đã nhanh chóng bắt đầu quá trình độc lập của mình. Trong quá trình phát triển, trẻ không ngừng hoàn thiện bản thân, khắc phục khó khăn phía trước. Một sức mạnh quan trọng đang phát huy tác dụng bên trong con người trẻ, khiến trẻ không ngừng nỗ lực để đạt tới mục tiêu của mình. Sức mạnh này được các nhà khoa học gọi là “hành động có mục đích”. Nếu muốn tìm ra một thứ tương tự với kiểu “hành động có mục đích” này trong đời sống có ý thức của con người, thì đó có thể là cái mà chúng ta gọi là “ý muốn chủ quan”. Sự so sánh này chưa hoàn toàn chính xác. “Ý muốn chủ quan” thì bị hạn chế, nó là một phần trong ý thức của cá nhân. Còn “hành động có mục đích” thuộc về bản thân con người, có thể được coi là một động lực bẩm sinh, là khởi nguồn của sự tiến hóa. Sức mạnh quan trọng này có thể khiến trẻ thực hiện các loại hành vi trong quá trình trưởng thành. Nếu quá trình trưởng thành đó không bị bất cứ thứ gì làm phiền thì trẻ sẽ có được một “cuộc đời vui vẻ”. Trẻ sẽ trưởng thành tràn trề sức sống và niềm vui.

Việc trẻ muốn được độc lập chính là bước tiến cơ bản mà chúng ta gọi là “phát triển tự nhiên”. Nếu chúng ta quan tâm đúng mức tới sự phát triển tự nhiên của trẻ, trẻ sẽ dần dần có được sự độc lập. Điều này không chỉ đúng với phương diện tâm lí mà còn phù hợp trên phương diện thể chất, bởi vì thể chất cũng có xu hướng phát triển lên cao hơn, loại nhu cầu này rất mãnh liệt, chỉ có cái chết mới làm cho nó ngừng lại.

Sau đây chúng ta sẽ tiến hành nghiên cứu quá trình này và các giai đoạn trong đó. Sau khi ra đời, rời xa cái nôi là tử cung của mẹ, trẻ bắt đầu bước những bước đi độc lập đầu tiên, sau đó được trao cho một nguyện vọng mãnh liệt là đối diện với thế giới, học tập và tiếp thu tri thức. Có thể nói rằng, mỗi đứa trẻ vừa chào đời đã có “tâm lí chinh phục thế giới”. Thông qua việc học hỏi và tiếp thu tri thức từ thế giới xung quanh, trẻ hình thành nên cá tính của mình.

Đó là cột mốc đánh dấu giai đoạn đầu tiên sau khi trẻ chào đời. Nếu trẻ có khát khao chinh phục hoàn cảnh một cách mãnh liệt, thì thế giới trong mắt trẻ có thể nói là có sức hấp dẫn nhất định. Vì vậy chúng ta có thể nói (tuy không hoàn toàn chính xác) rằng trẻ đã yêu thế giới này, hay: “Đối với trẻ nhỏ, thế giới đầy rẫy những thứ kích thích cảm quan”.

Cơ quan bắt đầu hoạt động đầu tiên trong cơ thể trẻ chính là các giác quan. Nếu những giác quan này không tiếp nhận mọi thứ thì còn dùng để làm gì? Các cơ quan này có thể ghi nhớ kích thích từ thế giới bên ngoài, giúp trẻ định hình cá tính.

Khi nhìn ra xung quanh, chúng ta có thể nhìn thấy điều gì? Chúng ta có thể nhìn thấy mọi thứ. Chúng ta có thể nghe thấy gì? Chúng ta cũng có thể nghe thấy mọi loại âm thanh. Phạm vi cảm nhận của con người là vô cùng rộng lớn, nhưng không phải vừa ra đời chúng ta đã có thể phân biệt một loại âm thanh nào đó một cách dễ dàng. Thứ chúng ta nghe thấy đầu tiên là một loại âm thanh hỗn tạp. Sau đó, nhờ có quá trình tích lũy kinh nghiệm, chúng ta mới có thể phân biệt các loại âm thanh khác nhau. Điều này hoàn toàn phù hợp với tâm lí học cấu trúc.

Đó là hình thái phát triển tâm lí bình thường ở trẻ, trước hết trẻ tiếp nhận mọi thứ, sau đó mới bắt đầu sàng lọc.

Giả dụ có một kiểu trẻ em khác, kiểu trẻ này không cảm nhận được sức hấp dẫn của thế giới bên ngoài, thay vào đó là một nỗi sợ hãi, thế giới đối với trẻ là khởi nguồn của mọi lo lắng.

Đương nhiên hai tình trạng này sẽ có sự khác biệt rất lớn. Các nghiên cứu về trẻ em đã cho thấy, nếu ảnh hưởng của thế giới đến trẻ xuất hiện vào lúc trẻ được 6 tháng tuổi, sự phát triển của trẻ sẽ diễn ra bình thường. Có thể tìm được một số bằng chứng trên cơ thể trẻ, một số khác có thể được chứng minh thông qua các thí nghiệm. Ví dụ, khi dạ dày của trẻ bắt đầu tiết ra acid dạ dày để hỗ trợ tiêu hóa thức ăn, trẻ sẽ bắt đầu mọc răng. Cơ thể trẻ bắt đầu dần dần phát triển theo một số quy luật nhất định. Kết quả là, bắt đầu từ khoảng 6 tháng tuổi, thức ăn của trẻ không chỉ giới hạn ở sữa mẹ mà có thể ăn thêm một số thực phẩm trộn sữa, còn trước đó thì trẻ hoàn toàn phụ thuộc vào sữa mẹ, không thể tiêu hóa các loại thực phẩm khác. Vào thời điểm đó, trẻ đã đạt được độ độc lập nhất định. Đến 6 tháng tuổi, dường như trẻ muốn nói: “Chúng con không còn phụ thuộc vào mẹ nữa, chúng con có thể tồn tại độc lập rồi.” Tình trạng này cũng xảy ra vào thời kì thiếu niên, khi đó trẻ cảm thấy dựa dẫm vào cha mẹ là một việc đáng xấu hổ, và bắt đầu cố gắng nghĩ cách báo đáp cha mẹ.

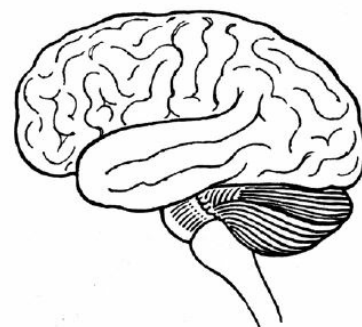
Chính vào thời kì này (được chúng ta coi là thời kì quan trọng nhất), trẻ có thể phát âm lần đầu tiên. Đó là dấu mốc đầu tiên của quá trình học ngôn ngữ của trẻ. Sau đó trẻ tiếp tục phát triển cho đến khi độc lập hoàn toàn. Khi biết nói, trẻ sẽ có thể bộc lộ suy nghĩ của mình, người lớn cũng không còn phải mất công dò đoán nhu cầu của trẻ nữa. Trẻ có thể giao lưu với thế giới này, vì ngôn ngữ chính là công cụ giao tiếp giữa người với người.

Có thể nói, giao tiếp với người khác bằng ngôn ngữ là một bước tiến quan trọng trong tiến trình độc lập của trẻ. Một đứa trẻ ban đầu không có gì, chưa biết làm gì, cho đến thời điểm này đã có thể biểu đạt suy nghĩ của mình, đồng thời có thể hiểu được lời nói của người khác. Trẻ dường như có khả năng nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ một cách đồng thời.

Không lâu nữa, trẻ sẽ tròn 1 tuổi, bắt đầu học đi, thoát khỏi những bó buộc bởi việc không biết đi. Trẻ có thể chạy nhảy khắp nơi. Nếu bạn không ở cạnh trẻ, trẻ có thể chạy hoặc trốn ở đâu đó. Đôi chân của trẻ được tự do hoàn toàn. Vì vậy mới nói, trẻ đang dần dần phát triển, điều này phản ánh những năng lực thúc đẩy trẻ trở nên độc lập đã tăng thêm một bước. Vấn đề hiện tại không còn là cho phép trẻ tự do hay muốn cho trẻ tự do nữa, sự độc lập của trẻ đã trở thành một thực tế hiển hiện trước mắt, là kết quả tất yếu của quá trình trưởng thành, là cơ hội trưởng thành mà tạo hóa ban tặng cho trẻ, chính tạo hóa đã cho trẻ khả năng độc lập, giúp trẻ có được sự độc lập.

Học đi là việc vô cùng quan trọng, không chỉ vì đây là một động tác phức tạp, mà còn vì nó là động tác trẻ học được chỉ một năm sau khi ra đời, hơn nữa còn diễn ra đồng thời với việc học nói và học tri thức từ thế giới xung quanh. Đối với trẻ, học đi là việc tối quan trọng. Các động vật có vú khác không cần phải học đi, chỉ có loài người phải trải qua quá trình này. Trước khi học đi, thậm chí là học đứng, trẻ phải trải qua sự phát triển trên ba phương diện. Trong khi đó, bò hay các động vật có vú khác vừa ra đời đã biết đi. Tất nhiên, những động vật này ở cấp thấp hơn con người rất nhiều, chỉ là hình thể to hơn chúng ta mà thôi. Con người vừa sinh ra không biết làm gì, và cần một khoảng thời gian rất dài để bồi dưỡng những khả năng này.

Chỉ đứng vững và bước đi bằng hai chân thôi cũng là hoạt động đòi hỏi sự kết hợp của những cơ quan thần kinh vô cùng phức tạp, một trong số đó chính là tiểu não.



(Hình 6) - Tiểu não nằm ở phía dưới đại não

Tiểu não của trẻ bắt đầu phát triển với tốc độ nhanh chóng kể từ thời điểm trẻ được 6 tháng tuổi cho đến tháng thứ 14, 15, sau đó dần dần chậm lại. Tiểu não tiếp tục phát triển cho đến khi trẻ được bốn tuổi rưỡi. Hành vi đứng và bước đi của trẻ được quyết định bởi sự phát triển của tiểu não. Trên thực tế, trong giai đoạn này, trẻ đang phát triển trên hai phương diện. 6 tháng trẻ có thể biết ngồi, 9 tháng trẻ biết bò hoặc lăn, 10 tháng biết đứng, 12-13 tháng có thể biết đi. Đến 15 tháng tuổi, trẻ đã biết đi thành thạo.

Một phần khác của quá trình phức tạp này chính là sự phát triển của hệ thống thần kinh. Thần kinh cột sống có thể truyền mệnh lệnh tới các cơ bắp ở phần chân. Nếu thần kinh cột sống chưa phát triển thì mệnh lệnh sẽ không thể nào truyền đi được. Sự hình thành thần kinh cột sống bắt đầu trong chính giai đoạn này. Nó có vai trò rất yếu trong việc kiểm soát hoạt động của cơ bắp. Vì vậy, bước đi là sự phối hợp của nhiều yếu tố phức tạp. Yếu tố thứ ba chính là sự phát triển của xương. Chúng ta đều biết chân của trẻ sơ sinh chưa hoàn toàn được xương hóa mà vẫn còn mềm, không thể gánh vác trọng lượng của toàn bộ cơ thể. Trước khi trẻ học đi thì xương chân phải trở nên cứng hơn. Ngoài ra, còn cần chỉ ra một điểm nữa, khi vừa chào đời, xương sọ của trẻ chưa hoàn toàn liền thì đến giai đoạn này đã bắt đầu kín lại. Khi trẻ bị ngã sẽ không khiến não bộ bị tổn thương nghiêm trọng nữa.

Trước giai đoạn này, chúng ta chưa thể dạy trẻ tập đi, vì bước đi được quyết định bởi sự phát triển của hàng loạt phương diện trong cơ thể trẻ, các cơ quan có liên quan trước hết cần phải phát triển hoàn thiện. Đi ngược lại quy luật phát triển của tự nhiên là điều lợi bất cập hại, bước đi là hành vi quyết định bởi sự phát triển tự nhiên. Tất cả mọi điều đều cần tuân theo quy luật tự nhiên. Tương tự, ý muốn ngăn cản trẻ bước đi cũng không phù hợp thực tế, bởi theo quy luật tự nhiên, các cơ quan sau khi hình thành sẽ được đưa vào sử dụng, một cơ quan sau khi hình thành bắt đầu phát huy tác dụng của nó. Công việc mang tính chức năng này trong thuật ngữ hiện đại gọi là “trải nghiệm môi trường”. Nếu không thu nhận được những kinh nghiệm này, các cơ quan không thể phát triển bình thường, hoặc không phát triển hoàn toàn. Chỉ khi được phát huy tác dụng một cách bình thường thì mới có nghĩa là phát triển hoàn toàn.

Chỉ khi tiếp thu kinh nghiệm từ môi trường sống, trẻ mới phát triển toàn diện, chúng ta gọi loại kinh nghiệm này là “lao động”. Sau khi học nói, trẻ sẽ nói không ngừng nghỉ và chẳng ai có thể ngăn cản được trẻ. Việc khó nhất trên đời chính là bắt trẻ yên lặng. Nếu việc học đi và học nói của trẻ gặp phải trở ngại, trẻ sẽ không thể phát triển bình thường mà sẽ bị bó buộc. Ngược lại, hành vi đi, nhảy, chạy sẽ thúc đẩy đôi chân phát triển.

Vì vậy, bằng những khả năng này, trẻ sẽ nâng cao tính tự lập của mình. Chỉ khi được tự do sử dụng những khả năng này thì mới có thể phát triển tự do, sự độc lập từng bước này thúc đẩy trẻ phát triển. Nói một cách đơn giản, tâm lý học hiện đại cho rằng, phát triển không phải là thứ từ trên trời rơi xuống. “Bất cứ hành vi nào của cá nhân cũng là sản phẩm của kinh nghiệm hoàn cảnh”.

Nếu coi giáo dục là thứ hỗ trợ sự phát triển của trẻ, chúng ta hãy cảm thấy hào hứng trước mỗi bước tiến mới của trẻ. Chính vì hiểu rằng không thể mang lại sự giúp đỡ thực chất nào cho trẻ, nên chúng ta càng nên hoan hỉ trước mỗi tiến bộ của trẻ. Thế nhưng, trong giáo dục còn tồn tại một vấn đề, đó là sự phát triển của trẻ có thể đi ngược lại hoặc chậm chạp do thiếu kinh nghiệm từ môi trường.

Điều kiện tiên quyết của giáo dục là tạo ra môi trường cho trẻ, để trẻ có thể phát triển đầy đủ những năng lực đã được tạo hóa ban tặng. Điều này không chỉ là thỏa mãn trẻ hay khiến trẻ vui, mà còn có nghĩa là chúng ta buộc phải điều chỉnh quan niệm của bản thân, phối hợp với tạo hóa hoặc tuân thủ quy luật của tạo hóa. Những quy luật của tạo hóa đòi hỏi con người phải phát triển dựa vào kinh nghiệm từ môi trường sống.

Sau khi vượt qua được bước này, trẻ sẽ thu được kinh nghiệm ở tầng cao hơn. Khi quan sát trẻ, chúng ta sẽ phát hiện, trẻ luôn muốn mở rộng phạm vi độc lập của mình. Trẻ muốn làm theo ý muốn của bản thân, muốn nắm giữ mọi thứ, thích tự mặc quần áo, tự cởi quần áo, đó

đều không phải là những việc chúng ta yêu cầu trẻ phải làm. Nguyên vọng của trẻ mãnh liệt đến mức phản ứng thường gặp của chúng ta sẽ là ngăn cản trẻ. Nhưng cần biết rằng, thứ chúng ta đang ngăn cản không phải là hành động của trẻ mà chính là quy luật của tự nhiên, hành vi của trẻ do tạo hóa quyết định, trẻ chỉ đang tuân theo đó mà thôi.

Trẻ dần dần thoát khỏi cảnh dựa dẫm vào người khác, cuối cùng trẻ còn đòi hỏi được độc lập về tinh thần. Trẻ muốn thu được kinh nghiệm bằng cách tự mình nghiền ngẫm chứ không phải là phụ thuộc vào ai đó. Trẻ bắt đầu tìm hiểu nguyên do của mọi việc, cá tính của trẻ được hình thành chính từ đây. Đó không phải là vấn đề mang tính lí luận mà là thực tế đang diễn ra trước mắt chúng ta. Chúng ta phải trao cho trẻ tự do hoàn toàn, xã hội phải cho trẻ được độc lập hay cho trẻ được phát huy bản thân một cách bình thường. Đây không phải là lời nói của chủ nghĩa lí tưởng, mà là thực tế đúc rút từ việc quan sát sự sống và tự nhiên. Chỉ có thông qua tự do và tiếp thu kinh nghiệm thì mới có thể hiện thực hóa sự phát triển của con người.

Đương nhiên chúng ta không thể áp đặt khái niệm tự do và độc lập của người lớn cho trẻ nhỏ. Người lớn không thể đưa ra định nghĩa chính xác về độc lập và tự do là vì trong quan niệm của họ, khái niệm tự do thật sự đáng lo ngại. Người lớn không hiểu bản chất của tự nhiên. Ý nghĩa của tự do, độc lập và bản thân sự sống chỉ được phản ánh chính xác trên con người trẻ. Tự nhiên trao cho con người sự tự do và độc lập phù hợp với độ tuổi và nhu cầu của mỗi cá thể. Tạo hóa biến tự do thành nguyên tắc của sự sống: Tự do hay là chết.

Tôi cho rằng, phương thức của tự nhiên đã giúp đỡ và tạo nền tảng cho việc chúng ta lí giải đời sống xã hội. Dường như một đứa trẻ trong giai đoạn phát triển sẽ trải ra toàn bộ trước mắt chúng ta, mà ta thì lại chỉ có thể nhìn thấy được một phần nhỏ trong đó. Trẻ mở ra trước mắt ta một thực tế có thể giúp ta tiến gần hơn đến chân lí. Sau khi sự thật về tự nhiên được khám phá, những nghi hoặc lập tức tiêu tan. Vì vậy, sự tự do mà trẻ có được trong quá trình phát triển sẽ giúp mở rộng không gian tư duy của chúng ta.

Vậy mục đích thực sự của quá trình không ngừng đạt đến độc lập này là gì? Mục đích đó đến từ đâu? Nó đến từ cá tính có thể duy trì sự phát triển không ngừng của bản thân. Nhưng nó xảy ra ở mọi nơi trong thế giới tự nhiên, mỗi sinh vật đều tự do phát huy vai trò của mình, vì vậy chúng ta ý thức được trẻ đang tuân theo quy luật của tự nhiên. Trẻ đã đạt được mức độ độc lập nhất định, sự độc lập này là nguyên tắc cốt yếu đảm bảo sự sinh tồn của mỗi sinh vật. Làm thế nào để đạt được mức độ độc lập đó? Chính là nhờ có một loạt hoạt động. Làm thế nào để có được tự do? Nhờ sự nỗ lực không ngừng. Sự sống không thể nào ngừng lại, không tiến lên phía trước. Độc lập không phải là một trạng thái tĩnh mà là quá trình không ngừng chinh phục. Để có được tự do, khỏe mạnh và hoàn mỹ, chỉ có thể thông qua con đường nỗ lực không ngừng nghỉ mà thôi.

Bản năng đầu tiên của trẻ chính là không đòi hỏi sự giúp đỡ của người khác mà tự mình thực hiện. Trong quá trình tiến tới tự do, yêu cầu có ý thức đầu tiên là bảo vệ bản thân, khiến bản thân không bị ngáng trở bởi người khác, đồng thời hi vọng bằng nỗ lực để đạt được yêu cầu của mình.

Nếu cuộc sống lí tưởng nhất là ngồi yên một chỗ chẳng phải làm gì như nhiều người vẫn nghĩ thì cuộc sống trước khi chào đời của trẻ thực sự lí tưởng. Trẻ chỉ việc ở trong tử cung của mẹ, mọi việc đã có người mẹ lo. Hãy thử suy ngẫm về quá trình học nói và giao tiếp đầy gian nan. Nếu không làm gì cả thật sự là cuộc sống tốt đẹp nhất, vậy thì tại sao trẻ vẫn học nói, học ăn, tại sao còn muốn học đi đứng, suy nghĩ, tại sao còn cảm thấy vui vẻ hào hứng khi học được một điều gì đó từ bên ngoài?

Những minh chứng trẻ đưa ra không chỉ dừng lại ở đó. Trẻ còn cho ta thấy rằng, phương pháp giáo dục của giới tự nhiên và của xã hội hoàn toàn khác nhau. Trẻ tìm kiếm sự độc lập về tư tưởng và thể xác thông qua hành vi của mình. Trẻ không quan tâm đến những phương diện khác mà chỉ muốn tự học hỏi tri thức, tiếp thu kinh nghiệm từ thế giới bên ngoài, đạt được mục đích bằng nỗ lực của mình. Chúng ta cần hiểu rằng, khi cho trẻ tự do và độc lập, chúng ta đang mang lại tự do cho một người lao động đang không ngừng nỗ lực, không lao động thì

người đó không thể tồn tại. Quy luật này cũng đúng với các sinh vật khác, ngăn cản sự phát triển quy luật này cũng đồng nghĩa với sự thụt lùi.

Mọi sinh vật trên thế giới này đều vận động, sự sống chính là hình thức biểu hiện cao nhất của sự vận động này. Sự sống chỉ có thể đạt đến độ hoàn mỹ thông qua hoạt động. Sức sống của xã hội được truyền từ đời này qua đời khác. Con người thường muốn giảm bớt công việc, muốn người khác làm thay công việc của mình, những mong muốn đi ngược lại quy luật tự nhiên này hình thành từ thời kì ấu thơ. Hiện tượng thoái hóa này xảy ra là vì trong những ngày đầu tiên sau khi chào đời, không có ai giúp đỡ trẻ tiến hành thích ứng với môi trường, khiến trẻ mất đi hứng thú với môi trường sống. Những đứa trẻ này thích được người khác giúp đỡ, thích được dựa dẫm, không thích kết bạn, chỉ thích ngủ. Trẻ có xu hướng quay lưng với thế giới, các nhà khoa học gọi hiện tượng này là “xu hướng quay về tử cung”. Những đứa trẻ sinh trưởng và phát triển bình thường đều sẽ dần trở nên độc lập, trốn tránh sự độc lập chính là hiện tượng “thoái hóa”.

Việc giáo dục những đứa trẻ bất bình thường này lại đặt ra trước mắt chúng ta một vấn đề khác. Chúng ta cần tiến hành chữa trị cho những đứa trẻ đã rời xa khỏi quỹ đạo phát triển bình thường này như thế nào? Những đứa trẻ này không yêu thế giới xung quanh chúng, vì chúng cho rằng ở đó đầy rẫy khó khăn. Trong mắt trẻ, những khó khăn này không thể giải quyết được. Những đứa trẻ này đã trở thành đối tượng nghiên cứu chính trong tâm lí trẻ em. Có thể gọi đó là bệnh lí học tinh thần trẻ em, những phòng chẩn trị cho trẻ em thì nhau nở rộ. Người ta đã thử áp dụng một vài phương pháp mới như phương pháp trị liệu bằng trò chơi, nhằm trợ giúp những đứa trẻ này.

Môi trường học tập của trẻ không nên có quá nhiều trở ngại mà càng ít càng tốt, tốt nhất là dẹp bỏ được mọi trở ngại. Môi trường sống của trẻ nên có nhiều thứ hấp dẫn, đặc biệt là môi trường sống của những đứa trẻ bất bình thường nói trên. Làm như vậy để khiến trẻ cảm thấy vượt qua khó khăn là chuyện rất dễ dàng. Nên tạo cho trẻ nhiều hoạt động thú vị, bởi vì những hoạt động ấy sẽ giúp trẻ phát triển tốt hơn. Trong môi trường sống của trẻ cần có nhiều điều hấp dẫn, khiến trẻ tích cực tiếp thu kinh nghiệm. Chúng ta nên tuân theo những nguyên tắc cơ bản của sự sống và tự nhiên, những nguyên tắc này có thể khiến những đứa trẻ đang quay lưng lại với thế giới có thể trở nên yêu lao động, tràn đầy lòng nhiệt tình, từ sợ hãi (nỗi sợ hãi khiến trẻ không muốn giao tiếp với những người xung quanh mình) trở nên vui vẻ, khiến trẻ tận hưởng hết niềm vui trong cuộc sống.

Từ lười biếng đến tràn đầy nhiệt huyết là cả một quá trình trị liệu, giống như con đường biến một đứa trẻ bình thường từ lười biếng trở nên tràn đầy sức sống. Phương pháp giáo dục mới tuân theo quy luật tự nhiên chính là cơ sở của phương pháp này.

Để tránh diễn thuyết dài dòng, tôi chỉ xin giải thích một chút về khái niệm “thành thực” trước khi bước vào vấn đề chính. Bởi tôi quan niệm tiến hành giải thích chính xác và ngắn gọn về vấn đề này là việc làm quan trọng giúp sự hiểu biết được sâu hơn. “Thành thực” là từ được dùng trong di truyền học và phôi thai học, để biểu thị quá trình phát triển của tế bào sinh dục từ trước khi thụ tinh cho đến khi thụ tinh.

Nhưng hiện nay trong tâm lí học trẻ em, từ “thành thực” có nhiều ý nghĩa hơn. Nó biểu thị một cơ chế phát triển hài hòa. Cơ chế này đảm bảo sự hoạt động cân bằng giữa các cơ quan, đảm bảo phát triển đúng hướng. Arnold Gesell đã phát triển lí luận này, tuy nhiên ông cũng chưa đưa ra được một định nghĩa chính xác. Nhưng nếu tôi lĩnh hội đúng tư tưởng của ông, thì ông cho rằng sự phát triển của cá nhân phải tuân theo nguyên tắc nhất định, những nguyên tắc này được giữ vững bởi những đặc tính và khuynh hướng bẩm sinh của trẻ sẽ mách bảo trẻ cần học tập như thế nào, học cái gì và vào thời điểm nào. Hay nói cách khác, Gesell cho rằng, một số chức năng ở trẻ em không chịu sự tác động của các mệnh lệnh.

Xem xét từ góc độ sự phát triển của cơ thể thì điều này là chính xác. Trên thực tế, giống như đã đề cập ở trên, trước khi các cơ quan phối hợp giúp cho hành vi đi của trẻ trở nên thành thực, chúng ta sẽ không thể dạy trẻ đi. Cũng tương tự như vậy, trước khi phát triển đến một mức độ

nhất định, trẻ sẽ chưa thể học nói (cũng giống như sau khi trẻ đã biết nói, không ai có thể ngăn trẻ nói).

Những người từng đọc các bài viết của tôi đều biết rằng, tôi luôn bảo vệ quan điểm rằng trẻ em phát triển tuân theo quy luật của tự nhiên. Tôi thực sự coi những quy luật đó là nền tảng của giáo dục. Lí luận của Gesell đúng trên góc độ sinh lí, nhưng lại không thích hợp với sự phát triển tinh thần của trẻ. Nhất nguyên luận của ông cho rằng: “Bộ não của trẻ cũng giống như cơ thể, là kết quả của một quá trình phát triển nhất định.” Nhưng điều này không chính xác. Nếu đưa một đứa trẻ đến nơi không có người sinh sống, không cho trẻ tiếp xúc với con người, chỉ cung cấp cho trẻ thức ăn và nước uống thì sự phát triển về thể chất của trẻ vẫn sẽ diễn ra bình thường, nhưng sự phát triển tâm lí sẽ không thể bình thường.

Đúng như tôi từng nói, chúng ta không thể nhào nặn nên một thiên tài. Chúng ta chỉ có thể khiến một đứa trẻ có thể phát huy đầy đủ tiềm năng của nó. Nếu đã nhắc đến quá trình “thành thực về thể chất”, thì chúng ta cũng cần chuẩn bị tiếp nhận quá trình “thành thực về tinh thần”. Như tôi đã nói ở các chương trước, cả hai quá trình này đồng thời diễn ra trong giai đoạn phôi thai.

Chúng ta không có cách nào nhận thức hoàn chỉnh về toàn bộ quá trình phát triển của các cơ quan. Sự phát triển của các cơ quan cũng không phải là một quá trình tuần tự, lần lượt. Các cơ quan xuất hiện trong vùng lân cận của điểm hoạt động. Thời gian xuất hiện các điểm hoạt động này rất ngắn, sau khi các cơ quan hình thành, chúng sẽ biến mất. Ngoài các điểm này hoặc trung tâm hoạt động, trong quá trình các cơ quan phát triển còn có khá nhiều thời kì miễn cảm. Những thời kì miễn cảm này có tác dụng rất lớn trong việc chỉ đạo hành vi của động vật cho tới khi chúng có thể sinh tồn trên thế giới này. Điều này đã được nhà sinh vật học người Hà Lan – De Fraise chứng minh. Chúng ta phát hiện nó rất hài hòa với sự phát triển tâm lí của trẻ. Điều này chứng minh rằng, quy luật phát triển của sự sống phù hợp với bản chất của con người.

Quá trình “thành thực” không chỉ là sự tổng hòa tác dụng của gen, bởi vì ngoài ảnh hưởng của gen còn có yếu tố môi trường. Môi trường có vai trò rất quan trọng trong quá trình thành thực.

Tâm lí chỉ có thể trở nên thành thực thông qua kinh nghiệm từ môi trường. Kinh nghiệm môi trường trong mỗi giai đoạn của quá trình phát triển đều sẽ thay đổi hình thái, bởi vì loại hình “hành động có mục đích” cũng thay đổi, kinh nghiệm môi trường không ngừng xuất hiện lặp đi lặp lại trước mắt cá thể. Cũng bởi sự lặp lại đó, một chức năng mới sẽ đột ngột xuất hiện. Một mô hình chức năng riêng được thiết lập dựa trên những phương thức mà mắt thường của chúng ta không thể nhìn thấy. Những hoạt động lặp đi lặp lại này và chức năng mà chúng tạo ra xem ra không những không có mối liên hệ trực tiếp, mà chúng còn biến mất đồng thời với sự xuất hiện của những chức năng này. Đồng thời, trẻ nhỏ bắt đầu hướng sự chú ý tới những hoạt động khác nhằm chuẩn bị cho sự sản sinh của một loạt chức năng khác. Nếu trẻ không thể tiếp thu kinh nghiệm từ môi trường theo đúng quy luật tự nhiên thì tính nhạy cảm với môi trường của trẻ cũng dần dần biến mất. Điều này sẽ mang lại ảnh hưởng tiêu cực cho quá trình phát triển, cũng như ảnh hưởng đến sự thành thực của trẻ.

Gần đây, các giáo trình tâm lí học đã đưa ra một định nghĩa rộng về sự thành thực: “Thành thực bao gồm sự thay đổi kết cấu chủ yếu do di truyền mang lại, cũng chính là nhiệm sắc thể có nguồn gốc từ trứng đã thụ tinh, nhưng sự thay đổi này ở một mức độ nhất định là do tác dụng tương hỗ giữa cá thể và môi trường”.

Theo những gì chúng ta phát hiện được, có thể giải thích như sau: Trong kết cấu bộ não sẵn có sức thẩm thấu của con người, khi con người vừa chào đời, đã có một loại sức mạnh (hành động có mục đích). Tác dụng và sự khác biệt của nó đã được chúng ta bàn đến trong chương nói về “tinh vân”.

Dưới sự chỉ đạo của thứ gọi là “giai đoạn miễn cảm”, trong thời kì sơ sinh, kết cấu này sẽ bắt đầu có sự thay đổi⁽¹⁾. Sự trưởng thành và phát triển tâm lí chịu sự kiểm soát của những

phương diện sau: Bộ não có sức thẩm thấu, tinh vân và giai đoạn nhạy cảm. Đó đều là những yếu tố di truyền, là đặc trưng của loài người. Nhưng tất cả những yếu tố này chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua việc tiếp thu kinh nghiệm từ môi trường bằng những hoạt động tự do.

Chương 9

KHỞI NGUỒN CỦA SỰ SỐNG

Bộ não tự thúc đẩy sự phát triển của nó thông qua những tri thức tiếp thu được từ môi trường xung quanh. Đặc biệt là giai đoạn sau khi trẻ vừa chào đời, chúng ta cần làm cho trẻ cảm thấy môi trường xung quanh thật thú vị và đầy thu hút. Năm đầu tiên trong cuộc đời trẻ có thể được phân thành vài giai đoạn, với mỗi giai đoạn, chúng ta đều cần dành sự quan tâm đặc biệt.



Nếu buộc phải hỗ trợ đời sống tinh thần của nhân loại thì chúng ta cũng cần biết rằng, bộ não có sức thẩm thấu của trẻ tiếp nhận “dinh dưỡng” từ môi trường xung quanh. Bằng những tri thức tiếp thu được từ môi trường, bộ não tự thúc đẩy sự phát triển của nó. Đặc biệt là giai đoạn khi trẻ vừa chào đời, chúng ta cần làm cho trẻ cảm thấy môi trường xung quanh thật thú vị và đầy thu hút.

Chúng ta đã biết sự phát triển của trẻ phải trải qua nhiều giai đoạn, trong mỗi giai đoạn, môi trường sẽ có những tác dụng quan trọng khác nhau. Nhưng môi trường có vai trò quan trọng nhất đối với giai đoạn trẻ mới chào đời. Có rất ít người biết được sự thật này, trước đây, người ta vẫn còn nghi ngờ về việc một đứa trẻ chưa đầy 2 tuổi có thật sự có nhu cầu tinh thần hay không. Khi đã biết được tầm quan trọng đặc biệt của những nhu cầu tinh thần này, chúng ta không nên coi thường chúng, nếu không hậu họa sẽ là khôn lường.

Trước kia, các nhà khoa học chỉ chú ý tới phương diện thể chất của trẻ. Đặc biệt là trong thế kỷ này, rất nhiều loại dược phẩm và phương pháp y tế đã được sử dụng nhằm giảm bớt tỉ lệ tử vong rất cao ở trẻ em. Chính vì mục đích của những phương pháp này là hạ thấp tỉ lệ tử vong ở trẻ em nên hầu hết đều tập trung vào phương diện thể chất của trẻ. Lĩnh vực sức khỏe tinh thần vẫn chưa được chú ý, trong giới tự nhiên cũng có rất ít lí luận đề cập đến điều này. Mục đích bồi dưỡng trẻ nên được xác định là giúp trẻ có thể thích ứng với đời sống xã hội và thời đại của mình.

Lịch sử tự nhiên cho chúng ta thấy điều gì? Lịch sử đó nói với chúng ta rằng, giai đoạn trẻ ra đời chính là giai đoạn tinh thần trẻ cần thích ứng với thế giới bên ngoài. Điều này thậm chí còn cần thiết đối với cả những động vật có vú vốn vừa chào đời đã có năng lực hành vi.

Chúng ta cần nhớ rằng, con người không phải vừa sinh ra đã có năng lực hành vi, nhưng đối với trẻ, vấn đề không phải là năng lực tinh thần được đánh thức mà là vấn đề sáng tạo ra năng lực tinh thần. Chúng ta phát hiện thấy rằng, môi trường có vai trò rất lớn trong việc này. Tầm quan trọng và tác dụng của môi trường là rất lớn, nhưng cũng có mức độ nguy hiểm nhất định. Chúng ta cần kiểm tra kĩ lưỡng môi trường xung quanh trẻ sơ sinh, không nên để xuất hiện sự ngăn cách giữa trẻ với môi trường, khiến trẻ xuất hiện khuynh hướng quay lưng với thế giới. Chúng ta cần làm cho trẻ cảm thấy thế giới xung quanh trẻ tràn ngập niềm vui, làm như vậy rất có ích cho việc học tập, trưởng thành và phát triển của trẻ.

Năm đầu đời của trẻ có thể được chia thành mấy giai đoạn, với mỗi giai đoạn, chúng ta đều nên dành sự quan tâm đặc biệt. Giai đoạn đầu tiên cực kì ngắn ngủi, chính là thời khắc trẻ chào đời. Nói một cách đơn giản, giai đoạn này cần tuân theo một số nguyên tắc. Trẻ cần được tiếp xúc và gần gũi với mẹ trong những ngày đầu tiên chào đời. Nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng không nên có thay đổi quá lớn so với trước khi trẻ ra đời. Môi trường bên trong tử cung của người mẹ vô cùng tĩnh lặng, tối tăm và ấm áp. Ngày nay, bệnh viện thường cho bà mẹ và trẻ sơ sinh ở trong phòng kính, nhiệt độ trong phòng được kiểm soát kĩ lưỡng và dần dần thay đổi cho tới khi giống với nhiệt độ của môi trường bên ngoài. Kính xung quanh phòng thường có màu xanh, vì vậy ánh sáng cũng rất dịu nhẹ.

Việc chăm sóc và di chuyển trẻ sơ sinh cũng cần tuân thủ những quy định nghiêm khắc. Không nên đột ngột thả trẻ vào tắm trong nước giống như trước kia người ta vẫn thường làm, điều này sẽ khiến trẻ sơ sinh bị “sốc”. Cũng không nên thay quần áo cho trẻ quá nhanh giống

như đối xử với một thứ đồ vật vô tri vô giác mà không quan tâm tới cảm xúc của trẻ. Cách làm khoa học là chúng ta cần ít động chạm tới trẻ, cũng không cần mặc quần áo cho trẻ. Có thể cho trẻ nằm trong một căn phòng sạch sẽ, đủ ấm áp. Cách di chuyển trẻ cũng cần khác với người xưa thường làm. Nên dùng một chiếc chăn lông như một chiếc võng để di chuyển trẻ, động tác cần thật nhẹ nhàng. Không được đột ngột bế trẻ lên hay đột ngột đặt xuống để không làm tổn thương đến trẻ. Điều này không chỉ có lợi cho phương diện sức khỏe của trẻ. Y tá nên đeo khẩu trang để không làm lan truyền virus trong không khí. Mẹ và trẻ vẫn cần giữ mối liên hệ mật thiết như một chỉnh thể. Chúng ta cần hỗ trợ trẻ hòa nhập với môi trường dựa vào những quy luật tự nhiên, bởi vì người mẹ và trẻ có một “sợi dây liên kết” rất đặc biệt.

Người mẹ có thể mang lại cho trẻ một sức mạnh vô hình, sức mạnh này có thể giúp trẻ thích ứng với thế giới bên ngoài.

Chúng ta có thể nói rằng, trẻ chẳng qua chỉ ra ngoài cơ thể mẹ, thay đổi vị trí so với trước kia, còn các phương diện khác vẫn như cũ, giữa người mẹ và trẻ vẫn còn mối liên hệ với nhau. Đây chính là thứ mà hiện nay chúng ta cho là mối liên kết giữa mẹ và con, nó hoàn toàn khác với các quan niệm trước kia. Trước kia, ngay cả những bệnh viện tốt nhất cũng cho rằng sau khi được sinh ra, trẻ nhỏ cần phải tách rời khỏi người mẹ.

Những điều tôi đã đề cập ở trên được coi là quy tắc chăm sóc trẻ sơ sinh. Nhưng thực tiễn đã chứng minh, phương pháp đặc biệt này không cần sử dụng trong suốt cả giai đoạn sơ sinh. Sau một thời gian, mẹ và trẻ không cần phải ở trong trạng thái cách li nữa mà có thể hòa nhập vào xã hội.

Vấn đề xã hội đối với trẻ không giống như với người lớn. Ảnh hưởng của bất bình đẳng xã hội lên trẻ cũng không giống với ảnh hưởng lên người trưởng thành. “Người lớn càng giàu càng tốt, trẻ càng nghèo càng tốt”, cách nói này không phải là không có lí. Ngoài đủ kiểu quần áo, tập tục xã hội và rất nhiều người tới thăm nom trẻ, những người mẹ giàu có thường giao trẻ cho bảo mẫu chăm sóc để bản thân được an nhàn, còn những người mẹ nghèo thì tôn trọng quy luật của tự nhiên – luôn giữ trẻ ở bên cạnh mình. Từ một khía cạnh rất nhỏ như vậy thôi, chúng ta cũng có thể phát hiện ra rằng, những thứ mà người lớn coi trọng rất có thể lại có vai trò hoàn toàn ngược lại trong thế giới của trẻ.

Sau giai đoạn này, trẻ có thể dễ dàng thích ứng với môi trường, bắt đầu bước chân vào con đường độc lập mà chúng ta đã nói ở trên, và đồng thời có thể mở lòng trước thế giới, bắt đầu học hỏi hết mình những tri thức xung quanh.

Những hoạt động đầu tiên trên con đường độc lập này (mà chúng ta gọi là hoạt động “chỉnh phục”) chính là trẻ vận dụng các giác quan của mình. Bởi vì hệ xương của trẻ vẫn chưa phát triển thành thục, nên trẻ không thể nào tự dịch chuyển cơ thể và chân tay một cách linh hoạt. Chỉ có bộ não là hoạt động, không ngừng sử dụng các giác quan để cảm nhận thế giới xung quanh.

Đôi mắt của trẻ trong sáng và đầy khát vọng. Gần đây các nhà khoa học đã chứng minh rằng, đôi mắt của trẻ không chỉ nhạy cảm với ánh sáng mà còn có thể tiếp nhận vô vàn các tin tức khác nhau, trẻ không ngừng dùng mắt để tìm kiếm thông tin.

Nếu giải phẫu mắt của động vật, chúng ta sẽ thấy, mắt của động vật cũng giống như mắt của con người, đều là cơ quan thị giác giống như một chiếc máy ảnh, nhưng do ảnh hưởng của tạo hóa nên phạm vi sử dụng mắt của động vật rất hạn chế. Mắt của động vật chỉ nhạy cảm với một số sự vật chứ không phải với tất cả mọi thứ ở môi trường xung quanh. Thị giác của chúng chỉ đáp ứng nhu cầu trên một phương diện nào đó mà thôi. Có thể nói, mắt của động vật bị khống chế bởi một số nhu cầu nhất định.

Những ảnh hưởng này bắt đầu xuất hiện ngay từ khi ra đời, sự hình thành và hoàn thiện các cơ quan cảm giác của động vật tuân thủ quy luật này. Mắt của mèo (cũng như các động vật săn mồi ban đêm khác) phù hợp với hoạt động về ban đêm, nhưng chúng chỉ nhạy cảm với các vật thể chuyển động chứ hoàn toàn không có tác dụng với các vật thể bất động. Khi phát hiện vật

thể chuyển động trong đêm tối, mèo lập tức tấn công, nó hoàn toàn không để tâm tới các vật thể đứng yên. Có thể nói, nó không hề có hứng thú với tất cả mọi thứ trong môi trường mà chỉ có hứng thú với một số sự vật. Tương tự như vậy, một số loài côn trùng chỉ ưa thích loài hoa có một vài màu sắc nhất định, bởi vì trong những bông hoa có màu sắc đó có thực phẩm mà chúng cần. Những ấu trùng vừa phá kén chui ra ngoài vốn không có khả năng định hướng, chúng chỉ có thể dựa vào bản năng do mắt chỉ huy. Hành vi của động vật bị khống chế bởi những yếu tố này, trong khi con người hoàn toàn là nô lệ của các giác quan. Các giác quan phục vụ cho cơ thể sinh vật mà nó thuộc về, trong khi hoạt động của cơ thể thì tuân theo quy luật nhất định.

Trẻ nhỏ lại không như vậy, quy luật mà các giác quan của trẻ tuân theo không giống như ở động vật. Mèo chỉ chú ý tới các vật thể di chuyển trong môi trường, còn trẻ thì không bị hạn chế như vậy. Trẻ quan sát tất cả những sự vật sự việc nằm trong tầm quan sát của mình, đồng thời tiến hành tiếp thu và học hỏi từ tất cả mọi thứ. Ngoài ra, trẻ không quan sát một cách máy móc, những gì quan sát được sẽ sản sinh ra phản ứng tâm lí nào đó, những sự vật sự việc đó đều có ảnh hưởng tới nhân cách của trẻ. Có thể nói, nếu cuộc sống của một người chỉ chịu sự chi phối của những dục vọng của bản thân thì tâm lí của người đó sẽ xuất hiện nhiều hạn chế. Quy luật mà hành vi của những người này phải tuân theo vẫn tồn tại, nhưng ảnh hưởng của chúng đối với họ là rất nhỏ. Điều này khiến họ trở thành cái máy, một vật hi sinh của giác quan, trở nên hoang mang.

Chúng ta cần tỉnh táo nhận ra rằng, những quy luật phát triển của trẻ là thứ quan trọng nhất. Và chúng ta cần dành sự quan tâm thích hợp cho những quy luật này.

Những so sánh mà chúng ta đưa ra rất có ích cho việc tìm hiểu trẻ học hỏi và tiếp thu từ môi trường xung quanh như thế nào. Một số loài côn trùng có hình dáng rất giống với lá cây hay thực vật nơi chúng sinh sống. Những côn trùng này sống trên thân thực vật hay lá cây, dần dần hình dáng của chúng cũng trở nên tương đồng với thân thực vật hay lá cây đó. Tình trạng này cũng gần giống ở trẻ nhỏ. Trẻ tiếp thu và học hỏi từ môi trường và hơn nữa, dần dần trở thành một phần của môi trường đó, giống như côn trùng trở thành một phần trong cây cỏ, thực vật nơi nó kí sinh. Trẻ và môi trường sống của trẻ càng ngày càng trở nên giống nhau. Mỗi loài sinh vật đều có loại năng lực này để có thể học hỏi và thích ứng với môi trường.

Ở trên chúng ta đã bàn luận về tình trạng của côn trùng. Đối với các loài động vật khác, tình trạng này chủ yếu xảy ra trên phương diện thể chất, còn ở trẻ em, nó lại xảy ra trên phương diện tinh thần.

Chúng ta cần xem xét đồng thời khuynh hướng chủ yếu của trẻ em và của các động vật khác. Trẻ em không nhìn nhận thế giới theo cách của người lớn. Khi chúng kiến một sự vật, sự việc thú vị nào đó, chúng ta có thể thốt lên rằng: "Tuyệt quá!", thế rồi những việc khác cuốn chúng ta đi, sự vật sự việc kia chỉ còn tồn tại trong kí ức chúng ta một cách mơ hồ. Nhưng còn trẻ nhỏ thì sẽ thông qua những ấn tượng sâu sắc thu được từ môi trường xung quanh để xây dựng nên cái tôi trong sâu thẳm tâm hồn, đặc biệt là trong giai đoạn vừa chào đời, mà con người thì lại thông qua sức mạnh nội tại đặc biệt vốn có từ thuở ấu thơ để xây dựng nên đặc trưng nhân cách sẽ theo mình suốt cả cuộc đời. Những đặc trưng đó bao gồm: Ngôn ngữ, tôn giáo, chủng tộc... Đó chính là phương thức trẻ thích ứng với môi trường sống của mình. Khi thực hiện những công việc này, trẻ cảm thấy vui vẻ, đại não của trẻ sẽ trở nên ngày càng thành thục.

Không chỉ có thế, trẻ còn thích ứng với các kiểu môi trường xuất hiện trong tương lai. Cũng có nghĩa là, trẻ dần điều chỉnh bản thân, dần thích ứng với môi trường và trở thành một phần của môi trường. Vì vậy, nếu chúng ta muốn giúp đỡ trẻ, hãy tự hỏi nên làm thế nào, nên tạo cho trẻ một môi trường sống như thế nào.

Nếu bạn đã từng tiếp xúc với một đứa trẻ 3 tuổi, có lẽ trẻ có thể cho bạn câu trả lời. Thứ mà trẻ thiếu không phải là hoa tươi và đồ chơi. Chúng ta phải dự đoán và mang lại cho trẻ tất cả những thứ trẻ cần trong từng giai đoạn phát triển. Chúng ta cần biết điều kiện hành vi cần thiết để phát huy tiềm năng phát triển của trẻ. Nếu chúng ta đang đối diện với một đứa trẻ sơ sinh

bắt đầu những bước đầu tiên hòa nhập với thế giới, chúng ta cần chuẩn bị cho trẻ môi trường như thế nào?

Hiện tại chưa có đáp án cuối cùng cho câu hỏi này, nhưng trên thực tế, trẻ trưởng thành nhờ môi trường xung quanh. Muốn học một loại ngôn ngữ, trẻ cần sống cùng những người nói loại ngôn ngữ đó, nếu không trẻ sẽ không thể học được. Tất cả những phương thức sống, tập quán và truyền thống mà con người học được đều bắt nguồn từ những phương thức, tập quán và truyền thống sẵn có của tập thể những người sống quanh người đó.

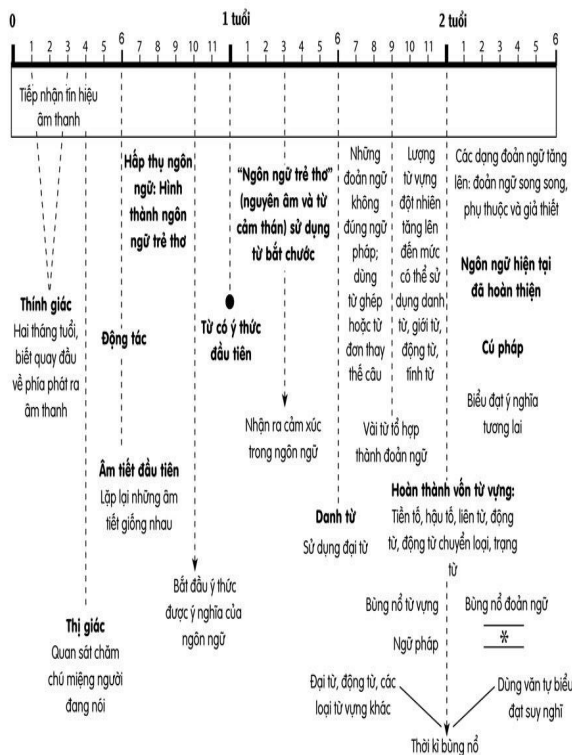
Đó là một quan điểm mang tính cách mạng, bởi vì nó hoàn toàn khác với cách nghĩ và cách làm trước kia của chúng ta. Trước kia, để giữ sức khỏe, trẻ thường bị cách li và nuôi dưỡng trong phòng riêng biệt. Ở đó trẻ được dỗ ngủ và đối xử giống như đang bị ốm vậy.

Cần biết rằng, sự chăm sóc sức khỏe như vậy lại có hại cho tinh thần của trẻ. Nếu trẻ bị cách li, ngoài bảo mẫu ra không được tiếp xúc với bất cứ ai, không nhận được tình yêu và sự chăm sóc của mẹ thì trẻ sẽ không thể phát triển và trưởng thành một cách bình thường. Sự bất mãn và khát vọng về tinh thần sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến trẻ. Trẻ không được sống cạnh mẹ – người có mối liên hệ đặc biệt nhất với chúng, mà ngày ngày chỉ được gặp bảo mẫu – những người rất ít khi để tâm trò chuyện với trẻ. Hơn nữa, trẻ còn không có cơ hội được quan sát mọi chuyện xảy ra ở môi trường xung quanh.

Tình trạng này càng trở nên nghiêm trọng hơn trong những gia đình giàu có. Điều may mắn là sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mọi thứ đã thay đổi nhiều. Cuộc sống khó khăn sau chiến tranh và rất nhiều lí luận xã hội mới đã đưa những đứa trẻ về bên bố mẹ chúng, khiến chúng tìm được bầu bạn tốt.

Cách đối đãi với trẻ nên được xem là một vấn đề xã hội. Các kết quả nghiên cứu và quan sát cho thấy, khi trẻ đã có khả năng bước ra thế giới bên ngoài, cha mẹ nên tạo mọi cơ hội để trẻ được quan sát thế giới một cách đầy đủ nhất. Thiết kế xe và phòng riêng của trẻ ngày nay đã có nhiều thay đổi. Các căn phòng cho trẻ không còn tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn y tế, và trên tường đã bắt đầu treo nhiều bức tranh. Trẻ nhỏ chỉ việc nằm đó và thoải mái ngắm nhìn mọi thứ chứ không còn phải dán mắt lên trần nhà nữa.

Vấn đề ngôn ngữ càng gặp nhiều khó khăn hơn, đặc biệt là trong tình trạng thuê bảo mẫu cho trẻ, những bảo mẫu này thường không cùng tầng lớp xã hội với trẻ. Một vấn đề khác là, khi trò chuyện cùng bạn bè, cha mẹ có nên cho trẻ ở bên cạnh hay không. Dù gặp phải nhiều khó khăn, nhưng nếu chúng ta muốn giúp đỡ trẻ, hãy cho trẻ được ở cạnh chúng ta để nhìn thấy cha mẹ đang làm gì, nói gì. Dù trẻ chưa ý thức được điều gì đang diễn ra, nhưng chúng sẽ ghi nhớ những điều này trong tiềm thức và sẽ giúp ích cho quá trình trưởng thành của trẻ. Khi được đưa ra ngoài, trẻ quan tâm tới điều gì? Không ai có thể nói chắc được, nhưng hãy thử quan sát trẻ, một người mẹ hoặc bảo mẫu tận tâm sẽ phát hiện ra trẻ chú ý tới thứ gì, đồng thời giúp trẻ được tới gần hơn và quan sát cụ thể hơn những thứ đó. Khi đó, nét mặt trẻ sẽ tỏ rõ sự hào hứng và hiếu kì. Muốn biết trẻ đang cảm thấy ra sao, chúng ta buộc phải thường xuyên quan sát biểu hiện của trẻ. Người lớn cần từ bỏ những quan niệm cũ và tạo ra một cuộc cách mạng mới trên lĩnh vực này. Trẻ nhỏ tự định hình nhân cách thông qua môi trường, vì vậy chúng cần được tiếp xúc một cách đầy đủ và toàn diện với môi trường. Nếu không, những đứa trẻ sau này sẽ thực sự trở thành một vấn đề xã hội.



Hình 7 - Sự phát triển ngôn ngữ

Có bao nhiêu vấn đề nảy sinh từ việc một cá nhân không thể thích ứng với đạo đức xã hội? Đó chính là vấn đề cơ bản. Nó khiến chúng ta nhận thức được rằng chăm sóc trẻ là một vấn đề cần nhận được sự quan tâm và coi trọng đúng mức của xã hội văn minh.

Có thể sẽ có người hỏi, tại sao một sự thật quan trọng và hiển nhiên như vậy mà suốt bao lâu nay lại bị con người lơ là? Những người không đồng ý chấp nhận những điều mới lạ sẽ nói, những người không biết đến những kiến thức này chẳng phải từ trước đến nay vẫn sống tốt hay sao? Lại có người nói: “Loài người có lịch sử vô cùng lâu đời, hết thế hệ này đến thế hệ khác, chẳng ai được học những lí luận nói trên mà rồi cũng đều biết nói, đều thông thuộc tập quán xã hội đấy thôi”.

Thế nhưng, hãy thử xem xét con người ở những bối cảnh văn hóa khác. Những người đó có cách nuôi dưỡng trẻ hợp lí hơn chúng ta rất nhiều. Cách thức chúng ta đối đãi với trẻ thật sự không phù hợp với quy luật tự nhiên. Ở hầu hết các quốc gia, con cái không rời cha mẹ nửa bước, đó là mối quan hệ không thể tách rời. Cha mẹ và con cái cùng đi chơi, cha mẹ nói chuyện, con cái được lắng nghe. Thậm chí trẻ còn được chứng kiến mẹ mình ngã giá hàng hóa từ đầu đến cuối. Người mẹ gắn bó với con trong suốt thời thơ ấu. Vì phải chăm sóc con, những người mẹ đó không thể ra ngoài mà để con ở nhà một mình. Điều này càng thắt chặt thêm mối quan hệ mẹ con. Tình yêu thương và sự chăm sóc của mẹ sẽ gắn kết tình mẹ con, đồng thời nâng cao năng lực thích ứng với xã hội của trẻ. Tất cả những phương thức này diễn ra hết sức tự nhiên, mẹ và trẻ dường như vẫn là một thể thống nhất.

Nếu tập quán này không bị phá vỡ bởi xã hội văn minh, người mẹ sẽ không bao giờ giao con mình cho người khác chăm sóc. Trẻ sẽ được tận hưởng những ngày tháng ở bên cạnh mẹ, đồng thời trở nên biết nghe lời mẹ. Đối với mẹ thì điều này quá tốt, nhưng nó còn cần thiết hơn đối với sự phát triển và khả năng thích ứng xã hội của trẻ. Nếu trẻ chỉ được nghe thấy lời của mẹ nói với người khác thì như vậy là quá ít. Điều trẻ nghe thấy là toàn bộ nội dung trò chuyện, thứ trẻ nhìn thấy là hành vi trong lúc nói chuyện của người lớn. Trẻ sẽ dần dần lĩnh hội những điều này, nó quan trọng hơn nhiều so với những điều mẹ nói với trẻ, bởi ngôn ngữ chính là thứ truyền tải tư tưởng của hành vi.

Phương diện này ở các tổ chức xã hội, dân tộc và chủng tộc khác nhau sẽ khác nhau. Ví dụ, cách bế trẻ ở mỗi nơi là không giống nhau. Đây là một trong các phương diện thú vị mà các nhà nhân chủng học đang để tâm nghiên cứu. Hầu hết các bà mẹ trên thế giới này đều đặt con vào một chiếc giường nhỏ hoặc một chiếc địu nhỏ chứ không chỉ nâng con bằng cánh tay mình. Ở

một số nước, khi phải ra ngoài làm việc, người mẹ sẽ địu con trên vai bằng một sợi dây thừng nối với một mảnh gỗ. Có người lại đặt con lên cổ, một số địu con trên lưng, có người thì dùng giỏ để cho trẻ nằm. Nhưng có một điểm chung ở tất cả các quốc gia là người mẹ luôn đưa con đi theo bên mình. Để trẻ có thể hít thở bình thường, không bị ngạt thở, những đứa trẻ thường được tựa lên vai mẹ. Ví dụ, người Nhật thường đặt con sao cho mặt trẻ ở trên vai mình, đó chính là lý do mà người đầu tiên phát hiện ra đất nước này đã đặt cho nó cái tên là “dân tộc hai đầu”. Người Ấn Độ thường bế trẻ con bên hông. Người da đỏ Bắc Mỹ thường mang trẻ nhỏ đi theo bằng những thứ tương tự như chiếc nôi, đứa trẻ quay lưng về phía mẹ nhưng người mẹ có thể nhìn thấy con. Không quan tâm đến con đối với một người mẹ là việc không thể chấp nhận được. Trong lễ đăng quang hoàng hậu ở một bộ lạc châu Phi, các giáo sĩ kinh ngạc phát hiện ra rằng, hoàng hậu mang con cùng tham dự lễ hội.

Một vấn đề khác cần nói rõ là truyền thống kéo dài thời gian cho bú. Thời gian bú sữa mẹ có thể kéo dài từ 1,5 năm, có khi là 2 năm, thậm chí là 3 năm. Điều này không có quan hệ với nhu cầu dinh dưỡng của trẻ, bởi vì lúc này trẻ đã hoàn toàn có khả năng hấp thụ các thực phẩm khác. Tuy nhiên kéo dài thời gian cho bú có thể khiến mẹ và trẻ có nhiều thời gian ở cạnh nhau hơn, đây là động lực vô hình hỗ trợ cho quá trình thích ứng với xã hội và hoàn thiện bản thân của trẻ. Bởi vậy, cho dù người mẹ không trò chuyện cùng trẻ, trẻ vẫn có thể tiếp xúc với thế giới xung quanh. Trẻ có thể nghe thấy lời người lớn trò chuyện trên phố, quan sát xe cộ đi lại, quan sát các loài động vật. Dù cho không biết tên gọi là gì, nhưng những hình ảnh đó sẽ để lại dấu ấn trong não trẻ. Hãy thử nhìn xem, trẻ đang quan sát mẹ mình trả giá hoa quả với vẻ mặt thích thú. Bạn có thể nhận ra rằng, ngôn ngữ và động tác là thứ khơi gợi cảm hứng lớn nhất cho trẻ.

Chúng tôi phát hiện ra rằng, những đứa trẻ được ra phố cùng mẹ, nếu không phải vì bị ốm thì chúng sẽ không bao giờ khóc lóc. Có lúc trẻ sẽ ngủ gật, nhưng không hề khóc. Nếu quan sát một số bức ảnh ghi lại cuộc sống ở các quốc gia khác nhau, bạn sẽ thấy những đứa trẻ ở bên cạnh mẹ không bao giờ khóc.

Trẻ em phương Tây thường có tật thích khóc lóc. Chúng ta thường nghe thấy các bà mẹ than thở vì lũ trẻ rất hay khóc, đồng thời thảo luận xem nên làm thế nào để khiến trẻ trở nên bình tĩnh và vui vẻ. Đáp án mà tâm lý học hiện đại đưa ra cho những người mẹ này là: “Trẻ nhỏ quấy khóc, giận dữ, nóng nảy đều là vì chúng đang ở trong trạng thái đói khát về tinh thần”. Kim hãm trẻ trong một phạm vi không gian nhỏ hẹp, kiểu quản thúc như nhà tù đó khiến trẻ không thể phát huy hết các tiềm năng của mình. Phương pháp đối phó có liên quan đã được áp dụng một cách vô thức ở nhiều quốc gia. Đối với chúng ta mà nói, chúng ta cần hiểu rõ điểm này để có thể thay đổi nó một cách có ý thức.

Chương 10

SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ

Ngôn ngữ là một bức tường, nó bao quanh một nhóm người nào đó, đồng thời lại cách li một nhóm khác ở bên ngoài. Đây có thể là nguyên nhân tại sao từ ngữ có tác dụng thần bí trong não con người, nó có thể vượt ra khỏi biên giới dân tộc để gắn kết con người với nhau. Ngôn ngữ chính là sợi dây nối liền con người với con người.



Trước khi chuyển chủ đề sang sự phát triển ngôn ngữ của trẻ, chúng ta cần tiến hành tìm hiểu một chút, nếu không sẽ không thể hiểu được quan hệ giữa ngôn ngữ và cuộc sống. Ngôn ngữ không chỉ khiến một người có thể hòa nhập vào cộng đồng và dân tộc nơi anh ta sinh sống, mà còn là điểm chính để phân biệt giữa con người và các loài vật khác. Ngôn ngữ cũng đồng thời là nền tảng của sự biến đổi môi trường (chúng ta gọi là nền văn hóa).

Cuộc sống của con người khác với các loài động vật khác ở chỗ không hoàn toàn phụ thuộc vào bản năng, chúng ta cũng không thể dự đoán một đứa trẻ sau này sẽ làm gì. Nhưng có một điều chắc chắn là, nếu không thể giao tiếp với người khác, đứa trẻ đó hầu như không thể làm được gì. Chỉ có sức mạnh tư duy là không đủ. Trí thông minh không đủ để tạo ra sự giao tiếp và phối hợp hài hòa giữa người với người, trong khi sự giao tiếp và phối hợp đó lại có vai trò vô cùng quan trọng trong sự thành công của một người. Ngôn ngữ chính là công cụ của “tư tưởng tập thể”.

Trước khi chào đời, con người chưa có ý niệm về ngôn ngữ. Đối với thai nhi, ngôn ngữ chỉ là sự chuyển động của không khí hoặc một chuỗi âm thanh mà thôi.

Những âm thanh này đối với trẻ không có bất cứ ý nghĩa nào. Ví dụ, đối với trẻ, đồ chứa và từ “ấm đun nước” không có bất cứ mối liên hệ logic nào. Từ “ấm đun nước” sở dĩ có ý nghĩa là bởi vì người ta đã gán cho nó một ý nghĩa nhất định. Ý nghĩa của các từ khác cũng vậy. Ý nghĩa sẵn có của mỗi một từ đều là kết quả của sự công nhận của cả một cộng đồng người, chỉ những người hiểu từ đó mới có thể hiểu ý nghĩa của từ. Cùng biểu thị một ý nghĩa giống nhau, những cộng đồng người khác nhau sẽ dùng những hệ thống kí tự khác nhau.

Vì thế, ngôn ngữ là một bức tường, nó bao quanh một nhóm người nào đó, đồng thời lại cách li một nhóm khác ở bên ngoài. Đây có thể là nguyên nhân tại sao từ ngữ có tác dụng thần bí trong não con người, vượt ra khỏi biên giới dân tộc để gắn kết con người với nhau. Ngôn ngữ chính là sợi dây kết nối con người với con người, phát triển và biến hóa theo nhu cầu của con người. Có thể nói, ngôn ngữ phát triển theo tư tưởng của con người.

Điều kì diệu là, những từ phức tạp rồi rầm đến đâu cũng đều được cấu thành bởi số lượng âm thanh có hạn. Những âm thanh này có thể tổ hợp với nhau bằng rất nhiều phương thức khác nhau, số lượng từ được tạo thành nhờ thế có thể nói là vô hạn. Những thứ gọi là âm thanh đó, một số được phát ra do nhu cầu cần thiết, một số tự nhiên phát ra, một số âm khi phát ra cần mím chặt môi, có âm lại cần mở rộng miệng. Nhưng đáng ngạc nhiên hơn là việc bộ não của con người có thể ghi nhớ số lượng khổng lồ tổ hợp âm thanh và ý nghĩa đi kèm của nó. Đây là vấn đề tư duy, nó có thể khiến các từ đơn tổ hợp thành câu. Các từ đơn trong câu được sắp xếp theo một trật tự nhất định chứ không thể tổ hợp một cách tùy tiện. Người nói và người nghe đều căn cứ vào những nguyên tắc nhất định để biểu đạt và lí giải ý nghĩa của câu. Để biểu đạt một thứ, người nói buộc phải sử dụng tên của thứ đó, đồng thời thêm tính từ cần thiết vào trước hoặc sau tên đó. Chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ có vị trí nhất định trong câu. Không chỉ cần sử dụng đúng từ đơn mà trật tự từ cũng rất quan trọng. Hãy thử lấy một ví dụ: Viết ra một câu đúng, sau đó lần lượt bỏ đi từng từ đơn trong đó, và tổ hợp ngẫu nhiên các từ còn lại, câu mới được tạo ra sẽ mất đi ý nghĩa ban đầu. Vì vậy, có thể nói rằng, việc sắp xếp trật tự từ cũng có một chuẩn mực chung.

Vì vậy, ngôn ngữ là trí tuệ siêu việt của con người. Trong lịch sử, sự phát triển ngôn ngữ không hề thuận buồm xuôi gió, khi nền văn minh mà một ngôn ngữ nào đó thuộc về bị phá vỡ, loại ngôn ngữ đó cũng khó thoát khỏi vận đen, hơn nữa vì việc ghi nhớ lại nó rất khó khăn nên cuối cùng sẽ dần dần biến mất. Ban đầu con người tưởng rằng ngôn ngữ là thứ trời phú, nhưng chúng ta không thể không công nhận rằng, ngôn ngữ vượt quá khả năng của tự nhiên, nó thể hiện tư tưởng và là kết quả của trí tuệ con người. Ngôn ngữ giống như một mạng lưới vô tận tỏa ra khắp nơi, có thể biểu đạt bất cứ sự vật, sự việc gì. Chúng ta có thể tồn tại rất nhiều năm nghiên cứu tiếng Phạn hay tiếng Latinh nhưng vẫn không thể hoàn toàn nắm bắt được chúng. Đó là một bí ẩn không thể lí giải. Chúng ta cần hiểu rằng, mỗi công việc con người làm được đều dựa trên cơ sở là ngôn ngữ chung. Ngôn ngữ là thứ quan trọng nhất trong số những gì con người cần dùng.

Con người nắm bắt ngôn ngữ như thế nào? Nghi vấn này thôi thúc chúng ta nghiên cứu quá trình học ngôn ngữ của trẻ nhỏ. Sự tiếp thu và học hỏi ngôn ngữ của trẻ là một việc rất huyền bí và khó hiểu mà trước đây chúng ta chưa dành cho nó sự quan tâm đúng mức. Chúng ta thường quan niệm rằng: “Chỉ cần ở cùng với người biết nói, trẻ nhỏ cũng tự nhiên có thể học nói.” Những người hiểu chút ít về tính phức tạp của ngôn ngữ sẽ biết rằng đây là một quan niệm hết sức hời hợt. Nhưng nó lại đúng vững suốt mấy ngàn năm mà không thay đổi chút nào.

Khi nghiên cứu về vấn đề này, chúng ta lại phát hiện một hiện tượng kì lạ khác: Một ngôn ngữ dù cao siêu đến mấy thì những người bản địa chưa từng trải qua trường lớp nào cũng có thể nói được một cách thành thạo. Ví dụ, đối với những người coi biến thể tiếng Latinh là tiếng mẹ đẻ như chúng ta, tiếng Latinh là thứ ngôn ngữ rất khó nắm bắt, trong khi đó những nô lệ trong đế quốc Rome trước kia cũng nói tiếng Latinh. Độ khó của tiếng Latinh từ đó đến nay chưa hề thay đổi. Chẳng phải những nô lệ cũng nói một thứ tiếng Latinh giống như những đứa trẻ trong Hoàng cung Rome hay sao?

Chẳng phải nhiều năm trước, ở Ấn Độ, những nông dân và những kẻ lang thang trong rừng cũng đều thông thạo tiếng Phạn hay sao?

Những thắc mắc này khiến chúng ta bắt đầu quan sát và nghiên cứu tỉ mỉ về quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ. Ở đây chúng ta bàn về “phát triển” chứ không phải “dạy dỗ”, bởi ngôn ngữ không phải là thứ mẹ có thể dạy được cho trẻ. Ngôn ngữ là sự phát triển tự nhiên, là do tự nhiên sáng tạo. Đồng thời sự phát triển ngôn ngữ ở tất cả trẻ em đều tuân theo một quy luật cố định. Cho dù trẻ sống ở đâu, nói thứ ngôn ngữ nào, đơn giản hay phức tạp thì các giai đoạn phát triển ngôn ngữ cũng đều cơ bản giống nhau. Ngày nay vẫn còn những tộc người chưa được khai hóa và sử dụng thứ ngôn ngữ rất đơn giản, nhưng các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của những đứa trẻ nói thứ ngôn ngữ này không có gì khác biệt so với những đứa trẻ nói thứ ngôn ngữ phức tạp hơn. Tất cả trẻ em đều phải trải qua các giai đoạn: Giai đoạn phát âm đơn giản, giai đoạn sử dụng từ đơn và cuối cùng là giai đoạn thành thạo ngữ pháp, cú pháp.

Trẻ nhỏ có khả năng phân biệt giống đực và giống cái, số ít và số nhiều, thời của động từ, thể của câu, tiền tố và hậu tố... Cho dù thứ tiếng mẹ đẻ có khó khăn phức tạp hay có cách sử dụng đặc biệt đến mấy, trẻ vẫn có thể tiếp thu và học hỏi, đồng thời độ tuổi trẻ sử dụng ngôn ngữ này tương đương với độ tuổi trẻ em châu Phi sử dụng từ vựng cơ bản của mình.

Nếu chú tâm quan sát việc phát âm các âm thanh khác nhau, chúng ta sẽ phát hiện việc phát âm này cũng tuân theo quy luật nhất định. Các âm tiết từ đơn đều phát ra dưới một cơ chế nhất định. Một số âm tiết đòi hỏi sự phối hợp vận động của mũi và họng, có âm tiết đòi hỏi sự phối hợp của cơ lưỡi và cơ má. Các bộ phận trên cơ thể người đều tham gia vào cơ chế này để khiến trẻ có thể học tập và nắm bắt tiếng mẹ đẻ tốt hơn. Một người trưởng thành khó có thể nghe chuẩn phát âm, chứ chưa nói đến việc học tập ngôn ngữ của một đất nước khác. Chúng ta chỉ có thể sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ của mình mà thôi. Chỉ có trẻ mới có thể thiết lập nên cơ chế ngôn ngữ này, cũng chỉ có trẻ mới có thể học tập thành thạo thứ ngôn ngữ mà mình nghe được.

Quá trình học ngôn ngữ ở trẻ không phải là một quá trình có ý thức, mà được bắt đầu và hoàn tất trong trạng thái vô thức của bộ não. Khi nghe thấy một ngôn ngữ nào đó, nó đã trở thành một phần trong con người trẻ. Người lớn chúng ta chỉ có thể tưởng tượng ra quá trình học ngôn ngữ một cách có ý thức là như thế nào, bởi chúng ta chỉ có thể học một cách có ý thức. Nhưng ta buộc phải hiểu về một hình thức khác nữa. Đó là một cơ chế tự nhiên, nói cách khác là cơ chế siêu việt của tự nhiên, không liên quan đến việc học tập có ý thức. Ta không thể quan sát nó bằng mắt thường, nhưng nó lại có tác dụng với toàn bộ nhân loại.

Toàn bộ quá trình để lại cho chúng ta ấn tượng sâu sắc, và sâu sắc hơn cả là một số chi tiết. Một trong số đó là phát âm ngôn ngữ được liên tục truyền từ đời này sang đời khác. Thứ hai là một ngôn ngữ khó và một ngôn ngữ dễ hơn đối với trẻ em không hề có sự phân biệt khó dễ. Tất cả trẻ em đều không hề cảm thấy việc học tiếng mẹ đẻ là một việc khó khăn, cơ chế ngôn ngữ này khiến ngôn ngữ trở thành một chỉnh thể đơn giản, cho dù trên thực tế nó phức tạp hay đơn giản.

Việc học tập và tiếp thu ngôn ngữ này ở trẻ khiến chúng ta nghĩ tới một hiện tượng tương tự.

Giả dụ chúng ta cần hình ảnh nào đó. Chúng ta có thể dùng bút vẽ hoặc có thể chụp ảnh. Hình ảnh sẽ được ghi lại trên phim âm bản cảm quang, dù là chụp ảnh 1 người hay 10 người cũng vậy, hình ảnh đều được ghi lại trong chớp mắt. Cho dù chụp 1000 người cũng không khác gì chụp 1 người. Cho dù phản ứng hóa học là đơn giản hay phức tạp thì cũng đều được hoàn thành trong thời gian rất ngắn ngủi. Nhưng đối với chúng ta thì việc tự tay vẽ một bức chân dung là khá mất thời gian, số lượng người cần vẽ càng nhiều thì thời gian vẽ càng nhiều.

Không chỉ có vậy, hình ảnh chụp từ máy ảnh được ghi lại trên phim âm bản trong bóng tối. Quá trình phát triển ngôn ngữ cũng được hoàn tất trong “bóng tối” như vậy. Ngôn ngữ hình thành một cách tự nhiên, một khi đã định hình thì không có cách nào thay đổi được.

Cơ chế tâm lí của việc trẻ nhỏ học tập ngôn ngữ bắt đầu trong trạng thái hoàn toàn vô thức của bộ não, sau khi hoàn tất ngôn ngữ sẽ trở thành một phần trong bộ não. Không còn nghi ngờ gì nữa, cơ chế ngôn ngữ đặc biệt của trẻ đã khiến xảy ra hiện tượng này.

Khi đã tin tưởng vào lí luận này, tự nhiên chúng ta sẽ nghĩ đến việc quá trình này diễn ra như thế nào. Ngày nay có rất nhiều người đang nghiên cứu về vấn đề này, trong số đó, một số nghiên cứu chỉ mang tính quan sát, thông qua quan sát thu được kết quả và chúng ta có thể tự tiến hành. Nhưng những nghiên cứu này đòi hỏi phải thật sự chính xác. Công việc nghiên cứu có liên quan đang được thực hiện nghiêm túc, trong khoảng thời gian từ khi trẻ mới ra đời cho đến 2 tuổi hoặc từ 2 tuổi trở lên, ghi chép mọi hoạt động diễn ra mỗi ngày, thậm chí còn cần ghi chép một số giai đoạn trì trệ không có sự tiến triển. Thông qua ghi chép, chúng ta sẽ phát hiện khá nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt. Lượng hoạt động nội tại của trẻ là rất lớn, nhưng những biến đổi mà mắt thường của chúng ta nhìn thấy thì lại rất nhỏ. Điều này cho thấy tỉ lệ biểu hiện bên ngoài và tiến triển bên trong là không giống nhau. Có thể chúng ta sẽ phát hiện, những tiến triển mà mắt thường nhìn thấy thường không diễn ra dần dần mà xuất hiện theo từng bước nhảy vọt. Ví dụ, khả năng phát âm âm tiết của trẻ đột ngột xuất hiện một lúc nào đó, sau đó chững lại trong khoảng thời gian vài tháng không có tiến triển gì. Nhìn từ biểu hiện bên ngoài thì trẻ có vẻ như không có bước tiến nào, nhưng rồi chúng ta đột ngột nhận ra trẻ đã có thể nói được các từ đơn. Rồi lại một thời gian dài trôi qua, trẻ vẫn chỉ nói được một, hai từ đơn, mọi chuyện có vẻ tiến triển rất chậm. Nhưng các hình thức hoạt động khác thì cho thấy, bên trong trẻ đang có những thay đổi ổn định và rõ ràng.

Mọi chuyện thật sự khác xa so với những kinh nghiệm của chúng ta? Ngược dòng lịch sử, chúng ta có thể thấy rằng người nguyên thủy đã từng trải qua trình độ văn minh thấp nhất, vài thế kỉ trôi qua mà dường như cuộc sống của họ không có bước tiến nào. Nhưng đó chỉ là những biểu hiện bên ngoài mà các sử gia có thể nhìn thấy. Trên thực tế, cuộc sống của người nguyên thủy đã có những đổi thay rất lớn, cuối cùng dẫn đến giai đoạn thay đổi nhanh chóng, rồi lại bước vào thời kì phát triển chậm chạp, sau đó lại bước vào thời kì biến đổi nhanh chóng.

Hiện tượng này cũng xảy ra trong thời kì học nói của trẻ. Các chuyên gia tâm lí cho rằng, trẻ

không học dần dần từng chữ từng câu mà có “thời kì bùng nổ”. Hiện tượng này không phải do người dạy dỗ trẻ tạo ra, mà là do bản tay của tự nhiên. Mỗi đứa trẻ đều có một thời điểm đột nhiên có thể phát âm chính xác rất nhiều từ đơn. Đứa trẻ mà 3 tháng trước chẳng biết gì thì 3 tháng sau đã có thể dễ dàng biểu đạt danh từ, tiền tố, hậu tố và động từ. Bước tiến này, đối với hầu hết trẻ em, sẽ diễn ra vào thời điểm 2 tuổi.

Từ hiện tượng này, có lẽ chúng ta sẽ cảm thấy tin tưởng và đủ nhẫn nại chờ đợi trẻ hơn. Sau những giai đoạn trì trệ, chúng ta có thể tự tin mong chờ sự phát triển, sự trì trệ này chỉ là biểu hiện bên ngoài mà thôi, sau đó có thể sẽ là những bước tiến mà chúng ta chưa ngờ tới.

Hiện tượng bùng nổ ngôn ngữ xảy ra khi trẻ 2 tuổi. Khi đó, trẻ có đủ khả năng diễn đạt những câu phức tạp, hơn nữa còn biết chia thời của động từ. Điều khiến chúng ta ngạc nhiên là trẻ còn có thể sử dụng các câu dài, vế câu. Ở tuổi này, trẻ đã tự mình xây dựng nên cơ chế biểu đạt ngôn ngữ và kết cấu tâm lí đặc trưng của chủng tộc và xã hội mà trẻ đang sống. Đứa trẻ đã trang bị đầy đủ năng lực ngôn ngữ này từ nay bắt đầu nói không ngừng nghỉ.

2 tuổi chính là đường ranh giới của tâm lí con người. Lứa tuổi lên 2 mở ra một thời kì tổ chức ngôn ngữ. Trong thời kì này, ngôn ngữ tiếp tục phát triển, nhưng sự phát triển không thuộc kiểu bùng nổ như trước nữa mà là một phương thức mới mẻ, tự nhiên. Giai đoạn thứ hai tiếp tục kéo dài đến 5, 6 tuổi. Trong thời kì này, trẻ học được rất nhiều từ đơn mới, đồng thời dần dần hoàn thiện cách sử dụng các kiểu câu. Đương nhiên, nếu trẻ chỉ học được vốn từ ít ỏi từ môi trường, hơn nữa lại là các âm tiết địa phương thì trẻ sẽ tiếp thu những thứ đó. Nếu trẻ được tiếp xúc với những đứa trẻ có văn hóa, vốn từ vựng của những đứa trẻ này rất lớn thì trẻ cũng sẽ dần dần đạt đến trình độ tương đương. Mặc dù môi trường có vai trò vô cùng quan trọng, nhưng cho dù môi trường như thế nào đi chăng nữa, ngôn ngữ của trẻ trong giai đoạn này cũng trở nên vô cùng phong phú. Các nhà tâm lí học Bỉ đã phát hiện ra rằng, một đứa trẻ 2 tuổi rưỡi có vốn từ vựng khoảng 200–300 từ, cho đến 6 tuổi, lượng từ của trẻ có thể tăng lên tới hàng nghìn. Trẻ chẳng cần đến một giáo viên nào dạy dỗ, đó là một quá trình tiếp thu tự nhiên. Vậy mà sau khi trẻ đã hoàn thành tất cả những công việc này, người lớn mới đưa ra một quyết định có vẻ rất trọng đại là: Đưa trẻ tới trường, cho trẻ bắt đầu học bảng chữ cái!

Chúng ta phải chú ý cả hai hướng phát triển mà bình thường có mối quan hệ rất mật thiết: Một là hoạt động vô thức trong quá trình học ngôn ngữ, mặt khác là quá trình có ý thức phía sau đó.

Kết quả cuối cùng là gì? Chính là con người hoàn chỉnh trước mắt chúng ta. Khả năng biểu đạt ngôn ngữ của trẻ 6 tuổi đã cực kì chuẩn xác. Trẻ hiểu và có thể vận dụng một số quy tắc trong tiếng mẹ đẻ, đồng thời hoàn toàn quên mất những hoạt động mình đã làm một cách vô thức trước đó. Dù sao đi nữa, trẻ đã trưởng thành và tự mình hoàn thành quá trình học tập ngôn ngữ. Nếu không có năng lực học tập ngôn ngữ một cách tự giác, tự nhiên này, lịch sử loài người sẽ không thể có được những thành tựu huy hoàng như vậy, đó chính là tiến bộ của văn minh nhân loại.

Đây là thái độ đúng đắn mà chúng ta cần giữ vững, nó thể hiện tầm quan trọng của trẻ. Trẻ khiến cho mọi chuyện đều trở thành có thể. Nền văn minh được phát triển trên nền tảng là những hành động của trẻ. Đó là lí do vì sao chúng ta cần thỏa mãn nhu cầu của trẻ, giúp đỡ và không để trẻ phải cô độc trên con đường phát triển của mình.

Chương 11

TIẾNG GỌI CỦA NGÔN NGỮ

Thứ đầu tiên mà trẻ phải học chính là tên gọi của sự vật. Phương thức giáo dục của tự nhiên hoàn toàn trùng khớp với dự kiến của chúng ta. Thế giới tự nhiên chính là người thầy của trẻ, dưới sự dìu dắt của tự nhiên, trẻ bắt đầu học thứ ngôn ngữ mà người lớn chúng ta cho là không có ý nghĩa gì, nhưng trẻ lại tỏ ra vô cùng hào hứng.



Trong chương này tôi xin nói về sự thần kì của cơ chế ngôn ngữ ở trẻ. Chúng ta đều biết, trung khu thần kinh mang lại cho sinh vật khả năng điều chỉnh bản thân sao cho thích ứng với thế giới bên ngoài. Một số cơ quan cảm giác khác, ví dụ như dây thần kinh và trung khu thần kinh, cơ bắp đều thể hiện vai trò quan trọng của chúng trong khả năng đó. Nhưng sự tồn tại của cơ chế ngôn ngữ cho thấy, không chỉ có những thứ mà mắt thường nhìn thấy mới đang phát huy tác dụng. Cuối thế kỉ trước, người ta cho rằng tế bào thần kinh ở vỏ não hay còn được gọi là “khu vực trung tâm” có mối liên hệ nhất định với ngôn ngữ. Có hai khu vực có mối liên hệ trong đó: Một là trung khu cảm giác, nó có liên quan đến việc tiếp thu ngôn ngữ từ thế giới bên ngoài (trung tâm tiếp thu ngữ âm), khu vực thứ hai là trung khu vận động, nó có liên quan đến việc biểu đạt ngôn ngữ và động tác phát âm.

Theo những gì mắt thường nhìn thấy thì cơ quan ngôn ngữ có tổ chức về cơ bản là tương đồng. Trung tâm tai tiếp nhận âm thanh ngôn ngữ; miệng, họng và mũi dùng để biểu đạt ngôn ngữ. Sự phát triển tâm lí và sinh lí của hai trung khu này được tiến hành riêng lẻ. Ở một mức độ nào đó, thính giác có liên quan đến sức mạnh thần kì về phương diện tâm lí. Dưới sức mạnh thần kì này, trẻ phát triển ngôn ngữ một cách vô thức. Chúng ta có thể tìm hiểu về phương diện vận động thông qua sự vận hành đầy phức tạp và cực kì chuẩn xác của các cơ quan trong cơ thể trong quá trình chúng ta nói chuyện.

Rõ ràng là sự phát triển của các cơ quan vận động khá chậm và xuất hiện muộn hơn các bộ phận khác. Có thể sẽ có người hỏi vì sao lại thế, chỉ có một khả năng, đó là việc tiếp thu ngôn ngữ của trẻ thúc đẩy sự phát triển của các cơ quan ngôn ngữ.

Cách lí luận này rất logic. Bởi vì nếu con người không phải bẩm sinh đã biết nói một ngôn ngữ nào đó (con người có thể tự thiết lập khả năng này cho mình) thì trẻ nhỏ trước hết chỉ có thể nghe những người bên cạnh mình nói chuyện, sau đó mới có thể tự nói. Vì vậy sự vận động của các cơ quan phát âm phải dựa trên nền tảng là những thông tin ngữ âm trong đại não. Sự vận động của các cơ quan phát âm được quyết định bởi những âm thanh mà trẻ nghe thấy và được lưu lại trong não. Điều này rất dễ hiểu, nhưng chúng ta cần nhớ rằng, ngôn ngữ là sản phẩm của một loại cơ chế tự nhiên chứ không phải là kết quả của suy luận logic. Đương nhiên thứ phù hợp với logic chính là tự nhiên. Khi nghiên cứu tự nhiên thì trước tiên hiện tượng tự nhiên sẽ thu hút sự chú ý của chúng ta, sau đó chúng ta lí giải nó và cuối cùng chúng ta sẽ coi những gì mình nhìn thấy chính là “logic”.

Điều này khiến chúng ta nghĩ rằng: “Phía sau mỗi sự kiện đều là sự phát huy tác dụng của một sức mạnh trí tuệ nào đó”. Biểu hiện của sức mạnh trí tuệ này trên phương diện tâm lí tỏ ra rõ hơn trên phương diện sinh lí. Ví dụ, khi nhìn thấy những bông hoa xinh đẹp, sắc màu rực rỡ, trong tâm hồn chúng ta lập tức có cảm giác vui vẻ, dễ chịu. Có một sự thật rõ ràng là những đứa trẻ vừa chào đời không biết nghe cũng không biết nói. Thế thì rốt cuộc chúng biết làm gì? Câu trả lời là không biết làm gì cả. Nhưng rồi trong tương lai chúng sẽ biết tất cả mọi điều.

Hai trung khu này ban đầu không có bất cứ tác dụng ngôn ngữ nào, không chịu bất cứ ảnh hưởng di truyền nào, cũng chẳng có mối liên hệ nào với ngôn ngữ, nhưng lại mang khả năng học hỏi một ngôn ngữ nào đó, có khả năng thực hiện động tác biểu đạt ngôn ngữ. Chúng chính là một phần trong toàn bộ cơ chế ngôn ngữ, tạo hóa đã lợi dụng chúng để giúp trẻ phát triển

ngôn ngữ.

Khi nghiên cứu sâu hơn, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng, ngoài hai trung khu thần kinh nói trên, còn có một năng lực cảm giác đặc biệt khác chuẩn bị cho việc học tập ngôn ngữ đúng lúc. Hành vi phát âm của trẻ chịu ảnh hưởng của thính giác. Tất cả những điều này là sự sắp xếp hoàn hảo của tạo hóa, nhờ đó mà một đứa trẻ vừa chào đời đã bắt đầu thích ứng với xã hội và chuẩn bị học nói. Bản thân các cơ quan phát âm cũng là một phần khác hình thành nên công tác chuẩn bị phức tạp. Chú ý quan sát, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng sự kì diệu của cơ chế này không hề thua kém với sự kì diệu trên phương diện tâm lí con người. Cơ quan thính giác – tai của con người đã được hình thành từ trong điều kiện đặc biệt của tử cung người mẹ. Đôi tai tinh tế và cấu tạo phức tạp tựa như tác phẩm hoàn mỹ của một thiên tài âm nhạc. Phần chính của tai giống như một cây đàn hạc có thể phản ứng trước các loại âm thanh. Chiếc “đàn hạc” này có 64 sợi dây đàn dài ngắn khác nhau được sắp xếp theo một trật tự nhất định. Vì không gian có hạn, những sợi dây này được xếp theo hình xoáy tròn ốc. Mặc dù không gian nhỏ hẹp, nhưng tạo hóa đầy trí tuệ vẫn ban tặng cho tai khả năng cảm nhận mọi loại âm thanh. Vậy thứ gì đã khiến những sợi dây này rung động? Nếu không có rung động nào thì chúng khác gì chiếc đàn hỏng bị bỏ mặc trong im lặng. Phía trước “chiếc đàn” này có một màng cộng hưởng giống như mặt trống. Nếu như sóng âm chạm tới lớp màng cộng hưởng này thì các “sợi dây đàn” sẽ chấn động, và nhờ vậy chúng ta có thể nghe thấy âm thanh.

Đôi tai không thể phản ứng trước tất cả các âm thanh trong tự nhiên, bởi vì tai không có đủ “dây đàn”, nhưng các sợi “dây đàn” hiện nay đủ để phản ứng với các âm thanh phức tạp, ngôn ngữ có thể được chuyển tải một cách chân thực và chính xác qua đó. Trước khi con người chào đời, đôi tai đã được định hình, một đứa trẻ sinh non 7 tháng tuổi cũng có một đôi tai đã được định hình hoàn hảo và có thể sử dụng như bình thường. Vậy đôi tai chuyển tải âm thanh như thế nào? Phải chăng là chuyển âm thanh tới cơ quan đặc biệt chuyên thu nhận âm thanh thông qua các sợi dây thần kinh? Đó vẫn còn là một bí ẩn của tạo hóa.

Sau khi con người sinh ra, ngôn ngữ được hình thành như thế nào? Các chuyên gia tâm lí nghiên cứu trẻ sơ sinh cho biết, thính giác chính là cơ quan phát triển muộn nhất trong cơ thể. Phản ứng của cơ quan thính giác ở trẻ sơ sinh rất chậm chạp, cảm giác giống như bị điếc vậy. Trừ những âm thanh cực kì to, trẻ sẽ không phản ứng với bất cứ âm thanh nào khác. Tôi cho rằng điều này có một ý nghĩa sâu xa hơn. Tôi không nghi ngờ gì về vấn đề phản ứng thính giác chậm chạp của trẻ, nhưng tôi cho rằng phản ứng của trung khu ngôn ngữ của trẻ rất nhạy cảm, đặc biệt là khi chúng nghe thấy ngôn ngữ. Tôi cho rằng trung khu thần kinh này chuyên dùng để cảm nhận ngôn ngữ và từ vựng. Nói như vậy cũng có nghĩa là, cơ quan thính giác của trẻ sơ sinh chỉ phản ứng với một loại âm thanh nhất định (ngôn ngữ).

Tôi đã rút ra một kết luận là, cơ chế phức tạp bên trong con người trẻ chỉ phản ứng với ngôn ngữ nhằm chuẩn bị khả năng biểu đạt của bản thân. Nếu thính giác của trẻ không thể phân biệt các loại âm thanh thì đến lúc biết biểu đạt, trẻ sẽ phát ra đủ loại âm thanh khác nhau. Trẻ có thể bắt chước mọi loại âm thanh trong môi trường, kể cả những âm thanh không phải là tiếng nói của con người. Chính tạo hóa đã phân tách các trung khu thần kinh này, khiến trẻ chỉ mẫn cảm với ngôn ngữ, giúp tiếp thu ngôn ngữ tốt hơn. Chúng ta từng biết đến những trường hợp mà ta gọi là “người sói” quay lại với thế giới loài người. Mặc dù những đứa trẻ này lớn lên trong môi trường toàn là động vật, chim chóc, thậm chí đầy rẫy âm thanh phát ra từ cây cỏ, nước, nhưng chúng không mô phỏng những âm thanh này. Chúng cũng không nói được tiếng nói của con người. Bởi vì những đứa trẻ này chưa từng được nghe tiếng nói của con người, nên cơ chế ngôn ngữ bên trong trẻ đã không được khai phá.

Tôi nhấn mạnh điểm này là vì muốn nói với độc giả rằng, đây chính là một cơ chế được tạo ra chuyên để tiếp thu ngôn ngữ. Không phải vì sẵn có ngôn ngữ, mà chính bởi vì sở hữu cơ chế đặc biệt này nên con người mới có thể khiến ngôn ngữ trở thành tài sản của mình và có thể phân biệt ngôn ngữ. Cũng nhờ có cơ chế này nên trẻ mới có thể vận dụng ngôn ngữ một cách dễ dàng và lưu loát. Chính trong thời kì sơ sinh đầy bí ẩn, trẻ nhỏ – một thực thể được ban tặng năng lực cảm nhận âm thanh đặc biệt – lại bị đánh giá là chỉ biết ngủ suốt ngày. Nhưng dường như rất đột ngột, trẻ thức dậy, đồng thời có thể nghe được thứ âm thanh thật tuyệt vời. Tất cả

thần kinh thánh giác của trẻ phát huy hết tác dụng. Trẻ có thể sẽ cho rằng từ trước đến giờ, trên thế giới này không còn bất cứ âm thanh nào khác, kì thực đó là vì trẻ không phản ứng với những âm thanh khác mà thôi, trẻ chỉ nghe thấy ngôn ngữ của con người.

Nếu vẫn còn nhớ tới sức mạnh vĩ đại sáng tạo và bảo vệ sự sống, thì chúng ta sẽ hiểu vì sao ngôn ngữ có thể được lưu truyền lâu dài đến vậy, nó có thể được giữ gìn từ đời này qua đời khác. Những thứ được hình thành trong trí nhớ của trẻ sẽ được lưu giữ lâu dài.

Âm nhạc và các vũ điệu cũng vậy. Mỗi dân tộc đều có loại nhạc ưa thích riêng, họ sáng tạo âm nhạc của riêng mình giống như sáng tạo ngôn ngữ, họ sẽ cất lời ca hoặc nhảy theo điệu nhạc. Âm thanh của con người chính là âm nhạc, còn ngôn ngữ là các nốt nhạc. Dù cho bản thân các nốt nhạc không có ý nghĩa, nhưng mỗi dân tộc sẽ gán cho nó một ý nghĩa nhất định. Hàng trăm ngôn ngữ của người Ấn Độ đã phân dân tộc này thành hàng trăm nhóm người, chính âm nhạc đã gắn kết họ lại với nhau.

Hãy thử nghĩ xem, chẳng có loài vật nào biết hát và biết nhảy múa, trong khi con người ở bất cứ nơi đâu trên thế giới này cũng đều có thể hát và nhảy múa. Ngôn ngữ đã in dấu trong tiềm thức chúng ta. Chúng ta không biết bên trong sinh vật đang diễn ra điều gì, nhưng những gì đang diễn ra bên ngoài có thể mang lại cho chúng ta một vài gợi ý. Thứ đầu tiên in dấu trong tiềm thức của trẻ là những âm đơn, những âm này chính là bộ phận chính của ngôn ngữ, chúng ta có thể gọi chúng là “chữ cái”, sau đó là âm tiết rồi đến từ đơn. Lần đầu tiên phát ra những âm này, có thể trẻ hoàn toàn không ý thức được chúng có ý nghĩa gì, tình trạng này thường xảy ra khi trẻ đọc cuốn sách đầu tiên. Nhưng điều kì diệu của quá trình này là ở chỗ, dường như trong mỗi đứa trẻ đã có sẵn một người thầy nghiêm khắc dạy cho trẻ những chữ cái, sau đó là âm tiết, rồi đến từ đơn. “Người thầy” này dường như luôn tìm được đúng thời điểm để truyền dạy cho trẻ. Đầu tiên trẻ sẽ học phát âm, sau đó học âm tiết, hoàn toàn tuân thủ đúng phương pháp học ngôn ngữ. Sau đó trẻ sẽ học từ đơn rồi đến ngữ pháp.

Thứ đầu tiên mà trẻ phải học là tên gọi của các sự vật. Phương thức giáo dục của tự nhiên hoàn toàn phù hợp với những gì chúng ta dự kiến. Tự nhiên chính là người thầy, dưới sự dìu dắt của tự nhiên, trẻ sẽ học thứ ngôn ngữ mà người lớn chúng ta cho là vô nghĩa, nhưng trẻ lại tỏ ra vô cùng hào hứng. Việc này cứ thế tiếp diễn cho đến khi trẻ lên 3-5 tuổi và bắt đầu bước vào giai đoạn phát triển tiếp theo. Tự nhiên sẽ lần lượt dạy cho trẻ danh từ, tính từ, liên từ, phó từ, động từ, tiền tố, hậu tố và tất cả những cách dùng từ. Quá trình này diễn ra y hệt như giáo trình ở nhà trường. Bằng những bài kiểm tra, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng, trẻ đã có thể sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo. Lúc đó chúng ta mới vỡ lẽ rằng, bên trong mỗi đứa trẻ đều có một người thầy giỏi và trẻ cũng là một học sinh chăm chỉ, đã học tốt cách sử dụng ngôn ngữ. Không ai nghi ngờ những thành tích đó, khi đưa trẻ tới trường, chúng ta có thể cảm thấy tự hào vì những điều mà trẻ đã học được. Là bậc cha mẹ, nếu yêu thương những đứa trẻ của mình, các bạn nên tỏ ra vui mừng vì những thành tích của trẻ chứ không nên chỉ nhìn thấy những khuyết điểm của con.

Mỗi nhà giáo dục đều nên nhìn nhận trẻ là một tạo vật đầy bí ẩn. Chỉ vùn vùn hai năm mà trẻ có thể học được rất nhiều thứ. Trong hai năm này, tiềm thức của trẻ được đánh thức và dường như chỉ sau một đêm, tất cả bỗng đột nhiên bùng nổ. Từ lúc 4 tháng tuổi (có người cho là sớm hơn nhưng tôi thiên về mốc 4 tháng tuổi), trẻ đã bắt đầu chú ý tới những âm thanh phát ra từ miệng của người khác, trẻ phát hiện ra rằng miệng và cử động của môi sẽ tạo ra ngôn ngữ. Rất ít người chú ý tới việc trẻ bị thu hút bởi cử động của môi trong khi nói chuyện, trẻ sẽ quan sát thật kĩ để rồi bắt đầu bắt chước theo.

Sau đó, những hành vi có ý thức bắt đầu phát huy tác dụng. Tất nhiên những động tác này được chuẩn bị trong trạng thái có ý thức. Lúc này những cơ quan dùng trong hoạt động nói vẫn chưa thể phối hợp làm việc một cách chuẩn xác, nhưng một số cảm hứng có ý thức của trẻ đã được khơi gợi. Điều này giúp trẻ nâng cao khả năng chú ý, đồng thời thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ tiến thêm một bước.

Sau 2 tháng quan sát tỉ mỉ, trẻ bắt đầu có thể phát ra những âm tiết đầu tiên. Khi được 6

tháng tuổi, vào một ngày nào đó, khi vừa tỉnh giấc, chúng ta chợt nghe thấy tiếng trẻ nói “ba, ma” – dường như trẻ đang muốn gọi “bố, mẹ”. Suốt một thời gian sau đó, trẻ chỉ có thể nói được hai từ này. Nhưng chúng ta hãy nhớ, sau một thời gian dài nỗ lực, sự phát triển ngôn ngữ của trẻ đã đến điểm giới hạn, lúc này trẻ sẽ bước ra khỏi thời kì học hỏi một cách vô thức. “Người lớn thu nhỏ” này đã không còn giống như một cái máy mà đã có khả năng điều khiển ngôn ngữ theo ý mình.

Năm đầu đời của trẻ kết thúc như vậy, nhưng trước đó, vào thời điểm trẻ 10 tháng tuổi, trẻ đã có một phát hiện khác, đó chính là những gì trẻ nghe được đều mang một ý nghĩa nào đó. Khi chúng ta âu yếm trò chuyện với trẻ, trẻ biết rằng những lời đó có ý nghĩa, đồng thời cố gắng lí giải ý nghĩa của những câu nói này. Vì vậy trong năm đầu đời của trẻ xảy ra hai sự kiện: Trẻ học ngôn ngữ một cách vô thức, đồng thời dần dần đạt tới trạng thái có ý thức; ngoài ra trẻ còn bắt đầu xây dựng ngôn ngữ cho mình, dù rằng thời điểm này ngôn ngữ của trẻ chỉ đơn giản là những tiếng bập bẹ lặp đi lặp lại.

Năm 1 tuổi, trẻ bắt đầu nói một cách có ý thức. Dù vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi tình trạng bập bẹ, nhưng những gì trẻ nói ra đã bắt đầu có tính mục đích. Điều này chứng tỏ rằng trí não trẻ bắt đầu bước vào trạng thái có ý thức. Vậy rốt cuộc điều gì đang diễn ra trong con người trẻ? Bằng sự quan sát tỉ mỉ, chúng ta sẽ biết rằng, những gì diễn ra bên trong trẻ nhiều hơn những gì chúng ta có thể thấy ở bề ngoài.

Trẻ bắt đầu ý thức được rằng ngôn ngữ và những sự vật xung quanh mình có mối liên hệ với nhau. Ham muốn nắm bắt được ngôn ngữ có ý thức của trẻ ngày càng mãnh liệt. Vì vậy bên trong con người trẻ xảy ra lần xung đột đầu tiên. Tôi xin lí giải điều này bằng những trải nghiệm của bản thân mình. Ví dụ, tôi có một vài quan điểm muốn biểu đạt, nhưng tôi phải dùng ngoại ngữ để khiến những thính giả nước ngoài của mình có thể hiểu được, tuy nhiên thứ ngôn ngữ vựng về của tôi không có ý nghĩa gì với họ. Tôi biết những khán giả của tôi là những người đầy trí tuệ, mục đích của tôi là có thể giao tiếp với họ, nhưng vì thiếu đi phương thức biểu đạt lưu loát, tôi không thể nào đạt được mục đích đó.

Có nhiều khi chúng ta có rất nhiều điều muốn thổ lộ cùng người khác, nhưng vì vốn từ ngữ nghèo nàn nên chúng ta đã không đạt được mục đích, điều này thể hiện rất rõ ở trẻ nhỏ. Trẻ cảm thấy rất thất vọng trước tình cảnh bất lực đó. Và vì thế trẻ bắt đầu cố gắng học tập ngôn ngữ trong vô thức, kết quả là chúng đã thu được những thành tựu khiến người lớn chúng ta phải kinh ngạc.

Chúng ta có thể tìm trong trường học một người có tri thức nói chuyện kiểu người lớn với một đứa trẻ 1 tuổi, nhưng chúng ta vẫn chưa thể nhận thức đầy đủ những khó khăn mà đứa trẻ 1-2 tuổi gặp phải, chúng ta cũng chưa ý thức được tầm quan trọng của việc tạo cơ hội học ngôn ngữ một cách chính quy cho trẻ. Cần biết rằng, trẻ tự học những kiến thức ngôn ngữ, nhưng điều đó không có nghĩa là trong khi nói chuyện với trẻ, chúng ta không cần phải tuân thủ các quy tắc ngữ pháp, điều chúng ta cần làm là giúp trẻ học được ngôn ngữ một cách chính xác.

Trong giai đoạn trẻ từ 1-2 tuổi, “những người giúp đỡ trẻ trong gia đình” [\(1\)](#) cần có kiến thức khoa học về sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ. Chúng ta cần đóng vai người hợp tác và người phục vụ quy luật tự nhiên ở trẻ, mang lại cho trẻ sự trợ giúp cần thiết. Khi đó chúng ta sẽ thấy, toàn bộ quá trình học tập ở trẻ có quy luật riêng của nó.

Bây giờ chúng ta hãy cùng quay lại câu chuyện tôi đang nói tới ở trên, nếu những gì tôi nói mà người khác hoàn toàn không thể hiểu được, thì tôi sẽ cảm thấy thế nào? Có thể là tức giận phát điên. Những đứa trẻ 1-2 tuổi cũng có thể sẽ gặp phải tình trạng như vậy. Nếu trẻ chỉ dùng một vài từ đơn hòng kể lại cho chúng ta nghe một sự việc nào đó, chúng ta không hiểu, trẻ có thể cũng sẽ phát cáu. Những lúc như vậy, chúng ta thường nói: “Vây đấy, con người sinh ra đã thích cáu giận.” Những đứa trẻ mà ta chưa thể hiểu được đang cố gắng làm cho chúng ta hiểu. Nếu không thể nói được, trẻ chỉ có thể bộc lộ bằng sự phẫn nộ. Nhưng trẻ nhỏ vốn có khả năng tự thiết lập ngôn ngữ, trẻ cáu giận là vì trẻ tạm thời chưa thể đạt được mục đích này bằng nó.

lực của bản thân. Không ai có thể ngăn cản trẻ đạt được những bước tiến lớn, và trẻ sẽ dần dần học được cách sử dụng ngôn ngữ.

Khoảng 1 tuổi rưỡi, trẻ sẽ phát hiện thêm một điều mới, đó là mỗi sự vật, sự việc đều có tên gọi riêng, cũng có nghĩa là trẻ có thể tìm ra danh từ giữa những từ đơn mà mình học được, đặc biệt là một số danh từ cụ thể. Vậy là trẻ lại đạt được thêm một bước tiến lớn nữa. Trẻ đã biết rằng mỗi sự vật đều được biểu đạt bởi một từ nhất định. Tất nhiên chúng ta không thể dùng danh từ để biểu đạt tất cả mọi thứ. Đầu tiên trẻ dùng danh từ để thể hiện suy nghĩ của mình. Các chuyên gia tâm lý rất quan tâm đến việc sử dụng danh từ này của trẻ. Họ gọi đó là “câu một từ”. Trẻ thường dùng từ “mupper” để biểu thị cả câu: “Mẹ (Mummie), con muốn ăn tối (supper).”

Đặc trưng tiêu biểu của những câu rút ngắn này là bản thân từ đơn đã bị thay đổi hình thái. Trẻ thường nói một số từ tượng thanh ngắn gọn như những từ mô phỏng tiếng chó sủa... mà chúng ta gọi là “ngôn ngữ trẻ em”. Nhưng những hiểu biết của chúng ta về “ngôn ngữ trẻ em” vẫn còn rất hạn hẹp và đòi hỏi có những nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa.

Ngôn ngữ không phải là thứ duy nhất được hình thành trong giai đoạn 1 tuổi này, mà ngoài ra còn có tính trật tự. Tính trật tự không phải là thứ mang tính chất tạm thời, mà nó phù hợp với nhu cầu của trẻ. Trong khi trải nghiệm thời kì hình thành tâm lý, mỗi đứa trẻ đều muốn sắp xếp lại những thứ hỗn độn trong tâm trí mình một cách có trật tự hơn.

Trẻ sẽ cảm thấy rất khó chịu khi bất lực, việc chúng ta có thể hiểu được lời nói của trẻ sẽ có tác dụng hỗ trợ rất lớn trong việc hóa giải cảm giác khó chịu này.

Mặc dù những sự việc như vậy xảy ra hàng ngày, nhưng tôi vẫn đưa ra ví dụ như đã từng đưa ra ở trên(2), bởi ví dụ này có thể chứng minh cho trình trạng này.

Có một em bé người Tây Ban Nha thường nói từ “abrigo” (áo khoác) thành “go”, “espalda” (vai) thành “palda”. Vì những xung đột trong tâm lý mà bé đã nói ra hai từ “go” và “palda” đó, sự thật này khiến trẻ thường hay la hét. Mỗi khi mẹ của bé cởi áo khoác và vắt lên cánh tay, bé thường bắt đầu gào khóc không ngừng. Khi tôi đề nghị mẹ của bé mặc lại chiếc áo, bé liền lập tức nín khóc và vui vẻ nói: “go palda”, dường như muốn biểu đạt ý nghĩ rằng: Tốt rồi, áo khoác phải khoác trên vai mới phải”. Ví dụ này cho ta thấy trẻ khao khát mọi việc có trật tự và căm ghét sự hỗn loạn. Tôi xin nhấn mạnh một lần nữa, chúng ta nên xây dựng cho trẻ từ 1-1,5 tuổi một trường học đặc biệt. Tôi cho rằng, người mẹ nói riêng và cả xã hội nói chung không nên cách li trẻ. Hãy cho trẻ thường xuyên tiếp xúc với người lớn, đồng thời thường xuyên được nghe những câu chuyện có nội dung và cách phát âm chuẩn mực.

Chương 12

ẢNH HƯỞNG CỦA NHỮNG TRỞ NGẠI

Hai năm đầu đời sẽ có ảnh hưởng tới suốt cả cuộc đời mỗi con người. Trẻ nhỏ có tiềm năng tâm lý vô cùng lớn, và chúng ta vẫn chưa dành cho tiềm năng này của trẻ sự tôn trọng đúng mức. Trẻ cực kì nhạy cảm, chỉ một hành động hơi thô lỗ cũng đủ ảnh hưởng tới tâm lý của trẻ, thậm chí ảnh hưởng tới cả cuộc đời trẻ sau này.



T

ôi cho rằng, việc nói rõ hình thái điển hình của năng lực nhận thức sẵn có trong tâm lý của trẻ sẽ có ích cho việc miêu tả lĩnh vực năng lực của trẻ. Chúng ta sẽ tiến hành phân tích bộ não của trẻ tương tự như việc phân tích tâm lý. Hình 8 (ở chương sau) sẽ mô tả sự phát triển ngôn ngữ của trẻ thông qua các kí hiệu, điều này sẽ giúp làm rõ quan điểm của chúng ta.

Hình tam giác đen đại diện cho danh từ (tên của sự vật), các hình tròn đen đại diện cho động từ. Các kí hiệu khác nhau sẽ đại diện cho các loại từ khác nhau trong hình 8. Giả sử độ tuổi của trẻ có thể sử dụng 200–300 từ, cách sử dụng hình vẽ này sẽ khiến chúng ta có cảm giác trực quan hơn. Bằng cách này, chúng ta sẽ có thể nhìn thấy rõ quá trình phát triển ngôn ngữ ở trẻ. Cho dù là tiếng Anh, tiếng Tamil, tiếng Gujarat, tiếng Italy hay tiếng Tây Ban Nha thì cũng đều được biểu thị bằng hệ thống kí hiệu giống nhau.

Đầu tiên bên trái hình vẽ là một số âm thanh mơ hồ, biểu thị những nỗ lực đầu tiên của trẻ trong việc học nói, bao gồm cả thán từ. Giai đoạn tiếp theo là giai đoạn tổ hợp hai âm thành một âm tiết, tiếp theo là giai đoạn ba âm tổ hợp thành một câu. Ở góc cuối bên phải, chúng ta có thể nhìn thấy sự tổ hợp các từ khác nhau bao gồm một số danh từ thường dùng của trẻ, sau đó là đoản ngữ do hai từ đơn tạo thành. Những đoản ngữ này mang những ý nghĩa khác nhau, mỗi đoản ngữ lại được giải thích không giống nhau. Không lâu sau đó là thời kì vốn từ vựng của trẻ tăng nhanh, trong thời kì đó, trẻ có thể sử dụng các loại từ mới. Trong biểu đồ, tôi có liệt kê ra con số mà các chuyên gia tâm lý đã ước tính.

Trước đó, chúng ta có thể nhìn thấy trong biểu đồ có một nhóm từ đơn, chúng phần lớn là do sự hợp thành của các danh từ, những từ loại bộ phận nằm gần những danh từ này được sắp xếp lẫn lộn. Nhưng giai đoạn thứ hai – khi trẻ hơn 2 tuổi, sẽ là giai đoạn các từ được tổ hợp theo trật tự nhất định. Đó chính là giai đoạn bùng nổ – trẻ sử dụng câu. Giai đoạn bùng nổ thứ nhất là giai đoạn bùng nổ về từ vựng, giai đoạn bùng nổ thứ hai là bùng nổ về tư tưởng.

Nhưng trước khi có sự bùng nổ này sẽ là một giai đoạn chuẩn bị. Giai đoạn chuẩn bị không thể được nhìn thấy bằng mắt thường, nhưng chúng ta có thể thông qua dò đoán, giả thiết để biết được sự tồn tại của nó, bởi vì chúng ta đã được chứng kiến những nỗ lực trẻ bỏ ra hòng biểu đạt tư tưởng. Vì người lớn không hiểu những gì trẻ nói nên trong giai đoạn này, trẻ thường tỏ ra cáu gắt, giận dữ. Ở phần trước, chúng ta từng nói về điều này, luôn cáu gắt đã trở thành một phần tính cách của trẻ trong giai đoạn này. Khi đã nỗ lực bằng mọi cách mà vẫn không làm cho người lớn hiểu được lời nói của mình, trẻ chắc chắn sẽ rất giận dữ. Chúng ta biết rằng, người điếc rất hay cãi nhau với người khác, đó chính là vì người khác không nghe hiểu được lời nói của họ. Rất nhiều tiềm năng bên trong con người trẻ đang chờ được phát huy, mỗi đứa trẻ bình thường chắc chắn sẽ tìm được con đường phát huy hết những tiềm năng đó, nhưng để làm được như vậy cũng đòi hỏi sự nỗ lực vô cùng lớn.

Đây là một thời kì đầy khó khăn đối với trẻ. Những trở ngại mà trẻ gặp phải đều do sự hạn chế của môi trường và năng lực của bản thân mang lại. Đây là thời kì gặp khó khăn khi thích ứng với môi trường thứ hai mà trẻ gặp trong cuộc đời. Thời kì khó khăn thứ nhất chính là khi trẻ vừa chào đời, lúc đó trẻ phải tự hoàn thiện khả năng vận động bình thường của bản thân chứ không còn lệ thuộc vào tử cung của người mẹ nữa. Quá trình đó giống như là một cú sốc với trẻ, nếu người lớn không kịp thời chăm sóc và thấu hiểu, trẻ sẽ bị tổn thương về tâm lý và

xuất hiện hiện tượng muốn quay về tử cung của mẹ. Một số trẻ có môi trường sống cực kì lý tưởng và tạo nền tảng tốt cho sự phát triển bình thường của chúng. Tình trạng này có hai đặc điểm khác nhau. Học ngôn ngữ là một quá trình gian nan hướng tới sự độc lập nhưng cũng đồng thời phải đối diện với nguy cơ suy thoái.

Độc giả chắc hẳn vẫn còn nhớ, giai đoạn sáng tạo này còn có một đặc trưng khác. Đó chính là bộ não trong thời kì này chịu hai ảnh hưởng khác nhau. Những tác dụng tâm lí mà ảnh hưởng này mang lại sẽ tồn tại lâu dài trong đại não của trẻ. Trong phương diện phát âm khẩu ngữ và ngữ pháp có hai tình trạng, đó là trẻ trong thời kì này đồng thời với việc ghi nhớ những gì đã học thì cũng ghi nhớ những chương ngại đã mang lại cho chúng những ảnh hưởng không tốt. Mỗi giai đoạn trong hoạt động mang tính sáng tạo đều có tính hai mặt, thật khó để tính toán hậu quả của những ảnh hưởng xấu này, bởi vì phản ứng của trẻ với những chương ngại cũng giống như với những ảnh hưởng tốt – đều là sự tiếp thu. Vì vậy sự phát triển nhân cách trong giai đoạn này có thể là bình thường, cũng có thể là bất thường, hơn nữa còn ảnh hưởng nghiêm trọng tới những giai đoạn phát triển về sau của trẻ.

Khả năng đi đứng và nói chuyện đều được hình thành trong thời kì này. Cho tới khi trẻ được hai tuổi rưỡi thì tốc độ phát triển dần dần chậm lại. Trong quá trình những khả năng này tiếp tục phát triển thì vì những nguyên nhân tương tự mà gặp phải rất nhiều khó khăn và chương ngại. Điều này có nét tương đồng với những gì mà thuyết phân tâm học đã chỉ ra: “Chúng ta thường tìm thấy đáp án cho những chương ngại tâm lí của người trưởng thành trong những năm tháng thơ ấu”.

Những khó khăn đi đôi với sự phát triển thuộc về phạm vi “ức chế”. Từ “ức chế” thường được dùng trong tâm lí học, cũng có quan hệ đặc biệt với phân tâm học. Thứ mà chúng ta gọi là “ức chế” được hình thành trong thời kì thơ ấu. Mặc dù ngôn ngữ phần lớn sử dụng trong lĩnh vực hoạt động của con người, nhưng nó cũng có thể cung cấp cho chúng ta rất nhiều ví dụ về vấn đề này. Vào thời kì ngôn ngữ bắt đầu “bùng nổ”, trẻ em phải tiến hành sử dụng ngôn ngữ, bởi vì ngay sau đó, trẻ sẽ dùng những câu có hình thái ngữ pháp thích hợp để biểu đạt tư tưởng của mình. Lí luận giáo dục hiện đại rất coi trọng việc tự do biểu đạt, điều này có lợi cho việc cơ chế ngôn ngữ nhanh chóng được đưa vào sử dụng, cũng có ích cho sự phát triển trong tương lai của mỗi cá thể. Có rất nhiều trẻ em sau khi đã đạt đến một độ tuổi nhất định vẫn chưa xuất hiện thời kì bùng nổ ngôn ngữ. Ví dụ, có một số trẻ đã 3 tuổi hoặc ba tuổi rưỡi mà vẫn chỉ biết nói một vài từ mà những đứa trẻ ít tuổi hơn đã có thể nói, trong khi các cơ quan phát âm của trẻ phát triển hoàn toàn bình thường. Chúng ta gọi đó là “chứng câm tâm lí”, điều này xảy ra hoàn toàn do nguyên nhân tâm lí, là một dạng bệnh tâm lí.

Đồng thời, phân tâm học (đã trở thành một phần của y học hiện đại) còn tiến hành nghiên cứu về những loại chương ngại tâm lí khác. Trạng thái trì trệ này có lúc sẽ đột ngột biến mất. Trẻ đột nhiên bắt đầu biết nói, hơn nữa còn dùng từ và cấu trúc ngữ pháp rất chính xác. Rõ ràng là bên trong con người trẻ đã có sự chuẩn bị đầy đủ, chẳng qua là quá trình biểu hiện bên ngoài gặp phải một chút trở ngại mà thôi.

Ở trường của chúng tôi, có một số trẻ 3-4 tuổi vẫn chưa biết nói. Kể cả những ngôn ngữ bập bẹ của trẻ 2 tuổi chúng cũng không phát ra được. Nhưng vì chúng tôi đã tạo cho những đứa trẻ này một môi trường đủ tự do và khích lệ nên chúng đột nhiên bắt đầu có thể nói được. Vì sao lại thế? Là vì những đứa trẻ này đã bị tổn thương hoặc gặp một trở ngại tâm lí nào đó, vì thế chúng không thể biểu đạt ra những ngôn ngữ mà mình đã học được.

Khá nhiều người trưởng thành cũng cảm thấy nói là một việc rất khó khăn, họ phải tốn rất nhiều công sức chỉ để nói điều gì đó. Chúng ta thường gặp những loại khó khăn dưới đây:

1. Thiếu dũng khí khi nói chuyện;
2. Thiếu khả năng sắp xếp câu;
3. Cảm thấy khó khăn trong việc sử dụng câu;
4. Nói quá chậm hoặc ngắt quãng.

Hiện nay vẫn chưa có biện pháp giải quyết được những khó khăn này, chúng là một hình thức của tâm lý tự ti và sẽ theo suốt cuộc đời những người đó.

Còn có những rối loạn tâm lý khác ảnh hưởng đến khả năng biểu đạt rõ ràng, ví dụ như nói lắp hoặc phát âm không chuẩn. Những rối loạn này được hình thành trong giai đoạn hình thành cơ chế ngôn ngữ, vì vậy chúng ta có thể biết rõ rằng, mỗi giai đoạn học tập ngôn ngữ đều có những hình thái thoái hóa khác nhau:

Giai đoạn 1: Giai đoạn hình thành của cơ chế từ vựng.

Tình trạng thoái hóa tương ứng: Phát âm không chuẩn, nói lắp.

Giai đoạn 2: Giai đoạn hình thành cơ chế câu (biểu đạt tư tưởng).

Tình trạng thoái hóa tương ứng: Hình thành kết cấu câu chậm.

Những hình thức thoái hóa này có liên quan với sự nhận biết của trẻ, trẻ dễ dàng chấp nhận những thứ có mục đích sáng tạo và nâng cao năng lực của bản thân. Kết quả của việc ngăn cản tính sáng tạo của trẻ là những trở ngại này sẽ đeo bám suốt quãng đời còn lại của trẻ. Vì vậy chúng ta cần nhớ rằng, cảm giác của trẻ là vô cùng quan trọng.

Chính người lớn chúng ta thường ngăn cản trẻ và là thủ phạm của sự phát triển bất thường ở trẻ. Vì vậy, những hành động của người lớn với trẻ cần vô cùng ân cần, nhẹ nhàng, nhưng chúng ta lại thường không chú ý tới việc những hành động của mình quá thô bạo. Chúng ta cần chú ý tới điểm này nhiều hơn. Để giáo dục được trẻ, trước hết chúng ta phải giáo dục chính mình, đào tạo nhà giáo dục tốt còn quan trọng hơn việc học tập lý luận giáo dục, và việc này bao gồm cả giáo dục nhân cách... Trẻ nhỏ có đủ loại cảm giác, nhưng những tổn thương mà những cảm giác này gặp phải đều giống nhau. Trẻ nhỏ rất dễ bị tổn thương! Chúng rất nhạy cảm với biểu hiện lạnh nhạt của người lớn. “Con hãy nhớ những lời mẹ dặn!” Những người mẹ thường xuyên giao con mình cho bảo mẫu chăm sóc thì càng nên chú ý tới những lời lẽ lạnh nhạt, mang tính mệnh lệnh của bảo mẫu. Những người thuộc tầng lớp trên đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi những lời nói đó, cho dù có bao nhiêu sức lực đi nữa thì khi nói, trẻ cũng vẫn dễ trở nên nhút nhát, do dự, thậm chí là nói lắp.

Bản thân tôi cũng từng rất nghiêm khắc với trẻ. Trong một cuốn sách khác mang tên *Bí mật tuổi thơ*, tôi đã từng đưa ra ví dụ này. Một cậu bé thường xuyên giẫm đôi giày bẩn thỉu của cậu lên tấm ga giường xinh đẹp, tôi đã cởi giày cho cậu với thái độ kiên quyết và sau đó phải sạch tấm ga giường nhằm cho cậu biết rằng, đó không phải là chỗ có thể bỏ giày lên. Trong suốt 2-3 tháng sau, mỗi khi nhìn thấy giày, cậu bé đều vội vã cất ra chỗ khác, sau đó đưa mắt liếc nhìn ga giường hay thảm. Nói cách khác là, bọn trẻ không phản ứng lại với cách làm của tôi bằng thái độ nổi loạn. Chúng không dám nói: “Đừng đối xử với cháu như vậy, cháu thích để giày ở đâu thì sẽ để ở đó”. Hành vi bất thường của trẻ là phản ứng đối với phương pháp sai lầm của tôi. Phản ứng của trẻ phần lớn không có tính nổi loạn. Nếu chúng nổi cáu trước sự việc này thì mọi chuyện sẽ tốt hơn một chút, bởi vì sự giận dữ của trẻ cho thấy trẻ có khả năng tự bảo vệ bản thân và sự phát triển của trẻ sẽ diễn ra bình thường. Nhưng nếu trẻ thay đổi tính cách hoặc có những hành vi bất thường nhằm tìm kiếm sự bảo vệ, thì có thể khi đó tinh thần trẻ đã bị tổn thương nghiêm trọng. Người lớn thường không chú ý đến điều này, họ cho rằng, nếu trẻ không nổi cáu thì chẳng có gì mà phải lo lắng.

Một biểu hiện bất thường khác ở người trưởng thành chính là nỗi sợ hãi không có nguyên nhân. Tình trạng này có thể là do họ phải sống trong môi trường bạo lực thời thơ ấu. Có thể là do động vật, ví dụ như mèo, chim... Cũng có thể do trẻ đã từng bị nhốt ở trong phòng. Cho dù là giải thích hay thuyết phục thì cũng đều không thể hóa giải nỗi sợ hãi của những người này. Y học đặt tên cho tình trạng này là “chứng ám ảnh”. Một số nỗi sợ hãi rất thường gặp nhưng lại có cái tên rất đặc biệt, ví dụ như Claustrophobia – Chứng sợ nơi chật hẹp (nỗi sợ bị nhốt trong phòng hoặc phải ở một mình).

Trong y học còn có rất nhiều minh chứng trên các phương diện khác. Tôi nhắc đến những điều này chủ yếu là để chứng minh hình thức tâm lý của trẻ ở độ tuổi này, đồng thời nói với độc

giả rằng, mỗi hành vi của chúng ta đều ảnh hưởng đến trẻ, đó không chỉ là ảnh hưởng ở hiện tại mà còn ảnh hưởng tới tương lai của trẻ.

Chúng ta nhất định phải tìm hiểu suy nghĩ của trẻ thông qua quan sát và phát hiện, cần nghiên cứu trẻ giống như các nhà phân tâm học tiến hành nghiên cứu người trưởng thành. Đó không phải là một việc dễ dàng, bởi vì hiểu được những lời của trẻ nhỏ là việc rất khó, dường như người lớn không thể nào hiểu được rõ ràng những suy nghĩ mà trẻ muốn biểu đạt. Nhiều lúc nếu muốn hiểu được một cách tổng thể, ít nhất người lớn cần hiểu được những chuyện đang diễn ra, sau đó giúp đỡ trẻ giải quyết những khó khăn mà chúng đang phải đối mặt. Giá mà giữa chúng ta và trẻ có một phiên dịch viên thì tốt biết mấy! Bản thân tôi đang cố gắng tìm hiểu những tư tưởng mà trẻ muốn biểu đạt, tự mình đóng vai trò là người phiên dịch đó. Tôi kinh ngạc phát hiện ra rằng, mỗi khi tôi cố gắng hiểu được suy nghĩ của trẻ, bọn trẻ sẽ quay sang cầu cứu tôi, như thể tôi có thể giúp đỡ chúng.

Trẻ tỏ ra yêu thích những người có thể giúp đỡ chúng hơn là những người hay vuốt ve chúng. Trẻ đặt niềm hi vọng lên người “phiên dịch” này, bởi vì chỉ có họ mới giúp chúng mở rộng cánh cửa đến với thế giới. Việc chúng yêu quý người giúp đỡ chúng hơn là những người vuốt ve chúng cho thấy, đối với trẻ nhỏ, sự giúp đỡ là món quà đáng quý hơn cả tình yêu thương.

Tôi có thói quen dậy sớm làm việc. Một buổi sáng nọ, một cậu bé chưa đầy 1 tuổi rưỡi tìm đến phòng của tôi. Tôi âu yếm hỏi cậu muốn ăn gì không, cậu trả lời: “Sâu”. Tôi cảm thấy rất kinh ngạc. Khi thấy tôi tỏ ra không hiểu ý của mình, cậu bé liền nói thêm một từ: “Trứng”. Tôi nghĩ không phải cậu bé muốn ăn những thứ đó, vậy rốt cuộc là cậu bé muốn gì? Cậu bé nói tiếp: “Nina, trứng, sâu.” Tôi đột nhiên vỡ lẽ (việc lí giải lời nói của trẻ quan trọng như vậy đấy), ngày hôm trước, Nina – chị của cậu bé đã dùng bút màu vẽ một vòng tròn như quả trứng. Cậu bé cũng muốn có chiếc bút đó, chị của cậu không đồng ý và đã đưa cậu ra chỗ khác. Giờ thì chúng ta đã biết được suy nghĩ của cậu bé, cậu không chống lại chị gái mình mà kiên nhẫn chờ đợi cơ hội. Sau khi tôi cho cậu một chiếc bút màu, cậu lập tức trở nên vui vẻ. Nhưng nếu không có sự giúp đỡ của tôi thì cậu không thể vẽ được hình tròn mà bắt đầu vẽ những đường lượn sóng. Trong khi chị của cậu dùng những nét thẳng thì cậu lại có ý tưởng hay hơn là dùng những nét vẽ lượn sóng giống như một con sâu. Cậu bé đã đợi đến khi những người khác đã ngủ say, chỉ còn người có thể hiểu cậu vẫn chưa ngủ để tìm đến nhờ giúp đỡ, đồng thời tin chắc rằng người này có thể giúp mình.

Kiên nhẫn cũng là một đặc điểm của trẻ trong độ tuổi này. Trẻ biết kiên nhẫn chờ đợi, chỉ khi không thể tìm cách biểu đạt chính xác suy nghĩ của mình, gặp phải trở ngại thì trẻ mới trở nên cáu gắt. Ví dụ trên cho thấy, trẻ cố gắng học hỏi từ những đứa trẻ lớn hơn. Nếu thấy một đứa trẻ 3 tuổi làm một việc gì đó thì một đứa trẻ 1 tuổi rưỡi cũng sẽ muốn làm theo. Cho dù đó là một việc rất khó thì trẻ cũng sẽ cố gắng làm cho bằng được.

Một cậu bé ở nơi tôi sinh sống bắt chước nhảy múa giống như cô chị 3 tuổi của mình. Cô giáo của cô bé đó nói với chúng tôi: “Tôi làm sao dạy đứa bé này nhảy múa được?” Chúng tôi trả lời rằng, đừng lo lắng về việc trẻ học được bao nhiêu, hãy cứ cố gắng dạy thôi. Sau khi hiểu được ý của chúng tôi, cô giáo đã đồng ý. Đột nhiên, cậu bé một tuổi rưỡi đó chạy đến và hét to: “Cháu cũng muốn!”

Do chúng tôi đề nghị nên cô giáo đã thực hiện các động tác múa, đồng thời không ngừng nhấn mạnh rằng dạy một đứa trẻ còn nhỏ như vậy là điều không thể. Chúng tôi đã khuyên nhủ cô nên hạ thấp yêu cầu xuống. Khi cô bắt đầu biểu diễn, cậu bé nọ đột nhiên tỏ ra rất tức giận và đứng bất động tại chỗ. Cô giáo cho rằng đó chính là việc mà mình đã sớm lường trước, rằng cậu bé vốn không quan tâm đến việc nhảy múa đó. Thực ra nguyên nhân cơn giận dữ của cậu xuất phát từ việc chiếc mũ của cô giáo đặt trên ghế sofa. Cậu không nói hai từ “mũ” và “cô giáo” mà lại bực bội nhắc đi nhắc lại hai từ “sảnh” và “cột”. Ý của cậu là: Không được đặt chiếc mũ ở đây mà nên treo nó ở giá ngoài sảnh. Cậu bé quên hết cảm hứng với việc học nhảy, dường như chỉ muốn thay đổi những việc không hợp lí, không đúng trật tự ở trước mắt. Sau khi chiếc mũ đã được treo đúng chỗ, cậu bé đã bình tĩnh trở lại và bắt đầu chuẩn bị nhảy múa. Yêu cầu cơ bản của trẻ về trật tự mãnh liệt hơn nhiều so với yêu cầu trên các phương diện khác.

Qua những nghiên cứu về cách dùng từ ngữ và cảm giác của trẻ, chúng ta có thể phát hiện rất nhiều điều trong sâu thẳm nội tâm của trẻ mà các chuyên gia tâm lý chưa phát hiện ra.

Ví dụ thứ nhất về tính kiên nhẫn và ví dụ thứ hai có liên quan đến tính trật tự của trẻ đã khiến chúng tôi cảm thấy rất thú vị. Còn có một ví dụ khác về việc “trẻ không đồng ý với cách nhìn nhận của người nói”. Chúng tôi phát hiện rằng, ngoài những tình trạng đã được liệt kê trong hình 7, còn có rất nhiều điều chúng ta chưa hiểu hết về tâm lý của trẻ.

Tất cả những phát hiện về trẻ ở độ tuổi này đều cần được công bố rộng rãi, bởi chúng có thể giúp ích cho quá trình thích ứng với môi trường của trẻ. Có thể những công việc này có phần phức tạp, nhưng nó có ý nghĩa quan trọng đối với loài người. Trợ giúp trẻ sơ sinh trong giai đoạn đầu đời là một công việc mang nhiều ý nghĩa. Có thể nói, đó là một việc làm có tính chất khai phá cho sự phát triển của khoa học trong tương lai, việc nghiên cứu sự phát triển tâm lý và hình thành nhân cách cũng phụ thuộc vào công việc này. Tôi cho rằng, chúng ta nên chịu trách nhiệm, nên giúp trẻ hình thành và phát triển nhân cách lành mạnh. Để làm được như vậy, chúng ta cần nhớ:

- 1. Hai năm đầu tiên sau khi được sinh ra sẽ có ảnh hưởng đến cả cuộc đời mỗi người;*
- 2. Trẻ nhỏ có tiềm năng tâm lý vô cùng lớn, chúng ta chưa dành sự quan tâm thích đáng cho điều này;*
- 3. Trẻ vô cùng nhạy cảm, chỉ một chút hành vi thô bạo cũng đủ ảnh hưởng xấu đến tâm lý của trẻ, thậm chí ảnh hưởng đến cả cuộc đời trẻ sau này.*

Chương 13

TÁC DỤNG CỦA VẬN ĐỘNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Mọi sự vận động đều có một cơ chế vô cùng tinh tế, kì diệu. Đối với con người, tất cả những sự vận động đều không phải là vừa ra đời đã sẵn có mà được hình thành và hoàn thiện thông qua đủ loại hoạt động trong đời sống của trẻ.



B

ây giờ là lúc chúng ta xem xét lại lí luận giáo dục liên quan đến sự vận động. Chúng ta đặc biệt nhằm lẫn về tác dụng của vận động trong thời kì trẻ thơ, một loạt quan điểm sai lầm khiến chúng ta coi nhẹ tác dụng thực sự của vận động. Trong nhà trường, chúng ta chú trọng đến giáo dục trí lực mà lại coi thường tác dụng của vận động. Chúng ta chỉ coi trọng những tên gọi như “luyện tập”, “giáo dục thể chất” hoặc “trò chơi” mà lại không để tâm đến mối liên hệ mật thiết giữa vận động và sự phát triển tâm lí.

Hãy thử nghĩ về hệ thống thần kinh đặc biệt phức tạp của con người. Đầu tiên chúng ta có đại não (trung tâm). Sau đó chúng ta có các loại cơ quan khác nhau, thu thập thông tin cảm giác và truyền những thông tin này về đại não. Sau đó chúng ta có cơ bắp.

Vì vậy, kết cấu cơ thể con người gồm có ba phần chủ yếu: Bộ não, cơ quan cảm giác và cơ bắp. Vận động là biểu hiện ngoài cùng của công việc của tổ chức tinh vi này. Trên thực tế, chỉ bằng cách thông qua sự vận động cơ thể thì con người mới có thể thể hiện được suy nghĩ của mình. Ngay cả những triết gia vĩ đại nhất cũng phải thể hiện tư tưởng của mình bằng cách nói hoặc viết, mà những điều này đều liên quan đến sự vận động của cơ bắp. Nếu không thể biểu đạt ra ngoài thì tư tưởng của triết gia còn có giá trị gì? Con đường bộc lộ tư tưởng của những triết gia này chỉ có một mà thôi, đó chính là sử dụng cơ bắp.

Nếu quan sát động vật, chúng ta sẽ kinh ngạc phát hiện ra rằng, chúng chỉ có thể thể hiện được bản thân thông qua vận động. Việc con người coi nhẹ vận động dường như không phù hợp với logic.

Các nhà tâm lí học cho rằng, cơ bắp là một phần trong hệ thống thần kinh trung ương, chỉ có sự phối hợp nhịp nhàng của bộ phận này mới có thể khiến con người xây dựng mối liên hệ với môi trường sống xung quanh. Trên thực tế, đại não, cơ quan cảm giác và cơ bắp thường được con người gọi là “hệ thống giao tiếp”, cũng có nghĩa là chúng phụ trách nhiệm vụ tiếp xúc với những sinh vật, thế giới phi sinh vật hoặc những con người khác. Không có sự trợ giúp của những cơ quan này, con người sẽ không thể tiếp xúc với môi trường xung quanh và đồng loại của mình.

So với những bộ phận này thì những bộ phận khác trong cơ thể người có phần ích kỉ, bởi vì chúng chỉ phục vụ bản thân con người. Những bộ phận này có thể bảo vệ sự sinh tồn, hay nói cách khác là sự “trưởng thành” của con người. Vì vậy, những bộ phận này được gọi là “hệ thống và cơ quan sinh trưởng”. Hệ thống sinh trưởng chỉ giúp con người lớn lên và tồn tại, còn chỉ có hệ thống giao tiếp thì mới duy trì được mối liên hệ giữa cơ thể con người với thế giới bên ngoài.

Hệ thống sinh trưởng thúc đẩy sự sinh trưởng của con người, phục vụ sự khỏe mạnh của cơ thể, nhưng hệ thống thần kinh thì khác. Không có hệ thần kinh, chúng ta sẽ không thể nhìn thấy sự tươi đẹp của thế giới xung quanh, không thể hoàn thiện tư tưởng của bản thân, nó chính là cội nguồn của tất cả những cảm hứng của chúng ta. Vì vậy chúng ta không nên hạ thấp hệ thống thần kinh xuống tầm sinh trưởng. Nếu tiêu chuẩn của chúng ta chỉ liên quan đến việc hoàn thiện và nâng cao tinh thần của bản thân thì chúng ta sẽ rơi vào vòng xoáy của sự tự mãn. Đây có thể là sai lầm lớn nhất mà con người từng phạm phải. Hành vi của động vật không chỉ

khiến chúng có được cơ thể đẹp đẽ và động tác uyển chuyển mà còn có thể mang những mục đích sâu xa hơn.

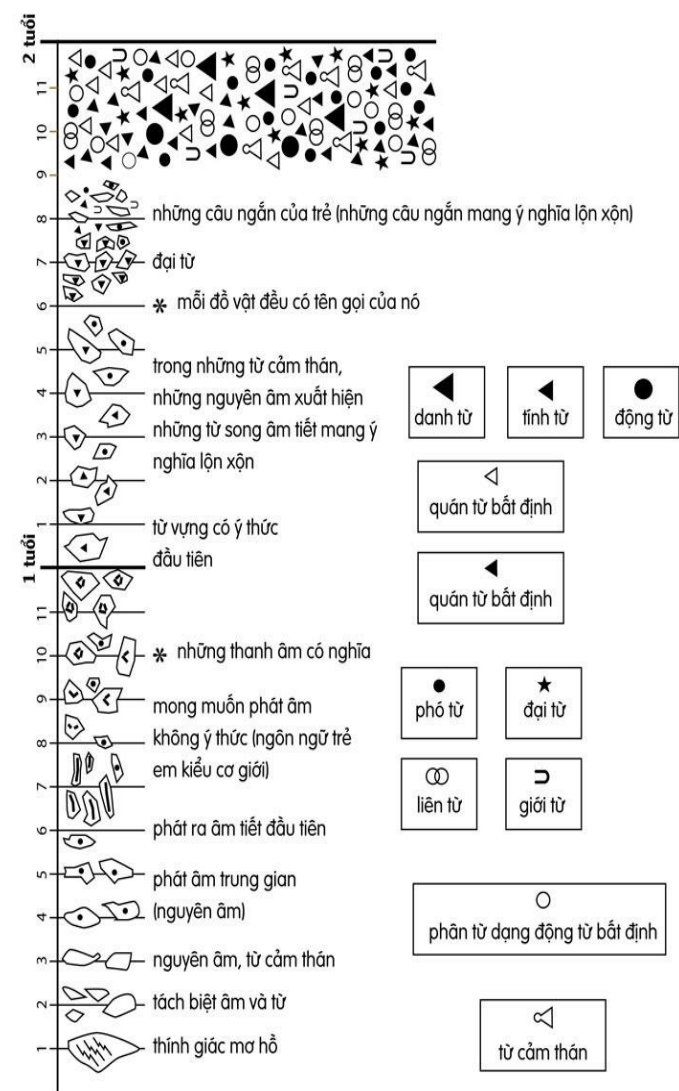
Tương tự như vậy, sự sống của con người cũng có tính mục đích, chỉ đạt tới cảnh giới tinh thần cao hơn và nội tâm hoàn mỹ là chưa đủ. Xét từ góc độ tự nhiên, con người có thể hoặc nên theo đuổi cảnh giới cao hơn về sinh lí và tâm lí, nhưng nếu coi đó là mục đích cuối cùng thì sự sống là vô ích và chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Nếu vậy thì sự tồn tại của bộ não và cơ bắp còn có tác dụng gì? Tất cả mọi thứ trên thế giới đều là một phần của vũ trụ, đồng thời phục vụ cho sự xoay chuyển hữu hiệu của vũ trụ. Nếu chúng ta có tinh thần phong phú, tình cảm hoàn mỹ, đạo đức tốt đẹp thì những điều này không chỉ làm thỏa mãn bản thân chúng ta mà còn có địa vị hàng đầu trong thế giới tinh thần của cả vũ trụ này.

Sức mạnh tinh thần là một loại tài sản. Chúng ta phải làm thế nào để tài sản này phát huy tác dụng của nó, khiến những người khác cũng cảm nhận được sức mạnh này. Sức mạnh tinh thần phải thông qua biểu đạt và sử dụng để hoàn thành vòng tuần hoàn giữa con người với nhau. Nếu tinh thần của con người chỉ nhằm phục vụ bản thân thì sẽ không có bất cứ giá trị gì. Nếu chúng ta chỉ coi trọng bản thân thì chúng ta đã coi nhẹ ý nghĩa lớn lao và mục đích của đời người. Nếu tin rằng có thể giới bên kia, chúng ta có thể sẽ tự nhủ: “Bây giờ phải sống cho tốt để kiếp sau còn sống tốt hơn”, đây là một suy nghĩ ích kỉ. Khi nghĩ như vậy, chúng ta đã hạ thấp tinh thần xuống tầm sinh trưởng. Tạo hóa đã ban tặng cho chúng ta khá nhiều năng lực, những năng lực này cần được phát triển và sử dụng.

Sự so sánh dưới đây có lẽ sẽ khiến chúng ta hiểu hơn. Chúng ta biết rằng, để duy trì cơ thể khỏe mạnh thì các cơ quan như tim, phổi, dạ dày phải hoạt động bình thường. Chúng ta cũng có thể áp dụng nguyên lí này vào hệ thống giao tiếp – hệ thống trung khu thần kinh. Bộ não, cơ quan cảm giác và cơ bắp phải phối hợp nhịp nhàng với nhau, hay nói cách khác, trạng thái tinh thần lành mạnh chỉ có được thông qua vận động. Xuất phát từ điểm này, chúng ta cần suy ngẫm về vấn đề vận động. Sự vận động phụ thuộc vào hệ thống trung khu thần kinh. Hệ thống giao tiếp được tạo thành bởi ba phần, nhưng là một chỉnh thể thống nhất. Là một chỉnh thể, nó chỉ có thể hoàn thành một công việc chung.

Sai lầm lớn nhất mà hiện tại chúng ta phạm phải chính là tách biệt sự vận động khỏi những chức năng khác. Chúng ta chỉ coi cơ bắp là một bộ phận đem lại sức khỏe cho con người. Chúng ta tập thể thao chỉ nhằm duy trì cơ thể khỏe mạnh, cải thiện việc hô hấp, ăn uống và giấc ngủ. Giáo dục nhà trường cũng đồng tình với quan điểm này. Xét từ góc độ tâm lí học, đây là một sai lầm khủng khiếp, giống như việc một hoàng tử cao quý phải đi chăn dê vậy. Hệ thống cơ bắp – hoàng tử của chúng ta sao lại có thể đi “chăn dê” chứ?

Sai lầm này có thể dẫn đến những mối nguy hại to lớn, dẫn đến sự tách rời giữa vận động và tư tưởng. Trong quá trình thiết kế giáo trình, chúng ta không chỉ cần xem xét bộ não của trẻ mà còn cần quan tâm đến thân thể trẻ. Chúng ta không nên coi nhẹ bất cứ món quà nào của tạo hóa. Xem xét thân thể và tư tưởng một cách riêng biệt sẽ phá vỡ tính liên tục mà tạo hóa đã ban cho chúng ta. Nhưng mục đích thực sự của vận động không chỉ là duy trì cơ thể khỏe mạnh, vận động còn phục vụ cả giới tự nhiên nữa.



Hình 8 - Sự phát triển ngôn ngữ từ giai đoạn tinh vân tới giai đoạn biểu đạt có ý thức phù hợp hình thái ngữ pháp

Muốn phát huy tác dụng thì vận động phải kết hợp với bộ não. Đây không chỉ là vấn đề sự tồn tại đồng thời của vận động và bộ não mà còn là thông qua vận động để thể hiện một hình thức sống cao hơn. Giả thiết rằng thân thể con người chỉ là một mớ cơ bắp, không có đại não, vậy thì sự phát triển sẽ chỉ duy trì ở tầng sinh trưởng, còn cơ bắp và bộ não sẽ không phát triển đồng bộ. Tư tưởng không thông qua cơ bắp thì sẽ không thể được biểu đạt chính xác. Nếu như vậy, con người sẽ không thể có được sự độc lập, những thứ mà trí tuệ của tự nhiên đã ban tặng cho chúng ta cũng không được sử dụng đầy đủ.

Khi nói về sự phát triển tâm lý, nhiều người có thể sẽ hỏi: “Vận động có tác dụng gì trong quá trình phát triển tâm lý? Chúng ta đang nói về vấn đề tâm lý cơ mà!” Chúng ta thường cho rằng, hoạt động trí lực thì sẽ ngồi bất động. Nhưng sự phát triển tâm lý phải gắn liền với sự vận động, phụ thuộc vào vận động. Việc lý luận giáo dục và thực tiễn xem xét vấn đề này là vô cùng cần thiết.

Cho đến hiện tại, dường như tất cả các nhà công tác giáo dục đều kiên trì nhận định rằng, vận động và hệ thống cơ bắp chỉ giúp ích cho việc hô hấp, hệ thống tuần hoàn và sự cường tráng của cơ thể. Nhưng quan điểm mới cho rằng, vận động vô cùng quan trọng đối với sự phát triển tâm lý. Sự phát triển tâm lý và tinh thần không thể tách rời khỏi vận động, nếu không có vận động thì tâm lý sẽ không thể có được sự khỏe mạnh và phát triển.

Chúng ta có thể nhìn thấy rất nhiều minh chứng cho việc này trong giới tự nhiên. Nếu chịu khó quan sát kỹ sự phát triển của trẻ, bạn sẽ càng thấy rõ điều đó hơn nữa. Qua quan sát, chúng

tôi thấy rằng đại não của trẻ phát triển thông qua vận động.

Chúng ta hãy thử lấy ví dụ là sự phát triển ngôn ngữ, cùng với sự trưởng thành của cơ quan phát âm, khả năng ngôn ngữ không ngừng nâng cao. Bằng việc quan sát trẻ, chúng tôi còn phát hiện, trẻ nâng cao khả năng lí giải thông qua vận động. Vận động giúp bộ não phát triển, bộ não sau khi phát triển lại phát huy tác dụng hỗ trợ vận động. Đây là một quá trình tuần hoàn, bởi vì bộ não và vận động là hai phần của cùng một cá thể. Đương nhiên mỗi cơ quan có tác dụng riêng của nó, những đứa trẻ mà các cơ quan cảm giác ít có cơ hội hoạt động thì sẽ có trình độ phát triển tâm lí rất thấp.

Những cơ bắp mà bộ não kiểm soát ngày nay được gọi là cơ chủ động, cũng có nghĩa là nó chịu sự kiểm soát của ý chí, mà ý chí lại là hình thái biểu hiện cao nhất của hoạt động của bộ não. Nếu không có ý chí, sẽ không bao giờ có thể nói tới năng lực tâm lí. Vì vậy nếu cơ chủ động do ý chí kiểm soát thì những cơ này nhất định sẽ hình thành một cơ quan tâm lí.

Phần lớn cơ thể do cơ bắp tạo thành, xương chỉ có tác dụng nâng đỡ cơ bắp. Vì lí do này, chúng cũng buộc phải hình thành một hệ thống tương tự. Về bề ngoài của con người và động vật mà mắt thường có thể nhìn thấy đều là xương và cơ bắp. Cơ chủ động là thứ chúng ta nhìn thấy nhiều nhất. Số lượng cơ chủ động rất lớn, nghiên cứu sự khác biệt giữa các cơ này cũng là một việc rất thú vị. Những cơ chủ động này to có, nhỏ có, ngắn có, dài có, chúng có những tác dụng khác nhau. Nếu một cơ bắp kéo về hướng này, tất sẽ có một cơ khác kéo theo hướng ngược lại. Hai lực tương phản này càng mạnh mẽ thì sự vận động càng tinh tế. Nếu chúng ta lặp lại một loại vận động hoặc tạo ra một phương thức vận động mới, hai cơ bắp mang lực tương phản sẽ càng hài hòa hơn. Đây không phải là sự hài hòa giản đơn mà là sự hài hòa trong mâu thuẫn.

Chúng ta vẫn chưa hoàn toàn hiểu hết về loại lực tương phản này, nhưng mỗi sự vận động có ý thức của chúng ta đều chịu sự kiểm soát của nó. Đối với động vật thì sự hài hòa nội tại này là món quà của tự nhiên. Đáng diệu oai hùng của hổ, sự nhanh nhẹn của sóc đều được tạo nên bởi lực tương phản. Chúng ta thường thán phục nhiều loại máy móc vì sự tinh vi của chúng, ví dụ như đồng hồ, mà đồng hồ cũng do hai bánh răng mang lực tương phản kiểm soát.

Mọi sự vận động đều có một cơ chế vô cùng tinh tế, kì diệu. Đối với con người mà nói, tất cả những sự vận động đều không phải là vừa ra đời đã sẵn có mà hình thành và hoàn thiện thông qua đủ loại hoạt động trong đời sống của trẻ. Không giống như động vật, con người có hệ cơ bắp vô cùng phong phú, dường như có thể học tập động tác của bất cứ chủng loài nào. Đương nhiên ở đây không nói đến sự khỏe mạnh của cơ bắp mà muốn nói đến việc tăng cường khả năng phối hợp hài hòa giữa các cơ, hai điều này hoàn toàn khác nhau.

Vấn đề là ban đầu cơ bắp của con người không thể vận động nhịp nhàng, chỉ có thông qua bộ não, con người mới có thể hoàn thiện sự vận động của mình. Hay nói cách khác, con người có sức mạnh nội tại để đạt tới sự hài hòa, một khi sức mạnh này xuất hiện, con người sẽ thông qua việc luyện tập không ngừng để hoàn thiện bản thân. Rất hiển nhiên, bản thân con người là nhân tố chính hoàn thành quá trình này.

Điều kì diệu là tuy con người không có phương thức vận động cố định như các loài động vật nhưng lại có thể quyết định và lựa chọn sẽ học loại vận động nào. Khá nhiều động vật sẵn có khả năng trèo, chạy, bơi, nhưng bản thân con người không có sẵn những khả năng này. Ngược lại, con người chỉ có một khả năng, đó chính là có thể học tập những khả năng nói trên, đồng thời còn làm tốt hơn các loài động vật khác.

Nhưng việc những tiềm năng này có phát huy được hay không phụ thuộc vào sự nỗ lực không ngừng. Con người phải trải qua sự luyện tập lặp đi lặp lại thì mới có thể thực hiện tốt những động tác trên. Trong quá trình này, các cơ bắp sẽ phối hợp với nhau, bởi vì giữa các dây thần kinh có thể tự nhiên đạt tới trạng thái hài hòa nhất, đồng thời chịu sự kiểm soát của ý chí.

Trong đời sống hiện thực, chẳng có ai có thể phát huy hết được những khả năng của cơ bắp mà tạo hóa đã ban tặng cho con người. Giống như một người vừa ra đời đã sở hữu khối tài sản

lớn, anh ta không thể nào dùng hết toàn bộ số tài sản này, nhưng anh ta có thể lựa chọn căn cứ vào sở thích của bản thân. Một người có thể trở thành vận động viên chuyên nghiệp nhưng điều đó không có nghĩa là vừa ra đời anh ta đã có cơ bắp của một vận động viên. Diễn viên múa cũng không được trời ban cho sẵn khả năng múa. Vận động viên và diễn viên múa đã thông qua ý chí để phát triển bản thân. Cơ bắp của mỗi người có thể làm đủ thứ hoạt động, và người đó có thể lựa chọn những hoạt động đó, bộ não sẽ chỉ đạo việc này. Đối với con người, không có gì vừa sinh ra đã làm được ngay, nhưng trong tương lai thì có thể làm bất cứ việc gì, điều này phụ thuộc vào ý nguyện của mỗi cá nhân.

Con người khác với động vật, không phải tất cả mọi người đều cùng chọn hướng phát triển giống nhau. Thậm chí cả khi rất nhiều người đang cùng nghiên cứu một môn nghệ thuật thì phương hướng nghiên cứu của họ cũng vẫn có sự khác biệt. Cũng giống như việc viết chữ, chúng ta đều có thể viết chữ, nhưng nét chữ của mỗi người lại khác nhau. Mỗi người đều có phương thức hoạt động của riêng mình.

Công việc của con người được biểu hiện qua sự vận động. Công việc là biểu hiện bên ngoài của tư tưởng, đồng thời cũng khai thác tiềm năng vận động bên trong con người. Nếu một người không thể phát triển toàn bộ tổ chức cơ của mình, hoặc chỉ dùng cơ bắp vào lao động chân tay nặng nhọc thì tâm lí của người này – vì lí do vận động – cũng sẽ dừng lại ở một trình độ rất thấp.

Vì thế đời sống tâm lí của một người chịu ảnh hưởng của công việc mà anh ta làm. Đời sống tâm lí của một người chưa từng lao động sẽ ở trong trạng thái vô cùng nghiêm trọng, bởi vì tuy chúng ta không thể phát huy đầy đủ mọi tiềm năng của cơ bắp, nhưng nếu chúng ta chỉ ngồi lì một chỗ thì sẽ ảnh hưởng tới những cơ bắp đang sử dụng. Sức sống của người này cũng sẽ trở nên vô cùng yếu ớt, đó chính là lí do vì sao thể dục và các trò chơi đã trở thành môn học bắt buộc trong nhà trường, đó là bởi nó có thể ngăn ngừa sự thoái hóa của hệ thống cơ bắp.

Xét từ góc độ này, chúng ta nên tuân thủ kế hoạch của nhà trường, tiến hành xen kẽ hoạt động trí óc và hoạt động thể lực, như vậy mới có thể khiến toàn bộ tổ chức cơ của trẻ có được sự rèn luyện hữu ích. Điều này không có quan hệ gì với việc học tập một kĩ năng đặc biệt nào đó. Giáo dục hiện đại thường chú trọng việc học viết chữ để biến người được giáo dục trở thành viên chức, điều này hoàn toàn đi ngược lại quan điểm nói trên. Theo hiểu biết của chúng tôi, kiểu giáo dục chuyên nghiệp này không thể đạt được mục đích vận động. Cách nghĩ của chúng tôi hoàn toàn khác. Chúng tôi cho rằng, trẻ thông qua việc nâng cao khả năng phối hợp vận động để hoàn thiện tâm lí của bản thân, tiến tới thông qua tâm lí để ảnh hưởng đến sự vận động.

Nếu tách rời khỏi sự vận động, bộ não sẽ phát triển độc lập, dường như không chịu ảnh hưởng của vận động. Một số vận động không chịu sự chi phối của bộ não sẽ thỉnh thoảng xuất hiện. Tình trạng này rất có hại. Sự vận động là tối quan trọng đối với việc tiếp xúc với môi trường xung quanh và thiết lập mối quan hệ với người khác. Vận động phải phát triển dựa trên cơ sở đó.

Việc vận động phục vụ cả chỉnh thể con người cũng như mối liên hệ giữa con người với thế giới bên ngoài.

Nguyên tắc và quan điểm của con người hiện đại quá chú trọng đến sự hoàn thiện bản thân và thực hiện cái tôi. Khi chúng ta thấu hiểu mục đích thật sự của vận động, ý thức coi bản thân là trung tâm đó sẽ lập tức tiêu tan. Chúng ta sẽ nỗ lực phát huy hết những năng lực tiềm tàng, chúng ta phải tuân thủ cái gọi là “triết học vận động”. Vận động chính là sự khác biệt giữa sinh vật và phi sinh vật. Những vật mang sự sống không bao giờ vận động một cách tùy tiện. Sự vận động của sinh vật đều có tính mục đích và tuân thủ nguyên tắc nhất định của tự nhiên.

Chúng ta hãy thử tưởng tượng một chút, nếu tất cả mọi vật đều bất động thì mọi chuyện sẽ ra sao. Nếu tất cả thực vật ngừng sinh trưởng thì sẽ không có hoa tươi và quả ngọt. Độc tố trong không khí sẽ tăng lên rất nhiều. Nếu mọi sự vận động đều ngừng lại, chim chóc bất động trên cành cây, côn trùng rơi xuống mặt đất, các loài động vật không còn đi tìm mồi, cá ngừng

bơi, thế giới này sẽ trở nên đáng sợ biết bao!

Tất nhiên trạng thái bất động không thể xảy ra, nếu mọi sự vận động ngừng lại, tất cả sinh vật vận động không mục đích thì cả thế giới sẽ trở nên hỗn loạn. Mỗi loài vật đều có phương thức vận động riêng, mục đích vận động riêng. Giữa những sự vận động khác nhau đó có sự cân bằng hài hòa, cùng hướng tới một mục tiêu chung.

Vận động và lao động không thể tách rời. Con người và xã hội con người sinh sống có mối liên hệ chặt chẽ với sự vận động. Nếu tất cả loài người dừng lao động một tháng, loài người có thể sẽ bị hủy diệt. Vì vậy, sự vận động không chỉ tốt cho sức khỏe mà còn mang tính xã hội. Nếu sự vận động của con người chỉ nhằm mục đích rèn luyện cơ thể thì tiềm năng của con người có thể sẽ biến mất, đồng thời cũng mất đi toàn bộ sức sáng tạo.

Trật tự xã hội phụ thuộc vào sự vận động với mục đích thiết lập trật tự. Cá thể trong xã hội vừa phải phục vụ bản thân cá thể, vừa phải phục vụ xã hội. Khi nói đến “hành vi” của người và động vật, chúng tôi muốn nói đến sự vận động có mục đích. Loại hành vi này là hạt nhân của hành động, không chỉ thỏa mãn mục đích cá nhân, ví dụ như dọn vệ sinh trong phòng, mà còn có mục đích sâu xa hơn là phục vụ người khác. Khiêu vũ là một hoạt động mang tính cá nhân nhất, nhưng nếu không có khán giả (cũng chính là không có mục đích xã hội), thì khiêu vũ cũng không còn nhiều ý nghĩa.

Chúng ta nên hiểu nguyên tắc của tự nhiên, hiểu rằng mỗi sự sống đều phụ thuộc vào sự vận động riêng biệt, mà sự vận động này không chỉ phục vụ mục đích của bản thân sự sống đó. Điều này rất có ích trong việc tìm hiểu trẻ em, đồng thời tiến hành chỉ đạo trẻ tốt hơn.

Chương 14

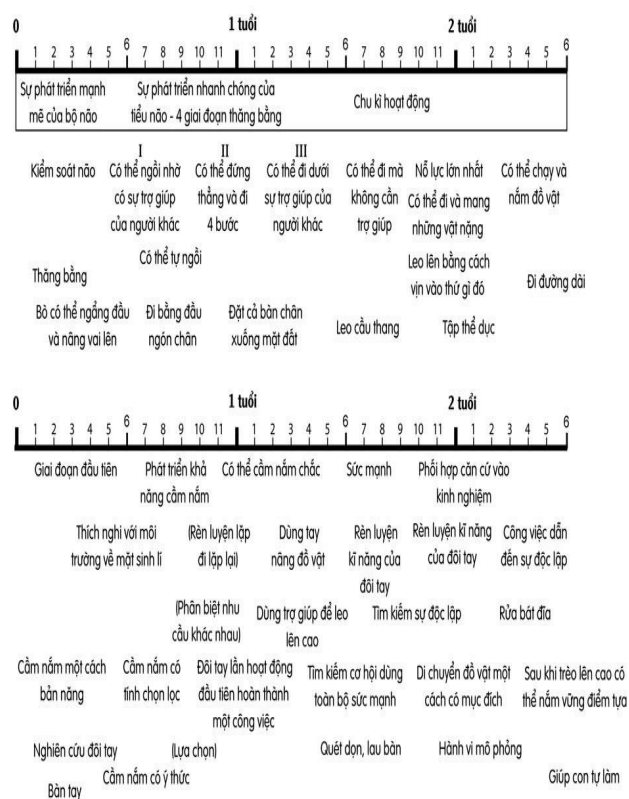
ĐÔI TAY VÀ TRÍ TUỆ

Sự phát triển của vận động gồm có hai mặt. Một mặt vận động tuân thủ quy luật của sinh vật, mặt khác vận động có liên quan mật thiết với thế giới nội tâm của con người, và cả hai phương thức đều phụ thuộc vào việc sử dụng cơ bắp. Đối với việc nghiên cứu trẻ nhỏ, chúng ta phải tuân thủ cả hai lộ trình phát triển, một là sự phát triển của tay, hai là sự phát triển của khả năng giữ thăng bằng hay là khả năng đi lại.



Nghiên cứu sự phát triển khả năng vận động là công việc vô cùng thú vị, không chỉ bởi vì đó là một công việc phức tạp mà còn bởi mỗi giai đoạn của quá trình phát triển đó đều có thể được nhìn thấy rõ ràng.

Trong hình (9), tôi minh họa sự phát triển của vận động thông qua hai đường thẳng song song, phía dưới mỗi đường có khá nhiều các đường nhỏ hơn. Vạch đậm nhất đánh dấu thời gian 1 năm, vạch mờ hơn một chút biểu thị khoảng cách 6 tháng. Đường kẻ phía dưới biểu thị sự phát triển của tay, đường kẻ phía trên biểu thị sự phát triển khả năng giữ thăng bằng và đi đứng. Vì vậy, hai đường thẳng này mô tả lại sự phát triển của tứ chi theo hai nhóm.



Hình 9 - Sự phát triển của vận động

Sự phát triển tứ chi của động vật bậc thấp diễn ra cùng lúc, còn ở con người thì sự phát triển của tay và chân diễn ra lần lượt, đồng thời thỏa mãn những mục đích khác nhau. Cũng có nghĩa là chân và tay có những chức năng khác nhau. Sự phát triển khả năng đi đứng và giữ thăng bằng của con người rất có quy luật mà chúng ta cho rằng đó là một hiện tượng bình thường trong sự phát triển của con người. Chúng ta có thể đảm bảo rằng, mỗi đứa trẻ ra đời rồi sẽ biết đi, con người sẽ biết học cách đi đứng của nhau. Nhưng không ai dám nói chắc chắn rằng, đôi tay của con người trong tương lai sẽ biết làm những gì. Có ai dám chắc rằng một đứa trẻ trong tương lai sẽ có những kỹ năng đặc biệt nào? Tổ tiên của chúng ta đã có vô vàn các kỹ năng khác nhau. Căn cứ vào việc nghiên cứu chân và tay của con người, hai đường thẳng trong hình sẽ có những ý nghĩa khác nhau.

Chức năng của chân – không còn nghi ngờ gì nữa – có cơ sở sinh học nhất định. Thậm chí những chức năng này có liên quan đến sự phát triển bên trong bộ não. Ngoài ra, con người là loài duy nhất trong số các loài động vật có vú có khả năng đi lại chỉ bằng hai chân, còn các loài khác phải đi lại bằng bốn chân.

Khi đã nắm vững khả năng giữ thăng bằng, con người có thể đứng thẳng trên hai chân. Nhưng có được khả năng giữ thăng bằng này không phải là một việc dễ dàng, đó là kỹ năng đòi hỏi một quá trình luyện tập lâu dài. Để đạt được mục đích đó, con người phải đặt hoàn toàn hai bàn chân xuống đất chứ không chỉ có ngón chân tiếp xúc với mặt đất như ở các loài động vật khác. Tất nhiên động vật bốn chân chỉ cần dùng móng tiếp xúc với mặt đất là đã có thể nâng đỡ trọng lượng của toàn bộ cơ thể. Chúng ta có thể nghiên cứu bàn chân của con người dưới ba góc độ: Sinh lý học, sinh vật học và giải phẫu học. Việc nghiên cứu này rất thú vị.

Nếu như bàn tay thiếu đi sự chỉ đạo sinh vật giống như bàn chân, nếu sự vận động của tay là không thể quyết định trước, vậy thì điều gì đang quyết định sự phát triển của đôi tay? Do không có sự chỉ đạo sinh vật và tâm lý nên chắc chắn sự chỉ đạo đó là do đại não nắm giữ. Đôi tay có mối liên hệ trực tiếp với tâm lý của con người, không những có sự liên hệ với tâm lý của một cá thể nào đó, mà còn có liên hệ với phương thức sống khác nhau ở thời điểm và không gian hiện tại. Bàn tay gắn bó chặt chẽ với sự phát triển tâm lý của con người, xét từ góc độ lịch sử thì đôi tay có mối liên hệ chặt chẽ với sự phát triển của các nền văn minh. Đôi tay thể hiện tư tưởng của con người, các sản phẩm thủ công của con người đều đã được ghi dấu trong lịch sử. Mỗi nền văn minh vĩ đại đều sẽ sản sinh ra những tác phẩm điển hình. Có rất nhiều sản phẩm thủ công của Ấn Độ mà con người ngày nay khi mô phỏng lại cũng gặp rất nhiều khó khăn. Chúng ta cũng có thể phát hiện ra những tác phẩm tinh xảo như vậy ở Ai Cập. Đương nhiên cũng có thể tìm thấy một số di tích ở những nền văn minh thấp hơn, chỉ có điều là những tác phẩm đó vẫn còn ở trình độ thô sơ hơn mà thôi.

Sự phát triển kỹ năng của đôi tay đồng bộ với sự phát triển tâm lý. Tất nhiên, các tác phẩm càng tinh xảo thì trí tuệ đầu tư vào đó càng nhiều. Ở châu Âu thời trung cổ có một thời kỳ thức tỉnh tâm lý, rất nhiều sách vở và bản thảo viết tay thể hiện tư tưởng đương thời được chế tác rất đẹp, thậm chí những thứ thể hiện tinh thần rời xa thế tục cũng được làm rất tinh xảo. Chúng ta không khỏi thán phục trước những nhà thờ được tạo nên bởi bàn tay của các nghệ nhân thời bấy giờ. Ở bất cứ nơi nào có nhu cầu tâm linh thì đều có những giáo đường tuyệt đẹp như vậy.

Thánh Francis thành Assisi Francesco d'Assisi (có lẽ là tâm hồn tinh khiết nhất của nhân loại) từng nói: "Hãy nhìn những công trình kiến trúc vĩ đại đó, chúng không chỉ là giáo đường, mà còn là ngọn lửa của tâm hồn chúng tôi!"

Có một ngày, thánh Francis và những người đồng hành được mời xây dựng một nhà thờ. Vì bọn họ đều rất nghèo nên đã tận dụng các nguyên liệu sẵn có, đất đá, cuối cùng xây dựng nên một nhà thờ. Chỉ cần trong tâm hồn con người còn tồn tại tinh thần tự do, anh ta sẽ bộc lộ nó qua các tác phẩm của mình và điều đó được hỗ trợ bởi sức mạnh của đôi tay. Ở bất cứ nơi đâu có những tác phẩm thủ công của con người, chúng ta cũng có thể cảm nhận được tư tưởng của thời đại và tinh thần của những con người làm nên các tác phẩm đó.

Nếu không tìm được xương cốt còn lại của con người thời cổ đại, chúng ta làm sao có thể tái hiện lại hình dáng con người thời đó, làm sao tái hiện lại cuộc sống thời kỳ đó? Chỉ có một cách duy nhất là thông qua những tác phẩm nghệ thuật còn sót lại từ thời kỳ đó mà thôi. Ngày nay chúng ta có thể tìm thấy một số di tích của nền văn minh bậc thấp từ thời tiền sử. Những tác phẩm đó hầu hết đều được làm từ những khối đá lớn. Chúng ta không khỏi thắc mắc rằng những con người thời đó làm thế nào mà hoàn thành được công việc ấy? Các tác phẩm nghệ thuật tinh xảo ở những nơi khác cũng chứng minh những nền văn minh cao hơn. Vì vậy chúng ta có thể nói rằng đôi tay của con người chịu ảnh hưởng bởi trí tuệ của người đó; đời sống tinh thần, tình cảm và những di tích còn sót lại đã phản ánh tình trạng cuộc sống của con người đương thời. Tạm gác vấn đề tâm lý sang một bên, chúng ta vẫn có thể phát hiện rằng, sự thay đổi môi trường sinh tồn của con người là kết quả của đôi bàn tay. Những sản phẩm của con

người dường như chịu sự dẫn dắt của trí tuệ, bởi nếu như con người chỉ dùng ngôn ngữ để thể hiện tư tưởng, nếu trí tuệ của con người chỉ thể hiện qua ngôn ngữ, thì tổ tiên của loài người đã không để lại cho chúng ta bất cứ di tích nào. Chúng ta phải cảm ơn đôi tay – người bạn của bộ não, bởi những dấu tích của nền văn minh của con người đều được lưu lại nhờ đôi bàn tay. Đôi tay chính là tài sản tốt nhất mà chúng ta được thừa hưởng.

Tay và tâm lí con người có mối liên hệ chặt chẽ. Thuật xem tay cổ xưa đã nhận định rằng trên bàn tay con người còn lưu lại lịch sử của chủng tộc, tay là một cơ quan tinh thần. Vì vậy, việc nghiên cứu sự phát triển tâm lí của trẻ phải kết hợp với việc nghiên cứu hoạt động của đôi tay trẻ, bởi vì tay chịu sự kiểm soát của bộ não. Tay và bộ não gắn liền với nhau, hoạt động của đôi tay là biểu trưng tốt nhất cho hoạt động của bộ não.

Chúng ta có thể nhận định rằng, nếu không có sự trợ giúp của đôi tay, trí lực của trẻ vẫn sẽ phát triển tới một trình độ nhất định, nhưng nếu có sự hỗ trợ của đôi tay thì trí tuệ của trẻ sẽ phát triển tới một trình độ cao hơn, tính cách của trẻ cũng mạnh mẽ hơn. Vì vậy, mặc dù hiện tại chúng ta chỉ muốn nói về vấn đề tâm lí thì trên thực tế, nếu trẻ không tìm được cơ hội phát huy khả năng vận động trong môi trường, nhân cách của trẻ sẽ chỉ dừng lại ở một trình độ rất thấp. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, nếu trẻ không thể sử dụng đôi tay, nhân cách cũng sẽ dừng lại ở trình độ thấp, thể hiện ở việc trẻ không nghe lời, không nhiệt tình, lười biếng và trầm cảm. Những đứa trẻ có cơ hội vận động đôi tay sẽ phát triển nhanh hơn, tính cách cũng kiên cường hơn những đứa trẻ không biết sử dụng đôi tay.

Điều này khiến chúng ta nhớ lại lịch sử Ai Cập. Ở đất nước này còn lưu lại rất nhiều tác phẩm thủ công trên tất cả các lĩnh vực như nghệ thuật, kiến trúc, tôn giáo. Những hình khắc trên các lăng mộ cổ cho thấy phần thưởng có ý nghĩa nhất đối với người đương thời là gọi họ là “người có nhân cách”. Vì vậy sự phát triển tính cách đối với những người có trình độ tay nghề cao là rất quan trọng. Điều này lại một lần nữa chứng tỏ, hoạt động của đôi tay và sự phát triển của tính cách và văn minh là đồng bộ với nhau, đồng thời đôi tay có mối liên hệ với cả tính.

Chúng ta có thể giả thiết ngược lại với những điều đã nói ở trên. Tất cả mọi người đều chỉ có thể dùng đôi chân để đứng và duy trì thăng bằng. Cách họ nhảy và chạy có thể sẽ khác với chúng ta, nhưng họ vẫn chỉ dùng chân để đi lại.

Sự phát triển của vận động gồm có hai mặt. Một mặt vận động tuân thủ quy luật của sinh vật, mặt khác vận động có liên quan mật thiết với thể giới nội tâm của con người, và cả hai phương thức đều phụ thuộc vào việc sử dụng cơ bắp. Đối với việc nghiên cứu trẻ nhỏ, chúng ta phải tuân thủ cả hai lộ trình phát triển, một là sự phát triển của tay, hai là sự phát triển của khả năng giữ thăng bằng (hay là khả năng đi lại). Từ hình (9), chúng ta có thể nhìn thấy, khi trẻ lên 1 tuổi rưỡi thì mối liên hệ giữa hai phương diện này mới bắt đầu xuất hiện. Khi tròn 1 tuổi rưỡi, trẻ bắt đầu mong muốn dùng tay cầm được một số vật nặng, và cần có đôi chân nâng đỡ. Đôi chân – công cụ hoạt động của con người – có thể đưa anh ta đi bất cứ nơi đâu anh ta muốn, nhưng sau khi tới đích thì công việc còn lại do đôi tay đảm trách. Con người có thể đi rất xa, bất cứ nơi đâu trên thế giới đều có dấu chân của con người. Đi là một việc con người phải làm từ khi sinh ra cho tới lúc qua đời. Nhưng sau khi chết đi, con người để lại được gì? Điều gì có thể chứng minh cho sự tồn tại của một con người trên thế giới này? Đó chính là những sản phẩm do đôi tay làm ra.

Qua những nghiên cứu về ngôn ngữ, chúng tôi phát hiện ra rằng, sự phát triển ngôn ngữ của con người có liên hệ với thính lực, còn hành vi thì có liên quan đến thị giác, bởi vì chúng ta phải dùng mắt quan sát thì mới biết được phải đi đến đâu. Khi đôi tay làm việc, chúng ta cũng phải dùng mắt để quan sát công việc. Thính giác và thị giác có quan hệ mật thiết với sự phát triển tâm lí của trẻ. Trong quá trình phát triển tâm lí, đầu tiên trẻ phải thông qua quan sát thế giới xung quanh rồi mới có thể phát huy tiềm năng của bản thân. Tất nhiên, trước khi học đi, trẻ cũng phải tìm hiểu thế giới xung quanh mình. Vì vậy trước khi vận động, trẻ buộc phải tiến hành quan sát. Sự hiểu biết về thế giới có thể dẫn dắt hành vi của trẻ. Những kiến thức về thế giới xung quanh và sự vận động đều phụ thuộc vào trình độ phát triển tâm lí, đó chính là lí do vì sao một đứa trẻ sơ sinh lại nằm bất động ở một chỗ. Sau khi có thể đi lại, trẻ sẽ chịu sự chỉ

đạo của bộ não.

Cầm hoặc nắm là động tác vận động đầu tiên mà trẻ học được. Trước khi động tác cầm nắm xuất hiện, trẻ đã biết hướng sự chú ý vào đôi bàn tay. Năng lực lí giải vô thức giờ đây đã chuyển thành có ý thức. Qua quan sát, chúng tôi phát hiện thấy thứ đầu tiên thu hút sự chú ý của trẻ là đôi tay chứ không phải đôi chân. Sau đó động tác cầm nắm có bước phát triển mới, không còn là động tác mang tính bản năng nữa mà đã trở nên có ý thức. Khi trẻ được 10 tháng tuổi, việc quan sát môi trường xung quanh khiến nội tâm trẻ nảy sinh hứng thú cao độ, từ đó kéo theo ham muốn mãnh liệt. Động tác của trẻ lúc này không còn là động tác nắm đơn thuần nữa mà qua động tác cầm nắm đã cho thấy đầy đủ năng lực của đôi tay trẻ. Khi đã hiểu rõ về môi trường xung quanh, trẻ bắt đầu hành động. Trẻ bắt đầu không ngừng đóng, mở ngăn kéo hay các loại hộp, lôi quần áo trong tủ ra, bỏ nút chai ra khỏi chai, bày các thứ trong giỏ ra sàn nhà, sau đó lại cất đi. Thông qua những hoạt động này, khả năng kiểm soát đôi tay của trẻ ngày càng trở nên mạnh hơn.

Vậy trong lúc đó, đôi chân có gì thay đổi không? Lúc này ở đôi chân vẫn chưa xuất hiện sự kiểm soát trí lực và kiểm soát ý thức. Ở góc độ giải phẫu học, tiểu não lúc này đang phát triển nhanh chóng, nhưng tiểu não lại là cơ quan kiểm soát sự cân bằng cơ bắp.

Cơ thể mỗi đứa trẻ dường như có một chiếc đồng hồ báo thức sẽ đánh thức khả năng giữ thăng bằng. Ở đây môi trường không có bất cứ tác dụng gì, mà tất cả mệnh lệnh, tín hiệu đều đến từ bộ não. Sau rất nhiều nỗ lực và kiên trì, cuối cùng trẻ đã có thể ngồi dậy và chập chững học đi. Các chuyên gia tâm lí nói rằng, để có thể đứng dậy, con người cần trải qua bốn giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất là ngồi dậy. Giai đoạn thứ hai là lật người, sau đó là bò. Nếu trong giai đoạn này, bạn cho trẻ bám lấy hai ngón tay của mình, trẻ sẽ dùng chân bước đi nhưng chỉ có ngón chân là tiếp xúc với mặt đất. Sau đó trẻ có thể tự mình đứng dậy, đồng thời cả bàn chân tiếp đất và có tư thế đứng thẳng bình thường, đương nhiên là trẻ vẫn cần bám vào những thứ khác, ví dụ như áo của mẹ. Không lâu sau đó, trẻ bước vào giai đoạn thứ tư, không cần sự giúp đỡ của người khác nữa mà có thể tự mình bước đi. Tất cả những điều này có thể được coi là kết quả của quá trình thành thực bên trong con người trẻ. Sau đó, trẻ có thể sẽ nói: “Con đã tự đi được rồi, con đã được tự do!”

Lúc này trẻ đã đạt đến một mức độ độc lập mới, bởi vì ý nghĩa của độc lập chính là bản thân có thể tự làm mọi việc. Khái niệm độc lập trong triết học là: “Con người bằng nỗ lực đạt được sự độc lập”. Có thể làm được một việc gì đó mà không cần nhờ đến sự trợ giúp của người khác chính là độc lập. Nếu như vậy thì trẻ sẽ nhanh chóng phát triển. Nếu không sự phát triển của trẻ sẽ bị chậm lại. Nếu nhớ rõ quan điểm này, các bạn sẽ biết cần phải đối xử với trẻ như thế nào. Quan điểm này sẽ là một chỉ dẫn hữu ích cho chúng ta trong cách đối đãi với trẻ. Dù cho che chở và giúp đỡ trẻ là bản năng của cha mẹ, nhưng những lí luận nói trên nói với chúng ta rằng, không cần phải mang lại cho trẻ quá nhiều sự trợ giúp cũng như những trợ giúp không cần thiết. Nếu trẻ muốn tự mình bước đi, chúng ta cần để trẻ được làm như vậy, bởi vì tất cả năng lực phát triển chỉ có thể phát huy thông qua thực hành. Sau khi đã chuẩn bị tất cả các loại năng lực thì vẫn cần sự trợ giúp của thực hành. Nếu như trẻ đã lên 3 tuổi mà chúng ta vẫn ôm trẻ trong lòng (tình trạng này thường xuyên xảy ra), sự phát triển của trẻ sẽ bị hạn chế. Nếu trẻ đã thực sự trở nên độc lập thì sự giúp đỡ của người lớn thậm chí chỉ trở thành chướng ngại đối với trẻ.

Rõ ràng chúng ta không nên giữ trẻ khư khư cả ngày mà hãy cho trẻ được tự bước đi. Nếu đôi tay của trẻ muốn làm gì đó, chúng ta hãy cho trẻ làm, cho trẻ có cơ hội rèn luyện trí lực. Chỉ những hành vi của bản thân trẻ mới dẫn trẻ bước vào con đường độc lập.

Kết quả các quan sát cho thấy còn có một nhân tố khác có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển tứ chi của trẻ 1 tuổi rưỡi, đó chính là nhân tố sức mạnh. Sau khi có được một kĩ năng nhất định, trẻ cảm thấy mình đã đủ khỏe mạnh rồi. Mục đích chính của trẻ lúc này là tiến hành luyện tập, thực hành, phát huy năng lực của mình một cách tối đa, điều này quả thật rất khác so với người lớn chúng ta!

Tao hóa dường như nói với trẻ rằng: “Con đã đủ nhanh nhẹn, đủ kĩ năng, bây giờ con còn cần phải trở nên khỏe mạnh, nếu không thì sự nhanh nhẹn và kĩ năng cũng chẳng có nghĩa lí gì”.

Sau khi sự khéo léo của đôi tay và khả năng đứng vững của đôi chân được kết hợp lại, trẻ không chỉ bước đi mà còn đi được một quãng đường rất dài, trong khi trong tay cầm những vật tương đối nặng. Trên thực tế, mục đích đi của phần lớn con người là nhằm lấy một đồ vật nào đó. Bàn tay đã học được cách cầm nắm của trẻ giờ đây bắt đầu phải học cách giữ được vật nặng, đồng thời di chuyển những vật đó. Có trẻ sẽ biết cách dùng cánh tay ôm lấy bình nước, cố gắng giữ thẳng bằng và chậm chạp bước đi. Đó cũng là một quá trình khắc phục ảnh hưởng của trọng lực. Trẻ nhỏ thường thích leo trèo, thích vịn vào một vật gì đó để leo cao hơn. Mục đích cầm nắm một vật của trẻ bây giờ không còn là để sở hữu vật đó nữa, mà là dựa vào vật đó để leo lên cao hơn. Đó chính là quá trình rèn luyện sức khỏe. Toàn bộ thời kì này của trẻ đều nhằm phục vụ cho mục đích rèn luyện cơ thể. Điều này phù hợp với logic của tự nhiên, một người muốn trưởng thành phải có một cơ thể đủ khỏe mạnh.

Sau đó trẻ đã biết đi, đồng thời tự tin vào sức mạnh của bản thân. Lúc này trẻ bắt đầu chú ý tới động tác của mọi người xung quanh mình và cố gắng bắt chước theo. Trẻ bắt chước người khác không phải vì người khác dạy trẻ làm, mà bởi nhu cầu mãnh liệt nội tại của trẻ. Vì vậy, chúng ta có thể tổng kết nên mấy quy luật dưới đây của tự nhiên:

- 1. Để cho trẻ đứng thẳng;*
- 2. Trẻ có thể tự bước đi và trở nên mạnh mẽ.*
- 3. Cho trẻ tham gia vào môi trường sống xung quanh.*

Chúng ta có thể thấy, để trưởng thành, trẻ phải trải qua khá nhiều giai đoạn chuẩn bị. Đầu tiên là chuẩn bị bản thân và các cơ quan trong cơ thể. Sau đó, trẻ dần dần trở nên khỏe mạnh, liền sau đó tiến hành quan sát người khác, cuối cùng là có thể tự mình làm việc gì đó. Đó đều là yêu cầu của tự nhiên, tạo hóa còn yêu cầu trẻ phải tiến hành luyện tập, ví dụ như leo lên ghế, leo lên cầu thang... Chỉ sau khi tất cả những công đoạn này đã được hoàn tất thì trẻ mới có thể bước vào một thời kì mới, sản sinh nhu cầu tâm lí muốn tự mình làm mọi thứ – “Tôi đã chuẩn bị sẵn sàng rồi. Tôi muốn tự do.”

Bây giờ trẻ đã có thể đi được và có nhu cầu đi lại. Nhưng các chuyên gia tâm lí không dành đủ sự quan tâm cho điều này. Bình thường nếu không bế ẵm trẻ thì chúng ta cũng sẽ đặt trẻ vào xe tập đi. Chúng ta tưởng rằng lũ trẻ vẫn chưa thể đi được và cần phải giúp đỡ chúng. Trong thời điểm mấu chốt trước khi trẻ bước vào thế giới người lớn, việc chúng ta làm như vậy sẽ mang lại cho trẻ cảm giác tự ti.

Chương 15

PHÁT TRIỂN VÀ MÔ PHỎNG

Tao hóa không chỉ ban tặng cho con người khả năng mô phỏng mà còn cho chúng ta khả năng thay đổi bản thân để dần dần trở nên giống với bản mẫu. Là người làm công tác giáo dục, nếu muốn giúp trẻ đạt được mục đích này thì chúng ta cần giúp đỡ trẻ nhiều hơn nữa.



Ở

chương trước chúng ta đã từng thảo luận về trẻ nhỏ ở giai đoạn 1 tuổi rưỡi. Đó là một thời kì khiến chúng ta cảm thấy rất thú vị, có thể là một bước ngoặt trong giáo dục. Đó là thời kì mà các chi trên và chi dưới đang chuẩn bị phối hợp hài hòa với nhau. Tính cách của trẻ cũng phát triển, vì sau thời kì “bùng nổ ngôn ngữ” khi 2 tuổi, trẻ sẽ bắt đầu bước vào thời kì phát triển thực sự. Trước đó, ở thời điểm 1 tuổi rưỡi, trẻ đã bắt đầu cố gắng biểu đạt ý nghĩ của bản thân. Đó là một thời kì mà những công việc của trẻ là những nỗ lực không biết mệt mỏi và mang tính kiến thiết.

Vào thời kì này, chúng ta cần đặc biệt chú ý không làm đảo lộn quy luật của tự nhiên. Nếu tự nhiên đã tỏ rõ rằng đây là một thời kì nỗ lực không ngừng thì chúng ta buộc phải chuẩn bị hỗ trợ cho sự nỗ lực đó. Đây chỉ là cách nói khái quát, có người cho rằng trẻ nhỏ ở độ tuổi này bắt đầu bắt chước người khác. Đây vốn không phải là một điều gì mới mẻ, bởi vì chúng ta đều nói rằng, trẻ nhỏ thường bắt chước người lớn. Nhưng những hiểu biết của chúng ta vẫn còn rất hời hợt.

Cần biết rằng, trước khi bắt chước, trẻ phải đủ hiểu biết về một điều gì đó. Trước kia chúng ta thường cho rằng, người lớn cần phải hành động theo cách thông thường để trẻ có thể bắt chước tốt hơn. Toàn bộ trách nhiệm của người lớn nằm ở đó. Chúng ta thường nhận định một cách rất tự nhiên rằng, người lớn nên làm một tấm gương tốt cho trẻ, từ đó nhấn mạnh vai trò của người lớn, đặc biệt là tầm quan trọng của người giáo viên. Tấm gương này phải có phẩm chất tốt đẹp, người mẹ phải là một người hoàn thiện hoàn mĩ. Nhưng tự nhiên thì không lí luận như vậy, tự nhiên chẳng có quan hệ gì với sự hoàn mĩ của người lớn. Điều quan trọng là trước khi có thể mô phỏng, đứa trẻ phải có sự chuẩn bị sẵn sàng, sự chuẩn bị này xuất phát từ các nỗ lực của trẻ. Nguyên lí này phù hợp với tất cả mọi người. Tấm gương mà người lớn tạo ra cho trẻ chỉ là mang lại cho trẻ một động lực và mục tiêu để mô phỏng chứ không nhất định tạo ra một hiệu quả tốt nào.

Trên thực tế, một khi trẻ bắt đầu mô phỏng thì sẽ có thể vượt qua những tấm gương của mình. Trẻ có thể làm tốt hơn, chính xác hơn. Ở một số hành vi, lí luận này là hiển nhiên. Chúng ta đều biết rằng, nếu một đứa trẻ muốn trở thành một nghệ sĩ dương cầm, trẻ không những cần biết chơi đàn mà còn cần luyện tập không ngừng để nâng cao độ khéo léo, nhanh nhạy cho các ngón tay. Trong khi đó, chúng ta thường dùng phương pháp mô phỏng đơn thuần để khiến trẻ đạt được trình độ cao hơn. Chúng ta thường kể cho trẻ nghe câu chuyện về các anh hùng và thánh nhân, mơ mộng rằng làm như vậy trẻ cũng sẽ trở thành anh hùng và thánh nhân. Nếu như không có sự chuẩn bị tâm lí sâu hơn, điều này là hoàn toàn không thể xảy ra. Chẳng có ai trở thành vĩ nhân nhờ bắt chước cả. Sức mạnh của tấm gương chỉ nằm ở chỗ có thể thắp lên niềm hi vọng và khơi gợi cảm hứng. Nguyên vọng mô phỏng có thể sẽ thúc đẩy động lực học tập, nhưng muốn đạt tới một trình độ cao hơn thì cần phải luyện tập rất nhiều. Xét ở góc độ giáo dục thì muốn mô phỏng cần phải có sự chuẩn bị. Những nỗ lực đầu tiên của trẻ không phải là mô phỏng mà là hình thành một loại khả năng đủ để mô phỏng. Điều này cho thấy công tác chuẩn bị trực tiếp là vô cùng quan trọng. Tao hóa không chỉ ban tặng cho con người khả năng mô phỏng mà còn cho chúng ta khả năng thay đổi bản thân để dần dần trở nên giống với bản mẫu. Là người làm công tác giáo dục, nếu muốn giúp trẻ đạt được mục đích này thì chúng ta cần giúp đỡ trẻ nhiều hơn nữa.

Khi quan sát trẻ ở độ tuổi này, chúng ta sẽ thấy trẻ rất nỗ lực hoàn thành một việc gì đó. Cho

dù trong mắt người lớn, những việc đó có thể rất nực cười, nhưng cũng chẳng hề gì. Trẻ vẫn nỗ lực hoàn tất nó, đó là vì sự thôi thúc bên trong nội tâm của trẻ. Nếu có ai đó làm gián đoạn hành vi của trẻ thì điều đó sẽ làm thay đổi tính cách của trẻ, trẻ sẽ làm việc không có mục đích và hứng thú. Chúng tôi cho rằng, để trẻ hoàn tất những công việc đó là điều vô cùng quan trọng, hình thức chuẩn bị gián tiếp cũng rất quan trọng. Trên thực tế thì tất cả những điều đó đều là hình thức chuẩn bị. Toàn bộ sự sống của chúng ta đều đang gián tiếp chuẩn bị cho tương lai. Bạn có thể đã phát hiện ra rằng, những người đạt được những thành tựu vĩ đại vào thời kỳ này thường ít khi bị làm phiền. Khi làm một việc, cần kiên trì bền bỉ, có thể nói đó cũng là một sự chuẩn bị về mặt tinh thần. Chúng ta phải cho trẻ hoàn thành hành vi của mình. Cho dù đánh giá việc làm của trẻ là thông minh hay ngu ngốc, thậm chí ngược lại với ý nguyện của chúng ta (tất nhiên là những sự việc chưa ở mức thật sự có hại), chúng ta nhất định không được can thiệp, bởi vì trẻ phải thường xuyên hoàn thành một việc gì đó, đó chính là nhu cầu tâm lý của trẻ.

Ở chương trước, chúng ta cũng đã thảo luận về việc trẻ luôn thỏa mãn nguyện vọng của bản thân theo một cách rất thú vị. Chúng ta chắc hẳn đã từng nhìn thấy một đứa trẻ chưa đầy 2 tuổi muốn lấy một thứ gì đó mà tay của trẻ hoàn toàn chưa thể cầm được mà không vì một mục đích nào. Trong nhà một người bạn của tôi có rất nhiều công cụ rất nặng, đứa con 1 tuổi rưỡi của người bạn ấy đã rất cố gắng bê đi bê lại một số thứ. Trẻ nhỏ thường rất thích giúp người lớn bày biện đồ đạc trên bàn. Chúng sẽ chủ động bung ổ bánh mì còn to hơn đầu chúng rất nhiều. Chúng không ngừng chuyển đi chuyển lại các đồ đạc cho đến khi mệt lả mới thôi. Người lớn thường xuyên lo lắng về việc lũ trẻ sẽ bị mệt, nhưng các chuyên gia tâm lý cho rằng, sự giúp đỡ của người lớn lúc này sẽ chỉ cản trở hành vi của trẻ, từ đó ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Rất nhiều trẻ em có vấn đề về tâm lý có thể là vì đã bị làm phiền như vậy.

Một việc khác mà trẻ nhỏ thường muốn làm là leo cầu thang. Việc leo cầu thang của người lớn là có mục đích, còn trẻ nhỏ leo cầu thang chẳng vì mục đích nào cả. Khi đã leo lên hết các bậc thang, trẻ vẫn cảm thấy chưa hài lòng, chúng sẽ lại đi xuống và tiếp tục leo lên lần nữa, cứ liên tục vòng đi vòng lại như thế. Trong sân trường thường có một số cầu trượt bằng gỗ hoặc xi măng, nhưng việc trẻ leo cầu thang không phải vì chúng muốn trượt xuống, mà mục đích của chúng là leo lên, có thể nói là tìm niềm vui trong nỗ lực làm việc.

Có rất ít người lớn không can thiệp vào hành vi của trẻ, các chuyên gia tâm lý yêu cầu tạo dựng một nơi hoạt động riêng cho trẻ, ở đó trẻ sẽ được làm bất cứ việc gì chúng muốn mà không bị làm phiền. Để đạt được mục đích này, chúng ta cần xây dựng trường mẫu giáo và mầm non, đặc biệt là dành cho những em bé từ 1 tuổi rưỡi trở lên. Mọi thứ trong nhà trường đều được thiết kế riêng. Có thể là một căn phòng nhỏ trên ngọn cây, phía dưới là một chiếc thang. Đương nhiên đó không phải là một căn phòng để sống và nghỉ ngơi, mà được thiết kế riêng cho trẻ. Nếu trẻ muốn cầm một thứ gì đó, chắc chắn chúng sẽ chọn thứ nặng nhất. Trẻ thích leo lên những nơi khó leo nhất, ví dụ như leo lên ghế. Đương nhiên, cầu thang sẽ là nơi mang lại cho trẻ niềm vui thích nhất, bởi vì trong bản thân mỗi đứa trẻ đều có nhu cầu được leo trèo⁽¹⁾.

Những hành vi này không nhằm đạt tới một mục đích bên ngoài nào, mà nó chỉ tạo cơ hội giúp rèn luyện khả năng phối hợp vận động của bản thân trẻ. Chỉ có phối hợp vận động (của nhiều cơ bắp), trẻ mới có thể mô phỏng hành vi của chúng ta. Bản thân hành vi của trẻ không nhằm thỏa mãn một mục đích cụ thể, mà chỉ để thỏa mãn nhu cầu nội tâm nào đó. Chỉ khi hoàn tất công tác chuẩn bị, trẻ mới có thể mô phỏng hành vi của người lớn. Chỉ tới khi đó, môi trường xung quanh mới có thể thôi thúc trẻ. Nếu phát hiện có ai đó đang lau sàn nhà hoặc làm bánh, trẻ cũng sẽ muốn tự mình làm. Làm một việc mới mẻ có thể khơi gợi cảm hứng cho hành vi của trẻ.

Bây giờ hãy cùng thảo luận một chút về trẻ 2 tuổi và nhu cầu đi lại của trẻ. Đi lại đối với trẻ là một nhu cầu hết sức tự nhiên, bởi vì khi trẻ sắp sửa trở thành người lớn thì phải học các năng lực cơ bản của người lớn. Nếu tâm trạng vui vẻ, một đứa trẻ 2 tuổi có thể đi được cả một dặm đường. Chúng sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn mà việc đi đứng mang lại. Chúng ta cần nhớ

rằng, cách nhìn nhận về việc đi đứng của trẻ hoàn toàn không giống chúng ta. Chúng ta cho rằng trẻ không thể đi một quãng đường quá dài, là bởi vì trong tiềm thức chúng ta đòi hỏi trẻ có bước chân giống như người lớn. Đó là một suy nghĩ ngu ngốc, giống như việc người chạy thi với ngựa, đồng thời mong muốn đuổi kịp ngựa vậy. Nếu con ngựa nhìn thấy chúng ta chạy đến đứt cả hơi, có thể nó sẽ nói: “Mau leo lên lưng tôi, tôi sẽ giúp anh.” Đối với trẻ con, mục đích của trẻ không phải là đến một nơi nào đó, việc chúng muốn làm chỉ là đi và đi. Vì trẻ nhỏ không có đôi chân dài như người lớn nên chúng ta không thể bắt trẻ phải đuổi kịp chúng ta, thay vào đó chúng ta nên tự giảm tốc độ của mình. Nhưng nhìn trẻ trên phương diện này là điều cần thiết, và cả trên những vấn đề khác nữa cũng không kém phần quan trọng. Trẻ nhỏ có những quy luật phát triển tự thân, nếu muốn giúp đỡ trẻ, chúng ta nên tuân theo quy luật đó chứ không nên áp đặt cách nghĩ của mình lên trẻ. Việc đi lại của trẻ không chỉ cần đến đôi chân, mà còn cần dùng đến đôi mắt. Trẻ muốn bước đi là vì có những điều thú vị đang thu hút chúng. Nếu trên mặt đất có một đám cỏ, trẻ sẽ ngồi xuống để quan sát, một lát sau, trẻ sẽ đứng lên và tiếp tục đi về phía trước, nhìn thấy một đóa hoa, trẻ sẽ lại đến ngồi, nhìn thấy một cái cây, trẻ sẽ leo lên, hơn nữa còn chạy mấy vòng dưới gốc cây, sau đó ngồi xuống. Cứ như vậy, trẻ có thể đi vài dặm, hành trình đó có quá nhiều phát hiện thú vị, trẻ thảnh thơi còn dành thời gian nghỉ ngơi. Nếu trên đường đi gặp phải chướng ngại vật nào đó, ví dụ như đá, cành cây, điều đó lại càng tốt. Trẻ thích nước, chúng sẽ đứng bên bờ suối và hào hứng hét lên: “Nước, nước!”, trong khi những người lớn bên cạnh trẻ thì chỉ muốn mau chóng tới đích, có thể thấy những người lớn này đã có cách nhìn nhận việc đi đường không giống như trẻ nhỏ.

Cách trẻ đi đường giống như người của bộ lạc nguyên thủy vừa xuất hiện trên trái đất đang đi ngao du. Người nguyên thủy này không nói “Tôi muốn đi Paris”, vì thời đó chưa có Paris, cũng chẳng nói “Tôi muốn đi bằng tàu hỏa”, vì thời đó chẳng có tàu hỏa. Anh ta chỉ không ngừng du ngoạn, không ngừng bị thu hút bởi những thứ hấp dẫn, ví dụ như một khu rừng sâu nơi anh ta có thể kiếm củi, hoặc một thảo nguyên rộng lớn nơi có thể chăn thả những đàn bò. Trẻ cũng giống như những người nguyên thủy đó, không ngừng đi, không ngừng phát hiện chính là bản tính của trẻ và bản tính đó cũng nên trở thành một phần trong công tác giáo dục của chúng ta. Đối với người làm công tác giáo dục, khi trẻ đi chính là khi trẻ trở thành nhà thám hiểm. Hoạt động thám hiểm này cần trở thành một phần trong giáo dục nhà trường và nên được tiến hành ngay từ khi trẻ còn rất nhỏ. Trẻ cần được ra ngoài thường xuyên, được quan sát những thứ mà chúng thích. Nhà trường cần tiến hành giáo dục như vậy, ví dụ như dạy cho trẻ cách phân biệt các màu sắc khác nhau, hình dạng và kết cấu của lá cây, tập tính của côn trùng, tên gọi của các loài chim và các loài động vật... Tất cả những điều này sẽ khiến trẻ cảm thấy vô cùng thích thú. Hứng thú càng nhiều, thời gian đi chơi bên ngoài của trẻ càng dài. Muốn trẻ tiến hành tìm tòi, khám phá thì phải gọi mở được hứng thú của trẻ, đó chính là điều chúng ta nên làm.

Hoạt động đi chính là việc rèn luyện một cách toàn diện. Đi bộ có thể cải thiện hệ hô hấp và tiêu hóa của con người, có hiệu quả giống như việc chúng ta luyện tập các môn thể thao khác vậy. Đi bộ cũng là một hình thức rèn luyện cơ thể khỏe mạnh. Trong quá trình đi bộ, chúng ta sẽ phát hiện ra nhiều điều thú vị mà chúng ta có thể thu thập hoặc kiểm chứng. Ta có thể nhảy qua một cái rãnh nhỏ, hoặc có thể kiếm củi để đốt lửa. Những hoạt động này cần có sự tham gia của nhiều cơ quan trong cơ thể, về căn bản không khác biệt gì so với các môn thể thao khác. Dần dần vốn kiến thức của con người sẽ nhiều lên, hứng thú với sự vật xung quanh cũng được nâng cao. Giáo dục cần tuân theo nguyên tắc của tiến hóa, chúng ta cần đi bộ nhiều hơn để mở rộng tầm mắt. Chỉ có như vậy, cuộc sống của trẻ mới trở nên ngày càng phong phú.

Áp dụng nguyên tắc này vào giáo dục là điều rất quan trọng đối với xã hội hiện đại. Con người ngày nay ngày càng ít đi bộ mà thường ỷ lại vào các phương tiện giao thông khác. Tách biệt hai mặt của sự sống – cơ thể dùng để chơi trò chơi, còn bộ não dùng để đọc sách – đó không phải là một giải pháp tốt. Sự sống là một thể thống nhất, đặc biệt là quá trình trẻ nhỏ khôn lớn trưởng thành dưới sự chi phối của những quy luật phát triển.

Chương 16

TỪ NGƯỜI SÁNG TẠO ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đột nhiên, trẻ trở thành một người có thể tự làm mọi việc mà không cần tới sự giúp đỡ của người khác. Điều đó đã vượt ra khỏi dự liệu của chúng ta, người lớn lúc này chỉ đóng vai người quan sát. Trong thế giới nhỏ bé này, trẻ thu được những thành tựu thật lớn lao, dần dần thích ứng với đời sống xã hội, đồng thời dần dần thay đổi tính cách của mình.



Ở

phần trên, chúng ta đã thảo luận về một giai đoạn phát triển của trẻ. Giai đoạn phát triển này có nhiều điểm tương tự như tình trạng của trẻ khi còn nằm trong tử cung của mẹ. Loại hình phát triển này duy trì cho tới tận khi trẻ lên 3 tuổi. Trong giai đoạn phát triển tiềm ẩn tính sáng tạo này có rất nhiều biến đổi, nhưng sau khi qua đi thì liền lập tức tan biến. Tào hóa dường như đã vẽ một đường ranh giới, mà ở một bên đường ranh giới đó, chúng ta không thể ghi nhớ, còn mọi thứ xảy ra ở phía bên kia, chúng ta bắt đầu có thể lưu lại trong kí ức. Phần bị quên lãng được chúng ta gọi là giai đoạn “phôi thai tinh thần”, giai đoạn này khác với giai đoạn “phôi thai sinh lí”.

Trong giai đoạn phôi thai tinh thần, các năng lực khác nhau sẽ phát triển một cách độc lập, ví dụ như ngôn ngữ, sự vận động của tay, chân... Một số năng lực cảm giác cũng dần dần hình thành, điều này khiến chúng ta nhớ lại giai đoạn trước khi chào đời. Ở giai đoạn đó, các cơ quan sinh lí phát triển độc lập mà không quan tâm đến tình trạng phát triển của các cơ quan khác. Trong giai đoạn phôi thai tinh thần, chúng ta phát hiện các năng lực kiểm soát tâm lí khác nhau cũng xuất hiện độc lập. Đừng lấy làm ngạc nhiên vì chúng ta không thể nhớ được những gì xảy ra trong giai đoạn này, bởi vì khi đó nhân cách con người vẫn chưa được định hình. Chỉ sau khi các cơ quan trong cơ thể đã phát triển hoàn toàn, nhân cách con người mới được định hình rõ nét.

Vào thời điểm 3 tuổi, sự sống dường như bắt đầu lại lần nữa, bởi vì trong giai đoạn này, ý thức xuất hiện và bắt đầu phát huy tác dụng. Hai giai đoạn vô thức và có ý thức dường như có một ranh giới rất rõ ràng. Trong giai đoạn vô thức, kí ức không hề tồn tại. Chỉ khi ý thức xuất hiện, chúng ta mới có thể có nhân cách nhất định và có khả năng ghi nhớ.

Trước 3 tuổi là giai đoạn xây dựng các loại chức năng. Sau 3 tuổi là giai đoạn phát triển các chức năng đó. Ranh giới giữa hai giai đoạn này giống như dòng sông quên lãng trong truyện *Thần thoại Hi Lạp* vậy. Chúng ta phát hiện ra rằng, con người rất khó nhớ những gì xảy ra trước 3 tuổi, chứ đừng nói đến trước 2 tuổi. Các chuyên gia phân tích tâm lí đang cố gắng khơi dậy kí ức của con người về giai đoạn này, nhưng dường như không ai có thể nhớ được những gì đã diễn ra khi họ chưa đủ 3 tuổi. Thật là kịch tính! Trong thời gian này, con người đã trải qua một quá trình sáng tạo từ không đến có, nhưng lại không thể nhớ được bất cứ điều gì đã diễn ra.

Người sáng tạo trong trạng thái vô thức đó, chính là đứa trẻ dưới 3 tuổi, đã hoàn toàn bị xóa sạch trong kí ức của loài người. Sau 3 tuổi, trước mặt chúng ta dường như là một đứa trẻ hoàn toàn khác. Sợi dây nối liền giữa người lớn và trẻ nhỏ đã bị tự nhiên cắt đứt. Vì vậy, những điều mà chúng ta làm với trẻ dưới 3 tuổi có thể có tính phá hoại. Cần nhớ rằng, trong giai đoạn đầu tiên này của cuộc đời trẻ, trẻ phải hoàn toàn dựa vào người lớn chúng ta. Trẻ hoàn toàn không có khả năng tự bảo vệ, trừ khi người lớn tuân thủ những quy luật của tự nhiên hoặc dưới ảnh hưởng của khoa học, tuân thủ những quy luật của tự nhiên. Nếu không chính chúng ta sẽ trở thành một chướng ngại vô cùng lớn trong quá trình phát triển của trẻ.

Khi giai đoạn này kết thúc, trẻ đã có được năng lực bảo vệ bản thân. Nếu cảm thấy đang bị người lớn quản chế, trẻ sẽ bộc lộ sự phản kháng thông qua ngôn ngữ hoặc một số trò phá hoại. Tuy nhiên mục đích thật sự của việc làm này của trẻ không phải để bảo vệ bản thân. Việc trẻ muốn làm là tìm hiểu môi trường xung quanh mình, tìm phương thức tự phát triển bản thân.

Vậy trẻ muốn phát triển những gì? Thứ trẻ muốn phát triển chính là những năng lực đã được sáng tạo ở giai đoạn trước đó. Vì vậy, từ 3–6 tuổi, trẻ đã có đủ ý thức để nghiên cứu môi trường xung quanh, bắt đầu một giai đoạn kiến thiết, sáng tạo thật sự. Những năng lực tiềm ẩn được sáng tạo trong giai đoạn trước nay bắt đầu từ từ bộc lộ ra, đó là do tác dụng của những kinh nghiệm có ý thức của trẻ. Những kinh nghiệm đó không chỉ là việc vui chơi hay một chuỗi những hành vi ngẫu nhiên mà nó phục vụ cho quá trình trưởng thành. Đôi tay chịu sự chi phối của trí tuệ của trẻ bắt đầu tham gia vào các hoạt động điển hình của con người. Nếu nói trong giai đoạn đầu tiên, trẻ chỉ quan sát thế giới này một cách bị động, thăm lặng xây dựng nền tảng tâm lý cho mình thì tới giai đoạn thứ hai, trẻ bắt đầu phát huy ý nguyên cá nhân một cách hữu hiệu. Nếu trong giai đoạn đầu, trẻ chịu sự chỉ đạo của một sức mạnh thần bí tiềm ẩn bên trong thì đến giai đoạn này, trẻ đã có thể tự quyết định hành vi của mình, vì vậy đôi tay của trẻ bắt đầu trở nên bận rộn. Một đứa trẻ ban đầu chỉ tiến hành học tập và tiếp thu tri thức từ môi trường trong trạng thái vô thức, giờ đây đã có thể tự bắt tay vào cải tạo thế giới.

Một hình thức phát triển khác bắt đầu, đó là hoàn thiện những gì đã tiếp thu được trong giai đoạn trước đó. Ngôn ngữ là một ví dụ điển hình, bởi vì sự phát triển tự nhiên của nó sẽ tiếp tục cho đến khi trẻ khoảng 5 tuổi. Dù ngôn ngữ đã xuất hiện khi trẻ được khoảng 2 tuổi rưỡi, nhưng cho đến lúc này mới bắt đầu hoàn thiện, bởi vì bây giờ trẻ không những có thể nói được từ đơn mà còn có thể nói một số câu đúng ngữ pháp. Đến thời điểm này, trẻ còn có năng lực cảm giác đặc biệt (ở các chương trước, chúng ta gọi đó là thời kì nhạy cảm ngôn ngữ), loại năng lực cảm giác này có thể tăng cường việc ghi nhớ âm thanh một cách chính xác và năng lực biểu đạt ngôn ngữ một cách phong phú.

Vì vậy trong giai đoạn này, trẻ có hai khuynh hướng: Một là tăng cường ý thức hành vi của bản thân trong môi trường, hai là hoàn thiện các năng lực đã hình thành của bản thân. Điều đó cho thấy 3–6 tuổi là giai đoạn thông qua hành vi để tiến hành “sự hoàn thiện mang tính kiến thiết”.

Khả năng học hỏi, tiếp thu từ môi trường một cách không mệt mỏi của trẻ cho đến lúc này vẫn tồn tại, nhưng dưới sự trợ giúp của kinh nghiệm chủ động đã trở nên phong phú hơn. Trẻ không những có thể phát huy tác dụng của cảm giác, mà còn đích thân tham dự quá trình này. Tay trở thành cơ quan thừa lệnh của não bộ. Trước kia, dưới sự dẫn dắt của người lớn, trẻ học hỏi và tiếp thu bằng quan sát, còn bây giờ trẻ trực tiếp chạm vào các sự vật đó và tiến hành phân loại. Trẻ vô cùng bận rộn, hào hứng, đôi tay không ngừng làm hết việc này đến việc khác. Trí lực của trẻ đã chuyển từ giai đoạn hình thành sang giai đoạn phát triển. Trẻ hi vọng có thể thông qua hành động của bản thân để khám phá thế giới, bởi vì trong giai đoạn hình thành này còn xuất hiện một bước phát triển tâm lý nữa.

Độ tuổi này thường được gọi là “tuổi vui chơi”. Trước đây chúng ta đã có hiểu biết nhất định về điều này, nhưng cho đến gần đây nó mới được coi là một đề tài nghiên cứu khoa học thật sự.

Ở châu Âu và châu Mỹ, tốc độ phát triển văn minh nhanh chóng đã tạo nên hố sâu ngăn cách giữa con người và tự nhiên. Con người hi vọng thỏa mãn nhu cầu của trẻ bằng số lượng lớn các món đồ chơi, nhưng nhu cầu thật sự của trẻ vốn không phải là những món đồ chơi đó. Trẻ thuộc lứa tuổi này có nhu cầu tiếp xúc với nhiều thứ khác nhau, nhưng lại không được chạm đến các đồ vật thật sự. Người lớn còn ngăn cấm trẻ đụng vào rất nhiều thứ mà trẻ đã nhìn thấy, chỉ còn một thứ duy nhất chúng được cho phép tiếp xúc, đó là cát. Hiện tượng này vô cùng phổ biến. Cũng có đôi khi trẻ được phép nghịch nước, nhưng không được nghịch cho thỏa thích. Vì như thế trẻ sẽ làm cho mình ướt từ đầu đến chân, cát và nước trộn lẫn sẽ làm nên một mớ hỗn độn bẩn thỉu, mà người lớn thì không bao giờ thích phải dọn dẹp “bãi chiến trường” sau khi trò chơi kết thúc.

Nhưng ở những nước mà các loại đồ chơi chưa phổ biến thì trẻ con lại có những thú vui khác. Những đứa trẻ này vẫn giữ được sự nhạy cảm và niềm vui thích đối với các sự vật ở môi trường xung quanh. Suy nghĩ duy nhất của trẻ là muốn được tham dự vào những điều đang diễn ra ở môi trường quanh mình, trẻ nhỏ và người lớn dường như cùng làm những việc giống nhau. Khi mẹ giặt quần áo, làm bánh mì hay bánh ngọt, lũ trẻ cũng tham gia vào việc đó. Mặc

dù những hành vi của trẻ là bắt chước, mô phỏng, nhưng đó là sự mô phỏng một cách có lựa chọn và mô phỏng một cách thông minh. Trẻ coi những hành vi đó là sự chuẩn bị cho hoạt động của mình trong môi trường. Tất nhiên trẻ làm mọi việc là để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, thỏa mãn nhu cầu phát triển cái tôi của mình. Ở trường học của tôi, chúng tôi cung cấp cho trẻ đủ mọi thứ để có thể bắt chước. Chúng được duy trì là vì trẻ; kích thước to nhỏ, nặng nhẹ sao cho phù hợp với trẻ. Các căn phòng được thiết kế riêng cho trẻ nhỏ, ở đó trẻ được chơi tự do và nhờ thế có thể tự do trưởng thành.

Những quan điểm nói trên xem ra rất đúng đắn. Nhưng khi tôi đưa ra quan điểm này lần đầu tiên đã gặp phải những ánh mắt kinh ngạc vô cùng. Tôi và các trợ lý đã chuẩn bị một căn phòng dành riêng cho trẻ từ 3-6 tuổi, ở đó chúng có thể vui chơi như thể đang ở nhà. Việc làm này cũng bị mọi người đánh giá là không thể tưởng tượng nổi. Những chiếc bàn nhỏ, ghế nhỏ, đĩa nhỏ, bát nhỏ được chuẩn bị sẵn cho lũ trẻ. Trẻ được tự rửa bát đĩa, tự bày bàn ăn, tự làm vệ sinh, hơn nữa còn tự mặc quần áo. Đối với mọi người lúc bấy giờ, đó là những cải cách giáo dục kì quặc.

Trẻ phải tham gia vào đời sống xã hội là một việc vô cùng mới lạ đối với họ. Còn đối với trẻ thì những thứ tương tự cuộc sống thực đó có ý nghĩa hơn nhiều so với các trò chơi.

Nhà giáo dục học nổi tiếng người Mỹ – giáo sư Dewey nói, ông tưởng rằng ở các thành phố trung tâm của nước Mỹ như New York sẽ có những món đồ được thiết kế riêng cho trẻ em. Vì vậy ông đã làm một cuộc điều tra riêng về các cửa hàng ở New York nhằm tìm kiếm một số món đồ, ví dụ như những chiếc chổi nhỏ, đĩa nhỏ... Nhưng ông đã không tìm được những thứ đó, người ta cơ bản không hề có ý định sản xuất những món đồ như vậy. Ông đã cảm thấy rất kinh ngạc: “Lũ trẻ đã bị lãng quên mất rồi!”

Trẻ đã không chỉ bị lãng quên trên phương diện đó, mà chúng còn là những công dân bị quên lãng. Thế giới mà trẻ sinh sống có rất nhiều thứ thỏa mãn nhu cầu của những người khác, nhưng lại không có những thứ thỏa mãn nhu cầu của trẻ em. Trong thế giới trống rỗng đó, lũ trẻ chỉ có thể lang thang không mục đích, thỉnh thoảng bày một vài trò tình quái, đánh vỡ đồ chơi của mình nhằm tìm kiếm sự thỏa mãn về tinh thần. Còn người lớn đã hoàn toàn không chú ý tới nhu cầu thực sự của trẻ.

Trong trường học của tôi, chúng tôi đã phá vỡ ranh giới này, vén tấm màn phủ lên thực tế. Chúng tôi mang lại cho trẻ những thứ mà trẻ thực sự cần và mong muốn những thứ đó sẽ khiến trẻ cảm thấy vui vẻ, nhưng những gì chúng tôi nhận lại còn to lớn hơn nhiều. Tính cách của lũ trẻ đã thay đổi, dấu hiệu rõ ràng nhất là trẻ có khuynh hướng độc lập. Dường như trẻ đang nói rằng: “Cháu muốn tự làm mọi việc, không cần ai phải giúp đỡ cháu.”

Đột nhiên, trẻ trở thành một người có thể tự làm mọi việc mà không cần tới sự giúp đỡ của người khác. Điều đó đã vượt ra khỏi dự liệu của chúng ta, người lớn lúc này chỉ đóng vai người quan sát. Trong thế giới nhỏ bé này, trẻ thu được những thành tựu thật lớn lao, dần dần thích ứng với đời sống xã hội, đồng thời dần dần thay đổi tính cách của mình.

Kết quả của việc làm này không những có thể mang lại cho trẻ niềm vui mà còn mở ra cánh cửa giúp chúng trưởng thành. Niềm vui không phải là mục đích duy nhất của giáo dục. Một người phải có được sự độc lập cả về năng lực lẫn tính cách thì mới có thể nắm lấy vận mệnh của chính mình. Đó là thứ mà những năm tháng tuổi thơ đã bày ra cho chúng ta, ý thức một khi vừa xuất hiện là đã bắt đầu chi phối vận mệnh của chúng ta.

Chương 17

VĂN HÓA VÀ TRÍ TƯỞNG TƯỢNG

Việc phác họa hình ảnh những sự vật chưa từng được nhìn thấy đòi hỏi trẻ phải có một năng lực tâm lí cực kì đặc biệt. Nếu bộ não chỉ có thể ghi nhớ những gì đã được trông thấy thì việc đưa trẻ ra ngoài tiếp xúc với môi trường là việc vô cùng cần thiết.



Dưới ảnh hưởng của quy luật tự nhiên, trẻ sẽ nỗ lực tìm kiếm những kinh nghiệm tích cực từ môi trường xung quanh. Cũng chính vì thế mà việc sử dụng đôi tay không chỉ là để thỏa mãn mục đích thực hành mà còn nhằm thu được tri thức. Nếu đưa trẻ vào một môi trường mới mà chúng ta tạo ra cho trẻ, biểu hiện của trẻ sẽ vượt quá cả những dự liệu của chúng ta. Chúng sẽ có vẻ vui hơn, hào hứng trước tất cả mọi thứ, và làm việc rất lâu mà không cảm thấy mệt mỏi. Vì thế bộ não của trẻ dường như cũng rộng mở hơn, khát khao học hỏi cũng mãnh liệt hơn.

Những điều này xuất hiện sau giai đoạn “bùng nổ chữ viết”. Sự xuất hiện của nó đầu tiên sẽ khiến trẻ cảm thấy vô cùng hào hứng.

“Bùng nổ chữ viết” thực tế không đại diện cho điều gì, nó chẳng qua chỉ là “làn khói nhẹ trong đám cháy”, là một loại biểu trưng mà thôi. Sự bùng nổ thật sự thể hiện ở tính cách nội tại của con người, giống như một ngọn núi lửa vậy. Bề ngoài ngọn núi lửa không hề có bất cứ thay đổi nào, nhưng một ngày, ngọn núi bỗng bùng lên những ngọn lửa dữ dội. Từ những hình thái ngọn lửa, khói và vật chất rắn phát ra từ ngọn núi lửa, các chuyên gia có thể nghiên cứu về hình thái bên trong lòng đất.

Chúng tôi đã cung cấp cho trẻ những đồ dùng nhỏ, kích thích của những món đồ này phù hợp với trẻ. Trẻ phát hiện ra mình đang được sống cuộc sống thực thụ, phản ứng của trẻ với điều đó khiến chúng ta ngạc nhiên. Không còn nghi ngờ gì nữa, người lớn chúng ta nên tự mình nỗ lực lí giải ý nghĩa của những phản ứng đó, đồng thời thúc đẩy thực thi phương thức giáo dục này.

Trong số các phương pháp giáo dục chúng ta đã từng tiếp nhận, chưa có phương pháp nào từng thu được kết quả như vậy. Ngược lại, thành quả này cũng mang lại cho chúng ta những phương hướng mới trong giáo dục trẻ em. Trước hết chúng ta nên tạo cho trẻ những điều kiện tốt, trên con đường phát triển của trẻ không nên có các trở ngại, chúng ta cần cho trẻ được tự do lựa chọn phương thức hành vi trong số những gì chúng ta đã cung cấp cho trẻ. Có thể nói, đây là một phát hiện trong lĩnh vực tâm lí học trẻ em. Nhà thám hiểm Bắc cực – Peary đã gọi công việc của chúng tôi là “phát hiện tâm hồn con người”. Ông cho rằng đây không phải là một phương pháp giáo dục mà là lời đánh thức bản chất con người.

Ngay từ đầu đã có sự hiện diện của hai thực tế khác nhau. Một là độ tuổi mà bộ não của trẻ tiếp thu văn hóa sớm hơn rất nhiều so với tưởng tượng của chúng ta, nhưng phương thức tiếp thu tri thức của trẻ là hành vi có liên quan đến vận động. Trẻ ở độ tuổi này chỉ có thể học tập thông qua hành vi, trẻ tự phát triển thông qua làm việc gì đó. Giờ đây chúng ta đã biết rằng, khả năng tiếp thu của trẻ từ 3-6 tuổi rất tốt, không còn gì phải nghi ngờ về điều này nữa.

Có một thực tế khác có liên quan đến sự hình thành tính cách, chúng ta sẽ thảo luận kĩ hơn ở chương sau, còn bây giờ chúng ta sẽ tiến hành thảo luận về thực tế đầu tiên: Việc tiếp thu văn hóa thông qua hoạt động tự phát.

Trẻ nhỏ có hứng thú đặc biệt với những thứ mà chúng đã cảm thấy quen thuộc trước đó (thông qua quá trình học hỏi, tiếp thu), và trẻ có thể dễ dàng tập trung vào những sự vật đó. Ví dụ, sự xuất hiện của thời kì “bùng nổ chữ viết” của trẻ có liên quan đến năng lực cảm nhận đặc biệt của trẻ đối với ngôn ngữ. Nó càng có tác dụng ở thời kì sau khi trẻ đã bắt đầu có thể nói

được. Khi trẻ được 5 tuổi rưỡi đến 6 tuổi, năng lực cảm nhận này sẽ biến mất. Vì vậy rõ ràng là chỉ có học chữ trước lứa tuổi này mới khiến trẻ cảm thấy hứng thú và nhiệt tình. Qua độ tuổi này, trẻ sẽ đánh mất cơ hội đặc biệt mà tạo hóa đã ban tặng cho mình, khi ấy việc học viết sẽ đòi hỏi những nỗ lực đặc biệt và có ý thức.

Tương tự, theo kinh nghiệm của chúng tôi, khả năng viết không chỉ là kết quả của những giai đoạn đã từng trải qua trước đó, mà còn là kết quả của sự luyện tập mang tính chuẩn bị đã từng tiến hành từ trước – tức là những bài tập khác nhau mà chúng tôi đã chuẩn bị nhằm rèn luyện khả năng phân biệt cho bàn tay trẻ. Vì vậy, trong số những phương pháp của chúng tôi có một nguyên tắc mới, đó chính là nguyên tắc “chuẩn bị gián tiếp”.

Giới tự nhiên có nguyên tắc làm việc của riêng mình. Trước hết, trong giai đoạn phôi thai, tự nhiên đã tạo ra các cơ quan nhằm phục vụ nhu cầu của cá thể trong tương lai, đồng thời ấn định các cơ quan này sẽ chỉ bắt đầu làm việc sau khi đã đủ trưởng thành.

Trong giai đoạn thứ hai, trẻ sẽ phát huy những gì đã được hình thành trong giai đoạn thứ nhất, vì vậy chúng ta có thể hiểu về giai đoạn thứ hai thông qua trình tự hình thành ở giai đoạn thứ nhất. Ví dụ như việc học ngôn ngữ, trong giai đoạn thứ nhất, trẻ phải lần lượt trải qua hàng loạt giai đoạn nhỏ, những giai đoạn này giống hệt như phương thức sắp xếp trong sách ngữ pháp của chúng ta. Đầu tiên trẻ học phát âm âm thanh, sau đó học phát âm âm tiết, rồi tiếp nữa là danh từ, động từ, tính từ, phó từ, giới từ, liên từ... Chúng ta có thể căn cứ vào trình tự đó để tìm ra cách giúp đỡ trẻ trong giai đoạn thứ hai. Như vậy, đầu tiên chúng ta nên dạy trẻ ngữ pháp. Điều này nghe có vẻ kì lạ. Làm sao chúng ta có thể dạy trẻ ngữ pháp trước tiên đây? Làm sao dạy trẻ ngữ pháp trước khi chúng biết đọc biết viết?

Nhưng hãy thử suy ngẫm kĩ hơn một chút. Cơ sở của ngôn ngữ là gì? Chẳng phải là ngữ pháp sao? Chúng ta (bao gồm cả trẻ nhỏ) khi nói đều cần tuân thủ ngữ pháp. Một đứa trẻ 4 tuổi đang thuộc giai đoạn hoàn thiện cơ chế ngôn ngữ, mở rộng vốn từ của bản thân. Vì vậy, nếu chúng ta trợ giúp trẻ một chút về ngữ pháp khi trẻ 4 tuổi thì sẽ có tác dụng tốt cho việc học ngôn ngữ của trẻ. Thông qua việc truyền thụ ngữ pháp, chúng ta có thể giúp trẻ thông thuộc những khẩu ngữ đã từng học được. Kinh nghiệm cho thấy trẻ rất hứng thú với ngữ pháp, đây cơ hội tốt nhất để dạy trẻ ngữ pháp. Trong giai đoạn thứ nhất (từ 0–3 tuổi), việc học ngữ pháp được tiến hành trong trạng thái vô thức, còn trong giai đoạn này, trẻ phải tiến hành hoàn thiện chúng một cách có ý thức. Ngoài ra, chúng ta còn nhận thấy trẻ trong độ tuổi này học được khá nhiều từ mới. Trẻ có một khả năng cảm nhận đặc biệt đối với từ ngữ, nhờ vậy sẽ học được một lượng từ vựng lớn một cách tự nhiên.

Rất nhiều kết quả thực nghiệm chính xác cho thấy, lượng từ vựng trong giai đoạn này của trẻ tăng lên rất nhanh chóng, dường như trẻ khao khát học được từ mới. Nếu không có ai đó giúp trẻ, trẻ sẽ tự cố gắng học tập. Vì vậy chúng ta cần căn cứ vào nhu cầu của trẻ để dạy chúng từ vựng một cách có hệ thống.

Điều này vô tình dẫn đến một vấn đề mà chúng ta vẫn thường gặp phải. Trong trường học mà tôi lập ra, vào giai đoạn đầu làm việc, những giáo viên mà tôi thuê không nhiều người được gọi là “trí thức”. Họ liệt kê ra rất nhiều từ đơn cho lũ trẻ đọc, sau đó viết những từ này trên những tấm giấy khác nhau. Nhưng không lâu sau đó, những giáo viên này nói với tôi rằng, những từ họ viết ra không đủ dùng nữa. Ngoài tên gọi của những đồ vật xung quanh, họ không biết những từ khác, nhưng lũ trẻ lại muốn học được nhiều hơn. Vì vậy, tôi bắt đầu lựa chọn một số từ chuyên ngành hơn, ví dụ như danh từ chỉ các loại hình học, hình đa giác, hình thang, hình tam giác. Sau khi bọn trẻ học những từ này, tôi lại dạy chúng những từ chuyên sâu hơn nữa, ví dụ như nhiệt kế, áp kế... Sau đó tôi còn dạy bọn trẻ một số danh từ chỉ các loại thực vật, ví dụ như đài hoa, nhị hoa, nhụy hoa... Sau khi học rất hào hứng, lũ trẻ muốn tôi dạy chúng nhiều từ hơn nữa. Khi đưa lũ trẻ ra ngoài chơi, chúng sẽ kể cho giáo viên tên của hàng loạt các loại xe hơi, có những loại thậm chí chính giáo viên còn không biết, điều này khiến họ cảm thấy ngại ngùng.

Trẻ ở độ tuổi này có khát khao mạnh mẽ với từ ngữ, và trong suốt quá trình học tập không hề

tổ ra một mối. Nhưng giai đoạn tiếp theo sẽ hoàn toàn không như thế nữa. Trẻ có thêm những năng lực khác, nhưng việc học từ mới sẽ trở nên ngày càng khó khăn hơn. Chúng tôi phát hiện ra rằng, những từ mà trẻ học được trong giai đoạn này sẽ được sử dụng suốt đời. Khi 8-9 tuổi, ở độ tuổi đến trường và cả những năm tháng sau đó, trẻ sẽ sử dụng lưu loát những từ ngữ này. Vì vậy có thể rút ra kết luận, 3-6 tuổi là độ tuổi tốt nhất để học ngôn ngữ. Tất nhiên việc học trong thời kỳ này không có nghĩa là học một cách máy móc. Khi dạy trẻ từ ngữ, chúng ta nên kết hợp chúng với đồ vật thực tế hoặc với các hoạt động dã ngoại, duy trì sự đồng bộ giữa từ ngữ và trải nghiệm thực tế. Ví dụ chúng ta có thể cho trẻ thấy hoa hoặc lá có hình dạng như thế nào, dùng quả địa cầu để minh họa cho trẻ thấy các dạng địa lý (đồi đất, vịnh, hải đảo...). Nếu có sự vật thật, tranh minh họa, biểu bảng, trẻ sẽ rất dễ ghi nhớ những từ đơn đó. Trẻ ghi nhớ mà chẳng gặp khó khăn nào, trong khi giáo viên lại thường cho rằng những từ này rất khó nhớ hoặc dễ bị nhầm lẫn.

Tôi đã từng chứng kiến một cậu bé 14 tuổi trong trường không biết gọi tên các bộ phận trên một bông hoa. Lúc đó, một cậu bé chừng 3 tuổi chạy tới, chỉ vào bông hoa và nói: “Đây là nhụy hoa” rồi chạy mất.

Một lần khác, tôi đang dạy bọn trẻ phân loại các loại rễ cây trong sách giáo khoa và đồng thời giảng giải cho chúng bằng những hình vẽ treo trên tường, một cậu bé chạy vào và hỏi chúng tôi rằng những thứ trong tranh là cái gì, tôi bèn giải thích cho cậu. Ngay sau đó, chúng tôi phát hiện ra tất cả cây cối trong vườn trường đều đã bị nhổ lên khỏi mặt đất. Thì ra cậu bé nọ đã say mê với những cái rễ cây, cậu ta muốn nhổ tất cả những cái cây lên để xem thực hư như thế nào. Vì vậy, chúng tôi đề nghị dạy từ ngữ cho trẻ bằng hình vẽ hoặc sự vật thật, nhưng có thể điều này sẽ làm các bậc phụ huynh không hài lòng. Hãy thử nghĩ xem, khi cha mẹ đi làm về phát hiện thấy cây cối trong nhà đều đã bị lũ trẻ nhổ lên, họ sẽ cảm thấy như thế nào?

Tâm lý của trẻ có hoàn toàn phù hợp với những gì trẻ đã nhìn thấy? Không. Loại hình cảm giác ở trẻ không chỉ có một loại cảm giác trực quan, mà trẻ có trí tưởng tượng vô cùng phong phú.

Sự phác họa hình tượng của những sự vật mà trẻ chưa từng được tận mắt nhìn thấy đòi hỏi một loại năng lực tâm lý đặc biệt. Nếu bộ não chỉ có thể ghi nhớ những gì đã nhìn thấy, vậy thì việc đưa trẻ ra ngoài là vô cùng cần thiết. Chúng ta không chỉ dùng mắt để nhìn, văn hóa cũng không chỉ được hình thành nhờ những gì chúng ta đã nhìn thấy. Trong quá trình tìm hiểu thế giới, nếu chúng ta chưa từng được nhìn thấy hồ hoặc tuyết, chúng ta có thể phác họa nên hình dáng của chúng bằng trí tưởng tượng. Muốn làm được điều này, cần có một năng lực hoạt động tâm lý nhất định.

Trí tưởng tượng của trẻ phong phú đến mức nào? Không thể đưa ra một đáp án chính xác, vì vậy chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm trên những đứa trẻ 6 tuổi. Chúng tôi không bắt đầu giảng giải cho trẻ về từng phần trên bản đồ (sông, hải đảo, bờ biển) mà cố gắng đưa ra cho trẻ một khái niệm có tính toàn cục, chúng tôi đưa cho trẻ một tấm bản đồ và nói: “Đây chính là trái đất”.

Trẻ không thể phát huy trí tưởng tượng thông qua sự vật ở môi trường xung quanh để tưởng tượng ra hình dáng của thế giới. Khi trong não trẻ hình thành khái niệm này, nó nhất định được tạo thành thông qua một sức mạnh chưa biết trong bộ não, đó chính là trí tưởng tượng. Trong tấm bản đồ cho trẻ xem, chúng tôi minh họa đại dương bằng màu xanh đậm, bề mặt đất minh họa bằng bột phát quang. Trên đó không có bất cứ kí hiệu hay địa danh phổ thông nào, nhưng những đứa trẻ đột nhiên nói:

“Đây là lục địa.”

“Đây là biển.”

“Đây là châu Mỹ.”

“Đây là Ấn Độ.”

Trẻ rất thích xem bản đồ, bản đồ đã trở thành vật không thể thiếu trong phòng của bọn trẻ. Trẻ từ 3-6 tuổi không những có thể phân biệt quan hệ giữa các sự vật mà còn có thể phát huy trí tưởng tượng, tưởng tượng ra những thứ mà mình chưa thể trực tiếp nhìn thấy. Trí tưởng tượng có một vai trò rất quan trọng trong tâm lý của trẻ. Ở bất cứ nơi nào trên thế giới, cha mẹ cũng đều thích kể chuyện cổ tích cho trẻ nghe như một hình thức rèn luyện trí tưởng tượng cho trẻ. Nếu trẻ có thể tưởng tượng về đủ loại chuyện cổ tích, vậy thì vì sao trẻ lại không thể tưởng tượng một chút về châu Mỹ cơ chứ? Từ những khác biệt rút ra trong khi nói chuyện, trẻ có thể qua quan sát bản đồ để có được một ấn tượng trực quan hơn. Chúng ta đã quên rằng trí tưởng tượng là sức mạnh để phát hiện ra chân lý. Tưởng tượng không phải là thứ bị động mà nó đầy cảm hứng và không bao giờ mệt mỏi.

Một lần, tôi nhìn thấy một đám trẻ 6 tuổi đang tùm tùm bàn tán trước một tấm bản đồ, lúc đó một đứa bé khoảng 3 tuổi rưỡi nhập bọn và nói:

“Cho em xem với, đó là thế giới à?”

“Đúng rồi.” Một đứa trẻ khác nói. Cậu bé 3 tuổi rưỡi có vẻ kinh ngạc, tiếp tục nói:

“Bây giờ thì em hiểu rồi. Chú của em đã đi vòng quanh thế giới 3 lần rồi.” Câu này cho thấy đứa bé hiểu rằng đây chỉ là mô hình mà thôi, trái đất thật rất to, trước đó chắc chắn cậu bé đã từng nghe người khác nói về điều này.

Một cậu bé 4 tuổi khác trong trường của chúng tôi cũng yêu cầu được xem bản đồ. Sau khi quan sát kỹ một lúc, cậu bé vẫn chưa biết nước Mỹ mà những đứa trẻ khác đang nói nằm ở đâu, vì vậy nói xen vào:

“New York đâu?” Những đứa trẻ khác kinh ngạc, nhưng vẫn chỉ cho cậu nơi cậu muốn tìm. Cậu bé nói tiếp: “Hà lan ở đâu?” Điều này khiến mọi người xung quanh càng kinh ngạc hơn. Sau khi những đứa trẻ khác chỉ cho cậu, cậu nói:

“Mỗi năm bố em đều đi Mỹ hai lần và ở New York. Sau khi bố đi, mẹ sẽ nói: ‘Bố đang ở trên biển.’ Bà sẽ nói vậy mấy ngày. Mấy ngày sau, mẹ lại nói: ‘Bố đã tới New York.’ Mấy ngày nữa trôi qua, mẹ lại bảo em: ‘Bố đang ở trên biển.’ Khi mẹ nói rằng: ‘Bố đang ở Hà Lan, mẹ con mình có thể gặp bố ở Amsterdam’, có nghĩa là một ngày vui vẻ sắp đến rồi.”

Đứa trẻ này đã nhiều lần nghe nói về nước Mỹ, khi nghe người khác nói về nước Mỹ và bản đồ, cậu ta lập tức tìm đến xem, nét mặt của cậu dường như muốn nói rằng: “Tôi đã phát hiện ra nước Mỹ.”

Hình tượng hóa những gì đã từng nhìn thấy cũng đòi hỏi phải trải qua một giai đoạn rất vất vả giống như giai đoạn nhận thức thế giới vật chất trước đó. Cho tới cuối cùng, trẻ sẽ liên hệ những từ ngữ trong trí tưởng tượng với những sự vật thật với nhau.

Trẻ ở độ tuổi này thường mong muốn người lớn phải hiểu biết rất nhiều thứ. Trẻ vô cùng hiếu kỳ, chúng ta dường như bị “dội bom” bởi những câu hỏi của trẻ. Nếu chúng ta không tỏ ra mệt mỏi mà coi những hành vi này của trẻ là biểu hiện ham hiểu biết và lần lượt trả lời những câu hỏi của trẻ, trẻ sẽ cảm thấy vô cùng vui vẻ. Nhưng chúng ta cần nhớ rằng, trẻ không thích nghe lý luận dài dòng trong khi người lớn lại thường thích cách trả lời như vậy.

Có một đứa trẻ hỏi bố của cậu rằng, tại sao lá cây lại có màu xanh. Cha cậu cho rằng đó là một vấn đề học vấn rất uyên thâm nên đã cố giải thích cho con điệp lục là gì và nó lợi dụng ánh sáng mặt trời như thế nào. Nhưng cuối cùng người cha thấy con trai nói lí nhí: “Con chỉ muốn biết tại sao lá cây lại màu xanh, chứ chẳng muốn biết về điệp lục hay ánh mặt trời.”

Chúng ta đều biết ham chơi, trí tưởng tượng phong phú, hay hỏi rất nhiều câu hỏi là đặc điểm chủ yếu của trẻ ở độ tuổi này. Nhưng trẻ vẫn còn rất nhiều điều chưa hiểu rõ. Những câu hỏi của trẻ đôi khi rất khó trả lời.

“Mẹ ơi” Đứa trẻ hỏi, “Con từ đâu tới ạ?” Lũ trẻ luôn muốn đi sâu tìm hiểu vấn đề này. Người mẹ thông minh đã có sự chuẩn bị sẵn sàng này quyết định nói với con sự thật. Khi cậu bé 4

tuổi đưa ra câu hỏi này, mẹ của cậu đã trả lời: “Con là con của mẹ, con là do mẹ sinh ra.”

Câu trả lời rất ngắn gọn và rõ ràng này đã thỏa mãn nguyện vọng của đứa trẻ. Một năm sau đó, người mẹ nói với đứa trẻ rằng: “Mẹ vừa sinh một em bé nữa.” Sau khi từ nhà hộ sinh trở về, người mẹ bế đứa bé sơ sinh cho cậu anh trai xem và nói: “Đây là em của con, em và con đều do mẹ sinh ra.”

Lúc này, cậu bé nọ đã 6 tuổi, cậu tỏ ra vô cùng bất bình. “Tại sao mẹ không cho con biết rõ cuộc con đã đến với thế giới này bằng cách nào? Con đã đủ lớn rồi, cũng nên biết những chuyện như vậy. Tại sao mẹ không nói sự thật? Khi mẹ nói rằng mẹ đang tạo ra em bé, con đã theo dõi mẹ, nhưng chẳng thấy mẹ làm gì cả.”

Ngay cả nói sự thật xem ra không phải là một việc dễ dàng, giáo viên và cha mẹ cũng cần đủ thông minh để thỏa mãn trí tưởng tượng của trẻ.

Giáo viên cần được đào tạo đặc biệt, bởi lẽ những câu hỏi này không thể được trả lời theo logic thông thường của người lớn. Chúng ta cần biết trẻ con phát triển như thế nào và phải từ bỏ mọi quan điểm định kiến của mình. Câu trả lời phải phù hợp với trẻ từ 3–6 tuổi, trong khi chúng ta lại rất thiếu kỹ năng đó. May mắn là những điều mà trẻ học được từ môi trường nhiều hơn so với chúng ta nhiều lần. Nhưng chúng ta vẫn cần thấu hiểu tâm lý của trẻ và cố gắng giúp đỡ trẻ.

Trẻ muốn biết rất nhiều điều, không ngừng tìm kiếm không mệt mỏi. Cho đến nay, tâm lý học trẻ em vẫn còn rất nhiều lầm lẫn. Điều này cho thấy việc chúng ta dạy dỗ trẻ theo những nguyên tắc của những người đi trước chưa hẳn đã đúng, vì chúng ta còn chưa hiểu hết về trẻ. Chỉ có trẻ mới có thể dạy chúng ta cách hiểu chúng – thông qua phương thức hành vi.

Đã có rất nhiều bằng chứng chứng minh rằng, trẻ không chỉ muốn những điều thú vị, mà chúng còn muốn biết chính xác làm thế nào để thực hiện được những điều đó. Sự chính xác có sức hấp dẫn lớn đối với trẻ, đó cũng là nguyên nhân khiến trẻ không ngừng khám phá. Vì vậy chúng ta có thể suy đoán rằng, hứng thú của trẻ đối với sự vật là mục đích có ý thức. Trẻ có bản năng nỗ lực phối hợp sự vận động của mình và đặt chúng dưới sự kiểm soát của bản thân.

Bằng cách quan sát, chúng ta phát hiện một khi trẻ đã bị thu hút bởi một sự việc nào đó, trẻ sẽ không ngừng lặp lại sự việc đó. Chúng ta sẽ kinh ngạc phát hiện ra rằng, trẻ sẽ lặp đi lặp lại một số hành động thường gặp trong cuộc sống đồng thời tập trung toàn bộ tinh thần vào những việc đó. Ví dụ, trẻ sẽ tỉ mỉ mài một đồ vật bằng đồng cho tới khi nó sáng bóng lên mới thôi, cứ như thế nhiều lần. Điều này cho thấy mục đích bề ngoài đối với trẻ chỉ là một kích thích. Mục đích thật sự là thỏa mãn một nhu cầu có ý thức, đó là nguyên nhân vì sao trẻ làm những việc đó lại có lợi cho quá trình trưởng thành. Vì hoạt động không ngừng lặp đi lặp lại này sẽ nâng cao năng lực kiểm soát của hệ thống thần kinh, tạo ra sự hài hòa trong hệ cơ bắp của trẻ, sự hài hòa này không phải là món quà của tạo hóa mà là do rèn luyện mà thành. Việc người lớn chúng ta không ngừng chơi các trò chơi hay các hoạt động cũng như vậy. Mục đích chúng ta chơi tennis, đá bóng không chỉ để chơi ngày càng chính xác hơn mà còn vì những hoạt động này có thể giúp chúng ta rèn luyện một số kỹ năng mà trước kia ta chưa có. Nâng cao những năng lực này mới là mục đích chân chính của sự vận động của con người.

Những hành động này của trẻ có thể bị người lớn coi là trò chơi. Nhưng những trò chơi như vậy sẽ giúp trẻ thu được những khả năng mà chúng cần có.

Bản năng yêu cầu trẻ phải thích ứng với thời đại mà trẻ sinh sống. Điều này đòi hỏi bản thân trẻ phải không ngừng cố gắng, giống như có người nói với trẻ: “Con phải bồi dưỡng khả năng này, đó là thứ mà con cần có”. Thời kì thơ ấu là thời kì tốt nhất để hoàn thành nhiệm vụ này. Đó là lí do tại sao chúng ta nói, khả năng mô phỏng là động lực cho công việc tự hoàn thiện bản thân của trẻ.

Mỗi đứa trẻ đều có động lực xây dựng năng lực bản thân. Đối với trẻ, hành vi của mọi người xung quanh chính là những kích thích, trẻ mô phỏng những hành vi này, để sau đó tự bồi dưỡng những khả năng của bản thân. Vậy trẻ bồi dưỡng những khả năng nào? Lấy ngôn ngữ

làm ví dụ, nó giống như việc người thợ dệt trước tiên sẽ căng những sợi chỉ lên máy dệt, những sợi chỉ này không phải thứ họ muốn dệt mà là nền tảng của việc dệt nên một tấm vải. Những sợi chỉ này giống như những âm thanh có vần luật của từ ngữ, khi được sắp xếp một cách có trật tự thì sẽ tạo thành quy luật ngữ pháp. Thông qua hàng loạt kinh nghiệm thực tế, những hành vi này sẽ định hình nên nền tảng của một dân tộc hay một chủng người nào đó. “Tấm vải ngôn ngữ” này sẽ được dệt trong giai đoạn 3–6 tuổi. Vì vậy lứa tuổi trước 6 tuổi là giai đoạn vô cùng quan trọng. Trong giai đoạn này, trẻ sẽ xây dựng những năng lực sẽ theo mình suốt cả cuộc đời. Cách đi đứng, phương thức làm việc đều được định hình, đồng thời trở thành đặc trưng vĩnh viễn cho tính cách của trẻ. Những điều này sẽ quyết định trẻ thuộc về tầng lớp xã hội nào, cao hay thấp. Sự khác biệt đẳng cấp xã hội được thể hiện qua đó, cũng giống như ngôn ngữ khác nhau giúp phân biệt các dân tộc khác nhau.

Cũng chính vì điều này nên nếu một người được sinh ra trong tầng lớp xã hội thấp, thì chỉ khi thay đổi môi trường sống, người đó mới có thể bước vào tầng lớp cao hơn, nếu không sẽ không thể thoát khỏi những dấu ấn mà tầng lớp xã hội thấp đã để lại trên con người mình. Nếu một nhà quý tộc muốn đóng giả thành một công nhân, chính cách thức xử lý mọi chuyện và thói quen sinh hoạt sẽ làm người đó bị bại lộ.

Đây cũng chính là độ tuổi định hình khẩu âm của trẻ. Ngay cả một giáo sư đại học quen dùng những từ ngữ chuyên ngành cũng không thể che giấu khẩu âm của mình.

Giáo dục đại học cũng không thể xóa đi những gì đã hình thành trong giai đoạn sơ sinh. Bởi vậy giáo dục xã hội trong độ tuổi này vô cùng quan trọng. Nếu một đứa trẻ trước 3 tuổi gặp phải một vài trở ngại dẫn đến sự thay đổi nhân cách, thì trong giai đoạn này có thể tiến hành bù đắp và thay đổi, bởi vì giai đoạn này chính là giai đoạn tạo hóa kết thúc việc xây dựng nên tâm lý của trẻ. Đồng thời, nếu phương pháp giáo dục khoa học và phù hợp, chúng ta có thể thu hẹp khoảng cách giữa các quốc gia, chủng tộc, điều đó sẽ khiến con người trên trái đất này hòa hợp hơn. Hay nói cách khác, văn minh có thể thay đổi bản thân nhân loại, cũng giống như con người có thể thay đổi tự nhiên vậy. Chính tạo hóa đã ban tặng cho con người sức mạnh thần bí này.

Cá tính có liên quan đến việc điều khiển sự phát triển của trẻ sẽ được bộc lộ qua hành vi, chúng ta sẽ phát hiện tác dụng của chúng thông qua những hoạt động mà chúng ta tạo ra cho trẻ.

Vậy chúng ta nên giáo dục cảm giác như thế nào? Cảm giác chính là điểm nối liền con người với tự nhiên. Tâm hồn con người có thể trở nên cực kì tinh nhạy nhờ những kinh nghiệm cảm giác, cũng giống như một nghệ sĩ dương cầm có thể tạo nên những giai điệu tuyệt vời từ một chiếc đàn rất bình thường, một thợ dệt ưu tú có thể dệt nên một tấm vải satin từ chỉ đơn hoặc chỉ kép, một người của bộ lạc nguyên thủy có thể nghe thấy âm thanh của rắn trườn rất khẽ trong thâm cỏ.

Tuy những khả năng này là do con người rèn luyện mà thành, nhưng chúng vẫn chịu ảnh hưởng của cuộc sống thường nhật. Không có sự hợp tác của trí tuệ và vận động thì giáo dục cảm giác cũng không thể xuất hiện.

Sự khác biệt giữa các cá thể được quyết định bởi những nhân tố nội tại ảnh hưởng đến hứng thú, việc mỗi người có nhiều hay ít nhân tố này cũng không giống nhau. Hay nói cách khác, mỗi chúng ta bẩm sinh đều có hứng thú nào đó, hứng thú này tuân theo quy luật tự nhiên và sẽ thúc đẩy sự phát triển và trưởng thành của chúng ta.

Đứa trẻ lớn lên trong căn phòng nhỏ mà chúng ta đã nói ở trên không những có khả năng thao tác tốt mà khả năng nhận biết thế giới bên ngoài cũng rất tốt. Xét từ góc độ này, thế giới bên ngoài cũng trở nên phong phú hơn, bởi vì so với những người năng lực hiểu biết thấp thì những đứa trẻ này có thể cảm nhận từng sự khác biệt nhỏ bé nhất của sự vật, trong khi những người có năng lực thấp kia cơ bản không thể cảm nhận những khác biệt này.

Trong các trường học hiện nay, giáo viên thường tổ chức một tiết học được gọi là “tiết vật

thể". Mỗi học sinh phải đưa ra một số đặc tính của một vật thể nào đó, ví dụ như màu sắc, hình dạng, đường vân... Trên đời này có đủ các loại vật thể, nhưng đặc tính của mỗi vật thể là hữu hạn. Cũng giống như số lượng chữ cái là có hạn, nhưng cách kết hợp các chữ cái thành từ đơn thì vô hạn.

Việc chúng ta trao cho trẻ các vật thể, mỗi vật thể lại có nhiều đặc tính riêng, cũng giống như đã trao cho trẻ một bảng chữ cái, một chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa tri thức rộng lớn. Bởi trẻ sẽ không chỉ nắm vững đặc tính của các loại vật thể mà còn nắm được phương thức phát triển của những vật thể đó, từ đó tạo nền tảng cho trẻ hiểu biết về môi trường xung quanh và về thế giới.

"Bảng chữ cái" đến từ thế giới bên ngoài này có giá trị vô cùng to lớn. Trên thực tế, đúng như những gì chúng ta đã nói ở trên, văn hóa không chỉ đơn giản là vấn đề tích lũy thông tin, mà còn cho thấy sự phát triển của cá tính con người. Giáo dục một đứa trẻ mà cảm giác đã được rèn luyện khác hẳn với việc giáo dục một đứa trẻ mà cảm giác chưa từng được rèn luyện. Mỗi vật thể, mỗi cách nghĩ đều khiến trẻ hứng thú cao độ, bởi vì những đứa trẻ này vô cùng nhạy cảm với từng sự khác biệt nhỏ giữa các vật thể, ví như hình dáng của từng chiếc lá, màu sắc của từng bông hoa, hình dạng của từng loại côn trùng... Sự phát triển của trẻ được quyết định bởi những sự vật trẻ từng tiếp xúc và hứng thú của trẻ với sự vật. Một bộ não có sự chuẩn bị quan trọng hơn một thầy giáo tốt.

Trong số những vật thể nhỏ mà chúng tôi cung cấp cho trẻ, bản thân mỗi vật thể đều có đặc tính riêng. Những đặc tính này sẽ hỗ trợ rất lớn cho tính mạch lạc của bộ não trẻ.

Phân biệt đặc tính giữa sự vật này với sự vật khác là một việc hết sức tự nhiên. Không cần đến sự giáo dục đặc biệt nào, con người vẫn có thể phát hiện sự khác biệt giữa các màu sắc và các hình dạng. Thực tế, điều này có liên quan đến hình thức tư duy của con người. Bộ não của con người không chỉ có trí tưởng tượng mà đồng thời còn có thể chỉnh lí và sắp xếp nội dung tư tưởng, trừu tượng hóa những sự vật xung quanh thành "bảng chữ cái đặc trưng". Tất cả những điều này đều được hoàn tất nhờ tư duy trừu tượng. Người phát minh ra bảng chữ cái sẽ vận dụng năng lực này, bởi vì chữ cái trong tất cả các từ đơn đều do các chữ trong bảng chữ cái tổ hợp thành. Vì vậy, bảng chữ cái là một hệ thống trừu tượng, bởi vì từ đơn mới là hình thức biểu hiện chủ yếu của khẩu ngữ. Nếu một người không thể phát huy trí tưởng tượng và tiến hành tư duy logic, điều này chứng tỏ người đó chưa thông minh. Trí tuệ của những người như vậy thiếu sự biến hóa giống như động vật cao cấp, đồng thời chỉ giới hạn trong một loại hành vi có hình thức nhất định, điều này sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của người đó.

Ngày nay chúng ta ít khi vận dụng quan điểm tư duy trừu tượng, nhưng trong thực tế cuộc sống sẽ gặp vô vàn sự vật. Tư duy trừu tượng càng chuẩn xác thì giá trị của nó càng lớn. Tư duy trừu tượng có ảnh hưởng to lớn đến tư tưởng trong bộ não con người.

Hai loại năng lực của bộ não (trí tưởng tượng và năng lực trừu tượng hóa) có thể giúp đào sâu những điều đằng sau sự vật. Cả hai năng lực này đều có tác dụng quan trọng như nhau đối với sự thành thực tâm lí. Cả hai năng lực này còn vô cùng quan trọng đối với việc học ngôn ngữ. Căn cứ vào bảng chữ cái và nguyên tắc ngữ pháp chuẩn xác có thể tạo ra vô số từ ngữ khác nhau. Vốn từ muốn phong phú và muốn tăng tính thực dụng của ngôn ngữ thì phải dựa trên nền tảng là phát âm và nguyên tắc ngữ pháp. Quy luật cấu tạo từ cũng phù hợp với cấu tạo bộ não.

Khi bạn nói một người "rất thông minh, nhưng tư duy chưa rõ ràng", ý của bạn là bộ não của người đó có rất nhiều ý tưởng nhưng không thể sắp xếp những ý tưởng đó một cách có trật tự. Bạn cũng có thể mô tả về một người khác: "Tư duy của anh ta chuẩn xác như một tấm bản đồ, phán đoán của anh ta rất chính xác".

Vì vậy chúng ta đặt cho phần chính xác đó của bộ não cái tên là "bộ não chính xác". Cách dùng từ này xuất phát từ triết gia kiêm nhà vật lí học, nhà toán học người Pháp Pascal, bộ não con người bẩm sinh đã có tính chính xác, tri thức và sự phát triển đều bắt nguồn từ sự quan sát chuẩn xác.

Cũng giống như ngôn ngữ dựa trên cơ sở là sự phát âm chữ cái và nguyên tắc sắp xếp từ đơn, bộ não – nền tảng của trí tưởng tượng cũng chủ yếu được quyết định bởi tính quy luật nhất định. Nếu tiến hành nghiên cứu tác phẩm của một số nhà phát minh có ảnh hưởng trên thế giới, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng, trong giai đoạn đầu nghiên cứu, suy nghĩ của họ cũng có tính quy luật nhất định. Trong lĩnh vực chủ yếu dựa vào trí tưởng tượng như thơ ca, âm nhạc cũng vậy, cũng đều tuân theo những vần luật và tiết tấu nhất định.

Vì vậy trong quá trình giáo dục, chúng ta phải ghi nhớ hai loại năng lực này của bộ não, cho dù đôi khi, đối với một tính cách nào đó thì ảnh hưởng của một năng lực sẽ mạnh hơn năng lực còn lại. Nhưng chắc chắn cả hai loại năng lực này sẽ cùng tồn tại đồng thời, cùng phát huy tác dụng một cách nhịp nhàng. Nếu chỉ khai thác trí tưởng tượng thì sẽ ảnh hưởng đến sự cân bằng giữa hai năng lực, đồng thời tạo thành trở ngại cho cuộc sống hiện thực.

Đối với trẻ nhỏ, khuynh hướng theo đuổi sự chuẩn xác sẽ được biểu hiện qua rất nhiều phương thức rõ ràng và tự phát.

Trên thực tế, nếu chúng ta bảo trẻ cách làm một việc nào đó một cách chuẩn xác, tính chuẩn xác này cũng sẽ khiến chúng cảm thấy hứng thú. Làm một việc trước hết cần đạt được mục đích của việc đó, nhưng để làm được một cách chuẩn xác thì còn đòi hỏi sự nỗ lực của trẻ, sự nỗ lực này sẽ thúc đẩy trẻ phát triển. Tính quy luật và tính chuẩn xác là hai yếu tố chủ yếu trong các hoạt động khác nhau trong nhà trường của trẻ.

Những đồ vật nhỏ mà chúng tôi dùng để bồi dưỡng khả năng chú ý cho trẻ (biểu hiện rõ nhất ở trẻ 3–4 tuổi), không những có thể giúp trẻ hiểu về môi trường xung quanh, mà còn có thể bồi dưỡng nên cho trẻ một bộ não chuẩn xác.

Những kết luận mà chúng tôi đã đúc rút hoàn toàn không giống với tình trạng đang diễn ra ở các trường học. Môn toán học trong nhà trường, đối với trẻ là một sự đầy dọa, rất nhiều người gặp chướng ngại tâm lý với môn học này. Nhưng nếu sớm đưa quan niệm “chính xác” vào “tâm hồn có sức thẩm thấu” của trẻ thì tình hình có thể hoàn toàn thay đổi.

Trong môi trường sống của hầu hết trẻ em không có thứ gì liên quan đến sự chuẩn xác của toán học. Tự nhiên có cây, có hoa, có các loài động vật, nhưng lại không có thứ liên quan đến toán học (chuẩn xác). Khuynh hướng toán học ở trẻ có thể thiếu đi cơ hội được phát huy, dẫn đến ảnh hưởng tới sự phát triển sau này. Vì vậy chúng ta có thể coi những món đồ vật nhỏ mà ta cung cấp cho trẻ là “vật chất trừu tượng” hoặc toán học cơ bản. Trong hai cuốn sách khác của mình, tôi đã thảo luận rất nhiều phương pháp dạy toán học. Hai cuốn sách này cũng là những tác phẩm có liên quan đến tâm lý học trẻ em.

Giai đoạn phát triển thứ nhất của trẻ chính là giai đoạn tạo nền móng từ thế giới vật chất xung quanh. Giai đoạn này có nhiều điểm tương tự như sự phát triển của phôi thai, vì sự phát triển của phôi thai cũng do tự nhiên quyết định. Đúng như những phát hiện của Kessen, cho dù là các bộ phận cơ thể tương lai do gen quyết định hay là hành vi của con người thì cũng đều phù hợp với quy luật này.

Trong ngôn ngữ, trẻ lại tạo dựng một nền móng khác. Nền móng này vững chắc, chuẩn xác, vì nó được cấu thành bởi âm thanh và quy tắc sắp xếp từ ngữ nhất định. Âm thanh và quy tắc sắp xếp từ ngữ không phải là thứ bẩm sinh đã có mà nó có quan hệ nhất định với quần thể con người. Chỉ khi cả cộng đồng có sự đồng thuận thì ngôn ngữ và từ vựng mới có được ý nghĩa chung mà mỗi người trong cộng đồng đều có thể hiểu được.

Các cộng đồng xã hội còn xây dựng nhiều thứ khác nữa. Ví dụ tập quán và truyền thống cuối cùng sẽ trở thành một phần của đạo đức. Điều thú vị là truyền thống không giống như những gì thuyết tiến hóa đã nhận định: “Truyền thống sẽ đơn giản hóa cuộc sống của con người”, và ngược lại, “bản năng tự vệ” không chỉ là trạng thái tốt nhất để theo đuổi sự sống. Mặc dù giới hạn cuộc sống là một thứ rào cản vô hình, nhưng con người cứ một mực cho rằng đó là một bản năng hi sinh bẩm sinh, chúng ta buộc phải thích ứng với nó. Hay nói cách khác, chúng ta buộc phải vứt bỏ hoặc hi sinh một số thứ. Những nghiên cứu về tập quán sinh hoạt của người

nguyên thủy đã cho thấy rằng, tập quán có tính hạn chế này (ví dụ như những điều cấm kỵ) thậm chí làm tổn hại đến cơ thể cũng là điều thường gặp.

Sự theo đuổi cái đẹp của con người đã bị bẻ cong và bóp méo, thường đòi hỏi con người phải trả cái giá rất đắt. Chúng ta có thể vẫn còn nhớ đôi chân nhỏ của phụ nữ Trung Quốc, hay hành vi xuyên thủng mũi, tai để đeo đồ trang sức.

Sự hạn chế quan trọng nhất thể hiện ở lĩnh vực đồ ăn thức uống. Gần đây hàng ngàn người Ấn Độ đã bị chết đói trong khi họ đều sống ở những nơi mà dê, bò lủ lượt từng đàn. Truyền thống không tàn sát động vật để làm thức ăn đã ăn sâu vào tư tưởng của những người này, khiến cho đến chết họ vẫn nhất định không ăn thịt những con vật đó.

Đạo đức là kiến trúc thượng tầng của đời sống xã hội, nó đã bắt rễ trong tư tưởng con người. Nhưng chúng ta chớ quên rằng, đạo đức được xây dựng trên nền tảng là sự đồng thuận của toàn xã hội.

Tôn giáo cũng vậy, đối tượng mà các tôn giáo sùng bái, tôn thờ cũng phải được đại bộ phận công nhận. Tôn giáo không chỉ được sự thừa nhận của đại chúng, mà rõ ràng còn là một loại nhu cầu tinh thần của con người, đó chính là nhu cầu sùng bái chứ không chỉ là sự tiếp nhận một loại tín ngưỡng nào đó. Con người nguyên thủy cảm thấy sợ hãi trước một vài hiện tượng tự nhiên và tiến hành thờ phụng những hiện tượng đó. Cuối cùng, hành vi này được số đông chấp nhận, những sự kiện và hiện tượng tự nhiên đó đã trở thành thứ được số đông tôn thờ.

Không chỉ có những thứ đó đã kích thích trí tưởng tượng của con người mà tư tưởng của con người cũng chủ động thông qua đối tượng sùng bái để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, cũng giống như bộ não thông qua cảm nhận để tiến hành tư duy trừu tượng vậy. Con người thông qua hoạt động tâm lí nào đó để tìm hiểu đặc tính của sự vật, dưới nhu cầu của ý thức, con người thể hiện lòng sùng bái của mình thông qua một số dấu hiệu trừu tượng đã nhân tính hóa. Muốn trở thành dấu hiệu xã hội, những đối tượng này phải được sự công nhận của số đông. Lòng thành kính và hành vi thờ phụng của con người là một phương thức biểu hiện, một kiểu dấu hiệu và trở nên cố định trong cộng đồng xã hội.

Đã nhiều thế kỉ trôi qua nhưng những điều này vẫn in dấu trong đầu óc của con người. Nó không chỉ trở thành một truyền thống vững chắc giống như đạo đức, mà còn trở thành công cụ để hòa nhập vào cộng đồng xã hội. Cộng đồng xã hội được tạo thành bởi những người có cùng tôn giáo, và cũng được phân biệt với cộng đồng khác nhờ tôn giáo. Sự khác biệt giữa các cộng đồng xã hội của con người cũng giống như sự khác biệt giữa các loài động vật, chỉ có điều sự khác biệt giữa các loài động vật là do di truyền, còn sự khác biệt về hình thái tâm lí của con người được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Nhưng đặc trưng này của cộng đồng xã hội không chỉ do trí tưởng tượng tạo thành, chấp nhận và định hình vững chắc, mà nó còn là kết quả của sự hợp tác giữa trí tưởng tượng và nhu cầu tinh thần. Nhưng sự trừu tượng này sau đó sẽ trở nên đơn giản hóa và đơn nhất, như vậy bộ não có thể thể hiện chính xác sự tưởng tượng siêu thực bằng một hình thức nhất định.

Vì có tính chuẩn xác và tính ổn định nên hình thức này sẽ hình thành nên những tín hiệu đơn giản hóa, sao cho tất cả mọi người đều có thể hiểu được. Những tín hiệu này sẽ dẫn đến tính ổn định trong hành vi của con người.

Khi trẻ bắt đầu tiếp thu đạo đức, tôn giáo, truyền thống, rốt cuộc thứ mà trẻ học được là những gì?

Chúng ta có thể so sánh với việc học ngôn ngữ của trẻ. Con người tiếp thu một mô thức nào đó, cũng có nghĩa là thông qua trừu tượng hóa để có được tính ổn định và tính chính xác. Mô thức này sẽ trở thành một phần trong con người, giống như cơ thể sinh vật là một phần của phôi thai. Mô thức này rất hữu hiệu và có tính sáng tạo, nó mang lại cho cá thể một hình thức nào đó giống như gen quyết định đặc tính của cá thể. Trung khu thần kinh quyết định mô thức hành vi cũng tuân theo quy luật này.

Trong giai đoạn sơ sinh (cũng chính là giai đoạn tâm lí), trẻ sẽ học tập, tiếp thu mô thức nhất định mà cộng đồng xã hội xung quanh trẻ đã công nhận. Điều đó cũng có nghĩa là, thứ đầu tiên mà trẻ tiếp thu không phải thứ gì đó về tâm lí, mà là mô thức nào đó do tâm lí quyết định. Trẻ tiếp thu phần cơ bản, chính xác và có biểu hiện tập trung, cũng có nghĩa là phần được lặp đi lặp lại nhiều lần trong cuộc sống thường nhật. Khi mô thức này trở thành thứ trẻ tiếp thu được, nó sẽ được cố định trong cá tính của trẻ cũng giống như ngôn ngữ.

Sự phát triển sau đó của con người có thể trở nên không xác định, nhưng sự phát triển đó vẫn có một nền tảng nhất định. Cũng như vậy, tiếng mẹ đẻ của một người có thể không cố định, nhưng nó vẫn tuân theo những nguyên tắc ngữ pháp và ngữ âm nhất định đã được quy định ngay từ thời kì phôi thai.

Tính chuẩn xác trong bộ não trẻ được thể hiện từ rất sớm, nó không chỉ biểu hiện ở việc trẻ luôn đòi hỏi hành vi phải chuẩn xác mà còn ở những yêu cầu rất cao trong trật tự, nguyên tắc sống. Trẻ rất nhạy cảm với việc đồ vật có được bày biện đúng trật tự không, vị trí của đồ vật có hợp lí không. Hay nói cách khác, trong khi tìm hiểu môi trường xung quanh thông qua một số hành vi, thứ lưu lại trong kí ức của trẻ chỉ là những thứ có quy luật nhất định, nếu không trẻ sẽ không thể tập trung chú ý được.

Tất cả những điều trên bày ra trước mắt chúng ta hình thái cơ bản của tính cách tâm lí của trẻ. Thể hữu cơ của tinh thần được hình thành một cách tự phát, hơn nữa được hình thành dựa trên một mô thức được xác định trước. Nếu không thì chỉ có thể dựa vào suy luận và ý chí để phát triển tâm lí, cũng có nghĩa rằng đó là những năng lực thu được về sau đó. Suy luận này chắc chắn là vô lí.

Cũng giống như con người không sáng tạo thân thể bằng suy luận logic, loại hình tâm lí của con người cũng không được tạo ra bằng suy luận. Sự sáng tạo được nói tới ở đây là những thứ ban đầu không tồn tại, bỗng nhiên xuất hiện một cách thần bí, hơn nữa sẽ phát triển theo những quy luật nhất định. Nhưng trên thực tế thì mỗi sự vật đều bắt đầu từ một loại hình nhất định, khởi nguồn của mọi sự sống đều là từ tế bào phôi thai.

Vì vậy tư tưởng của con người được phát triển dựa trên một nền tảng nhất định, nền tảng này lại có tính sáng tạo nhất định. Nhưng ở giai đoạn sau khi chào đời, tư tưởng của con người từng bước hoàn thiện thông qua việc tiếp thu, học hỏi từ thế giới bên ngoài. Vì vậy bộ não hình thành một nền tảng, trên nền tảng đó biến mỗi cá thể thành một thành viên mà chủng tộc đó mong muốn. Mỗi quần thể đều có tính liên tục nhất định, văn minh nhân loại cũng được lưu truyền và kế thừa như vậy.

Chỉ khi cá thể có năng lực sáng tạo đó được sinh ra thì những thứ không phải bẩm sinh vốn có đó mới có thể phát triển, hơn nữa từng bước phát triển theo mô thức xã hội. Chỉ có bằng cách thích nghi với môi trường xung quanh, con người mới có thể hoàn thành quá trình này. Đó chính là chức năng sinh học thực sự của trẻ, sự phát triển của xã hội cũng phụ thuộc vào điều đó. Nhưng chính vì chúng ta có thể khống chế quá trình mang tính sáng tạo này, nên tầm quan trọng của người lớn chúng ta mới được thể hiện một cách rõ ràng.

Chương 18

SỰ HÌNH THÀNH TÍNH CÁCH CỦA TRẺ

Thiếu cá tính hoặc khiếm khuyết trong cá tính rồi sẽ tự nhiên biến mất mà không cần đến sự thuyết giáo của người lớn. Mọi sự uy hiếp, dụ dỗ của người lớn đều chẳng đem lại điều gì, việc chúng ta phải làm là tạo ra cho trẻ một điều kiện sống bình thường.



ây giờ chúng ta cùng thảo luận một chút về một vấn đề vô cùng quan trọng trong vài năm đầu đời của con người, đó chính là vấn đề liên quan đến tính cách và sự hình thành tính cách của trẻ.

B Giáo dục trước kia vô cùng chú trọng đến việc bồi dưỡng tính cách, cho dù thời điểm đó chúng ta còn chưa biết tính cách là gì và cũng không biết cần tiến hành bồi dưỡng tính cách như thế nào. Nhưng các lí luận giáo dục cũ cho rằng, giáo dục trí lực và giáo dục thực tiễn là chưa đủ, mà còn cần phải bao gồm cả giáo dục tính cách (biểu thị bằng chữ cái “X”). Điều này chứng tỏ các nhà công tác giáo dục vô cùng coi trọng phần giáo dục nhân cách. Con người luôn tôn trọng những phẩm chất tốt đẹp như dũng cảm, kiên trì, có trách nhiệm và có quan hệ tốt đẹp với người khác. Vì vậy, giáo dục đạo đức có vị trí rất quan trọng.

Nhưng rất nhiều người vẫn tỏ ra mơ hồ về những quan điểm có liên quan đến giáo dục đạo đức, không hiểu rõ tính cách rốt cuộc là gì.

Từ rất xa xưa, các triết gia và chuyên gia tâm lí đã bắt đầu thảo luận về vấn đề này, nhưng vẫn không thể đưa ra một định nghĩa chuẩn xác. Từ thời Hi Lạp cổ đại đến nay, từ Theophrastus, Freud cho đến Jung đều đã cố gắng đi sâu tìm hiểu vấn đề này. Nhưng như Bruner đã nói: “Chúng ta mãi mãi ở trong giai đoạn mang tính thử nghiệm.”

Cho đến nay vẫn chưa có quan niệm nào được tất cả mọi người chấp nhận, nhưng mỗi người đều có thể cảm nhận tầm quan trọng của tính cách bằng trực giác của mình. Những nghiên cứu về tính cách gần đây chủ yếu tập trung vào các nhân tố như thân thể, trí lực, đạo đức và các phương diện như ý nguyện, nhân cách và di truyền. Kể từ khi Julius Bahnsen lần đầu tiên đưa ra khái niệm “Tính cách học” (characterology) năm 1867, dường như một môn khoa học mới nghiên cứu tính cách con người đã bắt đầu được hình thành. Nhưng những nghiên cứu về tính cách học vẫn chưa phải là lí luận chính xác. Ngày nay rất nhiều sinh viên và nhà cải cách đã có những cống hiến tích cực cho lĩnh vực này, nhưng điều kì lạ là dù tiến hành dưới góc độ trừu tượng hay từ góc độ cá nhân đơn lẻ thì những người này cũng đều chọn đối tượng nghiên cứu là người trưởng thành. Thậm chí cả những người nghiên cứu dưới góc độ giáo dục (dù là từ góc độ kinh nghiệm hay tôn giáo) cũng coi nhẹ trẻ em, tuy nhiên họ cũng đề cập đến di truyền và tầm ảnh hưởng của thời kì thai nghén. Rất ít người bù đắp thiếu sót này.

Những nghiên cứu của chúng tôi có liên quan đến thiếu sót nói trên. Công việc nghiên cứu được triển khai trên trẻ nhỏ, bởi vì chỉ có thông qua hành vi tự nhiên của trẻ, chúng ta mới có thể thu được phương pháp tư duy mới và giải quyết vấn đề này. Hành vi của trẻ nói với chúng tôi rằng: Chỉ có một loạt nỗ lực của bản thân trẻ mới thúc đẩy sự phát triển của tính cách. Những nỗ lực của trẻ không có quan hệ với các nhân tố bên ngoài mà chủ yếu được quyết định bởi tiềm năng sáng tạo và những trở ngại mà trẻ gặp phải trong cuộc sống thường nhật. Cảm hứng của chúng ta cũng hướng tới việc quan sát và lí giải phương diện xây dựng tâm lí con người. Công việc của chúng ta phải bắt đầu từ sự ra đời của trẻ, bắt đầu từ khi tính cách và cá tính của chúng vẫn chưa hình thành cho đến khi tính cách và cá tính đã được định hình. Không còn nghi ngờ gì, chính quy luật tự nhiên ăn sâu vào tiềm thức đã quyết định sự phát triển tâm lí, điều này phù hợp với tất cả mọi người. Sự khác biệt giữa người này với người khác phần lớn quyết định bởi sự khác biệt trong cuộc sống sau này của họ, bởi vì trên đường đời, con người sẽ gặp phải khá nhiều trở ngại, những trở ngại này sẽ tạo ra vô vàn các ảnh hưởng khác nhau

đến tâm lí của mỗi cá nhân.

Tất nhiên, lí luận này có thể giải thích cho tính cách của trẻ trong từng giai đoạn, kể từ khi ra đời cho đến khi trưởng thành, nhưng hiện tại, chúng ta hãy tạm thời coi cuộc sống của trẻ là đối tượng nghiên cứu chính, sau đó dựa vào điều này để làm căn cứ cho việc tiến hành nghiên cứu các hình thức phát triển khác nhau của cá thể, những hình thức phát triển này dần dần hình thành trong quá trình con người thích ứng với xã hội.

Vì vậy chúng tôi thông qua nghiên cứu hành vi để nghiên cứu tính cách của con người. Giống như ở phần trên tôi đã nói, khoảng thời gian từ khi con người ra đời đến khi 18 tuổi có thể chia thành ba giai đoạn: 0-6 tuổi (độ tuổi chủ yếu mà cuốn sách này nghiên cứu), 6-12 tuổi và 12-18 tuổi. Mỗi giai đoạn có thể chia thành hai giai đoạn nhỏ hơn. Nếu lần lượt nghiên cứu từng giai đoạn này, chúng ta sẽ thấy, tâm lí điển hình của trẻ ở từng giai đoạn có sự khác biệt rất lớn, hơn nữa tâm lí giữa các cá thể khác nhau cũng có sự khác nhau.

Chúng ta biết rằng, giai đoạn thứ nhất là giai đoạn sáng tạo. Mặc dù một đứa trẻ vừa chào đời không có thứ gọi là tính cách, nhưng sự hình thành tính cách lại bắt đầu từ đó. 0-6 tuổi là khoảng thời gian quan trọng nhất của đời người, nó cũng rất quan trọng đối với sự phát triển tính cách. Chúng ta đều biết rằng, chúng ta không thể tạo ra bất cứ ảnh hưởng bên ngoài nào đối với đứa trẻ mình đang ôm trong lòng, mà chính tự nhiên đã đặt ra nền tảng cho sự phát triển tính cách của trẻ. Những đứa trẻ này không có ý thức về xấu - tốt, không chịu ảnh hưởng bởi quan niệm đạo đức của người lớn. Thực tế là người lớn cũng không nói một đứa trẻ nào đó xấu xa hay không có đạo đức, mà chỉ dùng từ "bướng bỉnh" để nói về trẻ. Vì vậy cuốn sách này không sử dụng những từ như "tốt, xấu, đạo đức". Trong giai đoạn 6-12 tuổi, trẻ bắt đầu có ý thức về sự tốt, xấu, trẻ không những có thể đánh giá hành động của bản thân là tốt hay xấu mà còn có thể đánh giá cả hành vi của những người khác. Có thể phân biệt tốt - xấu chính là đặc điểm chủ yếu của độ tuổi này. Trẻ ở độ tuổi này cũng bắt đầu có quan niệm đạo đức, loại quan niệm đạo đức này cuối cùng sẽ giúp trẻ hình thành quan niệm về xã hội. Trong giai đoạn thứ ba, từ 12-18 tuổi, trẻ bắt đầu biết yêu đất nước mình, biết rằng bản thân thuộc về một dân tộc nhất định và còn có lòng tự hào dân tộc.

Ở trên tôi đã nói rằng, mỗi giai đoạn đều có sự khác biệt rất lớn so với hai giai đoạn còn lại, nhưng mỗi thời kì trước sẽ đặt nền móng cho thời kì tiếp theo. Muốn giai đoạn thứ hai phát triển bình thường thì đòi hỏi giai đoạn thứ nhất phải phát triển tốt. Hình dạng bên ngoài và hành vi của sâu và bướm hoàn toàn khác nhau, nhưng vẻ đẹp của bướm lại bắt đầu từ hình thái của sâu chứ không bắt nguồn từ việc mô phỏng các loại bướm khác. Có hiện tại mới có thể tạo ra tương lai. Chúng ta thỏa mãn càng nhiều nhu cầu của cá thể trong một giai đoạn thì sự phát triển trong giai đoạn sau càng tốt hơn.

Con người tạo ra sự sống bằng cách mang thai rồi sinh con. Nếu cha mẹ không nghiện rượu hoặc không mắc bất cứ bệnh tật nào thì những đứa con sinh ra hầu hết là khỏe mạnh. Sự khỏe mạnh của đứa trẻ còn được quyết định bởi quá trình mang thai có chịu tác động nào không. Giai đoạn sau của thai kì cũng có thể chịu các tác động, nhưng sự tác động này chỉ có thể đến từ môi trường, hay chính là môi trường sống của người mẹ trong thời kì mang thai. Nếu môi trường sống của phôi thai lành mạnh, đứa trẻ ra đời cũng sẽ khỏe mạnh bình thường, bởi vì quá trình mang thai sẽ ảnh hưởng tới đứa trẻ sau này.

Ở các chương trước, chúng ta đã từng nói về "cú sốc khi chào đời", cú sốc này có khả năng lớn sẽ khiến hình thành nguy cơ thoái hóa. Sự thoái hóa sẽ mang lại những hậu quả vô cùng nghiêm trọng, nhưng ảnh hưởng của thói nghiện rượu và các bệnh di truyền (ví dụ như bệnh động kinh) còn khủng khiếp hơn nhiều.

Những năm đầu đời là khoảng thời gian vô cùng quan trọng và chúng ta đã nghiên cứu về chúng ở những phần trước. Những ảnh hưởng trong 2-3 năm đầu đời có thể sẽ làm thay đổi cả cuộc đời đứa trẻ. Trong khoảng thời gian này, nếu trẻ bị tổn thương, bị bạo hành hoặc gặp phải các trở ngại khác, cá tính của trẻ sẽ trở nên lệch lạc. Cũng có nghĩa là, nếu trong quá trình phát triển mà gặp phải trở ngại thì tính cách của trẻ sẽ không bình thường; còn nếu có thể phát

triển tự do thì tính cách đứa trẻ sẽ bình thường. Nếu trong khoảng thời gian thụ thai, mang thai, chào đời, chúng ta có thể áp dụng các phương pháp khoa học thì đến năm 3 tuổi, đứa trẻ sẽ trở thành một người bình thường. Nhưng chúng ta không thể nào đạt được trạng thái lý tưởng này, loại trừ các nguyên nhân khác thì trở ngại là không thể tránh khỏi. Cùng là những đứa trẻ 3 tuổi thì mỗi đứa trẻ sẽ có những đặc điểm riêng. Sự khác biệt này không chỉ quyết định bởi những trải nghiệm khác nhau trước đó mà còn bởi độ tuổi. Hậu quả của những ảnh hưởng lên thai nhi nghiêm trọng hơn nhiều so với hậu quả của ảnh hưởng sau khi trẻ chào đời. Trong đó, ảnh hưởng bởi các chất độc hại trong thời kì mang thai sẽ để lại hậu quả nghiêm trọng nhất.

Nếu muốn điều trị những khuyết tật đã hình thành trong giai đoạn 0-3 tuổi, chúng ta nên tập trung vào giai đoạn 3-6 tuổi, bởi trong thời kì này, tạo hóa vẫn đang bận rộn với việc tạo ra và hoàn thiện các loại năng lực khác nhau cho trẻ.

Trường học của chúng tôi đã có những đóng góp quan trọng cho việc nghiên cứu độ tuổi này. Dựa vào kết quả nghiên cứu, chúng ta có thể mang lại một số sự trợ giúp có ý nghĩa cho trẻ. Hãy nói cách khác, chúng tôi có phương pháp giáo dục riêng. Nếu những khiếm khuyết hình thành trong giai đoạn 0-3 tuổi không được chữa trị (do lơ là hoặc phương pháp chữa trị sai lầm) thì chúng sẽ tiếp tục tồn tại và ảnh hưởng càng ngày càng lớn hơn. Cứ thế cho đến khi 6 tuổi, những khiếm khuyết từ giai đoạn trước 3 tuổi như lệch lạc nhân cách vẫn sẽ tồn tại trong đứa trẻ. Sau 6 tuổi, những khiếm khuyết này sẽ ảnh hưởng đến giai đoạn phát triển thứ hai, ảnh hưởng đến nhận thức đúng - sai của trẻ.

Tất cả những khiếm khuyết này đều sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý và thể chất của trẻ. Những ảnh hưởng xấu của giai đoạn trước lên tiềm năng của trẻ sẽ thể hiện ở việc trẻ gặp khó khăn khi học tập. Những đứa trẻ 6 tuổi - có thể đã mắc những khiếm khuyết trong giai đoạn trước - lúc này sẽ bộc lộ một số điểm bất thường. Ví dụ, trẻ sẽ không bộc lộ đặc điểm là có quan niệm về đạo đức của lứa tuổi 6-12 tuổi. Trình độ trí lực của trẻ có thể thấp hơn bình thường. Vì vậy những đứa trẻ này có thể sẽ không có nhân cách riêng, cũng không thể học tập. Ở giai đoạn cuối cùng, những khiếm khuyết này còn kéo theo nhiều khiếm khuyết khác. Cuối cùng, con người này có thể sẽ trở thành "phế nhân".

Ở trường học của chúng tôi và nhiều trường khác hiện nay, chúng ta đã tạo ra hồ sơ lưu trữ về thể chất và tâm lý của từng đứa trẻ. Những hồ sơ này có thể mang lại một số gợi ý cho giáo viên, bởi nếu biết được những ảnh hưởng đối với trẻ trong từng giai đoạn, chúng ta có thể ước tính mức độ nghiêm trọng của vấn đề tâm lý ở trẻ, đồng thời áp dụng những đối sách thích hợp. Trong các hồ sơ này, chúng tôi ghi lại thông tin về các bệnh di truyền từ cha mẹ của trẻ, độ tuổi sinh con của cha mẹ, tình trạng của người mẹ trong giai đoạn mang thai, ví dụ như việc trong khi mang thai, người mẹ có gặp tình huống bất ngờ nào hay có bị ngã không... Chúng tôi còn ghi lại quá trình sinh nở có bình thường không, đứa trẻ khi ra đời có khỏe mạnh không, trẻ sau sinh có thiếu sức sống không... Hồ sơ còn ghi lại một số vấn đề về cuộc sống gia đình của trẻ, ví dụ như kì vọng của cha mẹ đặt lên trẻ có quá cao hay quá nghiêm khắc không? Trẻ có gặp nỗi sợ hãi quá lớn nào không? Nếu tính cách trẻ lập dị hoặc thất thường, chúng ta có thể tìm kiếm nguyên nhân thông qua những hồ sơ này. Những đứa trẻ 3 tuổi ở trường chúng tôi thường đều gặp phải hiện tượng bất thường nào đó, nhưng những hiện tượng này đều có thể khắc phục. Bây giờ chúng ta hãy cùng tổng kết lại một số loại lệch lạc tính cách ở trẻ.

Chúng ta đều muốn thảo luận cùng lúc về tất cả các khiếm khuyết của trẻ, đồng thời dùng các phương pháp khác nhau để chữa trị, nhưng do có quá nhiều loại khiếm khuyết, nên chúng ta buộc phải chia chúng thành hai loại: Một loại là khiếm khuyết ở những đứa trẻ khỏe mạnh (những đứa trẻ có thể khắc phục trở ngại); loại thứ hai là khiếm khuyết ở những đứa trẻ yếu đuối (những đứa trẻ khuất phục trước điều kiện bất lợi).

Những đứa trẻ thuộc loại 1 thường có tính cách thất thường, đồng thời có xu hướng bạo lực và cáu gắt. Đặc điểm điển hình của những đứa trẻ này là không nghe theo mệnh lệnh, hay chính là thứ mà chúng ta gọi là "bản năng phá hoại". Chúng có tính chiếm hữu cao, tỏ ra rất ích kỉ và hay ghen tị, biểu hiện bằng việc cướp đoạt đồ dùng của những đứa trẻ khác. Hành vi của

trẻ không có tính mục đích, điều này rất phổ biến, trẻ không thể tập trung chú ý, không thể phối hợp hoạt động của hai tay, những đồ vật trong tay trẻ dễ rơi vãi. Tâm lí của trẻ rối loạn, đầy ảo tưởng. Những đứa trẻ này thường không bao giờ yên tĩnh, thường xuyên la hét. Trẻ thích làm phiền và trêu chọc người khác, không thân thiện với những đứa trẻ yếu ớt hơn cũng như với những con vật nhỏ. Trẻ cũng thường rất tham ăn.

Loại trẻ yếu ớt thì thường tỏ ra bị động, những khiếm khuyết của trẻ thường rất tiêu cực. Lười biếng là đặc điểm chủ yếu của những đứa trẻ này. Chúng thích tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác bằng cách khóc lóc, thích được người lớn phục vụ. Trẻ hi vọng người khác làm mình vui, dễ chán nản, tỏ ra sợ hãi trước nhiều việc, hay dựa dẫm vào người lớn, ngoài ra còn hay nói dối (đây là một hình thái bảo vệ cái tôi một cách bị động), hay ăn cắp (một hình thái bù đắp cho tâm lí khác)...

Những đứa trẻ này thường gặp một số vấn đề về thể chất do tâm lí mang lại. Ví dụ như trẻ lười ăn, rõ ràng không cảm thấy ngon miệng hoặc không có cảm giác ăn no, cuối cùng sẽ dẫn tới các vấn đề về tiêu hóa. Chúng cũng thường gặp ác mộng, sợ bóng tối, ngủ không ngon, có đứa trẻ thậm chí còn bị thiếu máu (một số triệu chứng thiếu máu và các vấn đề về gan thực chất do tâm lí gây ra). Phương diện thần kinh của trẻ cũng thường có vấn đề. Những bệnh do tâm lí gây ra này sẽ không thể chữa khỏi bằng thuốc.

Một số điều kiện sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường và lành mạnh của nhân cách, cuối cùng dẫn đến bệnh tật và khiếm khuyết. Những bệnh tật và khiếm khuyết này cũng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bình thường của hành vi và tính cách.

Người lớn thường không thích những đứa trẻ này, đặc biệt là những đứa trẻ thuộc loại khiếm khuyết khỏe mạnh khiến cha mẹ đau đầu. Cha mẹ thường muốn thoát khỏi trẻ, giao trọn trẻ cho bảo mẫu hoặc đưa đến trường. Chúng trở thành những “đứa trẻ mô cô có cha mẹ”. Tuy cơ thể trẻ khỏe mạnh nhưng tâm lí lại bất thường, rõ ràng điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi của trẻ. Cha mẹ nào cũng cố gắng tìm ra phương pháp thích hợp để thay đổi những đứa trẻ như vậy, có người tìm lời khuyên từ những người khác, một số khác thì tự giải quyết vấn đề. Có thể những bậc cha mẹ này sẽ đưa ra yêu cầu nghiêm khắc hơn và cho rằng đó là cách giải quyết vấn đề. Họ sẽ nghĩ ra đủ cách thức như đánh, mắng, thậm chí cấm ăn cơm, nhưng những điều này chỉ khiến trẻ càng không nghe lời hoặc gặp phải càng nhiều rắc rối hơn. Vì vậy cha mẹ lại nghĩ ra cách giáo dục trẻ bằng cách khuyên răn, với những câu hỏi đại loại như: “Sao con luôn khiến mẹ buồn như thế?”

Cuối cùng cha mẹ thật sự không còn cách nào và đành buông xuôi.

Còn những đứa trẻ khiếm khuyết thuộc loại bị động hay tiêu cực lại không khiến người ta phải quan tâm đến thế. Hành vi của trẻ không phải là vấn đề đối với người lớn. Người mẹ còn cho rằng đó là đứa trẻ ngoan, rất nghe lời, bởi những đứa trẻ này không bao giờ làm việc gì sai. Việc trẻ dựa dẫm vào mẹ còn được mẹ cho là việc tốt. Người mẹ sẽ nói rằng con rất yêu mình, nếu không có mẹ thì con nhất định không chịu đi ngủ. Nhưng sau này, người mẹ đó sẽ phát hiện ra rằng khả năng vận động và nói năng của trẻ vô cùng chậm chạp, đi đứng xiêu vẹo. Lúc này, mẹ lại nói: “Con tôi rất khỏe mạnh, bé chỉ hơi nhay cảm mà thôi, việc gì cũng làm bé sợ. Thậm chí bé cũng chẳng thích ăn uống. Thế giới tinh thần của bé rất phong phú, trước khi ăn tôi phải kể chuyện cho bé nghe. Rất có thể sau này con tôi sẽ trở thành nhà thơ!” Nhưng cuối cùng người mẹ sẽ cảm nhận được rằng, con mình thật sự có bệnh và cần được khám chữa. Các chuyên gia về nhi khoa kết luận rằng đứa trẻ này đã mắc một số bệnh về tâm lí.

Nếu hiểu rõ về hoạt động có tính sáng tạo của trẻ, những vấn đề này đều sẽ được giải quyết. Hiện tại chúng ta đã biết rằng, một số khiếm khuyết về tính cách của trẻ là do phương pháp sai lầm của người lớn gây ra. Nếu lúc này chúng ta lơ là, không quan tâm tới trẻ, bộ não của trẻ sẽ trống rỗng, bởi trẻ không có cơ hội để lấp đầy nó. Bộ não “đói khát” này là căn nguyên của rất nhiều vấn đề. Một nguyên nhân khác nữa là do hoạt động của trẻ thiếu tính sáng tạo. Những đứa trẻ như vậy sẽ ít khi tìm được điều kiện phát triển đầy đủ. Trẻ thường bị giữ một mình, ngoài việc ngủ thì ít khi làm việc khác. Hoặc là người lớn làm hộ trẻ mọi việc, hoặc là chẳng cho

trẻ làm bất cứ việc gì. Cách làm này sẽ dẫn đến hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Ngoài cảm hứng với những đồ vật trong tay, trẻ chẳng quan tâm đến bất cứ điều gì khác. Dù bản thân trẻ muốn làm rất nhiều việc, nhưng lại chẳng thể làm được gì. Khi đã có được thứ mà mình khao khát như một con côn trùng hoặc một bông hoa, trẻ cũng không biết phải làm gì với chúng, cuối cùng sẽ làm hỏng chúng.

Chúng ta cũng có thể tìm ra trong thời kì đầu tiên nguyên nhân những nỗi sợ hãi vô cớ của trẻ.

Sở dĩ trường học mà chúng tôi lập nên có thể thành công chính là vì những đứa trẻ ở đó, những khiếm khuyết ban đầu ở chúng đều đã biến mất. Trẻ biết rằng mình đang sống trong một môi trường có thể tự do phát huy, trẻ có thể tự do sử dụng tiềm năng của mình, từ đó thúc đẩy sự phát triển tâm lí. Xung quanh trẻ có bao nhiêu thứ thú vị mà chúng có thể tự do sử dụng, mỗi đồ vật đều khiến chúng có thể tập trung chú ý. Một khi đã đạt tới trình độ đó, trẻ có thể tập trung vào làm một việc thú vị, những khiếm khuyết từ đó tiêu tan. Những đứa trẻ vô kỉ luật trước đó trở thành có kỉ luật, những đứa trẻ trước đó bị động đã trở nên chủ động, những đứa trẻ trước đó bướng bỉnh thì giờ trở nên ngoan ngoãn. Hiện tượng này nói với chúng ta rằng, những khiếm khuyết này được tạo ra trong quá trình sống của trẻ chứ không phải là bẩm sinh. Giữa những đứa trẻ cũng không có sự khác biệt quá lớn. Tất cả những hiện tượng bất thường trên đều bắt nguồn từ một nguyên nhân, đó chính là đời sống tinh thần của trẻ không được chăm sóc đầy đủ.

Chúng ta có thể đưa ra cho các bà mẹ những lời khuyên nào? Đó là những đứa con của họ cần được sống trong môi trường thú vị. Người mẹ không cần giúp trẻ những việc không cần thiết, khi trẻ bắt tay vào làm việc gì đó, chúng ta không nên làm nó bị gián đoạn. Sự hiền hòa hay nghiêm khắc hay thuốc men chẳng thể giúp ích gì cho những đứa trẻ đói khát về tinh thần. Khi một đứa trẻ bị đói, chúng ta mắng trẻ là đồ ngốc, đánh cho trẻ một trận hoặc yêu cầu trẻ vui lên, đó đều là những việc không phù hợp, thứ trẻ cần là thức ăn, những thứ khác chẳng có tác dụng gì. Với tâm lí cũng vậy. Nghiêm khắc hay khoan dung chẳng giúp giải quyết được vấn đề. Con người là loài động vật có trí tuệ, cần được cung cấp dinh dưỡng vật chất, và lại càng cần có “dinh dưỡng” cho tinh thần. Con người khác với động vật ở chỗ phải tự xây dựng mô thức hành vi cho mình. Nếu trẻ có thể tự quyết định việc của mình, hoàn thiện tâm lí thì sẽ chẳng xảy ra vấn đề nào cả. Những vấn đề trẻ gặp phải sẽ biến mất, trẻ cũng sẽ không gặp ác mộng nữa, hệ tiêu hóa hoạt động bình thường trở lại, nguyên nhân là vì tâm lí của trẻ đã trở nên bình thường.

Vì vậy chúng ta không thể giải quyết những vấn đề này bằng giáo dục đạo đức. Đó là vấn đề liên quan đến hình thành tính cách. Sự thiếu cá tính hoặc khiếm khuyết trong cá tính rồi sẽ tự nhiên biến mất mà không cần đến sự thuyết giáo của người lớn. Mọi sự uy hiếp, dụ dỗ của người lớn đều chẳng đem lại điều gì, việc chúng ta phải làm là tạo ra cho trẻ một điều kiện sống bình thường.

Chương 19

ĐỂ TRẺ PHÁT TRIỂN BÌNH THƯỜNG

Trẻ làm việc thiếu quy luật là do trước đó đã từng có người tùy tiện cưỡng chế công việc có quy luật của trẻ; trẻ lười biếng là do trẻ bị bắt làm việc; trẻ không nghe lời là vì trước đó chúng đã bị bắt phải nghe lời.



C

on người có lúc không coi những khiếm khuyết trong tính cách của trẻ là điều xấu, giống như ở chương trước chúng ta đã từng thảo luận về khiếm khuyết ở những đứa trẻ khỏe mạnh và những đứa trẻ ốm yếu, có người còn đánh giá cao những khiếm khuyết đó. Những đứa trẻ mà hành vi thiếu chủ động lại được cho là những đứa trẻ tốt, còn những đứa trẻ ồn ào, trí tưởng tượng phong phú thì được cho là xuất chúng...

Xã hội thường chia trẻ thành các loại như sau:

1. Những đứa trẻ có khiếm khuyết cần phải chữa trị;

2. Những đứa trẻ ngoan (những đứa trẻ mà hành vi không chủ động) là tấm gương cho những đứa trẻ khác học tập;

3. Những đứa trẻ ồn ào xuất chúng hơn những đứa trẻ khác.

Hai nhóm 2 và 3 được rất nhiều người thừa nhận. Cha mẹ thường rất yêu quý những đứa trẻ như vậy, trong khi bạn bè thì không ưa nổi chúng, đặc biệt là những đứa trẻ ở nhóm cuối cùng.

Tôi nhấn mạnh và yêu cầu các bạn chú ý đến kiểu phân loại này, bởi vì phương pháp phân loại sai lầm này đã kéo dài suốt hàng trăm năm. Trong trường học đầu tiên và những trường tiếp theo của tôi, khi trẻ bị một công việc nào đó thu hút, những đặc điểm nói trên cũng biến mất. Những đặc điểm được coi là xấu, tốt và xuất chúng trên hoàn toàn không còn tồn tại ở trẻ.

Điều này cho thấy chúng ta không thể phân định chính xác sự tốt xấu trong tính cách của trẻ, cách nghĩ quen thuộc trước đây của chúng ta là sai lầm. Nó khiến ta nhớ lại một câu cách ngôn tôn giáo: “Chỉ có chân lí nằm trong tay Thượng đế, ngoài ra tất cả những gì chúng ta nhìn thấy chỉ là ảo ảnh”. Qua việc quan sát những đứa trẻ ở trường của mình, chúng tôi phát hiện rằng trẻ vô cùng khao khát được làm một số điều. Trước kia chẳng có ai chú ý đến việc trẻ cũng lựa chọn những việc mình muốn làm. Dưới sự chi phối của tâm lí, trẻ bắt đầu bận rộn với một số việc có thể khiến nội tâm chúng yên ổn và vui vẻ.

Ở những đứa trẻ đó còn xảy ra những chuyện trước đây chưa từng có. Những đứa trẻ này vô thức có tính kỉ luật nhất định, điều này đã khiến nhiều người cảm thấy ngạc nhiên. Bồi dưỡng tính kỉ luật bằng cách tạo cho trẻ sự tự do đã giúp giải quyết được bài toán mà trước đó xem ra không thể giải quyết nổi. Đáp án nằm ở chỗ chúng tôi đã rèn luyện tính kỉ luật bằng cách mang lại cho trẻ tự do. Những đứa trẻ có thể tự do lựa chọn việc làm sẽ có thể tập trung vào công việc của mình, từ đó tạo nên tính kỉ luật. Điều này đã được chứng minh bằng đủ loại sự thật tồn tại ở khắp nơi trên thế giới trong suốt 40 năm qua. Sự thật cho thấy, chỉ khi đặt trẻ vào một môi trường nơi có thể tiến hành hoạt động một cách trật tự thì trẻ mới hình thành nên tính kỉ luật nhất định. Hay nói cách khác, điều này đúng với tất cả mọi người trên thế giới này. Trước đây chúng ta còn chưa hiểu rõ về vấn đề này là vì chúng ta còn chưa nhìn nhận đúng đắn về đặc điểm này của trẻ.

Sự thay đổi xảy ra đối với tất cả trẻ nhỏ này không xuất hiện từ từ mà đột nhiên xuất hiện. Mỗi đứa trẻ đều có thể chuyên tâm làm một việc gì đó. Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta cần cưỡng chế một đứa trẻ lười biếng phải làm việc. Chỉ cần đặt trẻ vào một môi trường được chuẩn bị riêng cho trẻ, khiến trẻ có thể làm một vài việc có mục đích là đủ. Sau khi trẻ bắt đầu chú tâm vào một việc, tất cả những khiếm khuyết của trẻ đều sẽ tiêu tan. Nếu chỉ thuyết

giáo thì sẽ không mang lại tác dụng gì. Tâm lí của trẻ dường như đột nhiên xuất hiện những điều này, trẻ bị thế giới bên ngoài thu hút đến mức say mê. Những hoạt động này sẽ thu hút mọi tinh lực của trẻ, chúng có thể sẽ không ngừng làm đi làm lại một việc.

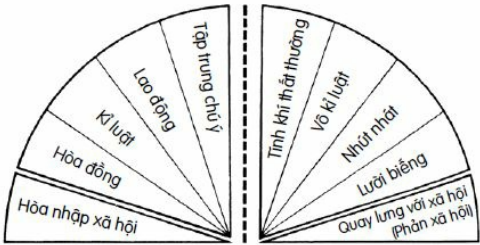
Con người là một chỉnh thể, chỉnh thể này được hình thành bằng việc học hỏi và tiếp thu từ cuộc sống thực tại căn cứ vào những quy luật của tự nhiên.

Kể từ khi chào đời đến khi 3 tuổi, các loại cơ quan của con người phát triển độc lập. Trong giai đoạn sau đó, tức là giai đoạn từ 3-6 tuổi, bàn tay bắt đầu có thể làm việc dưới sự chỉ đạo của não bộ. Trong khoảng thời gian này, các cơ quan bắt đầu trở thành một chỉnh thể, phối hợp với nhau để phục vụ cá thể.

Nếu vì nguyên nhân bên ngoài mà trạng thái phối hợp uyển chuyển đó không xuất hiện thì một sức mạnh nào đó bên trong con người vẫn sẽ thúc đẩy các bộ phận khác tiếp tục phát triển độc lập. Kết quả sẽ dẫn đến sự phát triển không cân đối giữa các cơ quan, cuối cùng không thể kết hợp để hoàn thành nhiệm vụ.

Khi ấy đôi tay con người sẽ vận động không có mục đích, bộ não sẽ tưởng tượng những vấn đề khác xa với thực tế, ngôn ngữ trở thành thứ tự thỏa mãn, thân thể trở nên lười biếng. Tất cả các bộ phận đó đều phát triển độc lập, việc không thể thỏa mãn nhu cầu tự thân dẫn đến sự phát triển không bình thường của cá thể, cuối cùng trở thành nguồn gốc của xung đột và tuyệt vọng.

Tất cả những vấn đề đó chỉ có thể được khắc phục khi các chức năng của cơ thể người cùng hợp tác để phục vụ cơ thể.



Hình 10 - Những đặc điểm bình thường và bất thường của trẻ

Nhưng trẻ luôn bị môi trường mới thu hút, chúng có động lực để tiến hành hoạt động có tính sáng tạo. Vì vậy khi những năng lực này kết hợp với nhau thì tính cách lệch lạc sẽ quay trở lại quỹ đạo vốn có. Tính cách của trẻ sẽ trở nên ổn định. Nhưng trên thực tế, đó đều là do cá tính thực sự của trẻ, cá tính giúp trẻ phát triển bình thường.

Trong hình 10, chúng tôi giới thiệu với độc giả những đặc tính khác nhau của trẻ. Những đặc tính này được biểu thị bằng hình rẽ quạt tỏa ra từ trung tâm. Đường thẳng ở giữa biểu thị trẻ tập trung chú ý làm một việc gì đó, đó là đường biểu thị sự bình thường. Khi trẻ bắt đầu tập trung sức lực, tất cả các hình bên phải đường thẳng đều sẽ biến mất, chỉ còn lại hình bên trái đường thẳng. Những khiếm khuyết đó biến mất không phải nhờ công lao của người lớn mà là do tự bản thân trẻ. Bằng sự nỗ lực cá nhân, trẻ vượt qua đường trung gian và có được sự phát triển bình thường.

Trong tất cả các trường học của chúng tôi đều có hiện tượng này, cho dù trẻ thuộc tầng lớp xã hội nào, dân tộc nào, nền văn minh nào.

Đó là kết luận quan trọng nhất rút ra được từ công tác nghiên cứu của chúng tôi.

Sự chuyển biến đó của trẻ có được thông qua sự tập trung chú ý và quá trình làm việc bằng tay.

Loại hiện tượng tâm lí này được các nhà phân tâm học dùng để điều trị cho người trưởng thành, nếu dùng từ chuyên môn để gọi tên thì sẽ là “bình thường hóa”.

Ngày nay, sau rất nhiều năm trải qua vô số kinh nghiệm đào tạo, sự thật này cuối cùng đã

được chấp nhận. Cuốn sách *Sách hướng dẫn chẩn đoán bệnh trẻ em* được sử dụng rộng rãi trong điều trị “trẻ em có vấn đề” đã ứng dụng lí luận này. Cuốn sách này đã đề nghị phải tạo ra cho trẻ một môi trường sao cho chúng có thể làm mọi việc, ở đó trẻ có thể căn cứ vào nhu cầu của mình để lựa chọn việc mình muốn làm. Trong quá trình chọn lựa, trẻ sẽ không chịu sự chi phối của giáo viên hay bất cứ người lớn nào khác.

“Phương pháp điều trị bằng trò chơi” cũng cho phép trẻ lựa chọn trong số rất nhiều đồ chơi và trò chơi mô phỏng, phạm vi lựa chọn này rộng hơn nhiều so với phạm vi lựa chọn trong gia đình.

Lí luận nói trên và một số lí luận của các chuyên gia tâm lí đã thúc đẩy sự phát triển của liệu pháp điều trị cho trẻ em tại gia đình, cũng thúc đẩy sự phát triển tính cách của trẻ. Đương nhiên lí luận này cũng đòi hỏi trẻ phải chơi cùng những đứa trẻ khác, hình thành nên bầu không khí tương tự như cuộc sống xã hội thực sự.

Tất nhiên chỉ có cách làm này là chưa đủ. Nó chỉ cung cấp thêm một phương pháp điều trị mà thôi. Chúng ta cần tìm hiểu sâu thêm về “công việc (trẻ làm việc gì đó) và tự do liệu có thể điều trị những khiếm khuyết trong quá trình trưởng thành hay không”. Điều đó cũng có nghĩa là công việc và tự do là điều kiện tất yếu và không thể thiếu được cho sự phát triển bình thường của trẻ.

Trên thực tế, chúng ta thường gặp tình trạng là sau khi chữa trị, trẻ quay lại môi trường sống vốn có, do thiếu động lực và cơ hội phát triển bình thường nên trẻ lại bị quay lại trạng thái ban đầu.

Trường học ở một số quốc gia đã cố gắng tạo ra bầu không khí gọi là hoạt động tự do, nhưng dường như quan niệm về tự do và hoạt động của họ vẫn chưa thỏa đáng.

Sự lí giải của họ về tự do vẫn nằm ở mức độ thấp. Họ cho rằng, tự do chính là giải thoát khỏi sự bó buộc, không chịu sự kìm kẹp của uy quyền... Quan niệm như vậy chưa chính xác, đó chỉ là một kiểu phản kháng trước áp bức. Nếu nhà trường áp dụng giải pháp này, lũ trẻ sẽ chỉ có một phản ứng duy nhất: Nỗ lực xả ra mọi cảm xúc về việc không còn bị khống chế, bởi vì trước đây hành vi của trẻ bị khống chế bởi ý muốn của người lớn. “Hãy cho trẻ làm việc mà chúng muốn làm”, nếu trẻ còn chưa có khả năng tự kiểm soát thì thứ mà trẻ có được sẽ không phải là tự do thực sự.

Trẻ làm việc thiếu quy luật là do trước đó đã từng có người tùy tiện cưỡng chế công việc có quy luật của trẻ; trẻ lười biếng là do trẻ bị bắt làm việc; trẻ không nghe lời là vì trước đó chúng đã bị bắt phải nghe lời.

Tự do là kết quả của sự phát triển, là một kiểu phát triển chuyển hóa dần dần thông qua giáo dục. Sự phát triển vốn mang tính chủ động, nó là quá trình xây dựng nhân cách thông qua nỗ lực và kinh nghiệm cá nhân. Một đứa trẻ muốn thành thực thì phải trải qua giai đoạn lâu dài này.

Chúng ta có thể áp bức những đứa trẻ yếu ớt, khuất phục chúng nhưng không thể cưỡng ép chúng phát triển và trưởng thành. Sự phát triển không thể có được bằng cách học tập.

Nếu chúng ta cho rằng, tự do là cho trẻ làm bất cứ việc gì chúng muốn làm không kể đúng sai, vậy thì nhân cách của trẻ sẽ tiếp tục phát triển lệch lạc, trẻ sẽ càng trở nên bất bình thường hơn.

Sự phát triển bình thường của trẻ bắt nguồn từ việc làm gì đó một cách chuyên tâm. Vì vậy, chúng ta cần cung cấp một cách có mục đích cho trẻ công cụ phục vụ nhu cầu hành vi của trẻ, thỏa mãn nhu cầu hứng thú cho trẻ, đánh thức năng lực chú ý của trẻ. Sự phát triển bình thường của trẻ phụ thuộc vào những thứ chúng đã sử dụng, bởi những thứ này được bố trí cho chúng một cách có mục đích. Những thứ này cần phù hợp với quy luật tâm lí của trẻ. Nếu các đồ vật đó được sử dụng phù hợp và chuẩn xác, năng lực phối hợp vận động của trẻ sẽ được nâng cao.

Tập trung chú ý có thể khiến tâm lí trẻ phát triển, khả năng phối hợp vận động được nâng cao, cuối cùng có thể chữa trị được những khiếm khuyết của trẻ. Ở đây chúng ta nói tới “sức chú ý” chứ không phải là “làm việc gì đó”, bởi nếu trẻ làm việc không mục đích thì sẽ không thể thay đổi các khiếm khuyết của mình.

Điều quan trọng là chúng ta cần thông qua một vài phương thức để kích thích hứng thú, từ đó cải thiện cá tính của trẻ.

Không phải vừa vào trường học của chúng tôi là trẻ đã có thể chữa khỏi các khiếm khuyết mà điều này đòi hỏi phải có thời gian. Khi “sự tự do trong hành vi” của trẻ được củng cố, cá tính được phát triển thì mới có thể nói rằng khiếm khuyết của trẻ đã được chữa trị.

Chỉ khi dưới tác động của môi trường thì những đứa trẻ bình thường mới có thể thể hiện được sức mạnh của bản thân trong quá trình phát triển: Có tính kỉ luật tự phát, không ngừng vui vẻ làm việc, có lương tâm xã hội, sẵn lòng giúp đỡ và biết thương xót người khác.

Tự do lựa chọn hành vi cho bản thân trở thành một phương thức trong cuộc sống có quy luật của trẻ. Việc chữa trị này đã mở ra cánh cửa cuộc sống mới cho trẻ.

Nguyên tắc chủ yếu của chúng tôi không hề thay đổi. Đó chính là cho trẻ làm một số việc thú vị mà trẻ tự lựa chọn. Những việc này có thể khiến trẻ tập trung chú ý hơn và không cảm thấy mệt mỏi, từ đó nâng cao năng lực tinh thần và sức khỏe cho trẻ, khiến trẻ trở thành chủ nhân của chính mình.

Để mang lại sự trợ giúp thật sự cho sự phát triển của trẻ, chúng ta không thể tùy tiện lựa chọn các món đồ mà trẻ sẽ sử dụng. Việc lựa chọn đồ vật đó cần coi hứng thú và hoàn thiện cá tính của trẻ là nguyên tắc chủ yếu. Chúng ta cần căn cứ vào sự phát triển tâm lí của trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp.

Những đứa trẻ trong trường của chúng tôi không những phát triển về tính cách mà khát vọng tri thức của chúng cũng rất mãnh liệt.

Có thể nói rằng, lũ trẻ đang tiến hành rèn luyện tinh thần, chúng đang tìm kiếm con đường tự hoàn thiện bản thân và thanh lọc tâm hồn.

Một cuốn sách của Ấn Độ có tên là *Kinh Gita* đã coi sự phát triển của trẻ là nguyên tắc chủ yếu.

“Cho trẻ làm việc nên làm là điều vô cùng quan trọng. Bộ não cần phải không ngừng làm việc. Chỉ khi không ngừng chú tâm vào một việc gì đó thì tinh thần mới được phát triển. Bộ não lười biếng rất dễ bị ảnh hưởng bởi những điều không tốt. Một người lười biếng không thể là một người có tinh thần khỏe mạnh”.

Quan điểm của chúng tôi có điểm tương tự với những lời mà Gibran đã viết: “Công việc chính là biểu hiện bên ngoài của tình yêu”.

Chương 20

SỰ HÌNH THÀNH CÁCH PHỤ THUỘC VÀO BẢN THÂN TRẺ

Tính cách của trẻ không phải là thứ mà người lớn có thể dạy nên, điều mà họ có thể làm là tiến hành giáo dục một cách khoa học để trẻ không bị làm phiền hoặc gặp trở ngại, đồng thời hoàn thành quá trình này một cách hiệu quả.



Ở

các chương trước, chúng ta đã biết rằng trẻ xây dựng tính cách và đặc tính cho bản thân bằng những phương thức khiến người lớn phải kinh ngạc. Tất cả những điều đó không phải do chúng ta dạy trẻ, cũng không phải chúng ta bắt ép trẻ làm. Đó đều là những gì mà trẻ ở độ tuổi 3-6 tuổi thu được thông qua một loạt hoạt động lâu dài và chậm chạp.

Tính cách của trẻ không phải là thứ mà người lớn có thể dạy nên, thứ mà người lớn có thể làm là tiến hành giáo dục một cách khoa học, khiến trẻ không bị làm phiền hoặc gặp trở ngại, đồng thời hoàn thành quá trình này một cách hiệu quả.

Chúng ta chỉ có thể tạo ảnh hưởng trực tiếp đến tư tưởng của trẻ bằng cách khuyên nhủ, thuyết giáo ở giai đoạn sau này. Cho đến khi trẻ 6 tuổi, chúng ta mới có thể nói lí với trẻ, bởi vì ở giai đoạn 6-12 tuổi trẻ mới có ý thức lương tâm, có thể phân biệt được tốt - xấu. Khi trẻ 12-18 tuổi, chúng ta có thể tạo ra nhiều ảnh hưởng hơn nữa. Bởi vì trẻ ở độ tuổi này đã có đủ lí tưởng và quan niệm (ví dụ như lòng yêu nước, ý thức xã hội, tín ngưỡng tôn giáo...). Lúc này chúng ta có thể thuyết giáo cho trẻ như với người lớn. Điều đáng tiếc là tất cả những điều này đều xảy ra sau 6 tuổi, khi đó trẻ không còn có thể xây dựng được cá tính và tính cách của mình một cách tự nhiên nữa. Từ thời điểm này trở đi, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng, đưa trẻ trước mặt chúng ta rất khó tiếp nhận tư tưởng mà chúng ta muốn nó tiếp nhận, tuy rằng bản thân ta vốn cũng không hoàn mĩ gì. Chúng ta chỉ có thể áp dụng các phương thức gián tiếp chứ không thể trực tiếp tạo ảnh hưởng với trẻ.

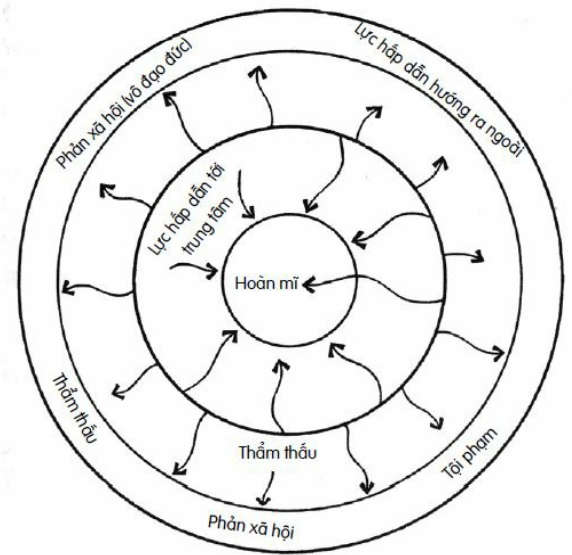
Các giáo viên thường than phiền rằng, mặc dù họ đã dạy đủ thứ như khoa học, văn học... nhưng bọn trẻ lại chẳng học được gì. Không học được không phải vì trẻ không đủ thông minh, mà là vì chúng thiếu đi tính cách tốt. Không có tính cách tốt có nghĩa là không có “động lực”. Chỉ những người có cá tính hoặc tính cách cơ bản mới có thể học được thứ gì đó. Phần lớn trẻ nhỏ chưa hình thành tính cách nhất định. Lúc này bắt trẻ tập trung chú ý là một việc vô ích, bởi vì chúng hoàn toàn không thể làm được điều này. Nếu trẻ cơ bản chưa có được đặc tính tỉ mỉ nghiêm túc thì chúng ta làm sao có thể yêu cầu trẻ phải hoàn tất công việc một cách tỉ mỉ và nghiêm túc đây? Làm như vậy khác nào chúng ta nói với một người không có chân rằng: “Mau bước đi đi!”, năng lực này của trẻ chỉ được hình thành thông qua thực tiễn chứ không thể bằng mệnh lệnh.

Vậy thì chúng ta nên làm như thế nào? Chắc hẳn nhiều người sẽ trả lời: “Với bọn trẻ cần kiên nhẫn một chút. Chúng ta cần tạo ảnh hưởng với bọn trẻ thông qua ý muốn của mình, hãy làm tấm gương tốt cho chúng”. Chúng ta hi vọng rằng thời gian và lòng kiên nhẫn của mình sẽ có thể đem lại trái ngọt, nhưng trên thực tế thì chúng ta chẳng thu được bất cứ thành quả nào, đến già vẫn tay trắng mà thôi. Chỉ có thời gian và lòng kiên nhẫn thì sẽ không đem lại kết quả gì, bởi vì chúng ta cần biết tận dụng tốt khoảng thời gian mang tính sáng tạo này của trẻ.

Nếu nhìn nhận con người như một chỉnh thể thì chúng ta sẽ hiểu ra một sự thật nữa, đó là người lớn và trẻ nhỏ dù không ai giống ai (chủ yếu là nhược điểm khác nhau), nhưng trong sâu thẳm nội tâm chúng ta đều có một điểm chung. Tất cả con người đều có khuynh hướng phát triển tự nhiên, mặc dù khuynh hướng này chỉ tồn tại trong tiềm thức mơ hồ. Con người đều cảm thấy hưng phấn vì điều gì đó về tinh thần. Mặc dù ảnh hưởng của khuynh hướng này lên

khuyết tính cách của con người là không đáng kể, nhưng dù sớm hay muộn thì nó cũng có tác dụng nhất định với sự phát triển của con người. Mỗi cá nhân nói riêng và toàn xã hội nói chung đều có xu hướng phát triển không ngừng. Cho dù là từ thế giới bên ngoài hay từ nội tâm bên trong, con người đều sẽ vô thức hướng về phía phát triển tích cực. Hay nói cách khác, hành vi của con người không phải là bất biến mà nó có thể phát triển, bởi con người đều mang trong mình khao khát tiến lên phía trước.

Vòng tròn trung tâm của hình 11 biểu thị trạng thái hoàn mỹ. Vòng tròn bên ngoài vòng tròn này biểu thị kiểu người khỏe mạnh, tương đối cân bằng, những người này gần đạt tới trạng thái lý tưởng hay trạng thái “cân bằng”. Vòng tròn tiếp theo biểu thị số đông, những người này ở một mức độ nào đó chưa đạt được trạng thái bình thường. Vòng tròn phía ngoài cùng biểu thị nhóm người vượt ra khỏi phạm vi bình thường. Đó là một số ít những người vượt ra khỏi phạm vi xã hội hoặc phản xã hội (vượt ra khỏi phạm vi xã hội có nghĩa là bất bình thường, còn phản xã hội biểu thị người dễ phạm tội). Những người hoặc là gốc nghềch hoặc là dễ trở thành tội phạm này không đủ năng lực thích ứng với đời sống xã hội, ngoài những người này thì số đông còn lại dù ít dù nhiều đều có thể thích ứng với đời sống xã hội. Việc giáo dục mà chúng ta bàn đến chỉ có thể tiến hành với những người có ít nhiều khả năng thích ứng với xã hội.



Hình 11 - Vòng tròn biểu thị sức hấp dẫn của các hình thái xã hội cao cấp và thấp cấp

Sự thích ứng với thế giới xung quanh này được hoàn tất trong 6 năm đầu đời của mỗi con người, đây là giai đoạn khởi nguồn của tính cách con người. Thích ứng với xã hội là một vấn đề vô cùng quan trọng. Vòng tròn trung tâm biểu thị nhóm người đạt đến trạng thái hoàn mỹ. Họ vô cùng khỏe mạnh, không chỉ vì dồi dào sức lực mà còn vì họ có được môi trường sống khá may mắn. Vòng tròn thứ hai biểu thị những người kém hơn nhóm này một chút, những người này cũng gặp phải nhiều trở ngại hơn. Trong đời sống xã hội, người có nhiều thành tựu nhất đều là những người có ý chí kiên cường nhất hoặc có sức khỏe tốt nhất, những người còn lại sẽ yếu thế hơn. Người có tính cách mạnh mẽ có khuynh hướng hướng tới sự hoàn mỹ, trong khi người có tính cách tương đối yếu đuối lại thiên về xu hướng vượt ra khỏi phạm vi xã hội hoặc phản xã hội. Loại người này nếu không cố gắng thì sẽ rất dễ sa đọa. Họ cần có sự hỗ trợ của đạo đức để thoát khỏi cám dỗ sa đọa. Đó không phải là sự cám dỗ khiến người ta vui vẻ, bởi vì chẳng ai muốn trở thành tội phạm hay kẻ vô đạo đức. Nhưng cám dỗ này với thế giới mạnh đến nỗi dường như không thể kháng cự, nó đòi hỏi chúng ta phải không ngừng đấu tranh và phản kháng. Cố gắng chống lại cám dỗ xấu xa được cho là đạo đức, bởi vì nó khiến con người không rơi vào bẫy vô đạo. Những người có khuynh hướng sa đọa này cố gắng kiềm chế bản thân để tránh rơi vào vũng lầy sa đọa. Họ cố gắng học tập những người tốt hơn mình, cầu xin sự giúp đỡ của Thượng đế để chống lại cám dỗ. Dần dần họ khoác lên mình tấm áo đạo đức, thứ đòi hỏi họ phải bỏ ra rất nhiều công sức. Sự giả tạo rốt cuộc trở thành việc khiến người ta vui vẻ, giống như người leo núi cố gắng bám vào mỏm đá để tránh mất thăng bằng vậy. Những

người trẻ tuổi vô cảm trước những điều này, trong khi các nhà công tác giáo dục lại không ngừng cố gắng giúp đỡ họ bằng đủ loại thuyết giáo. Dù rằng những nhà giáo dục này cũng gặp phải vấn đề nói trên giống như những người khác, nhưng họ lại coi mình là tấm gương cho người khác noi theo. Họ thường nói rằng: "Tôi phải làm một tấm gương tốt, nếu không học sinh của tôi sẽ biết noi theo ai đây?" Và thế là lời hứa này trở thành gánh nặng trên đôi vai họ. Giáo viên và học sinh đều thuộc nhóm người có đạo đức (vòng tròn thứ ba). Giáo dục tính cách và giáo dục đạo đức hiện nay đang được tiến hành trong môi trường đó, đồng thời việc này cũng đã được chúng ta chấp nhận, bởi vì tuyệt đại đa số con người đều chịu sự hạn chế như nhau. Việc ngăn ngừa sự sa đọa được coi là một việc hết sức tự nhiên.

Vòng tròn trong cùng đại diện cho những người có tính cách mạnh mẽ và theo đuổi khuynh hướng hoàn mỹ. Không chịu bất cứ áp lực nào, họ thật sự có nguyện vọng theo đuổi sự hoàn mỹ. Tuy họ không theo đuổi sự hoàn mỹ tuyệt đối, nhưng họ có xu hướng hướng tới sự hoàn mỹ. Đó là một hiện tượng hoàn toàn tự nhiên chứ không nhờ nỗ lực của con người. Không phải vì sợ bị bỏ tù mà họ không ăn cắp, những người này thậm chí không bao giờ có ý định chiếm giữ dù chỉ là một cái bình của người khác, cũng không phải vì đạo đức trói buộc mà họ nói không với vũ lực. Bản thân họ không muốn chiếm hữu thứ gì của người khác, bạo lực chẳng có liên quan gì với họ. Khuynh hướng theo đuổi hoàn mỹ là bản năng tự nhiên của những người này. Đó không phải là sự hi sinh mà là sự thỏa mãn nhu cầu trong sâu thẳm nội tâm họ.

Sự khác biệt này cũng giống như sự khác biệt giữa người ăn chay và không ăn chay. Những người không ăn chay trong một tuần vẫn có một số ngày không ăn thịt. Trong Mùa chay (Kito giáo), họ có thể kiêng khem 40 ngày không ăn thịt hoặc các món xa xỉ. Đó là một khoảng thời gian sám hối khá dài. Họ cho rằng việc chống lại cám dỗ như vậy là một việc làm tốt đẹp.

Một số người tuân thủ giới luật mà người khác đặt ra hoặc tuân theo lời dạy bảo của cổ vấn tinh thần. Nhưng vòng tròn trung tâm không bao gồm những người này, nó dùng để đại diện cho những thánh nhân không bị cám dỗ hoặc những người ăn chay. Chúng ta không cần phải thuyết giáo với những người này, bởi thiên tính đã thúc đẩy họ toàn tâm toàn ý tuân theo giới luật.

Chúng ta có thể làm rõ điều này thông qua những người có tình trạng sức khỏe khác nhau. Ví dụ người viêm phế quản mãn tính luôn phải giữ ngực ấm áp, tắm rửa bằng nước nóng, hệ tuần hoàn của họ khá yếu. Dù bề ngoài những người này có vẻ bình thường, nhưng họ phải chú ý đến rất nhiều điều. Hệ tiêu hóa của họ cũng khá yếu, để hoạt động ổn định thì cần ăn những món đặc biệt vào những khoảng thời gian cố định. Muốn bình thường như mọi người, họ càng phải cố gắng nhiều hơn, lúc nào cũng lo lắng về nguy cơ phải nằm viện hoặc bị chết. Họ là khách hàng thường xuyên của bệnh viện, các thành viên trong gia đình cũng quan tâm đến họ hơn. Còn hãy thử nhìn nhận những người có cơ thể khỏe mạnh xem sao. Họ muốn ăn gì thì ăn, chẳng có gì phải lo lắng, họ có thể đi ra ngoài bất kể thời tiết như thế nào, họ có thể đập vỡ băng để nhảy xuống nước bơi. Còn những người khác thì sao? Họ thường cố thủ ở nhà, thậm chí còn chẳng muốn thò đầu ra ngoài cửa sổ. Vòng tròn thứ ba đại diện cho nhóm người yếu ớt luôn luôn cần sự an ủi về mặt tinh thần, dường như họ sợ rơi vào cái bẫy sa đọa. Nhưng những người thuộc nhóm vòng tròn trung tâm không hề cần tới sự trợ giúp này chút nào, những niềm vui họ có được là thứ người khác không bao giờ có thể tưởng tượng ra.

Bây giờ chúng ta sẽ thảo luận vòng tròn trung tâm đại diện cho sự hoàn mỹ. Chúng ta phải nghiên cứu tính cách trên cơ sở của thực tế. Hoàn mỹ là gì? Nó có phải là tất cả những đức tính tốt đẹp, đạt tới cảnh giới cao hay không? Và cảnh giới cao đó là loại cảnh giới nào? Chúng ta cần làm rõ thắc mắc này. Chúng tôi nói rằng, hành vi của con người chịu sự điều khiển của tính cách và không ngừng tiến về phía trước. Mọi người đều có khuynh hướng này. Con người và xã hội đều phải không ngừng tiến lên và phát triển, đó là quy luật của tự nhiên. Nhưng điều hiện tại chúng ta đang bàn luận là vấn đề cốt lõi của sự hoàn mỹ của con người, hay nói cách khác chính là sự phát triển của con người. Khi có người nào đó có những phát hiện mới, xã hội sẽ lại tiến bộ thêm một bước. Trong lĩnh vực tinh thần cũng vậy, tinh thần của con người đạt đến một trình độ rất cao cũng là một động lực cho xã hội nói chung. Cơ sở vật chất và tinh thần ngày nay là do hết lớp người này đến lớp người khác sáng tạo ra. Sự phát triển của lịch sử, địa lí

chính là một quá trình không ngừng tiến về phía trước, bởi vì trong quá trình trưởng thành, con người cần không ngừng tiến lên. Khuynh hướng theo đuổi hoàn mỹ đã thu hút con người. Nhóm người trong vòng tròn thứ ba vô cùng tự tin, không cần tốn sức lực để kháng cự lại đủ loại cám dỗ khác nhau. Tướng Richard Byrd không ngại làm giàu để có được đủ điều kiện đi thám hiểm Nam cực. Ở Nam cực, ông đã gặp vô vàn khó khăn, nhưng vì muốn làm được những việc chưa từng có nên ông mới kiên trì việc này. Byrd là ví dụ tiêu biểu cho nhóm người theo đuổi sự hoàn mỹ.

Tóm lại, xét từ góc độ tính cách thì những người thuộc nhóm vòng tròn thứ ba rất phong phú. Những người này cần được trợ giúp nhiều hơn. Nếu chúng ta cứ một mực muốn duy trì phương thức giáo dục hiện tại thì loài người nhất định sẽ bị tuột dốc.

Hãy giả sử rằng những người thuộc vòng tròn thứ ba tiến hành thuyết giáo cho lũ trẻ thuộc vòng tròn thứ hai. Họ sẽ nói rằng: “Không được ăn thịt, đó là một việc làm tội lỗi.” Đứa trẻ có thể sẽ đáp lại rằng: “Tất nhiên, chúng cháu chẳng thích ăn thịt.” Người này cũng có thể nói với một người khác rằng: “Anh ăn mặc phong phanh như thế rất dễ bị cảm, cần phải mặc ấm hơn một chút.” Người kia có thể sẽ trả lời: “Chúng tôi không sợ lạnh, chúng tôi đang cảm thấy rất ấm áp.” Rõ ràng là nếu những người thuộc vòng tròn thứ ba tiến hành giáo dục những đứa trẻ thuộc vòng tròn thứ hai có thể sẽ gây ra tác dụng tiêu cực, chứ không phải đang dẫn dắt những đứa trẻ này dần dần đạt tới trạng thái hoàn mỹ.

Nếu nghiên cứu về giáo dục nhà trường điển hình, chúng ta sẽ thấy giáo dục nhà trường hiện nay thật sự đáng lo ngại. Nó có thể khiến con người lùi bước, làm suy giảm năng lực của con người. Những tri thức mà việc giáo dục nhà trường hiện tại đang truyền thụ còn rất xa mới có thể thỏa mãn nhu cầu tự nhiên của con người. Nó cũng giống như khi người ta đã biết chạy thì mới dạy người ta đi vậy. Kiểu giáo dục này được tiến hành dựa trên những năng lực cấp thấp của con người thay vì năng lực cấp cao. Nếu trong giai đoạn định hình tính cách, một người gặp phải trở ngại thì đó chỉ có thể là sai lầm của chính bản thân loài người. Chúng ta cần thấu hiểu nhu cầu thật sự của con người, tạo cơ hội cho trẻ được phát huy năng lực mang tính sáng tạo của chúng. Như vậy những người theo đuổi hoàn mỹ ở vòng tròn thứ hai sẽ tấn công những người thuộc vòng tròn thứ ba. Kiểu tấn công này không phải là phòng ngự mà là chinh phục. Nếu trong cả cuộc đời con người, việc xây dựng tâm lý chỉ được hoàn thành trong một khoảng thời gian thì việc xây dựng này sẽ không thể hoàn thành hoặc hoàn thành không tốt, như vậy thì việc nhiều người không thể phát triển hoàn toàn không phải là một việc đáng kinh ngạc. Nhưng nếu tính cách có thể phát triển và định hình trong trạng thái tự nhiên, nếu chúng ta không tiến hành thuyết giáo mà tạo cơ hội cho sự hình thành tính cách thì chúng ta cần một phương thức giáo dục hoàn toàn khác với hiện nay.

Chúng ta cần hạn chế những sự gò bó từ phía con người và làm một số việc có ích. Một người hiểu biết sâu rộng về lịch sử và triết học chưa chắc đã là một người có năng lực. Chúng ta cần tìm mọi cách để đánh thức cảm xúc của con người, khi đó kết quả sẽ hoàn toàn khác. Để đạt được mục đích đó, chúng ta cần áp dụng những phương thức có thể khơi dậy phản ứng của con người. Tính cách của con người sẽ được hình thành trong giai đoạn mang tính sáng tạo đó. Nếu tính cách không hình thành trong giai đoạn này, nó sẽ vĩnh viễn không bao giờ được hình thành. Bất cứ lý thuyết nào cũng không thể thúc đẩy sự hình thành tính cách.

Đó chính là sự khác biệt giữa phương pháp giáo dục cũ và mới. Chúng ta cần trợ giúp con người hoàn thiện bản thân vào thời điểm thích hợp, như vậy con người có thể làm được rất nhiều việc vĩ đại. Xã hội đã tạo ra rất nhiều bức tường và rào cản. Phương thức giáo dục mới cần xóa bỏ những rào cản này, khôi phục tầm nhìn rộng lớn cho con người. Phương pháp giáo dục mới là một cuộc cách mạng, một cuộc cách mạng không bạo lực. Nếu cuộc cách mạng giáo dục kiểu mới này thắng lợi, bạo lực cách mạng sẽ vĩnh viễn không bao giờ xảy ra trên thế giới này nữa.

Chương 21

TÂM LÝ CHIẾM HỮU CỦA TRẺ VÀ SỰ CHUYỂN HÓA TÂM LÝ CHIẾM HỮU

Chúng ta không thể ngăn chặn trẻ phá hỏng mọi thứ bằng cách thuyết giáo. Khi một đứa trẻ muốn có thứ gì đó chỉ để người khác không có được nó, chúng ta thường sẽ dùng cách giảng giải với trẻ. Nhưng tính hiệu quả của những lời giảng giải này không duy trì được lâu, chẳng mấy chốc trẻ sẽ lặp lại việc này.



S

au khi đã có những hiểu biết cơ bản trong quá trình thực nghiệm một số tình trạng, hiện tại chúng tôi bắt đầu tiến hành nghiêm cứu, đồng thời đưa ra lý giải về những tình trạng này. Độ tuổi cũng như hứng thú bộc lộ ra ở mỗi độ tuổi chính là những tư liệu hữu ích cho chúng tôi, từ đó có thể nhận ra hành vi của trẻ và đặc trưng cao nhất của con người có khá nhiều điểm tương đồng.

Chúng ta có thể nhận ra một quá trình kiến thiết đang diễn ra trong những hiện tượng này. Nó giống như hiện tượng sâu bướm phát triển đến một thời kì nhất định vậy. Sau khi phát triển đến một mức độ nhất định, sâu bướm sẽ bò ra khỏi mặt lá, chui vào giữa hai cành cây và bắt đầu một công việc kì bí. Không lâu sau đó, chúng ta có thể thấy con sâu nhả ra một sợi tơ rất mỏng. Nó đang bắt đầu làm kén. Điều đầu tiên ở trẻ thu hút chúng ta chính là trẻ có thể chuyên tâm làm một việc gì đó. Ở trường của chúng tôi có một cô bé 3 tuổi rưỡi, khả năng tập trung chú ý của cô bé thật sự khiến chúng tôi ngạc nhiên. Khả năng này của cô bé ít khi bộc lộ và chỉ những người lớn có cá tính mới chú ý đến điểm này. Chúng ta thường cho đó là đặc điểm của thiên tài. Nhưng đối với một đứa trẻ còn nhỏ tuổi như vậy, chúng ta chắc chắn sẽ không gọi đó là thiên tài. Tuy vậy nếu tình trạng này diễn ra ở nhiều đứa trẻ thì chúng ta không thể không chấp nhận một thực tế quan trọng. Giống như la bàn có thể định hướng giúp chúng ta, việc chuyên tâm làm gì đó cũng rất quan trọng đối với quá trình trưởng thành của trẻ. Tất nhiên chúng tôi không nói rằng trẻ phải dùng phương thức tương tự để tập trung hoặc chú ý đến một việc gì đó, nhưng nếu trẻ không thể tập trung làm việc, trẻ sẽ không thể phát triển một cách bình thường. Nếu không thể tập trung tinh lực, trẻ sẽ bị môi trường xung quanh làm ảnh hưởng. Trẻ thích mọi điều quanh mình, hơn nữa sẽ làm hết việc này đến việc khác. Nhưng một khi đã có thể tập trung chú ý, trẻ sẽ bình tĩnh trở lại mà sắp xếp được thế giới của riêng mình.

Chúng ta đều biết rằng, nếu một người trưởng thành cứ không ngừng thay đổi công việc, người đó sẽ vĩnh viễn không bao giờ tìm được công việc thích hợp với mình, giống như câu “một nghề cho chín còn hơn chín nghề”. Nhưng nếu một người có mục đích rõ ràng, hiểu được nên sắp xếp công việc của mình như thế nào, người đó nhất định sẽ thành công. Chúng ta vô cùng coi trọng vấn đề này, thậm chí còn không ngừng cảnh báo các sinh viên cần có tinh thần chuyên tâm. Nhưng như vậy thì có tác dụng gì? Lời khuyên tốt cuộc vẫn chỉ là lời khuyên. Chúng ta không thể khiến người lớn chuyên tâm bằng cách khuyên bảo họ, huống hồ là khuyên đứa trẻ 3 tuổi rưỡi. Rõ ràng là trẻ nhỏ không hề có ý thức về việc sẽ tập trung sức lực của mình vào việc gì.

Việc biết tập trung vào một việc gì đó đã mang lại một nội dung mới cho tâm lý học trẻ em, nó cho chúng ta thấy tạo hóa đã dần dần định hình tính cách của một con người như thế nào. Phương pháp của tạo hóa là giúp trẻ nảy sinh một loại hứng thú đặc biệt. Loại hứng thú này thôi thúc trẻ làm những công việc mang tính sáng tạo cần thiết cho việc phát triển tính cách.

Sau khi có được khả năng tập trung vào một việc, trẻ sẽ bắt đầu có tính kiên trì. Tính kiên trì là một đặc điểm trong tính cách của con người, sau khi khả năng tập trung xuất hiện thì tính kiên trì cũng xuất hiện theo. Tôi đã từng nói rằng, trẻ nhỏ thường không ngừng lặp đi lặp lại một vài hoạt động. Việc lặp đi lặp lại này không vì bất cứ mục đích bên ngoài nào, rõ ràng là có

một mục đích nội tại nào đó đang điều khiển trẻ. Sau khi tập trung hoàn tất một việc nào đó, trẻ không ngừng lặp đi lặp lại việc đó, hành vi này có tác dụng củng cố. Nó đánh dấu sự khởi đầu của một giai đoạn khác trong quá trình hình thành tính cách. Thử có tác dụng ở đây không phải là ý muốn của trẻ mà là ý muốn của tạo hóa. Tạo hóa đã thông qua cách này để giúp loài người hoàn thành sự nghiệp của mình.

Thực tế là việc trẻ không ngừng lặp lại một việc nào đó còn mang một tầng ý nghĩa khác, đó chính là thể hiện rõ trẻ có khả năng hoàn thành công việc của mình. Những đứa trẻ ở trường của chúng tôi có thể tự do lựa chọn làm việc gì và chúng đã bộc lộ rất chính xác loại khả năng này. Lũ trẻ làm việc không ngừng ngày này qua ngày khác. Đối với người lớn, nếu một người không biết mình muốn gì, chúng ta sẽ nói người này không có ý chí. Ngược lại, nếu một người biết rõ mình muốn gì, muốn làm gì, chúng ta nói anh ta rất có ý chí, rất có năng lực.

Hành vi của trẻ chịu ảnh hưởng của quy luật tự nhiên, còn hành vi của người lớn lại là phản ứng của tư tưởng của chính người đó. Nếu muốn rèn luyện một khả năng nào đó, trẻ sẽ không phải lúc nào cũng tuân theo yêu cầu của người khác. Sức mạnh nội tại sẽ quyết định lựa chọn của trẻ. Nếu tác dụng của sức mạnh nội tại này bị hạn chế thì sự phát triển của ý chí và khả năng tập trung của trẻ cũng sẽ bị hạn chế. Vì vậy, nếu chúng ta muốn trẻ có được những năng lực này thì cần phải đưa chúng ta xa rời khỏi những ảnh hưởng của người lớn. Trẻ cũng sẽ thoát khỏi sự khống chế của người lớn một cách bản năng. Nếu nghiên cứu thêm về năng lực này của trẻ, chúng ta sẽ phát hiện nó rất logic. Nhưng trẻ không làm mọi việc tuân theo logic mà làm việc dưới ảnh hưởng của quy luật tự nhiên. Tạo hóa đã vạch sẵn cho trẻ con đường phát triển. Sự phát triển của con người và động vật có điểm tương đồng rất lớn, đó là đều tuân theo con đường phát triển đã định sẵn, đồng thời cố gắng thoát khỏi sự trói buộc của cá thể trưởng thành. Quy luật tự nhiên điều khiển sự phát triển và trưởng thành. Nếu một người muốn xây dựng tính cách của riêng mình, hoàn thiện bản thân thì phải tuân theo quy luật này.

Con người có thể sẽ chờ đợi sự định hình từng phần trong tâm lí nhân loại. Qua quan sát, chúng ta sẽ phát hiện quá trình này không phải là kết quả của giáo dục mà là kết quả chịu sự chi phối của quy luật tự nhiên. Đó là công lao của tự nhiên chứ không phải công lao của bản thân con người. Đó là một công việc sáng tạo chứ không phải việc giáo dục. Ngoài ra, có một thay đổi rõ ràng khác có thể giúp làm rõ điều này. Những đứa trẻ gặp trở ngại, chưa phát triển hoàn toàn, sau khi cố gắng trở lại trạng thái bình thường thì những đặc điểm tính cách cũng sẽ xuất hiện trở lại.

Một ví dụ rõ ràng là tâm lí chiếm hữu của trẻ. Một đứa trẻ bình thường có thể tự do lựa chọn việc mình thích làm, điều này sẽ khiến trẻ không đặt sự chú ý lên bản thân sự vật mà chú ý vào tri thức bao hàm trong sự vật đó. Vì vậy, tính chiếm hữu của trẻ trải qua một quá trình thay đổi. Chúng ta sẽ ngạc nhiên phát hiện ra rằng, một khi đã có được thứ mình muốn, trẻ sẽ làm hỏng hoặc làm mất thứ đó. Dường như ham muốn chiếm hữu và ham muốn phá hoại là bạn đồng hành của nhau. Nhưng vì không có thứ gì có thể mãi mãi khiến con người hứng thú nên hành vi này của trẻ không phải là khó hiểu. Ví dụ như chiếc đồng hồ – vật dùng để biểu thị thời gian, đó là giá trị thật sự của đồng hồ. Nhưng một đứa trẻ thậm chí không hiểu thời gian nghĩa là gì, khi cầm trong tay một chiếc đồng hồ rất có thể sẽ làm hỏng nó. Đứa trẻ lớn hơn một chút có thể biết đồng hồ dùng để làm gì, sau khi có được chiếc đồng hồ, nó sẽ cố gắng tìm hiểu đồng hồ được làm như thế nào. Nó sẽ cẩn thận mở đồng hồ ra, tỉ mỉ quan sát xem bánh răng và kim đồng hồ làm việc ra sao. Nhưng điều này cũng đồng thời chứng tỏ rằng, sự hứng thú của trẻ không còn nằm ở bản thân cái đồng hồ, mà đã chuyển sang tập trung vào nguyên lí hoạt động của đồng hồ. Thứ mà trẻ muốn không phải là bản thân sự vật mà là tìm hiểu sâu về sự vật.

Cố gắng tìm hiểu cách vận hành của vật thể là loại hình thứ hai của tâm lí chiếm hữu, nó có thể có nhiều hình thức biểu hiện. Trẻ hái hoa là để sau đó có thể vứt bỏ hoặc phá nát nó. Trong tình huống này, ham muốn chiếm hữu và ham muốn phá hoại tồn tại đồng thời. Nhưng nếu trẻ đã hiểu rõ về hoa, biết rõ mỗi bộ phận trên bông hoa, trẻ sẽ không hái hoa cũng như không làm nát bông hoa đó. Trẻ sẽ chỉ nghiên cứu tỉ mỉ bông hoa. Hứng thú của trẻ đã có tính tri thức nhất định, thứ trẻ muốn chiếm hữu là tri thức. Cũng tương tự như vậy, có thể vì muốn có được một chú bướm mà trẻ sẽ giết chết chú bướm đó, nhưng nếu hứng thú của trẻ tập trung vào côn

trùng hoặc vai trò của côn trùng trong môi trường, trẻ sẽ quan sát chú bướm một cách tỉ mỉ chứ không tìm cách bắt hoặ*t* giết chết. Kiểu ham muốn chiếm hữu tri thức này thể hiện ở việc trẻ say mê trước môi trường xung quanh. Có thể nói rằng, trẻ “yêu tha thiết môi trường xung quanh mình”. Tình yêu này khiến trẻ làm mọi việc một cách vô cùng cẩn thận và tỉ mỉ.

Khi tính chiếm hữu là vì mục đích có được tri thức thì nó đã đạt đến trình độ cao hơn, dẫn dắt trẻ mở ra cánh cửa tri thức rộng lớn. Cũng tương tự như vậy, tính hiếu kì cũng sẽ trở thành động lực, kích thích trẻ nghiên cứu khoa học. Khi cảm thấy hiếu kì trước một sự vật nào đó, nó sẽ lan tỏa sang các sự vật khác nữa. Thông qua quan sát những đứa trẻ trong trường của mình, chúng tôi đã hiểu được tâm lí chiếm hữu này chuyển thành tâm lí yêu quý và bảo vệ như thế nào. Những đồ dùng luyện tập của bọn trẻ chưa từng bị thiếu trang, bị bôi bẩn hay có dấu vết bị chà xát. Chúng hoàn toàn sạch sẽ.

Tất cả những người thành công trong lịch sử đều có bản tính theo đuổi sự hoàn mĩ. Họ lí giải sự sống bằng đủ thứ phương pháp, từ đó bảo vệ và phát triển sự sống, cuối cùng trợ giúp sự sống bằng trí tuệ của mình. Chẳng phải những người nông dân đang từng ngày chăm sóc cây trồng và vật nuôi của mình, còn các nhà khoa học thì ngày đêm nghiên cứu khoa học hay sao? Tính chiếm hữu của con người khởi đầu bằng việc phá hoại và kết thúc bằng việc yêu thương và phục vụ người khác. Đứa trẻ trước kia từng phá hỏng cây cối trong vườn, nay đã bắt đầu biết tỉ mỉ quan sát sự sinh trưởng của thực vật. Cậu không còn nói “những cái cây đó là của cháu” mà nói “cái cây đó...”, tình yêu và sự thăng hoa đó bắt nguồn từ một ý thức mới xuất hiện trong tâm lí của trẻ.

Chúng ta không thể ngăn chặn trẻ phá hoại mọi thứ bằng cách thuyết giáo. Khi một đứa trẻ muốn có thứ gì đó chỉ để người khác không có được nó, chúng ta thường sẽ giảng giải cho trẻ. Nhưng tính hiệu quả của những lời giảng giải này không duy trì được lâu, chẳng mấy chốc trẻ sẽ lại lặp lại việc này. Chỉ có công việc và sự tập trung mới mang lại cho trẻ tình yêu và tri thức, mới khơi dậy những điều tốt đẹp ẩn chứa sâu bên trong tâm hồn trẻ. Học tập, yêu thương và phục vụ người khác là đặc trưng chủ yếu của tất cả các tôn giáo, nhưng người kiến tạo tinh thần thật sự của loài người là trẻ em. Chúng cho ta biết tạo hóa dạy ta làm việc như thế nào, chúng cũng cho ta biết tạo hóa sắp xếp sự phát triển và trưởng thành của con người căn cứ vào quy luật nhất định ra sao. Đối với chúng ta, thứ quan trọng không phải là vật lí học, thực vật học, cũng không phải là những tác phẩm thủ công của con người, mà điều quan trọng là ý chí và tinh thần của con người đang không ngừng hoàn thiện. Trẻ em chính là người sáng tạo tinh thần của con người. Những thứ gây trở ngại cho sự phát triển tự do của trẻ cũng giống như những viên đá trên bức tường, sẽ trói chặt lấy tâm hồn con người.

Chương 22

TRẺ EM VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

Phân tách con người theo độ tuổi là một việc làm vô cùng tàn nhẫn và không có nhân tính, đối với trẻ cũng vậy. Làm như vậy chính là cắt đứt mối liên hệ trong đời sống xã hội, khiến con người và con người không thể nào học tập lẫn nhau. Tuyệt đại đa số trường học trước hết sẽ căn cứ vào giới tính, sau đó căn cứ vào độ tuổi để phân chia lớp học. Đây là một sai lầm lớn, và cũng là căn nguyên của rất nhiều tội ác.



Vấn đề quan trọng nhất của trẻ là sự tập trung chú ý, đó là nền tảng của hành vi và sự hình thành tính cách của trẻ. Trẻ phải học cách tập trung chú ý, để làm được điều này, chúng phải tìm được thứ có thể khiến bản thân chú ý. Vì vậy, những sự vật xung quanh trẻ rõ ràng rất quan trọng đối với chúng, bởi vì không có người nào có thể khiến trẻ tập trung chú ý. Chỉ có bản thân đứa trẻ mới có thể tự điều tiết tâm lí của mình, người khác không thể làm giúp trẻ việc này. Đó chính là mục đích giáo dục của trường chúng tôi, nhà trường là nơi trẻ có thể tập trung vào làm một việc gì đó.

Đương nhiên là những khu vực khép kín sẽ có tác dụng hỗ trợ sự tập trung. Ở bất cứ nơi nào trên thế giới cũng vậy, nếu con người muốn tập trung chú ý thì sẽ tìm đến một nơi kín đáo yên tĩnh. Chúng ta trong nhà thờ và đền miếu là như vậy, đó là những nơi có bầu không khí có thể khiến ta tập trung. Đền thờ có thể thúc đẩy sự hình thành một loại tính cách nào đó của chúng ta. Có rất ít trẻ em dưới 5 tuổi được đưa đến trường, như vậy chúng ta đã bỏ lỡ thời kì tốt nhất hình thành nên tính cách cho trẻ. Trường học mà chúng tôi xây dựng sẽ mang lại cho trẻ một nơi kín đáo, ở đó trẻ có thể dần dần hình thành nên những nét tính cách quan trọng.

Lần đầu tiên đưa ra quan điểm sáng tạo môi trường đáp ứng nhu cầu của trẻ, chúng tôi đã khơi dậy hứng thú của khá nhiều kiến trúc sư, nghệ thuật gia và các nhà tâm lí học. Một số người trong đó đã tiến hành thảo luận với tôi về ảnh hưởng của độ to – nhỏ, cao – thấp và bài trí của căn phòng đối với khả năng tập trung của trẻ. Căn phòng này không chỉ là căn phòng đơn thuần mà còn có ý nghĩa về tâm lí học. Tất nhiên giá trị của nó không chỉ được quyết định bởi hình thái và màu sắc, mà còn được quyết định bởi những thứ đã được bố trí sẵn cho trẻ trong đó, chỉ những thứ mà bọn trẻ có thể tận tay chạm vào đó mới ảnh hưởng đến khả năng tập trung chú ý của chúng. Tất nhiên đó không thể là những thứ được bố trí một cách tùy tiện mà là những thứ được đúc kết và tạo ra sau một thời gian dài quan sát bọn trẻ.

Đầu tiên chúng tôi bố trí một phần nhỏ các đồ vật trong môi trường sinh hoạt của trẻ, sau đó cho trẻ chọn lựa các món đồ. Chúng tôi giữ lại những thứ bọn trẻ muốn sử dụng, và mang đi những thứ mà chúng chẳng bao giờ đụng đến. Những gì chúng tôi cung cấp cho bọn trẻ không phải là những thứ tổng kết từ một hay một vài trường học mà là thông qua tất cả các trường học ở khắp nơi. Vì vậy chúng tôi có thể chắc chắn rằng đó là những đồ vật mà bọn trẻ đã lựa chọn. Chúng tôi còn phát hiện ra những thứ khiến tất cả trẻ em thích thú và cho rằng đó là những thứ vô cùng quan trọng. Một số thứ khác dường như không bao giờ được lũ trẻ đụng đến (ở tất cả các quốc gia), có một số thậm chí nằm ngoài dự liệu của người lớn. Nếu cho phép một đứa trẻ phát triển bình thường được tự do lựa chọn, các bạn sẽ phát hiện hiện tượng tương tự, bọn trẻ sẽ chọn một số loại côn trùng và hoa. Rõ ràng là trẻ cần những thứ đó. Những thứ được trẻ lựa chọn là thứ sẽ giúp ích cho sự trưởng thành của chúng. Ban đầu chúng tôi đã cung cấp cho trẻ một số đồ chơi, nhưng dường như chúng không động tới những đồ chơi này. Chúng tôi còn cung cấp cho trẻ khá nhiều đồ vật có màu sắc nhưng chúng thường chỉ chọn một loại, đó là những ống trụ chúng ta thường sử dụng. Tình trạng này xuất hiện ở tất cả các quốc gia. Ở một số khu vực của người da màu, chúng tôi cũng cho trẻ tự do lựa chọn thứ mình muốn. Sự lựa chọn của bọn trẻ ở mọi nơi đều tương tự như nhau, điều này cũng phản ánh một số vấn đề về phương diện đời sống xã hội. Nếu cung cấp cho trẻ quá nhiều thứ, lũ trẻ sẽ trở nên hỗn

loạn, vì vậy khi có nhiều trẻ em ở cùng một chỗ, chúng tôi chỉ cung cấp cho trẻ một số lượng nhỏ các món đồ.

Chúng tôi chỉ cho trẻ chọn một món trong số các đồ vật khác nhau. Khi một đứa trẻ đang dùng món đồ này thì những đứa trẻ khác nếu muốn sử dụng sẽ buộc phải chờ đợi đến lượt mình. Điều này sẽ giúp hình thành cho trẻ một phẩm chất làm người quan trọng. Lũ trẻ hiểu rằng, chúng phải lặp lại việc của người khác, không phải vì ai đó yêu cầu chúng làm thế mà bởi vì kinh nghiệm cuộc sống hàng ngày yêu cầu như vậy. Vì mỗi loại đồ vật chỉ có một món nên lũ trẻ phải chờ đợi để được sử dụng. Việc như vậy xảy ra hàng ngày, hàng năm; lặp lại công việc của người khác, chờ đợi cơ hội sẽ trở thành tập quán sinh hoạt của trẻ, đẩy nhanh sự thành thực của trẻ.

Như vậy trẻ dần dần thích ứng với xã hội. Xã hội không thể vận hành dựa vào ý muốn của một ai đó, mà nó là một chỉnh thể phát triển hài hòa của mọi loại hành vi. Thông qua những hành vi này, trẻ sẽ hình thành một phẩm chất ưu tú khác – sự kiên nhẫn. Có được tính kiên nhẫn, một số đặc điểm tính cách khác sẽ tự nhiên hình thành. Chúng ta không thể khiến một đứa trẻ 3 tuổi có được những phẩm chất này chỉ bằng giáo dục, mà chính kinh nghiệm của bản thân trẻ sẽ thúc đẩy sự hình thành của những phẩm chất này. Bởi vì những điều kiện khác không thúc đẩy sự phát triển bình thường của trẻ, nên chúng ta thấy lũ trẻ ở khắp nơi trên thế giới đều tranh giành thứ mà chúng muốn có được. Khi nhìn thấy những đứa trẻ trong trường của chúng tôi có thể kiên nhẫn đến thế, người ngoài đã cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Họ hỏi chúng tôi: “Sao các bạn có thể khiến lũ trẻ ngoan ngoãn như vậy? Sao lại nghe lời thế?” Nhưng đây đều không phải là những thứ chúng tôi dạy trẻ, mà chúng tôi chỉ khéo tạo ra môi trường cho trẻ, mang lại cho trẻ sự tự do. Dưới điều kiện này, những phẩm chất vốn không có ở những đứa trẻ 3-6 tuổi đã dần dần xuất hiện.

Trong giai đoạn đầu tiên trẻ chuẩn bị bước vào xã hội, nếu người lớn cố tình can thiệp thì có thể sẽ mang lại những hậu quả tiêu cực. Khi lũ trẻ đang xếp thành một hàng đi về phía trước, rất có thể sẽ có một đứa trẻ rời khỏi hàng và chạy theo hướng ngược lại, vì thế sẽ không thể tránh khỏi xảy ra mâu thuẫn. Giải pháp của người lớn là tóm lấy đứa trẻ, đưa nó trở lại hàng. Nhưng trẻ biết cách lo cho bản thân, chúng sẽ giải quyết vấn đề của bản thân. Cho dù cách làm của trẻ không giống người khác, nhưng cách chúng lựa chọn sẽ là cách có thể thỏa mãn tối đa nhu cầu của bản thân trẻ. Trẻ ở mọi giai đoạn phát triển đều gặp phải vấn đề này, nó mang lại cho trẻ niềm vui. Nếu người lớn can thiệp, trẻ sẽ cảm thấy không vui. Nếu được tự do lựa chọn, trẻ sẽ có cách hành xử của riêng mình. Trẻ thu được kinh nghiệm xã hội từ đó. Việc tích lũy kinh nghiệm này có thể giúp trẻ giải quyết một cách chính xác những vấn đề mình phải đối mặt. Cho dù thế nào thì giáo viên cũng không thể giúp trẻ làm được như vậy, ngược lại, họ sẽ can thiệp vào việc của bọn trẻ. Cách làm của giáo viên hoàn toàn không giống với cách nghĩ của trẻ, và cũng phá vỡ sự hòa thuận giữa lũ trẻ. Trừ một vài trường hợp đặc biệt, ngoài ra chúng tôi thường để trẻ tự giải quyết vấn đề của mình. Chúng ta nên nghiên cứu hành vi của trẻ một cách khách quan, bởi vì hiểu biết của chúng ta về hành vi của trẻ còn rất hạn hẹp. Trật tự xã hội được hình thành chính là nhờ thông qua những kinh nghiệm thường nhật này.

Những giáo viên dùng phương pháp can thiệp trực tiếp không biết trường học Montessori bồi dưỡng hành vi xã hội của trẻ như thế nào. Họ nghĩ trường học Montessori sử dụng phương pháp học thuật chứ không phải phương pháp xã hội. Họ nói rằng: “Nếu bọn trẻ cứ tùy tiện muốn làm gì thì làm thì cuộc sống sẽ trở nên thế nào?” Nhưng nếu chúng ta không thể giải quyết vấn đề xã hội thì làm sao nói đến cuộc sống xã hội? Nếu không thể giải quyết vấn đề xã hội thì hành vi của trẻ em làm sao có thể bình thường, mục đích mà trẻ theo đuổi làm thế nào để không gây ảnh hưởng đến số đông được? Đối với những giáo viên này, đời sống xã hội chính là lũ trẻ ngồi với nhau một cách trật tự, nghe ai đó nói chuyện. Nhưng thực tế thì hoàn toàn ngược lại.

Ở các trường học bình thường, chỉ có vui chơi và hoạt động dã ngoại mới có thể được gọi là đời sống xã hội chân chính, trong khi chúng tôi luôn sống trong một cộng đồng sôi nổi.

Khi lớp học đủ lớn, các loại tính cách khác nhau sẽ bộc lộ rõ ràng, trẻ mới có thể thu được

hiều kinh nghiệm hơn. Nếu lớp học quá nhỏ thì sẽ rất khó khăn. Vì sự hoàn mĩ có được là thông qua đời sống xã hội.

Lũ trẻ tập hợp cùng nhau dưới phương thức nào? Chúng tụ tập lại thành nhóm ngẫu nhiên nhưng cũng trải qua sự chọn lựa nhất định. Lũ trẻ sống trong môi trường này thuộc các độ tuổi khác nhau (3-6 tuổi). Đây là điều không thường thấy ở các trường học bình thường, trừ trường hợp có những đứa trẻ lớn hơn nhưng do vấn đề trí lực nên bị lưu ban. Phương thức tổ hợp lớp học của chúng ta dựa trên cơ sở tuổi tác, chỉ có rất ít trường học bình thường áp dụng phương pháp phân lớp theo chiều dọc như trong các trường học của chúng tôi.

Các giáo viên trong trường của chúng tôi đề nghị nên sắp xếp trẻ cùng một độ tuổi trong một lớp, nhưng thực tế đã chứng minh cách sắp xếp này tồn tại vấn đề rất lớn. Cũng giống như lũ trẻ ở nhà, một bà mẹ có sáu đứa con sẽ cảm thấy dễ dàng đối phó với cả sáu đứa trẻ. Nhưng nếu một người mẹ mang thai đôi, vấn đề sẽ trở nên khó khăn hơn. Hãy thử nghĩ xem, hai đứa trẻ cùng muốn những điều giống nhau sẽ khiến người mẹ cảm thấy rất phiền não. Bà mẹ của sáu đứa con có độ tuổi chênh lệch nhau cũng sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn bà mẹ một con. Con một khó đối phó hơn không phải vì trẻ phiền phức, mà là vì trẻ thiếu bầu bạn. Cha mẹ luôn cảm thấy nuôi đứa con đầu vất vả hơn đứa con thứ hai. Cha mẹ cho rằng đó là vì họ thiếu kinh nghiệm, nhưng thực tế chỉ là vì đứa trẻ thứ hai trong gia đình đã có bầu bạn mà thôi.

Sức hấp dẫn của đời sống xã hội nằm ở chỗ chúng ta có thể tiếp xúc với nhiều người khác nhau. Cứ thử suy ngẫm xem, ngôi nhà toàn người lớn tuổi thật sự rất vô vị. Phân tách con người theo độ tuổi là một việc làm vô cùng tàn nhẫn và không có nhân tính, đối với trẻ cũng vậy. Làm như vậy chính là cắt đứt mối liên hệ trong đời sống xã hội, khiến con người và con người không thể nào học tập lẫn nhau. Tuyệt đại đa số trường học trước hết sẽ căn cứ vào giới tính, sau đó căn cứ vào độ tuổi để phân chia lớp học. Đây là một sai lầm lớn, và cũng là căn nguyên của rất nhiều tội ác. Đó là sự cách li do bàn tay của con người, nó cản trở nghiêm trọng sự phát triển của cảm giác cộng đồng. Trong trường học của chúng tôi, những đứa trẻ không cùng độ tuổi thường giúp đỡ lẫn nhau. Những đứa trẻ nhỏ tuổi sẽ quan sát những đứa lớn hơn và yêu cầu những đứa trẻ lớn hơn giải thích một số việc. Những đứa trẻ lớn hơn cũng sẽ giảng giải cho những đứa trẻ nhỏ hơn. Việc giảng giải này vô cùng quan trọng, bởi vì tư duy của một đứa trẻ 5 tuổi và tư duy của một đứa trẻ 3 tuổi gần gũi hơn nhiều so với tư duy của người lớn chúng ta với trẻ 3 tuổi, việc học tập vì thế cũng dễ dàng hơn. Giữa những đứa trẻ ở độ tuổi khác nhau có sự giao lưu và hòa hợp, sự giao lưu và hòa hợp này là thứ rất khó thấy giữa người lớn và trẻ nhỏ.

Có rất nhiều điều giáo viên không thể truyền thụ được cho một đứa trẻ 3 tuổi nhưng một đứa trẻ 5 tuổi lại có thể giải quyết chuyện này rất dễ dàng. Trẻ 3 tuổi và trẻ 5 tuổi có mối liên hệ tâm lí tự nhiên. Một đứa trẻ 3 tuổi có thể cảm thấy những việc mà đứa trẻ 5 tuổi làm là rất thú vị, bởi vì những việc đó không quá xa so với năng lực của chúng. Những đứa trẻ lớn tuổi hơn có thể sẽ trở thành anh hùng hay thầy giáo trong mắt trẻ nhỏ tuổi hơn và khiến chúng ngưỡng mộ. Dưới sự khuyến khích của trẻ lớn, trẻ nhỏ sẽ tiếp tục làm những việc mà trẻ lớn đã làm. Ở các trường học bình thường, dường như tất cả lũ trẻ đều ở cùng độ tuổi, đứa trẻ thông minh hơn một chút có thể dạy những đứa khác, nhưng thường không được sự cho phép của giáo viên. Việc duy nhất mà những đứa trẻ này có thể làm đó là trả lời thay những đứa trẻ không quá thông minh khi chúng không trả lời được câu hỏi của giáo viên. Kết quả là trí tuệ của đứa trẻ này trở thành nỗi ghen tị của những đứa trẻ khác. Nếu ở độ tuổi khác nhau thì giữa bọn trẻ sẽ không xảy ra tình trạng ghen tị. Những đứa trẻ nhỏ tuổi không vì những đứa trẻ lớn có thể trả lời câu hỏi mà cảm thấy xấu hổ, bởi vì chúng biết mình nhỏ tuổi hơn, sau này nhất định cũng sẽ trả lời được những câu hỏi như thế. Giữa trẻ độ tuổi khác nhau có một loại tình cảm yêu quý và ngưỡng mộ, đó thực sự là tình cảm anh em. Còn ở các trường học kiểu cũ, cách duy nhất để được lên lớp chính là cạnh tranh, và điều này sẽ dẫn đến cảm giác ghen tị, oán ghét và xấu hổ. Bọn trẻ sẽ trở nên coi bản thân là trên hết và thích kiểm soát người khác. Ngược lại, trong trường của chúng tôi, những đứa trẻ lớn cảm thấy giúp đỡ những đứa trẻ nhỏ hơn là một việc đương nhiên phải làm. Nhà trường luôn luôn ở trong bầu không khí nồng hậu: lớn giúp đỡ bé, bé tôn trọng lớn. Kiểu lớp học như vậy cũng trở nên rất vững mạnh. Cuối cùng bọn trẻ đều

hiểu được tính cách của nhau và có thể giúp đỡ lẫn nhau. Những đứa trẻ ở trường học kiểu cũ thường nói “bạn nào đó xếp thứ nhất” hoặc “bạn nào đó kém nhất”. Tình cảm giữa người với người không thể được bồi dưỡng nên trong hoàn cảnh đó. Độ tuổi chính là nhân tố quan trọng hình thành nên tính cách khác nhau của trẻ trong môi trường.

Có thể chúng ta sẽ lo lắng rằng việc một đứa trẻ 5 tuổi giảng giải cho một đứa trẻ 3 tuổi sẽ không có lợi cho sự trưởng thành của trẻ. Trước hết, trẻ không dành toàn bộ thời gian để giảng giải cho những đứa trẻ nhỏ tuổi hơn. Những đứa trẻ nhỏ tuổi hơn cũng vẫn tôn trọng tự do của những đứa trẻ lớn hơn. Thứ hai, hành vi giảng giải sẽ giúp trẻ hiểu sâu hơn những tri thức mình từng học. Trước khi giảng giải cho các em nhỏ, những đứa trẻ lớn buộc phải tiến hành phân tích và chỉnh lí những kiến thức mình đã học được. Vì vậy hành vi giảng giải này không phải là không có tác dụng tốt cho trẻ lớn.

Phòng học của trẻ 3-6 tuổi hoàn toàn không tách biệt với phòng học của trẻ 7-9 tuổi. Những đứa trẻ 6 tuổi vẫn có thể học được những thứ ở lớp học lớn hơn. Giữa các lớp trong trường chúng tôi chỉ ngăn cách bằng những bức tường cao đến thắt lưng của trẻ, trẻ có thể dễ dàng chạy sang lớp học khác, chúng tôi cũng không hề ngăn cản việc làm này của trẻ. Nếu một đứa trẻ 3 tuổi chạy vào phòng dành cho trẻ 7-9 tuổi, chúng sẽ không ở lại đó lâu, bởi vì chúng sẽ phát hiện rằng ở đó không có thứ gì hữu ích với mình. Vì vậy giữa các lớp học chỉ cần bố trí một bức tường nhỏ chứ không cần phân tách hoàn toàn. Những đứa trẻ ở độ tuổi khác nhau có thể giao lưu với nhau.

Mỗi đứa trẻ đều có chỗ cố định của mình, nhưng chúng không hoàn toàn tách biệt. Bọn trẻ có thể sang lớp khác để học thêm những điều mới lạ. Một đứa trẻ 3 tuổi có thể phát hiện một đứa trẻ 9 tuổi đang dùng bàn tính để giải căn bậc hai. Có thể nó sẽ hỏi đứa trẻ 9 tuổi đang làm gì. Nếu nhận được câu trả lời mà chẳng thể nào hiểu nổi, nó sẽ quay lại phòng học của mình. Bởi vì ở đó trẻ có thể tìm thấy thứ khiến mình hứng thú. Nhưng đứa trẻ 6 tuổi có thể lờ mờ hiểu được việc đứa trẻ 9 tuổi đang làm, nó có thể đứng lại quan sát một lúc, từ đó học được một vài điều. Việc được tự do hoạt động trong phòng có thể khiến trẻ hiểu được sự khác nhau về năng lực lí giải của từng độ tuổi. Và thực tế là thông qua sự sắp xếp này, chúng tôi cũng đã hiểu được trẻ 8-9 tuổi có thể hiểu được ý nghĩa của việc giải căn bậc hai, bởi vì thực tế đã chứng minh chúng có đủ kiên nhẫn quan sát những đứa trẻ 12-14 tuổi giải toán căn bậc hai. Cũng tương tự như vậy, chúng tôi cũng thấy rằng trẻ 8 tuổi có hứng thú với môn đại số. Sự phát triển của trẻ không chỉ phụ thuộc vào độ tuổi tăng dần mà còn phụ thuộc vào việc chúng ta có để cho chúng được tự do quan sát hay không.

Phương pháp học ở trường chúng tôi rất linh hoạt. Lí giải những việc trẻ lớn đã làm là một việc rất thú vị đối với trẻ nhỏ hơn, còn niềm vui của trẻ lớn là giảng giải cho trẻ nhỏ những gì mình đã học được. Giữa bọn trẻ không có sự phân biệt cao thấp, sang hèn, bằng việc học hỏi lẫn nhau, trẻ sẽ đạt được mục đích trưởng thành lành mạnh.

Tất cả những điều này cho thấy, những thành tích to lớn mà trường chúng tôi đã có được đều là nhờ tác dụng của quy luật tự nhiên.

Qua việc nghiên cứu hành vi của những đứa trẻ này và quan hệ giữa chúng trong không khí tự do, chúng ta sẽ hiểu được bí mật thực sự của xã hội. Bí mật này vô cùng kì diệu, chúng ta phải quan sát tỉ mỉ trên góc độ tâm lí, nhưng nó mang lại hứng thú vô cùng lớn, bởi vì nó có thể phản ánh bản tính của con người. Vì vậy có thể coi trường học của chúng tôi là một phòng thí nghiệm nghiên cứu tâm lí. Phòng thí nghiệm này không phù hợp với những nghiên cứu theo nghĩa thông thường mà là một nơi tiến hành quan sát trẻ nhỏ. Ở đây có nhiều tình trạng rất đáng chú ý.

Chúng tôi đã từng nói rằng, trẻ có thể tự giải quyết vấn đề của mình mà không cần đưa ra nguyên nhân. Nếu không làm phiền mà chỉ ở bên quan sát trẻ, chúng ta sẽ phát hiện thấy nhiều điều kì lạ. Phương thức trẻ giúp đỡ lẫn nhau không giống người lớn chúng ta. Nếu một đứa trẻ có được một thứ rất quan trọng, những đứa trẻ khác sẽ không giúp nó nữa. Chúng sẽ tôn trọng những nỗ lực của đứa trẻ đó, chỉ trong tình trạng bắt buộc trẻ mới giúp đỡ người khác chứ

không giúp những việc không cần thiết. Có một lần, một đứa trẻ đánh rơi toàn bộ số thẻ hình học bằng gỗ xuống đất (gần 100 tấm). Đúng lúc ấy bên ngoài trường có một đám diễu hành đi qua, tất cả bọn trẻ đều chạy ra xem, chỉ có cậu bé nọ là không ra ngoài, bởi trước khi sắp xếp lại những thứ mình đánh rơi thì cậu chưa đi được. Cậu bé đó cố gắng nhặt các tấm thẻ vào đúng chỗ, trong khi những đứa trẻ khác không hề có ý muốn giúp bạn mình. Cậu bé òa khóc, bởi vì cậu rất muốn xem diễu hành. Một vài đứa trẻ bắt đầu chú ý đến cậu và quay lại giúp cậu. Khi ở vào tình trạng khẩn cấp, người lớn sẽ không có khả năng phân biệt như vậy. Nhiều khi họ sẽ giúp đỡ những việc không cần thiết.

Chúng ta thường thấy nam giới lịch sự nhắc ghế giúp nữ giới hay dìu nữ giới lên xuống cầu thang, trong khi đó không phải là nhu cầu thực sự của nữ giới. Khi thật sự cần điều gì đó, tình trạng sẽ hoàn toàn khác. Khi một người đang cần giúp đỡ khẩn cấp thì chẳng có ai giúp anh ta, còn khi không thực sự cần giúp thì lại được giúp, vì vậy mà trẻ nhỏ không học được gì từ người lớn. Tôi cho rằng trong tiềm thức của trẻ còn lưu lại một số dấu vết từ trước đó, đó chính là chỉ giúp đỡ người khác trong trường hợp thật sự cần thiết. Đây là nguyên nhân tại sao trẻ chỉ giúp đỡ người khác khi không trở thành trở ngại của họ.

Một mặt thú vị khác của trẻ thể hiện ở cách chúng xử sự với kẻ phá rối trật tự trong phòng học. Ví dụ trong phòng học có một đứa trẻ mới đến và vẫn chưa hoàn toàn làm quen với môi trường nên không thể ngồi yên, thỉnh thoảng lại làm phiền những đứa trẻ khác. Lúc ấy giáo viên sẽ nói: “Không được làm như vậy, như vậy là không tốt”, hoặc “em đúng là một đứa trẻ nghịch ngợm!”

Nhưng phản ứng của bọn trẻ lại hoàn toàn khác với giáo viên. Chúng có thể sẽ đi đến trước mặt đứa trẻ mới đến đó và nói: “Cậu thật nghịch ngợm, nhưng đừng lo, lúc mới đến bọn tớ cũng giống cậu.”

Bọn trẻ biết hành vi của đứa trẻ mới đến đó là sai, nhưng chúng không cho đó là cố ý, đồng thời ra sức an ủi cậu ta, chờ đợi thức tỉnh được phẩm chất ưu tú của cậu ta.

Nếu người lớn chúng ta cũng biết an ủi những người thiếu đạo đức, kiên nhẫn giáo dục tội phạm thì thế giới sẽ trở nên tốt đẹp biết mấy. Cần biết rằng, những hành vi thiếu đạo đức thường bắt nguồn từ nguyên nhân bệnh lý, có thể do điều kiện gia đình, cũng có thể vì những nhân tố bất lợi khi chào đời gây ra. Chúng ta cần có sự thông cảm với những con người này, đồng thời giúp đỡ họ. Như vậy cũng là đã giúp làm sạch xã hội này.

Khi trẻ phạm lỗi, ví dụ như đánh vỡ bình hoa, trẻ sẽ cảm thấy rất day dứt. Chúng không hề cảm thấy vui vẻ vì làm hỏng đồ, mà cảm thấy xấu hổ vì đã không bảo vệ được món đồ đó. Phản ứng bản năng của các bậc cha mẹ có thể là sẽ hét lên thật to: “Con lại đánh vỡ bình hoa rồi. Mẹ đã dặn con bao nhiêu lần là không được động đến bình hoa cơ mà.” Ít nhất cha mẹ cũng sẽ yêu cầu trẻ thu dọn những mảnh vỡ để lần sau trẻ ghi nhớ chuyện này.

Còn phản ứng của lũ trẻ thì sao? Có thể chúng sẽ chạy lại giúp và dùng giọng nói nhẹ nhàng để an ủi: “Không sao đâu, chúng mình có thể kiếm một bình hoa mới.” Sau đó tất cả cùng thu dọn các mảnh vỡ, có đứa trẻ còn lau dọn nước văng vãi trên nền nhà. Mọi đứa trẻ đều có bản năng giúp đỡ, khích lệ và an ủi kẻ yếu thế hơn. Bản năng này của trẻ có thể thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trên thực tế, tiến bộ lớn nhất của loài người là có thể dang tay giúp đỡ người nghèo và kẻ yếu chứ không phải là áp bức họ.

Y học phát triển chính trên cơ sở nguyên tắc này. Y học không chỉ có thể giúp đỡ kẻ yếu mà còn có thể giúp đỡ cả nhân loại. Khích lệ và giúp đỡ kẻ yếu không phải là một việc xấu, nó có thể thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội. Trong mỗi đứa trẻ đã có sẵn những phẩm chất này. Sự khích lệ và giúp đỡ không chỉ thể hiện ở cách trẻ đối xử với kẻ yếu mà còn thể hiện ở cách chúng đối xử với các loài động vật.

Người ta thường cho rằng, nếu không được giáo dục thì con người sẽ không biết tôn trọng động vật, bởi vì chúng ta luôn cho rằng một đứa trẻ vừa sinh ra đã tàn bạo, không có tình cảm, nhưng cách nghĩ này thực sự không chính xác. Một đứa trẻ bình thường sẽ có khuynh hướng

bảo vệ động vật. Trường học ở Laren của chúng tôi có nuôi một con sơn dương và ngày nào chúng tôi cũng cho nó ăn. Mỗi lần cho ăn, tôi thường giơ đồ ăn lên cao để con sơn dương đưa chân trước lên lấy đồ ăn. Tôi phát hiện ra là con sơn dương dần dần quen với tư thế này, đồng thời coi đó là một việc thú vị. Nhưng một hôm, có một cậu bé chạy đến, đưa tay đỡ lấy bụng của con sơn dương hồng giúp nó đứng vững. Nét mặt cậu bé cho tôi thấy rằng cậu sợ con sơn dương đứng bằng hai chân sẽ bị mệt. Không còn nghi ngờ gì, hành vi này biểu hiện bản chất lương thiện và tự nhiên của trẻ.

Ở trường học của chúng tôi còn có nhiều sự việc không thường thấy khác, ví dụ như sự tôn trọng kẻ mạnh. Những đứa trẻ không những không sợ hãi mà còn nhiệt liệt biểu dương những đứa trẻ có năng lực. Tình trạng đó xuất hiện khi trẻ học viết chữ. Việc một đứa trẻ viết được một từ đơn có thể khiến những đứa còn lại vô cùng hào hứng. Đứa nào cũng nhìn đứa trẻ biết viết chữ đầu tiên đó bằng ánh mắt ngưỡng mộ. Chúng sẽ cố gắng học tập và nói “Cháu cũng biết viết”. Thành tích của một đứa trẻ đã kích thích lòng nhiệt tình của cả đám trẻ. Lúc học viết chữ cái cũng vậy, bạn sẽ nhìn thấy lũ trẻ đưa những gì mình viết được cho giáo viên xem. Chúng tỏ ra vui vẻ khác thường, tiếng vỗ tay của chúng to đến nỗi những người ở tầng dưới (phòng học của chúng tôi ở tầng trên cùng) phải chạy lên xem rốt cuộc chuyện gì đang diễn ra. Và giáo viên của chúng tôi không thể không giải thích: “Bọn trẻ đang học chữ cái, chúng vui quá đấy mà.”

Giữa lũ trẻ có một tinh thần đồng đội rất rõ ràng. Tinh thần đồng đội này dựa trên nền tảng là tình cảm cao thượng, đồng thời có tác dụng thúc đẩy sự đoàn kết. Ví dụ này nói với chúng ta rằng, khi tình cảm của trẻ đạt đến một mức độ cao, khi cá tính của trẻ phát triển bình thường, chúng sẽ cảm thấy say mê. Việc những đứa trẻ lớn đối đãi tốt với những đứa trẻ nhỏ hơn chính là biểu hiện cụ thể của tình trạng này. Và ngược lại, cách đối xử của những đứa trẻ đã phát triển bình thường với những đứa trẻ mới đến, và cách chúng đối xử với những đứa trẻ đã thích ứng với môi trường cũng đều là biểu hiện cụ thể của tình trạng này.

Chương 23

SỰ GẮN KẾT CỦA XÃ HỘI

Ý thức tập thể không thể được hình thành bằng cách tuyên truyền. Nó cũng không phụ thuộc vào bất cứ hình thức cạnh tranh nào, mà là kết quả của tự nhiên. Đó là thành quả trẻ thu được bằng sự nỗ lực của bản thân. Chỉ có thông qua hành vi của chính mình, trong quá trình phát triển tự nhiên thì trẻ mới có thể cho ta thấy những giai đoạn buộc phải trải qua của đời sống xã hội.



Tâm hồn có sức thẩm thấu có khả năng gắn kết cả xã hội cao hơn là hành vi có ý thức, phương thức xây dựng nên nó là thứ mà chúng ta có thể nhìn thấy bằng mắt thường. Chúng ta có thể so sánh nó với quá trình trưởng thành của tế bào để tạo nên các cơ quan. Rõ ràng là xã hội cũng giống như quá trình trưởng thành của một đứa trẻ – phải trải qua giai đoạn phôi thai. Chúng ta cũng cảm thấy thú vị khi thấy rằng, trẻ dần dần ý thức được hành vi của mình đang thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Trẻ cũng dần dần cảm nhận được hành vi của mình là một phần của hành vi của cả tập thể. Trẻ không những cảm thấy vui vì điều này mà còn toàn tâm toàn ý tiến hành công việc của mình. Một khi đã đạt tới trình độ này, hành vi của trẻ không còn vô mục đích nữa, mà chúng đã biết đặt lợi ích của tập thể lên hàng đầu, kết hợp lợi ích của tập thể với lợi ích của bản thân.

Bước đầu tiên của ý thức bước vào xã hội có điểm tương đồng với “ý thức gia đình hoặc ý thức bộ lạc” của xã hội nguyên thủy mà chúng ta đã biết. Trong xã hội nguyên thủy, cá thể sinh tồn vì mục đích bảo vệ tập thể. Một số dấu tích của hiện tượng này xuất hiện ở con người trẻ khiến chúng ta cảm thấy kinh ngạc, bởi vì chúng phát triển hoàn toàn độc lập, không chịu sự tác động của bất cứ hành vi nào. Những dấu tích này cũng xuất hiện vô cùng đột ngột, giống như sự phát triển ở những phương diện khác, tựa như việc trẻ đến một độ tuổi nhất định thì sẽ đột nhiên mọc răng vậy. Dưới sự chi phối của nhu cầu tự nhiên và tiềm thức, dưới sự thôi thúc của ý thức xã hội, trẻ hình thành nên ý thức tổng thể. Tôi gọi hiện tượng này là “sự gắn kết xã hội”.

Hành vi tự nhiên của trẻ đã khiến chúng tôi hình thành quan niệm này. Hành vi của trẻ thường khiến chúng ta ngạc nhiên. Có thể lấy một ví dụ như thế này: Khi đại sứ Argentina nghe nói những đứa trẻ 4, 5 tuổi trong trường của chúng tôi đã hoàn toàn có thể tự đọc và viết được, hơn nữa không cần có sự quản lý của giáo viên mà chúng vẫn luôn tuân thủ kỷ luật, ông cảm thấy thật khó tin. Vì vậy ngài đại sứ đã quyết định không liên hệ trước mà đột ngột ghé thăm trường chúng tôi. Thật không may là hôm đó đúng là ngày lễ, nhà trường đóng cửa. Ngôi trường đó có tên là Ngôi nhà trẻ thơ, nằm trong khu phố của dân lao động, những đứa trẻ trong trường đều là con của các công nhân. Lúc ấy có một đứa bé đang chơi ở trong vườn trường và đã nghe thấy tiếng thở dài của ngài đại sứ. Đứa trẻ đoán ngài đại sứ chắc hẳn là một vị khách tới thăm quan trường, nên cậu bé đã nói: “Ngài đừng lo vì nhà trường đóng cửa, người gác cửa có chìa khóa, bạn học của cháu cũng đều ở con phố này.” Một lát sau, cổng trường mở ra, tất cả lũ trẻ đã có mặt. Đó chính là một ví dụ cho thấy hành vi có ý thức tập thể. Tất cả lũ trẻ không mong được báo đáp mà đều phát huy sức mạnh của mình trong tập thể. Giáo viên trong trường chỉ biết được việc này vào ngày hôm sau.

Ý thức tập thể không thể được hình thành bằng cách truyền thụ. Nó cũng không phụ thuộc vào bất cứ hình thức cạnh tranh nào, mà là kết quả của tự nhiên. Đó là thành quả trẻ thu được bằng nỗ lực của bản thân. Coghill từng nói: “Hành vi thời kì đầu của trẻ là do tự nhiên quyết định, nhưng sự phát triển của loại hành vi này chỉ được diễn ra trong điều kiện trẻ không ngừng giao tiếp với môi trường xung quanh”. Rõ ràng quy luật tự nhiên quyết định việc xây dựng cá tính và đời sống xã hội, nhưng kiểu quy luật tự nhiên này chỉ có thể xuất hiện thông qua hành vi của trẻ trong một hoàn cảnh thích hợp. Chỉ có thông qua hành vi trong quá trình

phát triển tự nhiên, trẻ mới có thể cho chúng ta thấy những giai đoạn phát triển cần thiết của đời sống xã hội. Kiểu chỉ đạo và gắn kết đời sống xã hội này có mối liên hệ mật thiết với khái niệm “thể tổng hợp xã hội” mà Washburne – nhà giáo dục học người Mỹ đã từng nhắc đến. Ông cho rằng đó là nhân tố quan trọng làm nên sự biến đổi xã hội, cần được coi là nền tảng của mọi loại giáo dục. “Thể tổng hợp xã hội” chỉ xuất hiện khi cá thể ý thức được bản thân thuộc về một tập thể nào đó. Khi “thể tổng hợp xã hội” xuất hiện, cá thể sẽ càng nghĩ về lợi ích tập thể nhiều hơn chứ không phải là vì lợi ích của bản thân.

Washburn đã lấy cuộc đua thuyền giữa hai trường đại học Oxford và Cambridge làm ví dụ minh chứng cho lý luận này của mình. Ông nói: “Mỗi người trên thuyền đều cố chèo nhanh hết sức. Cho dù họ biết rằng nỗ lực này chẳng mang lại vinh dự hay một sự báo đáp đặc biệt nào cho bản thân. Nếu kiểu tâm lý này trở thành ý thức chung của toàn xã hội, mỗi phần tử trong tập thể đều cống hiến hết mình vì tập thể, nếu cá nhân nghĩ nhiều hơn cho lợi ích tập thể chứ không phải là lợi ích của bản thân thì nhất định diện mạo của nhân loại sẽ thay đổi hoàn toàn. Nhà trường cần phải bồi dưỡng sự gắn kết này, bởi vì xã hội chúng ta đang rất thiếu sự gắn kết, mà nếu thiếu mất điều đó thì cuối cùng sẽ hủy hoại cả nền văn minh mà chúng ta đã sáng tạo nên.”

Chỉ có một nhóm người trong xã hội chúng ta không thiếu kiểu gắn kết này, đó chính là trẻ em. Sự gắn kết này của trẻ sản sinh dưới sự dẫn dắt của một sức mạnh thần bí. Chúng ta phải trân trọng điều này, bởi vì cho dù là nhân cách con người hay tình cảm xã hội thì cũng đều không phải là kết quả của sự dạy dỗ của giáo viên, mà là thành quả của bản thân mỗi con người.

Chúng ta không được nhầm lẫn giữa kiểu gắn kết xã hội tự nhiên này với tổ chức xã hội của người lớn. Sự gắn kết xã hội tự nhiên này là giai đoạn phát triển cuối cùng của trẻ, là sự sáng tạo thần kì nhất của phôi thai xã hội.

Sau khi bước qua tuổi lên 6 không lâu thì trẻ bắt đầu bước vào một giai đoạn phát triển khác. Một hình thức tồn tại khác tự nhiên xuất hiện, hình thức này hoàn toàn dựa trên cơ sở có ý thức. Trẻ bắt đầu có ham muốn tìm hiểu những quy luật và truyền thống mà hành vi của con người tuân theo. Trẻ hi vọng có một người sẽ lãnh đạo tập thể mà trong đó có trẻ đang sống. Rõ ràng là phục tùng người lãnh đạo, tuân thủ quy luật chính là sợi dây gắn kết tổ chức xã hội. Chúng ta biết rằng, kiểu ý thức phục tùng này đã được hình thành trong giai đoạn phôi thai trước đó.

Chuyên gia tâm lý học người Anh – McDougall từng tiến hành mô tả về tập thể xã hội của trẻ 6, 7 tuổi. Những đứa trẻ này phục tùng đứa trẻ lớn hơn mình, dường như chịu sự điều khiển của một loại bản năng quần cư. Những đứa trẻ bị người ta vứt bỏ và quên lãng này thường tự tập hợp thành một nhóm, cùng phản đối lại quyền lực và những quy tắc mà người lớn đặt ra. Loại nhu cầu tự nhiên này dần dần biến thành tâm lý chống đối (nổi loạn). Hoạt động hướng đạo đã cho thấy nhu cầu phát triển xã hội này, phản ánh bản tính của những người trẻ tuổi.

Nhưng khái niệm “bản năng quần cư” của McDougall vẫn có điểm khác biệt so với sự gắn kết bắt nguồn từ xã hội trẻ thơ. Hình thái phát triển xã hội trong tất cả các giai đoạn kể từ sau giai đoạn sơ sinh đến khi trưởng thành đều được hoàn thiện một cách có ý thức, cần sự lãnh đạo của một người bằng những quy tắc nhất định, người này hoặc là thủ lĩnh, hoặc là người được tôn trọng.

Sống trong một quần thể là một hiện tượng tự nhiên, là một nhu cầu bản năng của con người. Nó trưởng thành giống như một cơ thể, bộc lộ tính liên tục của những tính cách khác nhau. Có thể so sánh nó với việc người nông dân Ấn Độ dệt vải bằng tay.

Đầu tiên, chúng ta phải chú ý tới những quả bông xung quanh hạt giống. Trong đời sống xã hội, trước hết chúng ta phải xem xét đứa trẻ và hoàn cảnh gia đình của nó. Chúng ta còn phải làm sạch bông, tách bông ra khỏi những hạt bụi đen trên vỏ. Bọn trẻ ở trường Gandhi thường làm công việc này. Nó cũng giống với việc chúng ta tập hợp những đứa trẻ từ những gia đình khác nhau lại với nhau, sửa chữa những khiếm khuyết của chúng, giúp chúng tăng khả năng tập

trung, phát triển thành một cá thể bình thường.

Công việc sau đó là xe sợi. Nó giống với việc con người sống và làm việc trong một tập thể, đồng thời dần dần hình thành cá tính của bản thân. Đây là cơ sở của những phương diện khác. Nếu sợi vải được xe khéo, xe chắc thì tấm vải cũng sẽ đẹp và chắc. Chất lượng của sản phẩm dệt được quyết định bởi chất lượng của bông, những sợi bông chất lượng kém thì tấm vải dệt ra cũng chẳng có giá trị gì.

Sau đó chúng ta căng song song những sợi vải lên khung cửi, chúng không tiếp xúc với nhau và được kẹp lại ở hai đầu. Đó mới là những sợi vải, chưa thể gọi là tấm vải. Đương nhiên là nếu không có sợi vải thì không thể dệt nên tấm vải. Nếu sợi vải đứt hoặc vị trí và phương hướng dệt không chính xác thì cái thoi cũng sẽ không thể chạy qua chạy lại được. Cái thoi này chính là sự gắn kết xã hội. Công tác chuẩn bị của xã hội loài người dựa trên nền tảng là hành vi của trẻ dưới sự dẫn dắt của quy luật tự nhiên và những khuôn khổ nhất định. Cuối cùng chúng sẽ hợp tác với nhau, phục vụ vì mục tiêu chung của xã hội.

Sau đó công việc dệt vải mới thật sự bắt đầu. Con thoi không ngừng chuyển động giữa những sợi vải, cố định chúng với nhau. Giai đoạn này có thể so sánh với xã hội vận hành có tổ chức dưới sự khống chế của pháp luật và nhà nước. Tấm vải dệt xong, kể từ khi được gỡ từ khung cửi xuống thì sẽ không còn bất cứ thay đổi nào nữa, kết cấu của nó đã được cố định. Tấm vải lúc này đã hoàn toàn độc lập với khung cửi, có thể được con người sử dụng nhiều lần. Con người nếu chỉ chú trọng mục tiêu cá nhân mà không quan tâm đến người khác thì sẽ không thể hình thành nên xã hội. Hình thức cuối cùng của xã hội coi tổ chức chính là nền tảng.

Đương nhiên hai phương diện này cũng đan cài lẫn nhau. Xã hội không chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào tổ chức mà còn phụ thuộc vào sức gắn kết. Giữa hai phương diện này thì tổ chức là nền tảng, phục vụ cho xã hội. Một hệ thống pháp luật và một nhà nước tốt nếu như không thể khiến cá nhân nỗ lực vì mục tiêu của cộng đồng thì cũng không thể khiến con người trong cộng đồng đoàn kết và hòa hợp với nhau. Sức mạnh, sự nhanh nhạy của cộng đồng đều được quyết định bởi trình độ phát triển, mức độ ổn định về tâm lý và cá tính của con người.

Trật tự xã hội của người Hi Lạp được hình thành trên cơ sở nhân tính. Alexander đại đế có thể chinh phục được cả Ba Tư. Các tín đồ đạo Hồi (muslim) cũng vô cùng đoàn kết, nhưng sự đoàn kết này không phải là do tác dụng của pháp luật và mối quan hệ giữa con người với con người. Các tín đồ đạo Hồi thường định kỳ hành hương đến Mecca. Những tín đồ này vốn không quan biết nhau, việc hành hương này cũng không vì bất cứ mục đích cá nhân nào. Không có ai yêu cầu hay ra lệnh cho họ phải đi, mục đích của sự hi sinh lớn lao này chỉ là hành hương mà thôi. Hành vi hành hương chính là minh chứng tốt nhất cho sức gắn kết xã hội.

Thời trung cổ, ở châu Âu chiến tranh diễn ra liên miên, không có vi lãnh tụ nào có thể thực sự thống nhất các quốc gia châu Âu. Tại sao vậy? Điều bí mật nằm ở chỗ người dân ở mỗi đế quốc hay quốc gia đều có một tín ngưỡng tôn giáo sâu sắc, loại tín ngưỡng này khiến dân chúng mỗi quốc gia được gắn kết chặt chẽ. Các quốc vương và giai cấp thống trị thời đó đã tìm mọi cách khác nhau để cai trị bằng Cơ đốc giáo, dựa vào sức mạnh của Cơ đốc giáo.

Nhưng chỉ có sức gắn kết thôi thì chưa đủ để xây dựng nên một xã hội có thể thực sự đứng vững nhiều thế kỷ, không đủ để thức tỉnh một cuộc sống văn minh. Xin lấy một ví dụ hiện đại: Sức gắn kết này đã khiến người Do Thái gắn bó với nhau suốt hàng ngàn năm, nhưng cho đến gần đây họ mới muốn xây dựng quốc gia. Những người Do Thái này giống như những sợi vải sẽ dệt nên tấm vải. Chúng ta cũng có thể tìm thấy một ví dụ khác trong lịch sử cận đại. Mussolini và Hitler đầu tiên nhận thức rõ rằng, muốn duy trì một trật tự xã hội mới thì phải tiến hành giáo dục con người từ thời kì trẻ thơ. Họ đã tiến hành huấn luyện trẻ nhỏ và thanh niên suốt nhiều năm, truyền bá tư tưởng của mình cho những đứa trẻ và thanh niên đó. Cho dù người ta nhìn nhận về đạo đức của hai con người này như thế nào đi nữa thì cũng vẫn phải thừa nhận phương pháp mà họ áp dụng là phù hợp logic và có tính khoa học. Những người đứng đầu chính phủ này nhận thức được tầm quan trọng của sức gắn kết xã hội và tiến hành nắm bắt bắt đầu từ trẻ nhỏ.

Nhưng trật tự xã hội có tính liên tục là một hiện tượng tự nhiên, nó phải hình thành một cách tự phát dưới sức mạnh của tự nhiên. Không ai có thể làm thay việc của Thượng đế, bất cứ ai muốn đi ngược lại quy luật của tự nhiên cũng đều sẽ trở thành tội đồ của lịch sử, người lớn không nên kiểm soát năng lực sáng tạo cá tính của trẻ. Ngay cả sức gắn kết của người lớn cũng cần có sự chỉ đạo của một tư tưởng nào đó. Điều này có nghĩa là lí tưởng đó cao hơn cơ chế tổ chức. Ở đây có hai xã hội có quan hệ lẫn nhau: Một loại xã hội dựa vào sự sáng tạo trong tiềm thức, một loại xã hội khác bắt nguồn từ hành vi có ý thức. Hay nói cách khác, một loại bắt đầu từ thời kì trẻ thơ, còn một loại khác thì phải hình thành thông qua sự nỗ lực của người trưởng thành, bởi vì chỉ có trẻ nhỏ mới có tâm hồn có sức thẩm thấu, mới có thể học tập những đặc trưng của dân tộc của mình. Đặc tính thời kì “phôi thai tinh thần” của trẻ nhỏ không phải là kết quả của trí lực, cũng không phải là kết quả của công sức con người, mà là một đặc trưng tâm lí duy trì trong xã hội loài người. Trong quá trình xây dựng cá tính bản thân, trẻ sẽ tiếp thu và học hỏi đặc trưng tâm lí này, cuối cùng trở thành một người nói một thứ ngôn ngữ nhất định, thờ phụng một tôn giáo nhất định, phục tùng một truyền thống xã hội nhất định. Những gì có tính ổn định và tính cơ sở trong trật tự xã hội chính là phần có tính liên tục. Đương nhiên trật tự xã hội cũng không ngừng biến đổi. Nếu chúng ta để trẻ được tự do phát triển, dần dần trưởng thành, chúng ta sẽ phát hiện bí mật của sức mạnh cá nhân và sức mạnh của xã hội.

Ngược lại, con người lại tiến hành phán đoán và quy phạm cuộc sống của chính mình bằng những phương thức tổ chức, ý thức. Họ yêu cầu tăng cường và đảm bảo sự tồn tại của tổ chức như thể họ chính là người sáng tạo vậy. Họ không suy xét gì về cơ sở không thể thiếu của tổ chức đó mà chỉ cầu xin sự kiểm soát của người khác. Mục đích cao nhất của họ là tìm được một người lãnh đạo.

Rất nhiều người mong chờ sự xuất hiện của thiên tài có khả năng lãnh đạo như Chúa cứu thế. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, có người đã đề nghị thành lập một trung tâm huấn luyện lãnh đạo, bởi vì các lãnh đạo đương thời chẳng có ai có năng lực xử lí công việc một cách chuẩn xác. Thực tế là họ mong muốn thông qua phương thức kiểm tra tâm lí để phát hiện thiên tài, họ còn muốn tìm kiếm người có tài lãnh đạo trong trường học và tiến hành bồi dưỡng những người này. Nhưng ai sẽ là người có đủ tư cách để bồi dưỡng những nhân tài này đây?

Thực tế là chúng ta không thiếu người lãnh đạo, ít nhất mấu chốt của vấn đề cũng không nằm ở đó. Các mặt liên quan đến vấn đề này nhiều hơn so với tưởng tượng của chúng ta rất nhiều. Nguyên nhân là số đông chúng ta hoàn toàn không có sự chuẩn bị cho đời sống trong xã hội văn minh. Vì vậy chúng ta phải bắt đầu giải quyết vấn đề này từ việc giáo dục quần chúng, xây dựng cá tính cho họ và khai thác, phát triển tiềm năng của họ. Những người đứng đầu chính phủ hay là thiên tài đều không thể nào gánh vác trọng trách này. Vấn đề này chỉ có thể được giải quyết bằng cách khai thác tiềm năng của cộng đồng.

Vấn đề cấp bách nhất, quan trọng nhất mà xã hội hiện đại đang phải đối mặt là tiềm năng của cộng đồng chưa được khai thác hết. Trong biểu đồ ở phần trước, chúng ta đã nói qua hai lực đối lập: Một loại hướng về trung tâm, một loại hướng ra ngoại biên (hình 11). Nhiệm vụ quan trọng của giáo dục chính là đảm bảo duy trì sự phát triển bình thường, đồng thời dần dần tiến tới gần với vòng tròn biểu thị sự hoàn mỹ. Ngược lại, tất cả những gì chúng ta làm được hiện nay là kéo những người không bình thường, những người có vấn đề về tâm lí, những người cần chúng ta giúp đỡ, ngăn họ không hướng về vòng tròn ngoài cùng, nếu không, họ sẽ trở thành “kẻ ngoại đạo” trong xã hội này. Phương pháp hiện nay của chúng ta đã vi phạm quy luật phát triển bình thường của con người, thậm chí có thể phá hủy chính bản thân chúng ta. Một nửa dân số mù chữ không phải là mối đe dọa với xã hội, mối nguy hại thật sự chính là những hành vi coi thường tính sáng tạo của con người, chà đạp tiềm năng mà Thượng đế đã ban tặng cho trẻ nhỏ, trong khi chính những điều đó lại là khởi nguồn có thể đưa loài người tiến lên một thang giá trị đạo đức và giá trị tinh thần cao hơn. Khi đối mặt với cái chết, con người thường gào khóc không thôi, mong chờ được thoát khỏi cái chết, nhưng điều thật sự cần quan tâm không phải là cái chết mà là giá trị và mục tiêu của con người. Nỗi đau thực sự của con người không phải là nỗi sợ hãi cái chết mà là sự thiếu cá tính và lãng phí tiềm năng con người.

Sự thiếu hiểu biết chính là kẻ thù lớn nhất của loài người. Chúng ta biết cách tìm ngọc trai

bên trong thân con trai, biết cách tìm vàng trong lòng núi, biết cách khai thác than dưới lòng đất, nhưng lại không biết gì về thế giới tinh thần của con người, không biết gì về sức sáng tạo tiềm tàng trong nội tâm mỗi đứa trẻ. Chúng ta cần biết rằng, mục đích đến với thế giới này của trẻ em chính là để làm thay đổi thế giới, khuấy động thế giới.

Nếu các trường học đều tổ chức theo phương thức của chúng tôi, chắc chắn họ sẽ tạo ra kì tích. Ngược lại, các giáo viên đều cho rằng trẻ nhỏ không chủ động học tập. Họ đều phải hoặc là cưỡng ép, hoặc khích lệ, hoặc trừng phạt, hoặc dùng vật chất làm “mồi nhử” để yêu cầu trẻ chăm chỉ học tập. Các giáo viên này dùng phương pháp cạnh tranh để kích thích hứng thú học tập, nhưng tất cả những phương pháp đó đều không mang lại kết quả tốt. Cách đối xử điển hình nhất của người lớn với trẻ nhỏ chính là không ngừng tìm kiếm nhược điểm của trẻ, sau đó phê bình nghiêm khắc. Nhưng những lời phê bình đó chẳng có chút tác dụng nào. Nếu công tác giáo dục coi những phương pháp đó là nền tảng thì chỉ có thể kéo dài sống xã hội xuống một trình độ thấp hơn. Các trường học hiện nay không cho phép học sinh được so bài tập với nhau, giúp nhau làm bài cũng là việc không được phép. Tiếp nhận sự giúp đỡ của người khác và giúp đỡ người khác đều bị cho là sai trái, thứ đoàn kết mà chúng ta đã nói hoàn toàn không có mặt trong nhà trường. Thứ tiêu chuẩn gọi là “bình thường” cũng là do con người đặt ra. Chúng ta thường nghe thấy những câu đại loại như: “Không được chơi”, “Đừng nói chuyện”, “Không được làm bài giúp bạn”, “Khi cô chưa gọi tới em thì em không được nói”. Những câu nói đó đầy tính mệnh lệnh và phủ định.

Đối mặt với tình trạng này, chúng ta cần phải làm gì? Một số giáo viên cũng nghĩ đến việc tạo ra không khí lành mạnh trong lớp học, nhưng họ không hề biết rằng bản thân trẻ hoàn toàn có khả năng làm được nhiệm vụ đó. Họ thường nói: “Các em không được ghen tị với những bạn học giỏi hơn”, “Không được trả thù những người đã làm hại mình.” Những câu nói này vẫn mang ý nghĩa phủ định nhất định. Cách làm thường thấy của giáo viên hàm chứa ý nghĩa rằng con người đều xấu, chúng ta phải nỗ lực thay đổi họ, nhưng những việc bản thân trẻ có thể làm được sẽ khiến những nhà công tác giáo dục phải kinh ngạc. Trẻ tôn sùng người mạnh hơn mình, sự tôn sùng này không thể sinh ra nhờ những tác động bên ngoài. Nếu trẻ thực sự có thiên tính tốt đẹp này, chúng ta cần cổ vũ và khai thác. Vấn đề “báo thù” mà giáo viên đã nói cũng vậy. Trẻ thường kết bạn với những đứa trẻ được coi là “kẻ thù”, đây không phải là việc mà người khác yêu cầu trẻ làm. Trẻ thường bộc lộ tình yêu thương và lòng trắc ẩn với những người phạm sai lầm, tình yêu và lòng trắc ẩn này không phải do người khác ép trẻ làm vậy. Trẻ sẽ giúp đỡ những đứa trẻ trí lực không phát triển bằng mình, đó cũng không phải làm việc làm do bị cưỡng ép. Đúng như chúng ta đã nói ở trên, những tình cảm hết sức tự nhiên này cần được khuyến khích. Nhưng cách làm hiện tại của người lớn lại hoàn toàn khác, trình độ giáo dục tại một số trường vẫn ở mức độ rất thấp, vẫn nằm ở vòng tròn thứ ba (hình 11), những học sinh trong trường đang dần tiến tới vòng ngoại biên, dần dần trở thành tầng lớp bỏ đi của xã hội. Trước hết, các giáo viên cho rằng, học sinh không thể nào tự học được, cần phải tiến hành giáo dục chúng. Thứ hai, họ cho rằng việc nói những câu ngữ khí mệnh lệnh sẽ giúp ích cho trẻ, ví dụ như “Không được làm cái này, không được làm cái kia” mà theo cách nói của chúng ta chính là “không được tiến về phía vòng tròn ngoài cùng”. Nhưng kì thực, mỗi đứa trẻ bình thường đều có khuynh hướng theo đuổi sự hoàn mỹ, chúng cơ bản không cảm thấy những việc xấu có bất cứ sức hấp dẫn nào.

Một hành vi không tốt khác của người lớn chính là thường xuyên làm gián đoạn công việc bình thường của trẻ trong cuộc sống. Người lớn thường nói với trẻ rằng: “Thời gian làm cùng một việc không nên quá dài, các con sẽ cảm thấy mệt.” Nhưng trẻ vốn có tâm lí muốn phát huy hết sức, trong khi giáo dục nhà trường hiện tại không thể giúp trẻ phát huy đầy đủ bản năng sáng tạo của mình. Trẻ còn có cảm giác thích được hoạt động chân tay, có cảm giác thích nỗ lực làm việc. Chúng tìm thấy niềm vui khi được làm việc, tìm thấy cái tôi trong quá trình an ủi người khác và giúp đỡ những kẻ yếu hơn.

Tôi xin lấy ví dụ so sánh *Kinh Cựu ước* và *Kinh Tân ước* để cho thấy sự khác biệt giữa trường học bình thường và trường học kiểu cũ. Mười điều răn trong *Kinh Cựu ước* được diễn đạt như sau: “Không được sát sinh”, “Không được ăn cắp”... Sở dĩ *Kinh Cựu ước* sử dụng ngôn ngữ có

ngữ khí phủ định như vậy là vì con người lúc đó còn ở trong giai đoạn mê muội, tư duy còn khá hỗn loạn. Trong *Kinh tâm ước*, Chúa (giống như trẻ em) sử dụng ngôn ngữ mang ngữ khí khẳng định, ví dụ như “Yêu thương kẻ địch” để răn dạy những người mà đã có ý thức tự giác cao. Chúa nói rằng: “Ta cần phải thôi thúc những người có tội đó hối cải”.

Nhưng dùng những tín điều đó để giáo dục con người thì chưa đủ. Nếu chúng ta chỉ nói “yêu thương kẻ thù” ở giáo đường chứ không phải ở chiến trường, thì câu nói này sẽ chẳng có bất cứ tác dụng gì. Chúng ta sử dụng những câu như “Không được sát sinh” là vì chúng ta đặt sự chú ý của mình lên hi vọng ngăn chặn cái ác, dường như chính nghĩa đã trở nên vô dụng. Nếu như những tín điều này chỉ là nguyện vọng tốt đẹp của chúng ta, vậy thì “yêu thương kẻ thù của con” sẽ mãi mãi chỉ là lời nói sáo rỗng.

Vì sao ư? Bởi vì những điều tốt đẹp đó chưa ăn sâu vào tâm hồn chúng ta. Có thể chúng đã từng xuất hiện trong tâm hồn ta, nhưng hiện tại chúng đã chết và đã bị chôn vùi rồi. Nếu toàn bộ nền giáo dục của chúng ta đều ủng hộ sự đối địch, cạnh tranh và dã tâm, vậy thì sau khi con người trưởng thành, làm sao chúng ta có thể dùng cách thuyết giáo để khiến con người thay đổi? Sự thay đổi này không thể xảy ra, bởi vì con người về cơ bản chưa từng được giáo dục về phương diện này.

Bản năng sáng tạo quan trọng hơn việc thuyết giáo, và điều này đã được thực tế chứng minh. Trẻ nhỏ làm việc dựa vào quy luật tự nhiên chứ không phải là dựa vào những lời thuyết giáo của thầy cô. Tâm hồn chỉ có thể có được những điều tốt đẹp thông qua hành động giúp đỡ lẫn nhau và sự hòa hợp về tinh thần. Hành vi của trẻ cho chúng ta thấy xã hội được tạo ra nhờ sự gắn kết, sức gắn kết này là căn bản của mọi tổ chức xã hội. Chính vì thế mà tôi mới nhận định rằng, người lớn không thể trực tiếp dạy dỗ trẻ 3-6 tuổi. Chúng ta chỉ có thể nghiêm túc quan sát, tìm hiểu tình trạng phát triển từng ngày của trẻ. Tạo hóa đã ban tặng cho trẻ khả năng phát triển bản thân thông qua lao động. Tạo hóa đã tặng cho trẻ một loại sức mạnh chỉ đạo nội tại, nhưng để phát triển toàn diện thì cần nỗ lực không ngừng để thu được đủ kinh nghiệm, nếu không thì bất cứ sự thuyết giáo nào cũng là vô ích. Sự trưởng thành có được là nhờ hành vi, thay vì hiểu biết về sự vật nào đó. Giáo dục trẻ em, đặc biệt là giáo dục trẻ trong giai đoạn 3-6 tuổi là việc vô cùng quan trọng, bởi vì 3-6 tuổi chính là độ tuổi bắt đầu hình thành tính cách và quan niệm xã hội (từ sơ sinh đến 3 tuổi là giai đoạn hình thành tâm lí, trước khi chào đời là giai đoạn hình thành cơ thể). Sự phát triển của trẻ 3-6 tuổi không được quyết định bởi những lời thuyết giáo bên ngoài mà phụ thuộc vào quy luật tự nhiên. Đó chính là khởi nguồn hành vi của con người, hành vi chỉ phát triển tốt trong môi trường tự do có trật tự mà thôi.

Chương 24

SAI LẦM VÀ CÁCH SỬA CHỮA

Nếu chúng ta buộc phải tiến hành khen ngợi và trừng phạt trẻ thì có nghĩa là trẻ đã không có được năng lực tự kiểm chế bản thân, lúc này phương pháp kiểm chế phải do giáo viên mang lại. Nhưng giả sử trẻ đang làm việc gì đó, nếu chúng ta không ngừng khen ngợi hay trừng phạt trẻ thì điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tự do về tinh thần của trẻ.



Bọn trẻ ở trường của tôi được tự do hoạt động, nhưng điều này không có nghĩa là chúng vô tổ chức. Trên thực tế, tổ chức là điều bắt buộc. Nếu muốn để cho trẻ tự do “làm việc”, chúng ta lại càng cần suy xét nhiều hơn đến yếu tố tổ chức. Trong môi trường mà chúng tôi đã sáng tạo, trẻ sẽ thu thập kinh nghiệm, hoàn thiện bản thân, nhưng dành cho trẻ sự quan tâm đặc biệt là điều không thể thiếu được. Khi trẻ đã bắt đầu có thể tập trung chú ý, điều này sẽ được bộc lộ qua nhiều phương diện. Bản thân trẻ càng tích cực thì giáo viên lại càng tiêu cực. Thực tế là giáo viên chỉ cần đứng một bên và không phải làm gì cả.

Đúng như đã nói ở phần trên, trẻ sẽ hòa nhập vào xã hội dưới điều kiện này, và những thành quả mà trẻ thu được sẽ vô cùng tốt đẹp. Một số người sau khi chứng kiến hiện tượng này có thể sẽ nghĩ rằng, nếu những đứa trẻ này không bao giờ phải chịu sự bó buộc của người lớn thì sẽ càng tốt hơn. Việc bọn trẻ ở cùng nhau là một hiện tượng quan trọng và tinh tế giống như cuộc sống phôi thai. Chúng ta không nên làm phiền cuộc sống này của trẻ. Việc chúng ta chuẩn bị cho trẻ các món đồ, tạo ra môi trường phát triển cho trẻ chính là đang tạo nền tảng cho hiện tượng này.

Xã hội hiện đại cần tạo ra định vị chính xác về mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh. Chúng ta sẽ thảo luận về công việc của giáo viên trong một chương khác, nhưng có một việc mà giáo viên tuyệt đối không được làm, đó là can thiệp vào cuộc sống của trẻ bằng những phương thức như khen thưởng, trừng phạt hoặc sửa đổi những lỗi lầm của trẻ. Điều này xem ra thật là khó tin, và cũng không phải là điều dễ lí giải. Có người sẽ hỏi: “Nếu không giúp trẻ sửa sai thì làm sao có thể khiến trẻ đi theo con đường đúng đắn đây?”

Rất nhiều giáo viên cũng cho rằng, công việc chính của họ là phê bình bọn trẻ. Cho dù là về mặt học tập hay về mặt đạo đức thì các giáo viên cũng đều áp dụng phương pháp này. Họ cho rằng, việc dạy dỗ học sinh chủ yếu trên hai phương diện: Phê bình và trừng phạt.

Nếu chúng ta buộc phải tiến hành khen ngợi và trừng phạt trẻ thì nghĩa là trẻ đã không có được năng lực tự kiểm chế bản thân, lúc này phương pháp kiểm chế phải do giáo viên mang lại. Nhưng giả sử trẻ đang làm việc gì đó, nếu chúng ta không ngừng khen ngợi hay trừng phạt trẻ thì điều này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tự do về tinh thần của trẻ. Trường chúng tôi luôn tôn trọng sự phát triển tự nhiên và tự do, chúng tôi tuyệt đối không sử dụng phương pháp khen thưởng hay trừng phạt. Trong rất nhiều trường hợp, trẻ tiến hành công việc của mình một cách tự do, chúng cho rằng khen thưởng và trừng phạt là điều hoàn toàn không cần thiết.

Việc chúng tôi yêu cầu không khen thưởng trẻ có thể sẽ không phải đón nhận quá nhiều lời chỉ trích. Rốt cuộc việc này không phải trả cái giá quá đắt, cũng không ảnh hưởng quá lớn đến trẻ, bình thường chúng ta nhiều nhất cũng chỉ khen thưởng trẻ một lần. Nhưng việc trừng phạt thì khác, hầu như ngày nào chúng ta cũng trừng phạt trẻ. Ví dụ như việc chúng ta tiến hành sửa bài tập trong vở bài tập cho trẻ. Sau khi sửa, điểm số của trẻ có thể dao động từ 0 điểm đến 10 điểm. Lẽ nào điểm 0 có thể sửa chữa những khiếm khuyết của trẻ? Giáo viên có thể sẽ nói: “Em luôn phạm những sai lầm giống nhau, em hoàn toàn không nghe lời tôi, nếu cứ thế này, em mãi mãi không thể thi đỗ trung học.”

Tất cả những lời biểu dương hay phê bình về bài tập của trẻ đều chỉ dập tắt lòng nhiệt tình và tính tích cực của trẻ mà thôi. Nếu bạn chê một đứa trẻ quá nghịch ngợm hay ngu dốt, những

lời nói này sẽ chỉ làm hại trẻ chứ không thể khiến trẻ có bất cứ thay đổi tốt nào, bởi nếu muốn một đứa trẻ không phạm lỗi, thì đứa trẻ đó buộc phải thành thạo việc hơn nữa. Nhưng nếu trẻ đã không đạt yêu cầu, cũng không được ai khuyến khích thì làm sao trẻ có thể nâng cao trình độ hơn nữa? Những giáo viên trước kia thường véo tai học sinh học dốt và đánh vào tay những học sinh viết chữ xấu. Nhưng dù cho họ có véo đồ tai hay đánh sưng tay học sinh thì cũng không thể nâng cao được năng lực của chúng. Chỉ có không ngừng học tập và tích lũy kinh nghiệm thì mới giúp trẻ nâng cao năng lực. Để có được các loại khả năng khác nhau thì đòi hỏi phải có một thời gian luyện tập rất lâu dài. Những đứa trẻ không nghe lời sẽ trở nên nghe lời khi được cùng làm việc với những đứa trẻ khác, còn nếu chỉ nói với trẻ rằng: “Con thật nghịch ngợm” thì sẽ không thể khiến trẻ trở nên biết nghe lời. Nếu bạn nói rằng một học sinh thiếu một kĩ năng nào đó, học sinh đó có thể sẽ trả lời rằng: “Tại sao thầy lại nói như vậy, em biết kĩ năng đó.”

Đó không phải là sửa chữa, mà chỉ là trần thuật lại một thực tế. Sự phát triển và chuyển biến tốt chỉ có thể có được thông qua việc trẻ chủ động luyện tập trong một thời gian dài.

Tất nhiên cũng có lúc trẻ phạm lỗi nhưng bản thân lại không biết đó là điều sai, nhưng chính bản thân giáo viên cũng không bao giờ tự biết lỗi của mình. Thầy cô giáo luôn tự răn bản thân không được phạm lỗi, họ sợ sẽ làm một tấm gương xấu cho trẻ. Vì vậy, khi phạm lỗi, họ nhất định sẽ không thừa nhận với trẻ. Không bao giờ phạm lỗi trong mắt họ chính là sự tôn nghiêm. Họ cho rằng, giáo viên luôn luôn đúng. Đương nhiên đó không hoàn toàn là trách nhiệm của giáo viên, mà cả hệ thống giáo dục phải chịu trách nhiệm về điều này, bởi nó đã được xây dựng trên một nền móng sai lầm.

Nếu chịu khó nghiên cứu về hiện tượng phạm lỗi, chúng ta sẽ thấy rằng, bất cứ ai cũng từng phạm lỗi, đó là một thực tế và việc chúng ta chịu thừa nhận thực tế này đã là một bước tiến. Nếu dựa trên nguyên tắc tôn trọng sự thật thì chúng ta nên thừa nhận rằng, ai cũng có lúc sai lầm, nếu không chúng ta đã trở thành người hoàn hảo. Vì vậy chúng ta nên có cách ứng xử đúng đắn về vấn đề phạm lỗi, nên coi sai lầm là một phần không thể tách rời của con người, bởi sai lầm ở một mức độ nào đó cũng có ích lợi của nó.

Rất nhiều sai lầm sẽ được sửa chữa trong suốt cuộc đời con người. Một đứa trẻ chập chững học đi rồi cuối cùng cũng sẽ biết đi, bằng quá trình trưởng thành và tích lũy kinh nghiệm, cuối cùng trẻ đã có được thành tựu này. Ai cho rằng mình là người hoàn mỹ, thì người đó chỉ đang tự lừa dối bản thân. Sự thật là chúng ta không ngừng phạm lỗi, đồng thời không có ý thức sửa đổi lỗi lầm. Chúng ta không nhận thức được sai lầm của bản thân, chúng ta sống trong thế giới ảo tưởng xa rời sự thật. Một giáo viên tự nhận mình hoàn mỹ, không nhận thức được khuyết điểm của bản thân thì không phải là một người giáo viên tốt.

Sai lầm tồn tại mọi nơi mọi lúc, nếu là người muốn theo đuổi sự hoàn mỹ, chúng ta cần chú ý đến khuyết điểm của bản thân, chỉ có sửa chữa khuyết điểm thì chúng ta mới có thể đưa mình lên tầm cao mới. Cần tỉnh táo nhận thức được điều này, cần hiểu rằng phạm lỗi là việc không thể tránh được. Thậm chí trong các môn khoa học, lĩnh vực đòi hỏi sự chính xác như toán học, vật lí, hóa học... việc phạm lỗi cũng có tác dụng vô cùng quan trọng, bởi vì những môn khoa học này luôn tiến hành xem xét từ những sai lầm. Theo đuổi một môn khoa học tức là cần phải nghiên cứu các sai sót một cách khoa học. Việc khoa học và sai lầm bị chia tách khỏi nhau chính là vì khoa học có thể đánh giá các sai sót một cách hữu hiệu.

Trong quá trình đánh giá này có hai vấn đề vô cùng quan trọng, một là thu được một trị số chính xác, trị số thu được tồn tại một phạm vi sai số cho phép. Kết luận khoa học không nhất định là một kết luận tuyệt đối, nó cho phép có sai số nhất định, ví dụ như tỉ lệ thành công của tiêm kháng sinh là 95%. Nhưng chúng ta biết rằng tỉ lệ sai sót 5% cũng vô cùng quan trọng. Một chiếc thước đo cũng chỉ chính xác được tới một đơn vị nhất định chứ không thể chính xác tuyệt đối. Không thể có được con số tuyệt đối và kết luận tuyệt đối, việc đưa ra tỉ lệ sai sót nhất định mới khiến kết luận trở nên có giá trị hơn. Sai sót có thể xuất hiện và bản thân các con số đều quan trọng như nhau, nếu không đưa ra sai số cho phép thì con số đó sẽ không được coi là con số nghiêm túc. Trong khoa học theo đuổi sự chính xác, sai số có tầm quan trọng như vậy,

và nó còn quan trọng hơn nữa trong công việc của chúng ta. Đối với chúng ta, sai sót có tầm quan trọng đặc biệt, bởi vì chỉ có hiểu được sai sót thì mới có thể sửa đổi và xóa bỏ nó.

Vì vậy chúng tôi đã tổng kết ra một nguyên tắc khoa học, chỉ rõ con đường tiến tới sự hoàn mỹ. Chúng tôi gọi đó là “khống chế sai lầm”. Công việc của giáo viên trong nhà trường, công việc của học sinh và của những người khác đều có thể phạm sai lầm. Vì vậy chúng tôi đưa ra một nguyên tắc: Sửa chữa sai lầm không phải là việc quan trọng nhất, mà trước tiên chúng ta cần phải nhận thức được sai lầm của mình. Mỗi người đều nên kiểm điểm bản thân, kiểm điểm những việc làm của bản thân có đúng hay không. Chúng ta cần biết việc mình làm là đúng hay sai, mà tiền đề của việc này là chúng ta không được nghiêm trọng hóa mà thay vào đó là cần cảm thấy hứng thú trước sai lầm mà bản thân đã phạm phải.

Trong các trường học bình thường, học sinh hoàn toàn không biết lỗi mà mình phạm phải. Trẻ phạm lỗi trong trạng thái vô thức và có thái độ không quan tâm đến lỗi lầm của mình, bởi vì sửa lỗi không phải là việc của bản thân trẻ mà là việc của giáo viên. Điều này khác xa so với sự tự do mà chúng ta đã đề cập!

Nếu không thể tự sửa chữa sai lầm của bản thân thì chúng ta sẽ tìm kiếm sự trợ giúp của người khác, nhưng hiểu biết của người khác về sai lầm của chúng ta thậm chí còn ít hơn cả chúng ta. Nếu tự nhận thức được sai lầm của bản thân và có thể sửa chữa thì thật tốt biết mấy! Nếu hỏi thứ gì có tính quyết định đối với sự hình thành tính cách của con người thì đó chính là khả năng tự sửa chữa sai lầm. Nếu không có năng lực này, chúng ta sẽ trở nên tự ti hoặc thiếu tự tin.

Nguyên tắc “khống chế sai lầm” có thể cho chúng ta thấy phương hướng mà chúng ta đi là chính xác hay sai lầm. Giả dụ rằng chúng ta đang muốn tới một thành phố nhưng lại không biết đường đi, đó là tình huống xảy ra hàng ngày mà chúng ta rất hay gặp. Để chắc chắn, chúng ta sẽ tra cứu bản đồ hoặc tìm biển chỉ đường. Nếu nhìn thấy tấm biển “Ahmedabad – 2km”, chúng ta sẽ lập tức cảm thấy an tâm. Nhưng nếu biển chỉ đường viết là “Mumbai – 50km” thì chúng ta biết mình đã đi nhầm đường. Bản đồ và biển chỉ đường là những thứ giúp ích cho chúng ta rất nhiều, nếu không có chúng, chúng ta chỉ còn cách hỏi đường bằng miệng mà những câu trả lời nhận được có thể hoàn toàn trái ngược nhau. Lỗi chỉ đường đáng tin cậy là một điều kiện không thể thiếu giúp chúng ta đi tới đích. Vì vậy những điều cần thiết trong đời sống thực tế và khoa học cần được thể hiện trong khởi điểm của giáo dục, chỉ có như vậy chúng ta mới có thể nhận thức được khuyết điểm của mình. Chúng ta cần mang lại sự trợ giúp cho học sinh giống như việc ta chỉ đạo và cung cấp tư liệu học tập cho trẻ. Động lực phát triển phần lớn quyết định bởi việc phương hướng phát triển mức độ tự do có chính xác hay không, vì vậy chúng ta cần vận dụng phương pháp nào đó để tìm hiểu bản thân có bị chệch hướng phát triển hay không. Nếu nguyên tắc này được ứng dụng trong nhà trường và trong cuộc sống hàng ngày thì việc giáo viên và người mẹ có hoàn mỹ hay không đã không còn quá quan trọng nữa. Việc người lớn phạm lỗi sẽ khiến trẻ cảm thấy thú vị ở chừng mực nào đó, chúng còn có thể đồng cảm với người lớn, nhưng sự đồng cảm này là một tình cảm tự nhiên. Đối với trẻ, phạm lỗi trở thành một hiện tượng rất tự nhiên. Hiện tượng “bất cứ ai cũng có thể phạm sai lầm” này có thể ảnh hưởng rất lớn đến trẻ, đồng thời nó còn giúp rút ngắn khoảng cách giữa mẹ và con. Sai lầm rút ngắn khoảng cách giữa chúng ta, biến chúng ta thành bạn hữu. Sai lầm dễ thúc đẩy hình thành mối quan hệ tốt đẹp hơn là sự hoàn mỹ. Chúng ta không thể nào thay đổi một người “hoàn mỹ”. Nếu hai người “hoàn mỹ” cùng đi với nhau, họ nhất định sẽ không ngừng cãi cọ, bởi vì họ không thể thấu hiểu cũng như nhường nhịn đối phương.

Chúng ta biết rằng, trò chơi đầu tiên của trẻ là sắp xếp các vật hình trụ. Những khối trụ cao thấp khác nhau, đường kính khác nhau, mỗi khối trụ đều có thể xếp vào một vị trí tương ứng. Khi chơi trò chơi này, trước tiên trẻ sẽ biết rằng tất cả các khối trụ đều khác nhau. Thứ hai, trẻ hiểu rằng cần dùng ngón tay cái kết hợp với hai ngón tay khác để tóm lấy đỉnh của khối trụ. Trẻ sẽ xếp khối trụ này cạnh khối trụ khác. Cuối cùng, trẻ sẽ phát hiện rằng mình đã phạm sai lầm – khối trụ cuối cùng quá lớn, không thể đặt vào trong lỗ của khối trụ thứ hai, trong khi một số khối trụ khi đưa vào trong lỗ của khối trụ khác thì lại rất dễ dàng. Trẻ sẽ bắt đầu kiểm tra lại, nghiên cứu tỉ mỉ, cố gắng giải quyết vấn đề. Khối trụ còn sót lại này cho thấy trẻ đã phạm sai

lầm. Chính sai lầm này khiến trẻ cảm thấy thích thú. Vì vậy, trẻ sẽ không ngừng lặp đi lặp lại trò chơi này. Trò chơi này có hai điểm tốt đối với trẻ: Một là nâng cao năng lực lí giải của trẻ, hai là khiến trẻ kiểm soát sai lầm một cách hiệu quả.

Những đồ chơi mà chúng tôi thiết kế cho trẻ có thể cho trẻ nhận ra sai lầm của mình bằng trực quan. Trẻ 2 tuổi đã có thể dùng các món đồ chơi này và sớm hình thành quan niệm tự sửa sai, điều này khiến trẻ bước vào con đường không ngừng hoàn thiện. Nhưng điều này không có nghĩa là trẻ đã trở nên rất hoàn mĩ mà thay vào đó, trẻ còn cần phải nhận thức được năng lực của bản thân, như vậy mới có thể kích thích nguyện vọng nỗ lực làm việc của trẻ.

Trẻ có thể sẽ nói: “Cháu không hoàn mĩ, cũng không phải là việc gì cũng làm được, nhưng cháu biết mình có thể làm được gì. Cháu có phạm lỗi, nhưng cũng có thể tự sửa lỗi.”

Tính cách thận trọng, tự tin và những kinh nghiệm đã có được sẽ giúp ích cho chúng ta suốt đời. Cảm giác tự hào này không dễ dàng có được như chúng ta tưởng tượng, dẫn dắt trẻ vào con đường từng bước hoàn thiện cũng không phải là việc dễ. Việc chúng ta chỉ đánh giá ai đó nhanh nhẹn hay lười biếng, thông minh hay ngu ngốc, tốt hay xấu sẽ chỉ phản tác dụng mà thôi. Trẻ cần biết bản thân phù hợp với việc gì. Chúng ta không nên tiến hành giáo dục trẻ, mà nên tạo điều kiện cho trẻ hiểu về sai lầm của bản thân.

Chúng ta có thể nhìn thấy những đứa trẻ đã tiếp nhận sự giáo dục đó trong khoảng thời gian rất dài có tình trạng như thế nào. Sau khi giải toán và có được kết quả, trẻ sẽ kiểm tra lại kết quả, việc này đã trở thành thói quen của trẻ. Kiểm tra kết quả có sức hấp dẫn đối với trẻ hơn là bản thân kết quả. Chúng tôi có một kiểu luyện tập, đó là yêu cầu trẻ xếp thẻ có ghi tên đồ vật vào với đồ vật tương ứng, trẻ sẽ dùng các cách khác nhau để kiểm tra kết quả của mình, sau khi phát hiện lỗi sai, trẻ sẽ cảm thấy hứng thú tột cùng.

Trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà trường, chúng tôi thường cố ý sắp xếp một số sai sót dễ dàng được nhận thấy, bởi vì như vậy sẽ khiến trẻ dần dần hoàn thiện. Trẻ em theo đuổi sự hoàn mĩ có thói quen không ngừng xem xét hành vi của mình, điều này vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển của trẻ. Trẻ cũng có bản tính theo đuổi sự chuẩn xác, theo đuổi sự hoàn mĩ. Một cô bé trong trường của chúng tôi khi chơi trò chơi “làm theo mệnh lệnh” đã đọc được một mệnh lệnh như sau: “Đi ra ngoài, đóng cửa lại, sau đó quay vào”. Cô bé nghiên cứu tỉ mỉ câu mệnh lệnh đó, sau đó làm theo, nhưng còn chưa hoàn tất mệnh lệnh thì cô bé đã chạy đến trước mặt giáo viên và hỏi: “Nếu con đã đóng cửa lại thì làm sao con có thể quay vào được?”

“Con nói đúng,” Giáo viên nói, “Là lỗi của ta.” Và sau đó giáo viên đã viết lại câu mệnh lệnh đó.

“Được rồi ạ.” Cô bé nói, “Giờ thì con đã có thể hoàn thành mệnh lệnh.”

Tìm hiểu những sai sót này có thể giúp tăng cường mối quan hệ giữa con người với con người. Sai lầm có thể chia cách con người, nhưng sửa chữa sai lầm có thể gắn kết con người với nhau. Phát hiện sai sót, sửa chữa sai sót đã trở thành niềm vui thích của con người, khiến sai sót trở thành một chuyện thú vị. Sai sót trở thành sợi dây nối liền giữa người với người, thúc đẩy sự hòa hợp giữa người lớn và trẻ nhỏ. Trẻ nhỏ sẽ không vì phát hiện ra sai lầm của người lớn mà không tôn trọng người lớn, người lớn cũng không vì thế mà mất đi uy quyền của mình. Sai lầm không chỉ là một vấn đề cá nhân, mỗi người đều có trách nhiệm sửa chữa sai lầm.

Có những việc nhỏ chính vì thế mà đã trở nên vĩ đại.

Chương 25

BA GIAI ĐOẠN CỦA SỰ PHỤC TÙNG

Có người cho rằng thiên tính của trẻ là không chịu sự quản thúc, hơn nữa còn có khuynh hướng bạo lực. Cơ sở của quan điểm này là khi làm việc, trẻ thường không chịu để bị người khác quản thúc, không chịu sự quản thúc chính là biểu hiện của ý chí của trẻ. Trong khi sự thật lại khác xa với nhận định này, hành vi này không phải là “hành vi có mục đích” của trẻ.



Những tranh luận về việc bồi dưỡng tính cách thường liên quan tới hai vấn đề ý chí và phục tùng. Rất nhiều người cho rằng hai vấn đề này đối lập nhau, bởi người ta cho rằng, giáo dục chính là áp chế và khuất phục ý chí của trẻ, hoặc là dùng ý chí của giáo viên để thay thế ý chí của trẻ, đồng thời yêu cầu trẻ phục tùng vô điều kiện.

Sau đây chúng tôi sẽ làm rõ hai vấn đề này thông qua quan sát tình hình thực tế chứ không phải là ước đoán chủ quan. Điều đầu tiên tôi muốn nói rõ là, rất nhiều quan điểm trong lĩnh vực này cực kì lộn xộn. Trong chương 8, chúng ta từng biết, có một số lý luận cho rằng con người chịu ảnh hưởng của một loại sức mạnh vũ trụ to lớn (hành động có mục đích). Sức mạnh phổ biến này không phải là sức mạnh vật lí, mà là sức mạnh mà bản thân sinh vật tạo ra trong quá trình tiến hóa. Nó có thể thúc đẩy mọi sinh vật không ngừng tiến hóa, tạo ra động lực cho sự vận động của sinh vật. Nhưng sự tiến hóa không tự nhiên và ngẫu nhiên diễn ra mà chịu ảnh hưởng của các quy luật tự nhiên. Nếu sự sống của con người là hình thức biểu hiện của loại sức mạnh này, vậy thì hành vi của con người tất nhiên cũng phải chịu ảnh hưởng của nó.

Khi trẻ có thể hành động dựa vào ý chí của bản thân, loại sức mạnh này bắt đầu xâm nhập vào ý thức của trẻ. Sự ra đời và phát triển của ý chí của trẻ dựa trên cơ sở là sự tích lũy kinh nghiệm. Vì vậy ý chí không phải là thứ con người sinh ra đã có sẵn, mà nó được dần hình thành trong quá trình phát triển của con người. Do đó nó là một phần của tự nhiên, và sự phát triển của nó phải phục tùng quy luật tự nhiên.

Có người cho rằng, thiên tính của trẻ là không chịu sự quản thúc, hơn nữa còn có khuynh hướng bạo lực. Cơ sở của quan điểm này là khi làm việc, trẻ thường không chịu để bị người khác quản thúc, không chịu sự quản thúc chính là biểu hiện của ý chí của trẻ. Trong khi sự thật lại khác xa với nhận định này, hành vi này không phải là “hành vi có mục đích” của trẻ. Người lớn chúng ta không tự nhiên nổi giận, chúng ta cũng không thể nói rằng hành vi nổi giận đó là một hành vi lí trí. Trên thực tế, hành vi nói chuyện bình thường của chúng ta cũng có một mục đích nhất định, hay nói cách khác, chúng ta có một vài vấn đề cần phải giải quyết. Ngược lại, nếu chúng ta phát hiện hành vi của bản thân không phù hợp với ý muốn chủ quan, chúng ta sẽ nảy sinh mong muốn khống chế ý chí của bản thân một cách hiệu quả. Như vậy việc áp đặt ý chí của chúng ta lên trẻ cũng trở thành một việc hợp lí.

Nhưng tình hình thực tế là, ý chí chủ quan vốn không nhất định tạo ra sự lộn xộn và bạo lực. Bạo lực và hỗn loạn chỉ là một biểu hiện của sự xáo trộn về cảm xúc và đau khổ mà thôi. Bình thường, hành vi chịu sự kiểm soát của ý chí là có ích cho con người. Tao hóa đã giao phó cho trẻ nhiệm vụ trưởng thành, vì vậy ý chí của trẻ nhất định sẽ thúc đẩy sự trưởng thành của chúng, phát triển mọi tiềm năng trong chúng.

Nếu ý chí và việc làm của trẻ là thống nhất thì có nghĩa là trẻ đã bước vào quỹ đạo phát triển có ý thức. Trẻ tự nhiên lựa chọn việc mình muốn làm, đồng thời không ngừng lặp đi lặp lại, chứng tỏ rằng trẻ đã có nhận thức nhất định về hành vi của mình. Những hành vi này ban đầu chỉ là một sự hưng phấn (hưng phấn thần kinh dẫn đến động tác), bây giờ thì đã trở thành hành vi có ý thức. Những hoạt động đầu tiên của trẻ mang tính bản năng, nhưng đến thời điểm này, chúng đã có đủ ý thức để tiến hành hoạt động, tâm lí của trẻ đã bắt đầu dần dần khai hóa.

Bản thân trẻ cũng cảm nhận được sự khác biệt này, một cậu bé đã từng bộc lộ điểm này bằng một cách mà cả đời này chúng tôi cũng không thể nào quên được. Từng có một nữ quý tộc đến thăm quan trường của chúng tôi. Do chưa hiểu được tình hình trong trường, nên nữ quý tộc này đã nói với một cậu bé: “Đây chính là ngôi trường đã quy phạm hành vi của các cháu sao?”

“Không thưa bà.” Cậu bé nói, “nơi này không quy phạm hành vi của chúng cháu, chúng cháu thích những việc mình đã làm.” Cậu bé này đã hiểu được sự khác biệt giữa bản năng và có ý thức. Bởi vì một khi con người quyết định làm một việc gì đó, việc này ắt hẳn có thể khiến họ được vui.

Còn có một điểm mà chúng ta nên tỉnh táo nhìn nhận. Ý chí có ý thức là một loại năng lực chỉ có thể phát triển được thông qua việc sử dụng và thông qua hành vi, chúng ta cần tích cực phát triển loại ý chí này chứ không phải là can thiệp vào nó, bởi chúng ta có thể phá hủy ý chí này chỉ trong nháy mắt. Ý chí này phát triển từ từ dựa trên cơ sở là hành vi bền vững trong môi trường nhất định, trong khi phá hủy nó lại là một việc cực kì dễ dàng. Thuốc nổ hay động đất có thể phá hủy cả một công trình kiến trúc chỉ trong vài giây, trong khi để xây dựng được những công trình kiến trúc đó thì chúng ta phải mất biết bao công sức. Việc xây dựng một công trình kiến trúc đòi hỏi có sự hiểu biết trong các lĩnh vực như cân bằng, vật liệu, nghệ thuật...

Để xây dựng một thứ không phải là sự sống mà còn đòi hỏi nhiều kiến thức đến vậy, thì có thể hiểu rằng để xây dựng nên tâm lí của một con người cần biết bao nhiêu công sức. Nhưng quá trình xây dựng tâm lí con người lại được tiến hành trong trạng thái chúng ta không thể quan sát bằng mắt thường. Người kiến tạo nên tâm lí không phải là người mẹ của trẻ hay là giáo viên, đương nhiên càng không phải là kiến trúc sư nào đó. Mẹ hay giáo viên là những người chỉ làm một số công việc mang tính chất giúp đỡ trong suốt quá trình sáng tạo, họ cũng cần coi sự giúp đỡ này là trách nhiệm và mục tiêu của mình, bởi vì trong khi sơ ý, họ có thể phá hỏng ý chí của đứa trẻ. Trước đây còn tồn tại rất nhiều cái nhìn sai lệch trong vấn đề này và nhiệm vụ của chúng ta là làm rõ những sai lầm ấy.

Sai lầm phổ biến nhất của các tổ chức giáo dục chính là các nhà công tác giáo dục cho rằng, bất cứ việc gì cũng có thể giải quyết bằng cách thuyết giáo (giáo dục bằng tai cho trẻ) và xây dựng tấm gương (giáo dục bằng mắt). Thế nhưng sự thật là cá tính của trẻ chỉ phát triển thông qua phương thức tự vận dụng năng lực bản thân. Trẻ thường bị coi là vật tiếp nhận bị động chứ không phải là cá thể có thể học tập một cách chủ động. Quan điểm này tồn tại trong công tác giáo dục ở bất cứ giai đoạn nào. Con người thường nuôi dưỡng trí tưởng tượng cho trẻ bằng cách kể chuyện cổ tích. Nhưng khi nghe những câu chuyện cổ tích đó, trẻ chỉ có thể nghe được câu chuyện mà thôi, trí tưởng tượng của trẻ chẳng được phát triển thêm chút nào. Trí tưởng tượng – vốn được coi là tài sản tư duy quý giá của con người – vẫn không hề được phát triển thêm. Quan điểm sai lầm này khi phản ánh lên ý chí thì lại càng nghiêm trọng hơn, bởi vì đa số trường học đều từ chối tạo ra cơ hội cho trẻ được rèn luyện ý chí, công tác giáo dục trực tiếp yêu cầu trẻ phải làm gì, không được làm gì, bất cứ sự phản kháng nào của trẻ cũng đều bị cho là có bản chất nổi loạn. Có thể nói rằng, các nhà công tác giáo dục đang dốc toàn bộ sức lực vào việc phá hủy ý chí của trẻ.

Đồng thời nguyên tắc giáo dục trẻ bằng cách noi gương (một phương pháp khác ngoài thuyết giáo) đã khiến giáo viên tự cho mình là tấm gương để trẻ noi theo. Trí tưởng tượng và ý chí thậm chí không có chỗ ở đây, học sinh chỉ biết nhìn và nghe.

Chúng ta cần loại bỏ cách nhìn sai lầm này để dừng cảm đối mặt với sự thật.

Giáo viên trong giáo dục kiểu cũ đã tổng kết nên một câu mà nghe qua có vẻ rất hợp lí: “Là người dạy dỗ người khác, trước hết bản thân chúng ta phải tốt. Nếu học sinh học theo tôi, phục tùng tôi thì mọi việc sẽ thuận lợi.” Phục tùng trở thành nguyên tắc cơ bản của giáo dục. Một nhà giáo dục (tôi đã quên tên) đã từng nói một câu rất nổi tiếng là: “Trong vô vàn đức tính tốt của trẻ, có một đức tính quan trọng nhất, đó là phục tùng.”

Cứ như thế, công việc giáo dục trở nên đơn giản, các nhà giáo dục cũng trở nên kiêu ngạo. Họ có thể nói rằng: “Học sinh của tôi chẳng biết gì cả, tôi phải giáo dục chúng, để chúng trở nên

giống như tôi.” Và thế là giáo viên bắt đầu công việc của mình. Giống như *Kinh thánh* từng viết: “Thượng đế đã tạo ra con người bằng trí tưởng tượng của mình.”

Con người thân nhiên đặt mình vào vị trí của Thượng đế. Họ đồng thời cũng quên mất trong *Kinh thánh* vì sao ma quỷ lại biến thành ma quỷ – bị dẫn dắt bởi lòng tự phụ, ma quỷ đã mưu toan thay thế vị trí của Thượng đế!

Trong nội tâm trẻ đang tiến hành những công việc mang tính sáng tạo, công việc này cao quý hơn nhiều so với những công việc của giáo viên hay cha mẹ. Đương nhiên những công việc này cần nhận được sự thấu hiểu và ủng hộ của họ. Trước kia, giáo viên đã từng dùng roi vọt để áp đặt ý muốn của mình lên trẻ. Cách đây không lâu, sau khi con người bước vào xã hội văn minh, giáo viên đã từng kháng nghị, họ cho rằng: “Nếu từ bỏ những roi vọt đó, chúng tôi không thể dạy học.” Thậm chí trong *Kinh Cựu Ước (Châm ngôn Solomon)* từng nói: “Cha mẹ không dùng roi vọt là sai lầm, như vậy những đứa con của họ rồi sẽ xuống địa ngục!” Kỉ luật được tạo ra trong sự đe dọa và nỗi sợ hãi như vậy. Cuối cùng, chúng ta có thể tổng kết bằng một câu kết luận thế này: Đứa trẻ không nghe lời là đứa trẻ hư, đứa trẻ nghe lời là đứa trẻ ngoan.

Do sự phát triển của nền dân chủ hiện đại và lí luận tự do, những giáo viên áp dụng phương pháp giáo dục nói trên bị coi là độc tài, trừ khi trong quá trình giáo dục, họ có thể cho thêm một chút chủ động và tưởng tượng. Nhưng giáo viên trong các trường học kiểu cũ vẫn khư khư ôm lấy quan điểm sai lầm của mình. Bao lực của kẻ độc tài và bạo lực của giáo viên có sự khác biệt nhất định, vì kẻ độc tài dùng bạo lực để kiến thiết, còn giáo viên lại dùng bạo lực để phá hủy.

Sai lầm chủ yếu của quan điểm này nằm ở chỗ nó cho rằng phải phá hủy trước khi ý chí con người có thể phục tùng, hay có nghĩa là tiến hành phá hủy trước khi ý chí con người có thể tiếp nhận và phục tùng sự chỉ đạo của người khác. Nếu lí luận này được áp dụng vào thực tiễn giáo dục thì trước khi truyền thụ kiến thức cho học sinh, chúng ta đã kịp hủy diệt tư tưởng của chúng rồi.

Thế nhưng, khi ý chí của con người đã phát triển hoàn toàn và có thể tự do lựa chọn phục tùng mệnh lệnh của người khác thì tình hình sẽ hoàn toàn thay đổi. Sự phục tùng lúc này là một kiểu tôn kính, là sự thừa nhận quyền lực. Lúc này giáo viên cũng có thể cảm thấy hài lòng với trẻ.

Vì vậy ý chí và ý thức phục tùng có thể sánh vai tiến bước. Ý chí là tiền đề và là nền tảng của sự phát triển, trong khi phục tùng lại nảy sinh trên cơ sở đó. Từ “phục tùng” lúc này mang một hàm nghĩa mới. Nó đã trở thành sự thăng hoa của ý chí con người.

Trên thực tế, chúng ta rất dễ phát hiện ra rằng phục tùng là một hiện tượng tự nhiên, là một đặc trưng thông thường của con người. Ý thức phục tùng của trẻ dần dần được phát triển. Nó sẽ tự nhiên xuất hiện khi quá trình thành thực của con người sắp kết thúc theo một cách bất ngờ.

Thực tế là, nếu tâm lí con người không có phẩm chất “phục tùng” này, nếu trong quá trình tiến hóa, con người không thu được phẩm chất này thì đời sống xã hội sẽ thật khó mà tưởng tượng được. Bất cứ việc gì đều có thể nói rõ rằng, con người luôn đầy ý thức phục tùng. Hình thức phục tùng này dần dần sẽ đẩy phần lớn con người tới sự hủy diệt, đó là sự phục tùng không kiểm soát, một sự phục tùng có thể hủy diệt cả dân tộc. Thế giới con người không thiếu sự phục tùng. Mặt khác, phục tùng là một hiện tượng tự nhiên trong sự phát triển tâm lí con người, là một việc rất bình thường. Vấn đề nằm ở chỗ chúng ta thiếu sự kiểm soát đối với sự phục tùng.

Trong quá trình quan sát trẻ phát triển trong trạng thái tự nhiên, chúng ta sẽ phát hiện, sự phát triển ý thức phục tùng là đặc trưng quan trọng nhất trong số những đặc tính của con người. Quan sát của chúng tôi đã chỉ ra phương hướng nghiên cứu vấn đề này.

Ý thức phục tùng về cơ bản có nét tương đồng với con đường phát triển các phương diện khác trong cá tính của trẻ. Trước hết ý thức phục tùng cũng chịu ảnh hưởng của những xung

động “có mục đích”, sau đó nó bước lên tầng có ý thức và dần dần phát triển, cuối cùng tiến tới chịu sự khống chế của ý thức, ý chí.

Dưới đây chúng ta sẽ thảo luận xem phục tùng đối với con người rốt cuộc có ý nghĩa gì. Từ trước đến nay, con người cho rằng phục tùng có nghĩa là: Giáo viên hoặc cha mẹ cho trẻ làm việc gì đó, trẻ nghe theo mệnh lệnh của giáo viên hoặc cha mẹ.

Nhưng nếu nghiên cứu sâu hơn về quá trình phát triển tự nhiên của ý thức phục tùng, chúng ta sẽ thấy sự phục tùng trải qua ba giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên là trẻ có lúc nghe lời, có lúc không nghe lời, tính khí có vẻ thất thường. Tất nhiên chúng ta sẽ cần tìm hiểu sâu hơn về hiện tượng này.

Phục tùng không chỉ phụ thuộc vào cái mà chúng ta gọi là “ý tốt”. Ngược lại, hành vi của trẻ trong giai đoạn đầu tiên chỉ chịu sự khống chế của “hành động có mục đích”. Tất cả trẻ em đều như vậy và tình trạng này sẽ kéo dài cho tới khi trẻ 1 tuổi thì mới kết thúc. Trong khoảng thời gian từ 1–6 tuổi, tình trạng nói trên rất ít khi xuất hiện, trẻ đã dần dần có ý thức, có năng lực tự khống chế bản thân. Trong giai đoạn này, ý thức phục tùng và những năng lực sẵn có khác của trẻ có mối quan hệ mật thiết. Để phục tùng một mệnh lệnh nào đó thì cần phải đạt đến độ thành thực nhất định, có khả năng nhất định. Ví dụ như ra lệnh cho một người đi bằng mũi là một điều cực kì hoang đường, bởi vì xét trên góc độ vật lí thì điều này hoàn toàn không thể xảy ra. Tương tự như vậy, yêu cầu một người không biết chữ phải viết thư cũng là một chuyện vô lí. Bởi vậy, trước hết chúng ta cần hiểu trình độ phát triển của trẻ xem liệu ở trình độ ấy, trẻ có phục tùng mệnh lệnh hay không.

Đối với trẻ dưới 3 tuổi thì trừ khi mệnh lệnh phù hợp với nhu cầu nội tâm của trẻ, nếu không trẻ sẽ không phục tùng, bởi vì lúc này trẻ chưa hình thành tâm lí và đang bận rộn với việc xây dựng nên các cơ chế cần thiết cho tính cách trong trạng thái tiềm thức. Những cơ chế này vẫn chưa đạt đến trình độ chịu sự kiểm soát của ý thức và nguyện vọng. Những đứa trẻ này cần đạt tới một trình độ phát triển mới thì mới trở nên biết nghe lời. Trên thực tế, hành vi của người lớn cũng cho chúng ta thấy rằng người lớn không hề hi vọng một đứa trẻ 2 tuổi sẽ phục tùng mình.

Bằng bản năng và tư duy logic (hoặc là bằng kinh nghiệm có được nhờ chung sống với trẻ trong thời gian dài), người lớn đã rút ra kết luận: Nếu muốn một đứa trẻ ở độ tuổi này không làm điều gì đó thì cần phải đưa ra mệnh lệnh có tính đe dọa.

Thế nhưng phục tùng vốn không có tính phủ định. Phục tùng đầu tiên cũng bao gồm sự thỏa mãn ý muốn của người khác, những đứa trẻ lớn hơn một chút đã không còn nằm trong giai đoạn chuẩn bị ban đầu giống như trẻ 0–3 tuổi. Giai đoạn sau 3 tuổi cũng bao gồm một số thời kì phát triển tương tự. Thậm chí đối với một đứa trẻ sau 3 tuổi, trước khi phục tùng mệnh lệnh, trẻ cũng phải có được năng lực nhất định. Trẻ không thể tự nhiên có ý chí phục tùng người khác, cũng không thể tự nhiên hiểu nguyên do của một việc nào đó. Trong sâu thẳm nội tâm trẻ đang trải qua một quá trình trưởng thành, quá trình này có tới mấy giai đoạn. Trong quá trình trưởng thành định hình này, trẻ có thể sẽ căn cứ vào yêu cầu của người khác để làm một số việc, nhưng điều này chỉ cho thấy rằng, trẻ đã có thể sử dụng một năng lực đang hình thành nào đó. Nếu muốn trẻ sử dụng nhiều lần năng lực này thì còn cần một khoảng thời gian củng cố nữa.

Tình trạng này được thể hiện khi trẻ lần đầu tiên có được khả năng vận động. Lúc 1 tuổi, trẻ bắt đầu thử tập đi, nhưng trẻ liên tục bị ngã, sau một thời gian thử, trẻ sẽ không còn thử nghiệm nữa. Nhưng khi đã có được khả năng đi lại rồi thì trẻ có thể tùy ý sử dụng khả năng này.

Còn có một điểm vô cùng quan trọng khác, ý thức phục tùng trong giai đoạn này của trẻ trước hết được quyết định bởi những năng lực mà trẻ đã có. Lần thứ nhất trẻ có thể phục tùng, nhưng lần thứ hai thì lại không. Giáo viên thường cho rằng đó là do trẻ cố ý và thường vì thế mà trách mắng trẻ, hành động trách mắng này rất dễ cản trở sự phát triển các năng lực của trẻ. Có một ví dụ rất thú vị như thế này. Nhà giáo dục học nổi tiếng người Thụy Sĩ – Pestalozzi – là một người có tầm ảnh hưởng lớn trong giới giáo dục. Ông là người đầu tiên đưa ra lí thuyết vai

trò giáo dục của người cha, ông cho rằng những người làm công tác giáo dục nên đồng cảm với những khó khăn mà trẻ phải đối mặt, nên khoan dung và tha thứ cho những hành vi sai trái của trẻ. Nhưng có một việc ông không thể khoan dung, càng không thể tha thứ, đó chính là tính thất thường của trẻ. Ông không thể nào chấp nhận được việc bọn trẻ lúc thì nghe lời, lúc thì không chịu nghe lời. Nếu trẻ hoàn thành yêu cầu của ông ngay từ lần đầu tiên, ông cho rằng trẻ đã có khả năng làm việc đó. Pestalozzi không thể chấp nhận tính thất thường của trẻ. Cái mà ông gọi là tình thương của cha hoàn toàn biến mất trong trường hợp này. Thử nghĩ xem, người như Pestalozzi còn không thể chịu đựng được, huống hồ là những giáo viên khác.

Không có gì nguy hại hơn việc đánh mất tính tích cực của trẻ trong giai đoạn hình thành loại năng lực này. Nếu trẻ chưa hoàn toàn nắm bắt được hành vi của mình, nếu trẻ thậm chí chưa thể thỏa mãn được chính ý chí của bản thân thì làm sao trẻ có thể phục tùng người khác? Đó chính là nguyên nhân dẫn đến việc trẻ lúc thì tỏ ra ngoan ngoãn nghe lời, lúc lại không. Điều này không chỉ xảy ra đối với trẻ. Một nhạc sĩ trong lần đầu tiên có thể chơi piano rất hay, nhưng lần khác lại biểu diễn rất tệ. Ý chí cá nhân không phải là nguyên nhân của việc này, mà nguyên nhân nằm ở chỗ người nhạc sĩ đó vẫn còn chưa nắm bắt được kĩ năng một cách hoàn toàn chuẩn xác.

Vì vậy đặc trưng giai đoạn đầu tiên của phát triển ý thức phục tùng chính là trẻ có lúc nghe lời, có lúc không nghe lời. Trong giai đoạn này, không phục tùng và phục tùng cùng song hành với nhau.

Giai đoạn thứ hai là khi trẻ có thể phục tùng mệnh lệnh mọi lúc mà trẻ muốn, trẻ không còn gặp trở ngại trong việc kiểm soát bản thân. Năng lực này của trẻ đã được củng cố, trẻ không những có thể nghe theo ý chí của bản thân mà đồng thời còn có thể nghe theo ý chí của người khác. Quá trình phát triển ý thức phục tùng đã đạt được một tiến bộ lớn, giống như việc một ngôn ngữ này có thể phiên dịch thành một ngôn ngữ khác vậy. Trẻ có thể lĩnh hội ý định và bộc lộ nó bằng hành vi của mình. Đó là mức độ phục tùng cao nhất mà giáo dục trước đó đã mong đạt được, cũng chính là điều mà các giáo viên thường quan tâm.

Thế nhưng quá trình phát triển của trẻ dưới sự dẫn dắt của quy luật tự nhiên còn lâu mới kết thúc. Trình độ phát triển của trẻ còn lâu nữa mới cao đến mức chúng ta mong đợi, ý thức phục tùng của trẻ còn phải trải qua giai đoạn thứ ba nữa.

Trẻ đã có thể sử dụng những năng lực mà bản thân rèn luyện nên, nhưng trẻ chưa dừng lại ở giai đoạn đó mà còn phát triển lên mức độ cao hơn. Dường như trẻ nhận thức được rằng, việc mà giáo viên làm được là việc mà năng lực của trẻ còn chưa đạt được. Vì vậy, trẻ dường như tự nhủ với bản thân: “Năng lực của người này mạnh hơn mình, ông ấy có thể gây ảnh hưởng đến sự phát triển bộ não của mình, khiến mình trở nên thông minh giống như ông ấy!” Cảm giác này có thể mang lại cho trẻ niềm vui vô hạn. Phát hiện có thể học tập được nhiều điều ở người khác này có thể kích thích lòng nhiệt tình lớn lao trong trẻ, trẻ sẽ không ngừng chờ đợi những mệnh lệnh của giáo viên. Đó là một hiện tượng tự nhiên vô cùng thú vị, chúng ta có thể so sánh hành vi của trẻ với hành vi của một chú chó. Chó yêu mến chủ nhân đồng thời chờ đợi mệnh lệnh của chủ nhân. Chó sẽ chú ý tới quả bóng trong tay chủ nhân, khi chủ nhân ném bóng ra xa, nó sẽ lập tức chạy tới và ngậm quả bóng mang về cho chủ với vẻ mặt rất “tự hào” (cảm giác thành công). Sau đó chú chó sẽ kiên nhẫn chờ đợi mệnh lệnh tiếp theo của chủ nó. Nó khao khát được phục tùng mệnh lệnh của chủ mình và cảm thấy vui vì điều đó. Giai đoạn phát triển ý thức phục tùng thứ ba của trẻ cũng có nhiều điểm tương tự như vậy, dường như trẻ háo hức chờ đợi và tuân theo mệnh lệnh của người khác.

Từng có một ví dụ thú vị như thế này. Một cô giáo có kinh nghiệm 10 năm trong nghề đã quản lí rất tốt lớp học của mình, nhưng cô cũng có thói quen bày tỏ ý kiến cá nhân với các học sinh. Một hôm, cô giáo nói: “Hãy thu dọn đồ đạc cho gọn gàng, trước khi các em trở về nhà vào buổi tối.” Cô giáo mới nói xong nửa câu đầu “Hãy thu dọn đồ đạc cho gọn gàng”, bọn trẻ đã bắt đầu nhanh chóng thu dọn đồ đạc, khiến cho cô giáo không thể không thay đổi trật tự câu nói của mình. Trên thực tế, trong trường hợp này cô giáo nên nói: “Trước khi ra về vào buổi tối, các em hãy dọn dẹp đồ đạc cho gọn gàng.”

Cô giáo này cho biết, tình trạng trên thường xuyên xảy ra. Phản ứng nhanh nhạy của bọn trẻ đã khiến cô phải cân nhắc thận trọng trước khi nói, cô cho đó là trách nhiệm của mình. Nhưng chúng ta lại thường cho rằng, con người có thể ra lệnh tùy theo ý thích của mình. Còn cô giáo này cảm thấy quyền ra lệnh này đã mang lại cho cô một áp lực lớn. Có một lần, khi cả lớp đang rất ồn ào, cô định viết hai chữ “Trật tự” lên bảng, nhưng khi vừa viết được chữ đầu tiên, cả lớp đã im lặng như tờ.

Trải nghiệm của tôi (cũng là nguyên nhân tôi đưa ra “trò chơi yên lặng”) đã mang lại bằng chứng về một phương diện khác của vấn đề này, nhưng khi đó sự phục tùng còn mang nhiều tầng ý nghĩa. Trong tình huống này, lũ trẻ đã bộc lộ tính nhất trí phi thường, cả một chính thể đã phục tùng mệnh lệnh của tôi.

Sự yên tĩnh tuyệt đối chỉ có được khi mà tất cả mọi người có mặt ở đó đều giữ trật tự, chỉ cần một người phát ra tiếng động là cũng đủ để phá vỡ bầu không khí yên lặng này. Muốn có được sự yên tĩnh thì đòi hỏi tất cả mọi người đồng thời phải có ý thức giữ trật tự. Ý chí tập thể đã được tạo ra như vậy. Chúng tôi phát hiện ra rằng, cùng với việc không ngừng lặp đi lặp lại trò chơi này, ý chí tập thể cũng không ngừng tăng lên, thời gian bọn trẻ giữ yên lặng cũng càng ngày càng dài. Vì thế, chúng tôi đã đưa thêm vào trò chơi mục “điểm danh”. Khi tôi khẽ gọi tên một học sinh, học sinh ấy sẽ đứng dậy trong yên lặng, các học sinh khác vẫn ở trong trạng thái yên lặng bất động. Học sinh được gọi tên sẽ đứng lên rất nhanh và cố gắng không gây ra tiếng động nào. Chúng ta có thể hình dung ra học sinh cuối cùng được gọi tên phải ngồi đợi lâu như thế nào! Ý chí của những đứa trẻ này đã phát triển đến một trình độ rất cao. Kiểu rèn luyện này có thể tăng cường khả năng kiểm soát của con người đối với hành vi của bản thân. Những đứa trẻ chơi trò chơi này có thể thông qua hành vi và kiểm soát hành vi để rèn luyện ý chí của mình. Thông qua trò chơi, tập thể những đứa trẻ này sẽ trở nên vô cùng xuất sắc. Chúng tôi phát hiện chúng đều có ý thức phục tùng, bởi lẽ tất cả những yếu tố mà ý thức phục tùng đòi hỏi đều đã được chuẩn bị sẵn sàng.

Trong giai đoạn phát triển cuối cùng của ý chí, trẻ đã có khả năng phục tùng, khả năng này sẽ thúc đẩy ý thức phục tùng của trẻ. Ý thức phục tùng của những đứa trẻ của chúng ta đã đạt đến trình độ rất cao, cho dù là mệnh lệnh của giáo viên hay là những thứ khác, trẻ đều có thể làm theo. Cô giáo mà tôi đã nhắc đến ở phần trên cho rằng, cần lưu ý đến bản thân nhiều hơn, không được khiến trẻ chịu ảnh hưởng của ý chí cá nhân giáo viên. Cô cũng dần dần ý thức được một người quản lý cần có những phẩm chất như thế nào: Một nhà quản lý tốt không nên tỏ ra quá cứng nhắc trong hành vi mà cần có ý thức trách nhiệm cao.

Chương 26

GIÁO VIÊN VÀ TÍNH KỈ LUẬT

Chúng ta luôn luôn cần nhớ rằng, tính kỉ luật trong sâu thẳm nội tâm là thứ được hình thành trong cuộc sống chứ không phải là bẩm sinh đã có. Nhiệm vụ của chúng ta chính là đưa ra phương hướng cho việc hình thành tính kỉ luật. Khi trẻ có thể dồn toàn bộ sự chú ý lên những sự vật mà đối với trẻ có sức hấp dẫn, điều này chứng tỏ trẻ đã có tính kỉ luật.

Người giáo viên thiếu kinh nghiệm này tuy rất nhiệt tình và cũng cho rằng trong sâu thẳm nội tâm trẻ có tính kỉ luật, nhưng cô phát hiện ra rằng bản thân mình đang gặp phải một vấn đề rất lớn.

Cô biết rằng trẻ cần được tự do lựa chọn việc mình làm, hành vi tự phát của trẻ không nên bị làm phiền. Cô cũng biết rằng giáo viên không nên bắt ép học sinh làm việc gì đó, đồng thời không nên đe dọa, khen thưởng hay trừng phạt trẻ. Vai trò của giáo viên chỉ là im lặng, bị động, đồng thời có đủ lòng kiên nhẫn, dường như nên ẩn mình bên cạnh trẻ, ngăn chặn việc cá tính cá nhân có thể gây ảnh hưởng đến trẻ, đồng thời tạo đủ không gian cần thiết cho sự phát triển tâm lí của trẻ. Cô cũng đã chuẩn bị rất nhiều đồ dùng cho bọn trẻ. Tuy nhiên ý thức phục tùng của bọn trẻ không những không tăng lên mà còn giảm đi.

Lẽ nào những nguyên tắc mà cô đã học là sai? Không phải. Vấn đề là cô đã bỏ qua một số điều giữa lí luận và kết quả, đó chính là kinh nghiệm thực tế của giáo viên. Về vấn đề này, những người mới vào nghề cần được giúp đỡ và khuyến bảo. Tình trạng này cũng xảy ra với bác sĩ khoa nội hoặc một số người đã quen suy nghĩ theo quan điểm hay nguyên tắc nào đó. Họ phát hiện vấn đề mà mình gặp phải khó khăn hơn nhiều so với những kiến thức cần có để giải phương trình toán học.

Chúng ta luôn luôn cần nhớ rằng, tính kỉ luật trong sâu thẳm nội tâm là thứ được hình thành trong cuộc sống chứ không phải là bẩm sinh đã có. Nhiệm vụ của chúng ta chính là đưa ra phương hướng cho việc hình thành tính kỉ luật. Khi trẻ có thể dồn toàn bộ sự chú ý lên những sự vật mà đối với trẻ có sức hấp dẫn, điều này chứng tỏ trẻ đã có tính kỉ luật. Những vật thể có sức hấp dẫn này không những cung cấp cho trẻ kinh nghiệm thực tiễn mà còn có thể giúp trẻ khống chế sai sót. Chính nhờ tác dụng của kinh nghiệm thực tiễn này, tâm lí của trẻ bắt đầu có tính thống nhất hoàn chỉnh, lũ trẻ trở nên yên lặng một cách vui vẻ, đạt tới cảnh giới quên mình, không suy tính thiệt hơn. Khả năng chinh phục thế giới này của trẻ khiến người ta kinh ngạc, nó cho chúng ta thấy giá trị to lớn của tâm lí con người. Công việc của giáo viên chính là chỉ ra cho trẻ con đường tới sự hoàn mỹ, dạy cho trẻ phương pháp, giúp trẻ loại bỏ các chướng ngại... bởi giáo viên cũng có thể trở thành trở ngại lớn nhất. Nếu trẻ đã có sẵn tính kỉ luật thì công việc của chúng ta chẳng còn cần thiết nữa, bản năng của trẻ có thể khiến trẻ khắc phục mọi khó khăn.

Những đứa trẻ 3 tuổi vào trường của chúng tôi, tình trạng chúng phải đối mặt vô cùng nghiêm trọng. Trẻ đã hình thành một kiểu ý thức phòng ngự, bản tính của trẻ đã bị chôn giấu rất sâu. Chúng tôi không nhìn thấy ở những đứa trẻ này sự yên tĩnh, ổn định và trí tuệ mà lẽ ra chúng phải có. Cá tính trẻ bộc lộ ra rất nông cạn – hành động lười biếng, biểu hiện mơ hồ, không nghe theo sự quản thúc của người lớn.

Nhưng trí tuệ và tính kỉ luật của trẻ đang đợi chúng tôi thức tỉnh. Dù trẻ đã phải chịu sự áp chế, nhưng trẻ không hoàn toàn bị đánh gục, chúng tôi cũng không phải không thể sửa chữa những khuyết điểm cho trẻ. Nhà trường cần cung cấp cho trẻ đủ không gian tinh thần và cơ hội để phát triển. Đồng thời giáo viên cần nhớ rằng, phản ứng phòng ngự và những hành vi không tốt là những trở ngại cho quá trình phát triển tâm lí bình thường của trẻ. Chỉ có loại bỏ những trở ngại này, trẻ mới có được sự tự do hoàn toàn.

Giáo dục nên coi đó là điểm xuất phát. Nếu giáo viên không thể phân biệt giữa những xung

động thuần túy và các khả năng được tạo ra một cách tự nhiên từ tâm lí bình ổn thì hành vi của anh ta sẽ không mang lại bất cứ kết quả nào. Có thể phân biệt hai loại hành vi trên là một nền tảng tốt cho công việc của giáo viên. Hai kiểu hành vi này có những đặc điểm riêng, bởi vì cả hai loại đều dựa vào ý muốn tự do của trẻ nhưng lại hoàn toàn trái ngược nhau. Chỉ khi có thể phân biệt được hai kiểu hành vi này thì giáo viên mới có thể trở thành người quan sát và chỉ đạo. Công việc này có nhiều nét tương đồng với công việc của bác sĩ. Đầu tiên bác sĩ phải phân biệt được trạng thái sinh lí bình thường và trạng thái bệnh lí. Nếu ngay cả có bệnh hay không cũng không phân biệt được thì làm sao dám nói tới việc phân biệt được các loại bệnh khác nhau, đương nhiên bác sĩ đó cũng không thể phán đoán được chính xác về tình trạng bệnh. Muốn theo đuổi sự hoàn mĩ, trước tiên cần có khả năng phân biệt tốt – xấu. Chúng tôi có thể mô tả chính xác các giai đoạn phát triển tâm lí của trẻ không? Đương nhiên là có. Đồng thời chúng tôi còn có thể cung cấp cho giáo viên những đặc trưng tiêu biểu của từng giai đoạn.

Dưới đây chúng ta sẽ thảo luận về trẻ 3–4 tuổi, trẻ ở độ tuổi này còn chưa tiếp xúc với bất cứ nhân tố nào có thể làm nảy sinh tính kỉ luật trong nội tâm. Chúng ta sẽ mô tả một cách đơn giản về ba loại hình và những đặc trưng của ba loại hình đó:

1. Rối loạn hành vi chủ động. Ở đây chúng ta chỉ nói về bản thân hành vi chứ không nói về động cơ của hành vi. Loại hành vi này có thể bộc lộ ra trạng thái cực kì mâu thuẫn và thiếu hài hòa. Triệu chứng này vô cùng quan trọng, nó có ý nghĩa về mặt thần kinh học hơn là triết học. Các bác sĩ có thể phát hiện ra một số khiếm khuyết trong hành vi chủ động ở một số người có tình trạng bệnh nghiêm trọng (ví dụ trong giai đoạn đầu của bại liệt). Họ biết rằng những khiếm khuyết này vô cùng quan trọng, vì vậy họ sẽ không chỉ tiến hành chẩn đoán tình trạng bệnh dựa trên cơ sở tâm lí bất thường và rối loạn hành vi. Tâm lí bất thường và rối loạn hành vi cũng là triệu chứng của bệnh này. Những đứa trẻ có hành vi ngốc nghếch có thể còn bộc lộ những đặc trưng khác, ví dụ như cử chỉ vô lễ, thường có động tác lao đầu về phía trước hoặc quay vòng vòng, thường nói to... Nhưng những hành vi này không có nhiều giá trị chẩn đoán. Bằng giáo dục, chúng ta có thể khiến những sự vận động đầu tiên của trẻ trở nên hài hòa, tình trạng rối loạn hành vi chủ động cũng giảm bớt. Giáo viên không cần từng bước sửa đổi các hiện tượng rối loạn trong quá trình phát triển bình thường của trẻ mà chỉ cần cung cấp một phương thức thú vị giúp sự phối hợp vận động của trẻ phát triển bình thường là được.

2. Một đặc trưng khác của rối loạn này là trẻ không thể tập trung chú ý vào một vật thể nào đó, bộ não trẻ có khuynh hướng ảo tưởng. Trẻ chỉ thích chơi những thứ như hòn đá, lá cây và thường nói chuyện với những thứ này. Sau khi trưởng thành, trí tưởng tượng của những đứa trẻ này lại càng trở nên mạnh mẽ (bay bướm). Bộ não của người này càng xa rời những chức năng bình thường thì càng cảm thấy mệt mỏi, cuối cùng trở thành tù binh của trí tưởng tượng. Thật không may là rất nhiều người cho rằng những ảo tưởng ảnh hưởng đến sự phát triển cá tính này sẽ thúc đẩy sự phát triển tâm lí, cho rằng đây là trí tưởng tượng mang tính sáng tạo. Sự thật hoàn toàn không phải như vậy, kiểu tưởng tượng này – đối với trẻ – ngoài hòn đá, lá cây thì chẳng phải là gì khác.

Thế giới tinh thần của con người được xây dựng trên cơ sở là nhân cách hoàn chỉnh có thể hòa hợp với thế giới bên ngoài. Hoang tưởng, xa rời thế giới hiện thực không phải là một trạng thái phát triển bình thường. Hoang tưởng sẽ làm nảy sinh những suy nghĩ sai lệch, cũng không thể khiến tư tưởng của chúng ta trở nên hài hòa. Con người càng quan tâm đến sự vật thực tế, ảo tưởng lại ảnh hưởng đến sự quan tâm của con người đến sự vật thực tế. Có thể nói, ảo tưởng là một kiểu suy thoái của cơ quan mà thế giới tinh thần dựa vào. Giáo viên có thể thông qua một số phương pháp để khiến trẻ tập trung chú ý vào một số sự vật nào đó, ví dụ như cho trẻ bày biện bàn ăn, phương pháp này không có bất cứ tác dụng thực tế nào. Giúp trẻ phối hợp vận động và tập trung vào thế giới hiện thực là biện pháp tốt nhất để loại trừ triệu chứng không tốt này.

Chúng ta không cần phải lần lượt sửa chữa từng triệu chứng, một khi trẻ đã có thể tập trung chú ý vào sự vật thực tế thì trẻ sẽ dần dần khôi phục trạng thái lành mạnh, các chức năng cũng sẽ được phát huy bình thường.

3. Hiện tượng thứ ba là khuynh hướng mô phỏng, có mối liên hệ mật thiết với hai hiện tượng nói trên. Khuynh hướng này đã trở nên càng ngày càng gần hiện thực. Đây là một biểu hiện của điểm yếu cơ bản của con người, là biểu hiện cơ bản của cá tính trẻ 2 tuổi (hành vi mô phỏng ở trẻ lứa tuổi nhỏ hơn không giống thế này, chúng ta đã thảo luận về điểm này trong chương 15). Bởi vì những năng lực tương ứng vẫn chưa được hình thành, trẻ chỉ có thể mô phỏng hành vi của người khác. Hành vi này không thuộc phạm vi phát triển bình thường của trẻ, trẻ lúc này trôi dạt giống như con thuyền thiếu mất cánh buồm. Khi quan sát trẻ 2 tuổi, chúng ta có thể phát hiện ra rằng, tất cả những tri thức trẻ có được đều nhờ cách mô phỏng, đây là một hình thức thoái hóa tâm lí. Tình trạng này có mối liên hệ với rối loạn và biến động tâm lí của trẻ. Nó không có lợi cho việc nâng cao năng lực của trẻ, mà chỉ khiến trẻ trượt dốc.

Một đứa trẻ có thể làm sai một việc gì đó, hoặc gào thét la hét, lăn ra đất ăn vạ, những đứa khác có thể sẽ học theo đứa trẻ đó, thậm chí còn làm tốt hơn. Hành vi này lan truyền trong cả đám trẻ, thậm chí có thể lan ra ngoài phạm vi lớp học. “Bản năng quần thể” này không những có thể khiến trẻ tỏ ra bất thường, có những hành vi vi phạm thường quy xã hội, mà hành vi mô phỏng còn khiến những khiếm khuyết ở cá nhân này truyền sang cá nhân khác, cuối cùng dẫn đến sự thoái hóa toàn diện.

Sự thoái hóa này càng nghiêm trọng thì chúng ta càng khó lôi kéo trẻ trở lại quỹ đạo bình thường. Nhưng một khi chúng ta đã làm được điều đó thì tất cả những biểu hiện bất thường cũng sẽ bị xóa bỏ.

Khi giáo viên được phân công quản lí một lớp học, nếu giáo viên chỉ biết phương pháp giúp đỡ trẻ phát triển, cho trẻ tự do thể hiện bản thân thì giáo viên sẽ phát hiện ra mình đang phải đối mặt với khá nhiều vấn đề đau đầu. Những “con người nhỏ bé” này bắt đầu trở nên vô kỉ luật, tùy tiện sử dụng mọi thứ, nếu giáo viên để yên thì mọi thứ sẽ càng trở nên hỗn loạn, khắp tứ phía là tiếng ồn ào cãi cọ. Khi gặp phải tình trạng này thì cho dù là do thiếu kinh nghiệm hay do suy nghĩ sai lầm, giáo viên cũng đều sẽ phải nghiên cứu về tâm lí giản đơn nhưng rất phong phú của trẻ. Giáo viên phải chạy ngược chạy xuôi để giúp đỡ những đứa trẻ (ông tướng bà tướng) này. Giáo viên phải dùng cách nào đó để “cảnh tỉnh” chúng. Một khẩu khí uy nghiêm nhưng không kém phần mềm mại có thể sẽ có tác dụng. Đừng sợ ngăn cản những hành vi sai trái của trẻ, cũng giống như việc chúng ta gọi tên trẻ trước khi yêu cầu trẻ trả lời câu hỏi, nếu muốn thức tỉnh trẻ, chúng ta phải lay động tâm hồn trẻ. Giáo viên phải mang đi mọi thứ nhỏ bé bên cạnh trẻ, vứt bỏ hết những nguyên tắc trẻ đã học được, sau đó bắt tay giải quyết vấn đề này. Chỉ có trí tuệ của giáo viên mới có thể giải quyết được vấn đề một cách hiệu quả tùy người tùy việc. Giáo viên biết sai sót của trẻ nằm ở đâu, vì vậy họ sẽ biết cách giải quyết nó. Người bác sĩ giỏi không phải là cỗ máy kê đơn thuốc; người thầy giỏi cũng tương tự như vậy, không phải là cỗ máy chỉ áp dụng phương pháp giáo dục, mà nên dùng phán đoán của bản thân để giải quyết vấn đề. Họ có thể cao giọng, cũng có thể hạ giọng nói chuyện với trẻ để thu hút sự chú ý của học sinh, dùng phương pháp này để khôi phục trật tự trong lớp học. Tất cả những điều này đều do người giáo viên tự mình lựa chọn, cũng giống như âm điệu hài hòa phát ra từ chiếc đàn piano có thể đè bẹp tất cả những tạp âm khác vậy.

Lớp học của một giáo viên giàu kinh nghiệm không bao giờ xảy ra tình trạng hỗn loạn, bởi trước khi rời lớp, người giáo viên đó đã dành thời gian chỉ đạo trẻ, ngăn chặn lũ trẻ trở nên hỗn loạn khi không có ai quản lí. Vì vậy người giáo viên cần làm một số công tác chuẩn bị, khiến trẻ cảm thấy thầy cô giáo có thể giúp mình rất nhiều. Lời khen hoặc dạy bảo của thầy cô nên bình tĩnh, kiên định và nhẫn nại. Một số phương pháp có thể sẽ rất hữu dụng, ví dụ như cho trẻ kê bàn ghế về chỗ thích hợp, hoặc xếp ghế thành hàng, sau đó ngồi lên ghế, hoặc nhẹ nhàng chạy từ đầu này đến đầu kia của phòng học. Khi cảm thấy thời cơ đã chín muồi, giáo viên có thể nói: “Tốt, các em hãy trật tự nào.” thì sự trật tự sẽ xuất hiện một cách thần kì. Phương pháp đơn giản này có thể khiến trẻ từ trạng thái vô kỉ luật trở về với việc mà trẻ nên làm. Sau đó giáo viên có thể dần dần cung cấp cho trẻ một số đồ vật nhỏ, nhưng không được đưa cho trẻ trước khi trẻ biết sử dụng chúng như thế nào.

Bây giờ thì lớp học đã trở nên trật tự. Lũ trẻ trở về với thế giới hiện thực. Các hành vi của trẻ đều có mục đích nhất định, ví dụ như dọn bàn, quét sàn, lấy đồ vật từ trong tủ ra ngoài và sử

dụng những đồ vật này một cách chuẩn xác...

Rõ ràng là khả năng tự do lựa chọn của trẻ được tăng cường nhờ thực tiễn. Giáo viên cũng bắt đầu cảm thấy hài lòng. Nhưng họ cảm thấy số lượng đồ vật mà phương pháp Montessori cung cấp là chưa đủ, trong suốt một tuần, bọn trẻ cứ phải dùng đi dùng lại những đồ vật đó. Tình trạng này diễn ra trong khá nhiều trường học.

Có một vấn đề cho thấy sự mong manh của trình tự này, đồng thời là mối đe dọa với cả cơ chế: Trẻ không ngừng chơi hết món đồ này đến món đồ khác. Mỗi món đồ trẻ chỉ sử dụng một lần, sau đó lại tìm hiểu món đồ khác. Bọn trẻ không ngừng chạy về phía tủ đựng các món đồ. Không có món đồ nào đủ sức kích thích hứng thú khiến năng lực của trẻ được phát triển. Các tính của trẻ không được rèn luyện cũng không được phát triển. Sự thay đổi không ngừng này không thể mang lại sự hài hòa cho tâm lí của trẻ. Trẻ lúc này giống như một chú ong không ngừng bay đi bay lại giữa những bông hoa, nó sẽ không thể tìm được bông hoa có mật khiến nó mãn nguyện. Nếu không có sự thức tỉnh hành vi bản năng trong nội tâm, thúc đẩy sự phát triển của tính cách và tâm lí thì trẻ sẽ không thể tiến hành công việc được.

Khi tình trạng không ổn định này xuất hiện, giáo viên sẽ cảm thấy công việc của mình thật khó khăn. Họ chỉ có thể loay hoay với học sinh, đồng thời truyền cả nỗi lo lắng của mình cho những đứa trẻ. Những đứa trẻ cảm thấy buồn chán chỉ đợi giáo viên quay đi là bắt đầu bày bừa các món đồ. Khi giáo viên ở cạnh những đứa trẻ này, chúng có thể vẫn xảy ra nhiều vấn đề. Sự phát triển đạo đức và trí lực đến lúc này vẫn chưa xuất hiện, vẫn chờ đợi chúng ta khai phá.

Tính kỉ luật này vô cùng yếu ớt. Để ngăn chặn xuất hiện tình trạng vô kỉ luật, giáo viên luôn luôn ở vào trạng thái căng thẳng. Rất nhiều giáo viên chưa được rèn luyện nhiều và còn thiếu kinh nghiệm. Họ trông chờ nhiều ở “những đứa trẻ mới đến”, đồng thời cũng làm rất nhiều việc nhưng hiệu quả thu được vẫn không cao. Rốt cuộc họ không thể không thừa nhận trạng thái căng thẳng này là cả một nỗi đầy dọa với giáo viên, và đối với học sinh thì nó cũng chẳng mang lại ích lợi gì.

Giáo viên cần hiểu tình trạng này của trẻ. Tâm lí của trẻ đang trải qua một giai đoạn chuyển mình. Cánh cửa phát triển rộng lớn vẫn chưa mở ra trước mặt trẻ, những đứa trẻ này vẫn đang quanh quẩn phía ngoài cánh cửa. Thực tế, dường như chúng ta cũng không nhận thấy bất cứ sự phát triển nào ở chúng. Tình trạng này gần với sự hỗn loạn hơn là có trật tự. Những việc trẻ làm trong tình trạng này chắc chắn không thể nào hoàn mĩ được. Về cơ bản trẻ có thể có được sự vận động nhịp nhàng nhưng thiếu sức lực và mĩ cảm, đồng thời có lúc tốt có lúc xấu. So với tình trạng không thể tiếp xúc với thế giới hiện thực trong giai đoạn đầu tiên thì cho đến lúc này, dường như trẻ vẫn không có bước tiến lớn nào. Tình trạng trẻ như thể người mới ốm dậy vậy, trẻ đang nằm trong một giai đoạn quan trọng của quá trình phát triển, trong giai đoạn này, giáo viên phải phát huy được hai vai trò khác nhau: Là người đôn đốc và từng bước tiến hành giáo dục trẻ. Nói như vậy cũng có nghĩa là giáo viên phải dạy học sinh cách sử dụng từng đồ vật. Giám sát toàn bộ lớp học và chỉ dạy từng học sinh là hai phương pháp chính để giáo viên có thể giúp đỡ học sinh. Trong giai đoạn này, giáo viên cần nhớ rõ khi chỉ dạy một học sinh thì không được quay lưng lại với những học sinh khác. Trước mặt những đứa trẻ bối rối này, giáo viên phải đảm bảo sự tồn tại của mình. Giáo viên nên có những chỉ đạo chuẩn xác cho học sinh, sự chỉ đạo này cần tiến hành theo một cách cực kì thân mật, như vậy mới có thể lay động tâm hồn của trẻ. Rồi sẽ có một ngày những tâm hồn nhỏ bé này bừng tỉnh, những đồ vật trong tay trẻ sẽ khiến chúng cảm thấy vô cùng thích thú, đồng thời không ngừng dùng đi dùng lại những món đồ đó, khả năng tập trung chú ý của trẻ cũng theo đó mà tăng lên, khả năng vận động của đôi tay cũng được nâng cao. Trạng thái tích cực và thỏa mãn này của trẻ cho thấy tâm lí của trẻ đã bước vào một giai đoạn mới.

Trong quá trình phát triển tâm lí của trẻ, tạo cho trẻ cơ hội được tự do lựa chọn là điều vô cùng quan trọng. Chỉ khi trẻ hiểu được nhu cầu thực tế của sự phát triển tâm lí của bản thân thì mới có thể nói đến chuyện tự do lựa chọn. Khi trẻ bị thu hút bởi nhiều yếu tố kích thích ở thế giới bên ngoài, đồng thời mỗi một kích thích đều khiến trẻ thích thú thì sau khi khám phá một đồ vật này, trẻ sẽ tiếp tục chuyển sang đồ vật khác, ý chí của bản thân cũng không thể chi phối

được, như vậy thì không thể nói đến việc tự do lựa chọn. Giáo viên nhận thức được điều này là việc rất quan trọng. Nếu trẻ không có những kiến giải chủ quan nhất định thì không thể bước vào con đường phát triển hoàn mĩ. Trẻ vẫn chịu ảnh hưởng rất lớn từ hoàn cảnh, trở thành nô lệ của mọi kích thích đơn giản nhất. Tâm lí của trẻ giống như con lắc không ngừng dao động. Chỉ khi có được năng lực tự nhận biết thì mới có thể tĩnh tâm làm một việc nhất định nào đó, lúc đó tâm lí của trẻ mới có thể nói là thành thực.

Chúng ta có thể nhìn thấy hiện tượng đơn giản mà quan trọng này ở tất cả các sinh vật. Mỗi sinh vật đều có khả năng tiến hành chọn lựa trong môi trường phức tạp. Khả năng tự do lựa chọn này có thể nói là vô cùng hữu ích cho mỗi sinh vật.

Thực vật hút những thành phần dinh dưỡng nhất định mà nó cần trong lòng đất. Côn trùng cũng vậy, chúng chỉ “quan tâm” tới một loài hoa nhất định nào đó. Tình trạng này cũng tồn tại ở loài người, chỉ có điều khả năng này ở con người là thứ sau này rèn luyện mà thành chứ không phải là bản năng bẩm sinh. Tâm lí của trẻ, đặc biệt là trẻ dưới 1 tuổi vô cùng nhạy cảm. Sự giáo dục sai lầm có thể bóp chết tính nhạy cảm này của trẻ, khiến trẻ hứng thú trước mọi loại kích thích, cuối cùng trở thành nô lệ của những kích thích cảm quan bên ngoài. Phần lớn người trưởng thành chúng ta đều đã mất đi tính nhạy cảm, vì thế khi thấy trẻ có năng lực này, chúng ta sẽ cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Một giáo viên chưa từng được huấn luyện có thể dễ dàng giết chết loại năng lực này giống như một con voi vô tình giẫm nát một bông hoa vừa chớm nở.

Khi trẻ dồn sự chú ý vào một vật thể và không ngừng sử dụng vật thể đó, tâm lí của trẻ đã nằm trong trạng thái an toàn và nhẹ nhõm. Lúc này chúng ta không cần lo lắng về trẻ nữa, điều chúng ta cần làm chính là thỏa mãn nhu cầu của trẻ và loại bỏ những trở ngại mà trẻ có thể gặp phải.

Trước khi khả năng tập trung của trẻ có thể đạt đến trạng thái này, giáo viên cần học cách kiểm soát bản thân, để cho tâm lí của trẻ được tự do phát triển. Việc giáo viên nên làm là không làm phiền công việc trẻ đang làm, khả năng kiểm soát của giáo viên lúc này có tác dụng rất to lớn. Là giáo viên, không đơn giản có nghĩa là chỉ giúp đỡ trẻ, thậm chí không có nghĩa là ngồi yên bất động. Trong khi giúp đỡ và phục vụ trẻ, giáo viên đồng thời cũng cần tiến hành quan sát trẻ, bởi vì sức chú ý của trẻ là một hiện tượng vô cùng tinh tế. Đương nhiên giáo viên không nên trực tiếp lộ mặt, cũng không nên tùy tiện giúp đỡ trẻ mà cần thông qua quan sát để hiểu được trẻ, hiểu được khả năng tập trung của trẻ, cũng như hiểu được tình trạng phát triển tâm lí của trẻ.

Đối với trẻ, tập trung chú ý là việc rất vui vẻ. Trẻ không còn quan tâm đến mọi sự xung quanh mình, mà trở nên giống như một “ẩn sĩ”. Cá tính của trẻ dần dần hình thành trong quá trình này. Khi trẻ rời mắt khỏi sự vật mình đã quan tâm, thế giới trong mắt trẻ sẽ trở nên đầy mới mẻ. Trẻ cũng trở nên tràn đầy tình yêu với con người và vạn vật, hòa đồng với mọi người, đồng thời bắt đầu biết yêu những gì đẹp đẽ. Đây là một quá trình tâm lí rất giản đơn: Cách li bản thân khỏi thế giới để thu được khả năng hòa nhập vào thế giới tốt hơn. Khi ngồi trên máy bay, chúng ta có thể nhìn thấy mặt đất rõ hơn. Tâm lí con người là vậy. Để có thể hòa nhập với những người xung quanh mình, chúng ta cần có thời gian tách khỏi họ và tích lũy sức mạnh của tình yêu. Những trí giả trước khi làm việc tốt cho nhân loại cũng tự nhốt mình trong phòng để nghĩ cách mang lại điều tốt cho mọi người. Mọi sự chuẩn bị cho sự nghiệp tình yêu và hòa bình vĩ đại này đều được âm thầm chuẩn bị.

Trẻ cách li khỏi thế giới bên ngoài thông qua khả năng tập trung chú ý, để sau đó hình thành một tính cách kiên định và bình tĩnh, đầy tình yêu với mọi người xung quanh. Đồng thời trẻ còn có những phẩm chất ưu tú như biết hi sinh bản thân, làm việc có quy luật, biết phục tùng. Tình yêu cuộc sống của trẻ giống như dòng suối tuôn trào và chia sẻ tình yêu đó cho mọi người bên cạnh mình.

Sự tập trung chú ý có thể bồi dưỡng ý thức xã hội cho trẻ, giáo viên cần chú ý tới điểm này. Sau khi ý thức xã hội này của trẻ được hình thành, giáo viên cần giúp đỡ trẻ. Những đứa trẻ này

muốn học hỏi từ người thầy của mình cũng giống như chúng cần hít thở dưỡng khí từ trời xanh và hoa cỏ vậy.

Sự nhiệt tình của trẻ – đối với giáo viên không có kinh nghiệm – lại hình thành một áp lực to lớn. Trong giai đoạn đầu tiên, giáo viên không nên lãng phí thời gian với những hành vi hỗn loạn của trẻ mà thay vào đó là cần quan tâm tới những nhu cầu cơ bản của chúng, cũng như không nên bị chìm đắm vào đủ thứ hiện tượng mà cần quan tâm tới những việc chính. Những công việc lúc này của giáo viên có tác dụng giống như bản lề cửa, công việc sau cánh gà, đồng thời khổng chế toàn bộ cục diện.

Công việc của người thầy là một công việc có tính chuẩn xác và thường xuyên. Ban đầu giáo viên có thể cảm thấy mình thật vô tích sự, bởi vì những tiến bộ của trẻ không đáng là bao so với những gì họ đã phát huy. Nhưng không lâu sau, họ lại phát hiện ra trẻ ngày càng trở nên độc lập, năng lực biểu đạt của trẻ ngày càng mạnh mẽ, tốc độ phát triển cũng ngày một nhanh. Lúc này giáo viên mới cảm thấy những công việc hậu trường của mình trở nên có giá trị. Lúc này người thầy nên nghĩ đến câu nói của John the Baptist khi nhìn thấy Chúa Cứu Thế: “Người này được tiên đoán sẽ trưởng thành, còn ta phải rút lui.”

Lúc này trẻ rất cần có một sức mạnh để chỉ đạo mình. Sau khi vận dụng trí lực và hành vi của bản thân để hoàn thành một việc nào đó (ví như vẽ một bức tranh hay viết một từ đơn), trẻ sẽ chạy ngay đến trước mặt thầy cô giáo để xin ý kiến. Trẻ không cần người khác chỉ bảo mình cần làm việc này như thế nào. Một tâm hồn tự do có thể tự do lựa chọn và tự tiến hành công việc của mình. Nhưng sau khi hoàn thành công việc, trẻ cần nhận được sự công nhận của thầy cô giáo.

Trẻ luôn tuân theo những nhu cầu của nội tâm, bản năng này của trẻ có thể bảo vệ sự riêng tư của thế giới tinh thần. Tương tự như vậy, trẻ cũng cần khoe thành quả của bản thân với người lớn, để đảm bảo những nỗ lực mà bản thân đã bỏ ra là đúng. Điều này thể hiện ở việc trẻ tập đi, dù rằng trẻ đã có khả năng đi lại được, nhưng trẻ vẫn mong chờ có người lớn dang rộng cánh tay đón chờ trước mặt chúng. Lúc này giáo viên nên khích lệ trẻ, thậm chí là tặng cho trẻ một nụ cười. Đương nhiên sự trưởng thành và tự tin của trẻ chủ yếu quyết định bởi bản thân trẻ, không có quan hệ gì với giáo viên.

Khi trẻ đã đủ niềm tin với công việc của mình, trẻ sẽ không còn tìm kiếm sự khích lệ của người khác mà thay vào đó, chúng lần lượt làm hết việc này đến việc khác trong khi người lớn không hay biết, trẻ chỉ chú trọng đến thành quả là tốt hay xấu chứ không quan tâm đến bất cứ việc gì khác. Điều khiến trẻ hứng thú chính là bản thân công việc chứ không phải là sự ngưỡng mộ của người khác. Những người từng đến thăm quan trường chúng tôi vẫn còn nhớ, khi chúng tôi giới thiệu với họ thành quả công việc của trẻ, chúng tôi không bao giờ giới thiệu họ tên của đứa trẻ. Bởi vì giáo viên của chúng tôi biết rằng trẻ không hề quan tâm đến việc họ tên mình có được giới thiệu hay không. Trong những trường học khác, nếu giáo viên quên không giới thiệu tên học sinh đã tạo ra tác phẩm, họ sẽ cảm thấy khó chịu, bởi học sinh đó có thể sẽ nói bằng giọng oán trách: “Đó là do em làm.”

Còn trong trường học của chúng tôi, tác giả của tác phẩm xinh xắn đó có thể đang ở một góc nào đó, bận rộn với một công việc khác mà không muốn bị ai làm phiền. Khi đó, cùng với việc nghiêm túc lần lượt hoàn thành từng tác phẩm, trẻ sẽ dần dần hình thành nên tính kỉ luật. Trẻ bận rộn nhưng không rối loạn, có ý thức phục tùng và đầy tình yêu thương, giống như hoa nở mùa xuân là để chờ đợi để được thu hoạch vào mùa thu vậy.

Chương 27

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN

Giáo viên cần đầu tư toàn bộ sức lực, đồng thời căn cứ vào sự khác biệt giữa những giai đoạn phát triển của trẻ để thay đổi cách thức làm việc của mình. Trách nhiệm hàng đầu của giáo viên chính là quan tâm đến môi trường dành cho trẻ. Ảnh hưởng của môi trường là gián tiếp, nhưng nếu môi trường không tốt thì trẻ cũng không thể phát triển về thể chất, trí lực và tâm lí, và nếu có phát triển thì sự phát triển đó cũng không tồn tại lâu dài.



Muốn trở thành một giáo viên trong trường học Montessori thì phải có sự chuẩn bị sẵn sàng. Một điều người giáo viên phải ghi nhớ từng giây từng phút, đó chính là nếu như ở trong các trường học truyền thống, giáo viên luôn luôn phải chú ý đến hành vi của trẻ, luôn luôn phải chăm sóc và giáo dục trẻ, còn trong trường học Montessori, công việc của giáo viên là tìm những học sinh đã chạy ra khỏi lớp học. Đó chính là điểm khác biệt lớn nhất giữa trường học Montessori với các trường học truyền thống. Những giáo viên bắt đầu làm việc tại trường chúng tôi phải có quan điểm như thế này: Trẻ có thể phát triển bản thân thông qua công việc. Họ phải từ bỏ hết những quan điểm cũ của người đi trước truyền lại, bao gồm cả vấn đề về trình độ phát triển khác nhau của trẻ. Bất cứ đứa trẻ nào (hay nói cách khác là những đứa trẻ mắc những khiếm khuyết khác nhau) cũng không nên trở thành đối tượng lo lắng của giáo viên. Việc họ cần quan tâm hơn là vấn đề phát triển tâm lí bình thường của trẻ. Giáo viên cần có niềm tin sâu sắc rằng, nếu trẻ bị một công việc nào đó thu hút thì tất cả những bản tính của trẻ sẽ tự nhiên được phát huy hết. Chung quy lại, tất cả trẻ em rồi đều sẽ có một ngày có khả năng tập trung chú ý. Vì vậy giáo viên cần đầu tư toàn bộ sức lực của mình, đồng thời căn cứ vào sự khác biệt giữa những giai đoạn phát triển của trẻ để thay đổi cách thức làm việc của mình. Giáo viên chủ yếu phải giải quyết được ba vấn đề dưới đây.

Giai đoạn thứ nhất: Giáo viên cần phải trở thành người giữ gìn và quản lí môi trường, cần quan tâm đến tình trạng môi trường chứ không nên bị trẻ làm cho đau đầu mệt mỏi. Như vậy trẻ mới có thể dần dần đi vào quỹ đạo bình thường, ý chí của trẻ mới có thể phát triển bình thường. Ở nước tôi, để khiến những ông chồng cảm thấy gia đình có sức hút, các bà vợ sẽ trang trí nhà cửa thật đẹp. Họ không dồn sức chú ý vào người chồng mà chú tâm trang trí nhà cửa và xây dựng môi trường sống. Họ biến gia đình thành một nơi thoải mái, bình yên và tràn ngập niềm vui. Yêu cầu cơ bản nhất của một ngôi nhà có sức hấp dẫn nằm ở chỗ sạch sẽ, gọn gàng, đồ đạc được bài trí ngăn nắp. Giáo viên trong nhà trường cũng vậy. Các đồ vật trong lớp học cần phải bày biện có trật tự, sạch sẽ, gọn gàng. Mọi thứ cần được sắp đặt đúng chỗ và luôn luôn sẵn sàng chờ đợi được trẻ sử dụng. Tương tự, bản thân giáo viên cũng phải sạch sẽ, gọn gàng, hòa nhã, đồng thời có uy nghiêm nhất định, như vậy mới tạo ra sức hút trước học sinh, khiến trẻ có tâm lí vui vẻ. Đương nhiên mỗi người giáo viên có những điểm khác nhau, nhưng có một điều nhất định phải nhớ, đó là ngoại hình của giáo viên có chỉnh tề hay không có mối liên hệ trực tiếp với việc giáo viên đó có được học sinh tôn trọng hay không. Giáo viên cần cân nhắc về hành vi của bản thân nhiều hơn, cố gắng tạo cho hành vi của mình vẻ lịch thiệp, phong độ. Những đứa trẻ ở độ tuổi này thường coi mẹ mình là tiêu chuẩn đánh giá cái đẹp. Chúng ta có thể không biết mẹ của trẻ là người như thế nào, nhưng khi nhìn thấy một phụ nữ xinh đẹp, trẻ sẽ nói rằng: “Đẹp quá, giống hệt mẹ của cháu!” Đương nhiên, trên thực tế có thể mẹ của trẻ chẳng xinh đẹp chút nào nhưng trong mắt trẻ thì mẹ rất đẹp, trẻ cho rằng tất cả những người đẹp đều giống mẹ của mình. Vì vậy giáo viên cần chú ý đến hình ảnh của bản thân, bởi vì hình ảnh của giáo viên chính là một phần trong môi trường sống của trẻ, hơn nữa là một phần quan trọng nhất.

Trách nhiệm hàng đầu của giáo viên là quan tâm đến môi trường dành cho trẻ. Ảnh hưởng của môi trường là gián tiếp, nhưng nếu môi trường không tốt thì trẻ cũng không thể phát triển về thể chất, trí lực và tâm lí, và nếu có phát triển thì sự phát triển đó cũng không tồn tại lâu dài.

Giai đoạn thứ hai: Sau khi xem xét về môi trường, chúng ta nhất định sẽ hỏi: “Giáo viên nên xử sự với học sinh như thế nào? Chúng tôi phải làm thế nào thì mới có thể thu hút những đứa trẻ mà tâm lí còn chưa hoàn toàn phát triển này? Làm thế nào mới khiến chúng chuyên tâm làm việc?” Tôi cho rằng cần phải “hấp dẫn” trẻ (hi vọng từ này sẽ không dẫn đến sự hiểu lầm của người lớn). Nếu chúng ta coi nhẹ môi trường sống của trẻ, đồ dùng gia đình bẩn thỉu, các món đồ nhỏ của trẻ cũng bị hỏng và bị đặt sai vị trí, và nguy hại hơn nữa là bản thân giáo viên tỏ ra lười biếng, không chú ý đến phép lịch sự, vậy thì mục đích giáo dục của giáo viên sẽ khó mà thực hiện được. Trong giai đoạn trước khi trẻ có thể tập trung chú ý, giáo viên phải là người thấp lùn ngọn đuốc ấm áp và chiếu sáng căn phòng trong tim trẻ. Chúng ta không cần phải lo lắng rằng hành vi của giáo viên sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lí của trẻ, bởi vì trong giai đoạn này, sự phát triển tâm lí của trẻ hoàn toàn chưa bắt đầu. Trước khi trẻ có thể tập trung chú ý, việc ít nhiều có thể chỉ đạo trẻ là một việc vô cùng quan trọng. Giáo viên có thể căn cứ vào nhu cầu để chỉ đạo hành vi của trẻ.

Tôi đã từng đọc được một câu chuyện như thế này. Một tín đồ Cơ đốc muốn thu gom tất cả trẻ em mồ côi trên đường phố, vì những đứa trẻ này sống theo bản năng nên ông đã làm mọi cách để khiến chúng vui. Trong giai đoạn quá độ này, giáo viên cũng nên áp dụng phương pháp tương tự như vậy. Giáo viên có thể kể chuyện, chơi trò chơi, hát múa... Việc giáo viên có thể thu hút trẻ vào các trò chơi khác nhau sẽ rất hữu ích trong việc khiến lũ trẻ yên lặng, cho dù những trò chơi này không mang nhiều ý nghĩa giáo dục. Chúng ta đều biết rằng một giáo viên năng nổ sẽ có sức hấp dẫn hơn một giáo viên cứng nhắc. Nếu cố gắng, chúng ta đều có thể trở thành giáo viên năng nổ. Chúng ta có thể vui vẻ nói với lũ trẻ rằng: “Hôm nay chúng ta hãy chuyển hết mọi thứ đi.” Hoặc cùng chơi trò chơi với trẻ, khuyến khích và biểu dương trẻ. Hoặc có thể nói: “Chúng ta cùng dùng chổi cọ sạch những chiếc xô nhé? Chúng cần phải sạch sẽ.” Hoặc nói rằng: “Chúng ta cùng ra vườn hái hoa nhé?” Mỗi hành vi của giáo viên đều có tác dụng kích thích nhiệt tình của trẻ.

Đó chính là việc giáo viên nên làm trong giai đoạn thứ hai. Có những đứa trẻ trong giai đoạn này không ngừng làm phiền những đứa trẻ khác, đối với trẻ như vậy, cách tốt nhất là làm gián đoạn hành vi của chúng. Đương nhiên chúng ta từng có lần nói về điều này, khi trẻ bị thu hút bởi một việc gì đó, chúng ta không nên làm phiền trẻ, ngăn cản sự phát triển bình thường của trẻ. Nhưng phương pháp chúng ta áp dụng ở đây lại hoàn toàn ngược lại, chúng ta cần phải dùng hành vi làm phiền người khác của trẻ lại. Chúng ta có thể sử dụng ngôn ngữ cảm thán hoặc sự quan tâm cực đoan để trẻ dừng hành động của mình. Những phương pháp này vô cùng hiệu quả. Ví dụ, chúng ta có thể nói với trẻ: “Thế nào, John? Đi với cô, cô có thứ muốn cho con xem.” Nếu trẻ không chịu đi, giáo viên có thể nói tiếp: “Được thôi, chúng ta cùng ra vườn hoa thôi.” Giáo viên có thể đi cùng trẻ hoặc giao trẻ cho một ai khác, như vậy đứa trẻ này sẽ không làm phiền những trẻ khác nữa.

Giai đoạn thứ ba: Trong giai đoạn này, trẻ bắt đầu có hứng thú với một số việc, đặc biệt là những việc có liên quan đến trải nghiệm cuộc sống. Thực tế đã chứng minh rằng, trước khi trẻ có thể tiếp nhận hoàn toàn, việc cung cấp cho trẻ một số thứ liên quan đến văn hóa sẽ không có nhiều tác dụng.

Sau khi trẻ đã có khả năng tập trung chú ý, chúng ta mới có thể cung cấp cho trẻ những thứ này. Đương nhiên, điều này có liên quan đến việc tích lũy kinh nghiệm thực tế trong cuộc sống. Khi trẻ tỏ ra hứng thú trước điều gì đó, chúng ta nhất định không được làm phiền trẻ, bởi vì hứng thú này có liên quan mật thiết với quy luật tự nhiên. Việc trẻ tiếp xúc với những thứ ấy sẽ khiến chúng học được khá nhiều phương thức hành vi mới. Đương nhiên, bước tiến nhỏ nhỏ của trẻ là vô cùng mong manh, chỉ một chút phiền nhiễu từ thế giới bên ngoài cũng có thể ảnh hưởng đến hứng thú của trẻ, giống như một bong bóng xà phòng đẹp để có thể tan vỡ trong chớp mắt.

Trong thời kì này, giáo viên phải hết sức cẩn trọng, chú ý không được làm phiền trẻ dưới bất kì hình thức nào. Trong giai đoạn này, giáo viên cũng thường phạm phải một số sai lầm. Một đứa trẻ đang tập trung rất dễ bị làm phiền. Giáo viên đi ngang qua phía sau lưng trẻ, có thể chỉ cần một câu: “Tốt!” là đã đủ gây ảnh hưởng rất lớn đến trẻ. Trong đa số trường hợp, hứng thú

của trẻ đối với một sự vật nào đó có thể kéo dài trong khoảng 2 tuần. Nếu giáo viên phát hiện ra trẻ đang cố gắng làm việc gì đó rất khó khăn và bước tới giúp trẻ, thì đứa trẻ có thể sẽ lập tức bỏ đi, hoàn toàn chẳng màng tới sự vật đó nữa. Hứng thú của trẻ không chỉ nằm ở việc được hoạt động tay chân mà còn nằm ở những khó khăn mà trẻ gặp phải trong quá trình hoạt động tay chân đó. Nếu giáo viên muốn giúp trẻ khắc phục khó khăn, trẻ sẽ lập tức không còn hứng thú với việc đó nữa. Chúng ta thường bắt gặp cảnh bọn trẻ muốn cầm một vật nào đó rất nặng lên, giáo viên tới giúp đỡ, thế là trẻ lập tức ném vật đó xuống đất và chạy đi chỗ khác. Khen ngợi, giúp đỡ thậm chí chỉ liếc nhìn thôi đều có thể làm phiền và ảnh hưởng tới trẻ. Điều này nghe qua thì có vẻ hoang đường, nhưng kể cả đối với người lớn chúng ta cũng vậy thôi, nếu có một người cứ ở bên cạnh xem chúng ta làm việc, chúng ta cũng cảm thấy bị ảnh hưởng và không thể tập trung. Một giáo viên ưu tú nên tuân thủ nguyên tắc sau: Khi trẻ đã tập trung làm việc, chúng ta nên coi như trẻ không hề tồn tại. Chúng ta có thể quan sát từ xa xem trẻ đang làm gì chứ không được làm phiền trẻ. Như vậy, trẻ sẽ không tỏ ra phớt lờ trước mọi sự lựa chọn nữa mà bắt đầu lựa chọn một vài việc một cách có mục đích. Việc này có thể làm nảy sinh một vấn đề khác: Rất nhiều đứa trẻ cùng tranh giành một món đồ. Nếu không có tình huống đặc biệt, chúng ta cũng không cần phải làm phiền trẻ, tự trẻ có thể giải quyết vấn đề này. Trách nhiệm của giáo viên chính là cung cấp cho trẻ thêm đồ dùng mới, sau khi chúng đã hoàn toàn thành thạo cách sử dụng các món đồ trước đó.

Chỉ có bằng thực tế, giáo viên mới biết được cần làm thế nào để không làm phiền trẻ. Kỹ năng này quả là không dễ thực hiện, chúng ta cần nâng nó lên tầm cao hơn – tầm kỹ năng tâm lý. Nhưng xét từ góc độ tâm lý thì sự giúp đỡ cũng có thể khiến dẫn đến sự ngạo mạn.

Sự giúp đỡ của giáo viên không nên chạy theo cảm xúc nhất thời mà cần chú ý vận dụng lý trí của bản thân, hiểu rõ chừng mực, bởi vì người cho đi bao giờ cũng vui vẻ hơn người tiếp nhận. Chúng ta chỉ nên âm thầm giúp đỡ trẻ, để nếu sự giúp đỡ này bị trẻ phát hiện thì trẻ cũng không cho đó là sự giúp đỡ mà cho đó là một điều hiển nhiên phải thế.

Dù trong giai đoạn này, mối quan hệ giữa học sinh và giáo viên thể hiện trên lĩnh vực tinh thần, nhưng giáo viên cũng cần giống như một người giúp việc tận tụy hầu hạ chủ nhân. Giáo viên cần lau dọn bàn sạch sẽ, đặt bàn chải vào vị trí cố định mà không cần phải báo cáo với “chủ nhân” lúc nào sẽ dùng chiếc bàn chải đó. Giáo viên phải chuẩn bị bữa ăn cho “chủ nhân” mà không cần báo lúc nào sẽ ăn. Sau khi đã chuẩn bị xong mọi việc, giáo viên có thể rút lui. Chúng ta cần phải đặt mình vào góc độ sự hình thành tâm lý của trẻ để suy nghĩ về vấn đề. Tâm lý của trẻ chính là người chủ mà giáo viên đang phục vụ, khi chủ nhân cần gì thì chúng ta phải lập tức đáp ứng. Nếu chủ nhân không đưa ra yêu cầu thì giáo viên không được làm phiền, nhưng nếu chủ nhân đã yêu cầu thì giáo viên cần lập tức ra tay. Nếu trẻ cần được khen thưởng, giáo viên có thể nói: “À, đẹp quá!” cho dù trong thâm tâm không hề cảm thấy thứ đó đẹp. Tương tự như vậy, nếu trẻ đang tập trung vào việc gì đó thì nhất định không được làm phiền trẻ. Nhưng nếu chúng cần sự công nhận của chúng ta, chúng ta nên hào phóng tặng cho trẻ điều đó. Mối liên hệ về lĩnh vực tâm lý giữa trẻ và giáo viên tương tự như mối quan hệ chủ – tớ. Giáo viên cần phục vụ nhu cầu tinh thần của trẻ. Đây có thể coi là một việc rất mới mẻ, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, nó hoàn toàn khác với việc chúng ta tắm rửa, khâu vá cho trẻ. Chúng ta không phục vụ trẻ về thể chất, bởi vì chúng ta biết rằng nếu trẻ phát triển bình thường thì chúng hoàn toàn có thể tự làm việc đó. Vì vậy cần nhớ rằng, chúng ta không trợ giúp nhu cầu thể chất bình thường cho trẻ. Tính độc lập về thể chất là thứ trẻ có thể có được bằng cách tự phát triển. Trẻ có thể thông qua sự phát triển của năng lực tự do lựa chọn để trở nên độc lập về ý chí, có được sự độc lập về tư tưởng trong khi làm việc mà không bị làm phiền. Trẻ phát triển trong quá trình không ngừng củng cố tính độc lập, đó là tôn chỉ mà chúng ta phải tuân theo trong khi xử sự với trẻ. Chúng ta cần giúp trẻ độc lập làm việc, phán đoán và suy nghĩ. Đó là một môn nghệ thuật phục vụ tâm lý, chỉ có trong quá trình thực tiễn phục vụ trẻ, chúng ta mới có thể học tốt môn nghệ thuật này.

Nếu giáo viên có thể đáp ứng chính xác nhu cầu của trẻ thì sẽ phát hiện ra rằng, mỗi đứa trẻ đều tiềm ẩn đủ loại phẩm chất ưu tú, giống như dòng suối không ngừng tuôn chảy. Bởi những phẩm chất ưu tú đó thường ẩn tàng sau những vấn đề tâm lý của trẻ, nên một khi chúng được

phát hiện ra, giáo viên sẽ cảm thấy cảm giác được đền đáp, một cảm giác thỏa mãn. Những đứa trẻ mang những phẩm chất ưu tú này khi đã bắt tay vào việc sẽ không bao giờ cảm thấy mệt mỏi, bởi vì chúng có lòng nhiệt tình không bao giờ tắt. Chúng sẽ nỗ lực khắc phục từng khó khăn, bởi vì việc khắc phục khó khăn sẽ mang lại cho chúng niềm vui cực kì to lớn. Chúng cũng sẽ thật lòng giúp đỡ những kẻ yếu hơn, bởi vì chúng hiểu rằng đồng cảm với người khác chính là tôn trọng họ, những nỗ lực để tôn trọng người khác sẽ giống như dòng suối tưới mát tâm hồn. Khi có phẩm chất này, trẻ sẽ trở thành một đứa trẻ thực thụ, hình thành nên một hình mẫu người hoàn hảo.

Nhưng tất cả những điều này sẽ diễn ra một cách từ từ. Ban đầu, giáo viên có thể nói: “Đứa trẻ này phát triển không thua gì so với kì vọng của tôi, thậm chí còn tốt hơn một chút.” Đương nhiên, việc chỉ biết tên đứa trẻ, bố mẹ trẻ làm gì vốn không quan trọng, điều quan trọng là chúng ta phải hiểu được một số đặc tính trẻ em độ tuổi này nên có mà trẻ bộc lộ ra trong cuộc sống hàng ngày. Qua những biểu hiện này, giáo viên có thể hiểu sâu hơn về trẻ, không chỉ hiểu được đặc trưng bên ngoài mà còn hiểu được những bí mật bên trong nội tâm trẻ. Đương nhiên khi trẻ bộc lộ toàn bộ thiên tính của mình trước mặt giáo viên, có thể giáo viên sẽ lần đầu tiên hiểu được thế nào là tình yêu chân chính. Những thiên tính đó của trẻ sẽ làm thay đổi cả giáo viên. Đó là sự bộc lộ thiên tính có thể làm lay động, thay đổi người khác. Một khi chúng ta hiểu được hiện tượng này, nó sẽ trở thành chủ đề đàm thoại chủ yếu của chúng ta. Chúng ta có thể quên mất tên của trẻ, nhưng tinh thần và tình yêu mà trẻ đã bộc lộ ra là thứ chúng ta sẽ không bao giờ quên được.

Trong tình yêu có hai mức độ. Tình yêu trẻ mà chúng ta thường nói đến là chỉ việc chăm sóc, ôm ấp trẻ. Trẻ đã đánh thức tình yêu của chúng ta và chúng ta lại gieo thứ tình yêu này lên trẻ. Đó là vì chúng ta và trẻ có mối liên hệ về tinh thần với nhau.

Nhưng tình yêu mà chúng ta đang nói tới hoàn toàn không giống thứ tình yêu này. Tầng ý nghĩa của tình yêu này không phải là tình yêu cá nhân, tình yêu vật chất. Việc chúng ta phục vụ trẻ thực chất là phục vụ về tinh thần cho trẻ, trong quá trình đó, chúng ta phải cho trẻ đủ sự tự do. Mức độ khác nhau của tình yêu không do giáo viên vạch ra mà là do chính trẻ vạch ra. Giáo viên chỉ cảm thấy bản thân mình đã được đưa lên một tầm cao chưa từng có. Trẻ đã thôi thúc giáo viên không ngừng trưởng thành cho đến khi giáo viên hoàn toàn hòa nhập được vào thế giới của trẻ.

Trước những điều này, giáo viên cảm thấy công việc của mình vô cùng cao quý. Nhưng khi ngày lễ đến gần, mọi thứ hoàn toàn thay đổi. Giáo viên cũng giống như tất cả những người làm thuê khác, hi vọng được rút ngắn thời gian làm việc, nâng cao mức lương. Quyền lực của giáo viên và việc bản thân là tấm gương của học sinh cũng khiến giáo viên cảm thấy hài lòng. Nếu có thể làm hiệu trưởng hay người quản lí, những giáo viên này sẽ cảm thấy rất vui. Nhưng người muốn đạt tới trình độ cao hơn buộc phải hiểu rằng, hạnh phúc thực sự không nằm ở đó. Rất nhiều người hiểu được tầm quan trọng của vấn đề tinh thần nên đã từ chối chức vụ cao của mình để cống hiến hết mình cho công tác giáo dục mầm non, đây chính là minh chứng tốt nhất cho điều này. Những người này được gọi là “giáo viên mầm non”.

Tôi từng biết hai bác sĩ ở Paris, họ chủ động từ bỏ vị trí công việc hiện tại của bản thân để dấn thân vào công tác giáo dục mầm non, nghiên cứu về hiện tượng phát triển của trẻ. Họ cho rằng bản thân mình đã đạt đến trình độ phát triển cao hơn.

Đối với những giáo viên chuyển nghề này, tiêu chí thành công chủ yếu của họ là gì? Đó chính là họ có thể tự hào mà nói rằng: “Trẻ có thể làm việc nghiêm túc mà không quan tâm tới việc giáo viên có ở cạnh mình hay không.”

Trước khi có những chuyển biến này, cách nghĩ của những giáo viên này hoàn toàn khác. Họ cho rằng dạy trẻ nên người là công lao của họ, chính giáo viên đã giúp học sinh nâng cao trình độ của mình. Nhưng cùng với sự phát triển về tinh thần của trẻ, cách nhìn của giáo viên cũng có những biến đổi to lớn. Họ có thể sẽ nói về cống hiến của mình như thế này: “Tôi giúp trẻ hoàn thành công việc mà tạo hóa đã giao phó cho chúng.”

Đó thực sự là một việc khiến người ta hài lòng. Cho đến khi trẻ 6 tuổi, giáo viên bắt đầu ý thức được rằng họ đã làm những công việc vĩ đại giúp đỡ cho sự trưởng thành của con người. Nếu không nhờ việc trò chuyện tự do với trẻ, giáo viên có thể sẽ không biết chút gì về hoàn cảnh của trẻ. Họ cũng có thể không hào hứng gì với tương lai của chúng, không quan tâm đến việc trẻ lên trung học, đại học hay là kết thúc sự nghiệp học hành tại đây. Nhưng giáo viên rất vui khi nhận thấy rằng, trong thời kì mấu chốt của sự định hình này, trẻ đã có khả năng hoàn thành công việc cần thiết. Giáo viên có thể thản nhiên nói rằng: “Tôi đã góp sức mình vào tinh thần của những đứa trẻ này, bây giờ chúng đã hoàn thành quá trình phát triển của mình. Trong quá trình này, tôi đã đồng hành như người bạn của trẻ.” Không có người giáo viên nào – từng trực tiếp tham gia dạy dỗ học sinh – hiểu được giá trị công việc của họ nằm ở đâu. Giá trị của công việc đó là họ đã thúc đẩy sự phát triển tâm lí bình thường của trẻ, để từ đó cuộc sống của trẻ ngày ngày được bảo vệ về phương diện tâm lí. Rất nhiều người cho rằng đó đều là do đức tính hi sinh, họ nói: “Những giáo viên này thật khiêm tốn! Trong khi giáo dục trẻ, họ thậm chí còn không dùng đến sức mạnh của uy quyền.” Cũng có người nói: “Nếu bản năng tự nhiên của giáo viên bị kiềm chế thì phương pháp giáo dục của họ làm sao có thể thành công đây?” Nhưng thực tế là trong quá trình này, giáo viên chẳng phải hi sinh gì cả, cũng không phải chịu áp lực gì, thứ họ nhận được là sự hài lòng. Đó là một hình thức khác của giá trị của sự sống mà trước kia chúng ta chưa biết tới, nay đã được bộc lộ ra.

Ngoài ra, những nguyên tắc mà chúng ta tuân thủ cũng hoàn toàn khác. Ví dụ như sự “công bằng”, đối với nhà trường, xã hội và các quốc gia dân chủ thì thứ gọi là công bằng chính là một bộ luật duy nhất phù hợp với tất cả mọi người không kể giàu nghèo. Sự công bằng được số đông cho rằng có liên quan mật thiết với pháp luật, nhà tù, tố tụng. Tòa án được coi là “ngôi nhà của chính nghĩa”. Nếu ai đó nói: “Tôi là một công dân thành thật”, điều đó có nghĩa là anh ra không bị liên đới đến các cơ quan luật pháp như sở cảnh sát hay tòa án. Các thầy cô giáo trong nhà trường trong khi quan tâm đến trẻ cũng cần đặc biệt chú ý, nếu không họ sẽ bắt buộc phải quan tâm đến tất cả học sinh, bởi vì họ phải công bằng. Đó là một sự công bằng khiến con người bị dừng lại ở một trình độ vô cùng thấp, giống như bởi vì không thể khiến con người cao bằng nhau nên chúng ta đành cắt bớt chiều cao của những người cao hơn vậy. Trên phương diện tinh thần cũng như thế.

Xét từ góc độ trình độ giáo dục tương đối cao thì sự công bằng thực sự là thứ thuộc về lĩnh vực tinh thần. Nó có thể đảm bảo cho mỗi đứa trẻ được phát triển ở mức độ cao nhất. Sự công bằng mà chúng ta đang nói tới chính là giúp đỡ những người cần được giúp đỡ, khiến thể giới tinh thần của họ phát triển toàn diện. Sự giúp đỡ về mặt tinh thần cho trẻ ở mọi độ tuổi sẽ khiến trẻ có được khả năng hình thành nên trình độ tinh thần đó. Điều này có thể trở thành nền tảng của xã hội có tổ chức, chúng ta không được đánh mất tài sản tinh thần này. So với tài sản tinh thần thì tài sản vật chất thấp kém hơn rất nhiều. Việc một người giàu sang hay nghèo hèn đã không còn quá quan trọng nữa. Nếu tất cả những năng lực của chúng ta phát triển bình thường thì vấn đề tài sản cũng sẽ theo đó mà được giải quyết. Nếu tinh thần của toàn nhân loại có thể đạt đến trình độ hoàn mỹ, thì loài người sẽ trở nên giàu có hơn, phương diện kinh tế cũng không còn tồn tại sự khác biệt giàu nghèo nữa. Sự sáng tạo thực sự của con người không bắt nguồn từ chân tay mà bắt nguồn từ tinh thần và trí tuệ. Khi tinh thần và trí tuệ của con người đạt đến trình độ nhất định, tất cả những vấn đề bế tắc sẽ được giải quyết.

Khi không có sự giúp đỡ của người khác, trẻ vẫn có thể thiết lập nên một xã hội có trật tự kỉ cương. Còn cuộc sống của người lớn chúng ta lại cần đến sự bó buộc của nhà tù, cảnh sát, quân đội và súng ống. Trong khi đó trẻ nhỏ có thể dùng phương pháp hòa bình để giải quyết vấn đề của mình. Sự phát triển của trẻ cho chúng ta thấy tự do và tính kỉ luật giống như hai mặt của một đồng tiền, bởi vì sự tự do một cách khoa học sẽ tự nhiên giúp hình thành nên tính kỉ luật. Một đồng xu bao giờ cũng có hai mặt, một mặt được chế tác rất đẹp, có hình người; mặt còn lại không có quá nhiều hình trang trí mà chỉ có một vài con số hoặc chữ viết. Chúng ta có thể so sánh mặt trang trí đơn giản là tự do, mặt được chế tác tinh xảo là tính kỉ luật. Rõ ràng là khi kỉ luật trong lớp rêu rã, giáo viên sẽ coi đó là kết quả của hành vi sai lầm của bản thân. Giáo viên sẽ tìm ra sai lầm mà mình mắc phải, đồng thời tiến hành khắc phục. Giáo viên trong các trường học truyền thống sẽ cảm thấy xấu hổ vì điều này, nhưng trên thực tế, họ không nên coi đó là

điều xấu hổ, bởi đó chính là một phần của phương pháp giáo dục kiểu mới. Trong khi phục vụ trẻ, giáo viên cũng đồng thời phục vụ cuộc sống, trong khi giúp các quy luật tự nhiên phát huy tác dụng, họ cũng đồng thời đưa bản thân lên một giai đoạn cao hơn – giai đoạn siêu tự nhiên, bởi vì không ngừng tiến lên cao hơn chính là quy luật của cuộc sống mà người leo thang chính là trẻ nhỏ. Trật tự chính là yêu cầu của quy luật tự nhiên, khi nó tự nhiên xuất hiện trước mặt chúng ta, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng loài người đã bước vào một trạng thái có trật tự. Rất rõ ràng, trong sứ mệnh mà tạo hóa giao phó cho trẻ có bao gồm cả việc kêu gọi người lớn chúng ta đạt đến một trình độ cao hơn. Trẻ đưa chúng ta đến một trình độ tinh thần cao hơn, vấn đề vật chất sẽ theo đó mà được giải quyết. Như một hình thức tạm biệt, xin cho phép tôi nhắc lại một vài điều mà tôi đã từng nói, để giúp các bạn ghi nhớ những vấn đề mà chúng ta đã từng thảo luận. Đối với những giáo viên của chúng tôi, đây không phải là một lời cầu xin mà là một lời cảnh báo, một sự tổng kết ngắn gọn: “Thượng đế, xin người hãy giúp chúng con khám phá bí mật của lũ trẻ! Như vậy chúng con mới có thể dựa vào quy luật tự nhiên và những lời chỉ dạy của Người để thấu hiểu và yêu thương trẻ.”

Chương 28

TRẺ EM - NGỌN NGUỒN CỦA TÌNH YÊU THƯƠNG

Muốn làm cho thế giới này trở nên hòa hợp hơn, chúng ta nên suy ngẫm nhiều hơn về tình yêu, nghiên cứu hàm nghĩa bên trong của tình yêu. Trẻ nhỏ chính là điểm hội tụ tình yêu và sự ấm áp của con người. Toàn nhân loại đắm mình trong tình yêu thương này của trẻ. Trẻ chính là ngọn nguồn của tình yêu, tất cả những gì liên quan đến trẻ đều liên quan đến tình yêu.



C húng tôi thường tổ chức các cuộc gặp mặt kiểu Montessori. Học sinh thường mang theo người thân hoặc bạn bè, vì vậy chúng tôi có thể gặp gỡ từ trẻ mẫu giáo, trẻ sơ sinh, bé trai, bé gái, đến nam nữ thanh niên, người lớn, những người có chuyên ngành hoặc không có chuyên ngành, những người học đại học và cả những người không trải qua bất cứ trường lớp nào, những con người này cùng tụ hội ở đây, hơn nữa bất cứ ai trong chúng tôi cũng cảm thấy không cần phải chia họ thành từng nhóm. Cuộc gặp mặt bao gồm đủ kiểu người này hoàn toàn khác với các hội nghị học thuật trong các lĩnh vực khác. Những học sinh đã từng được chúng tôi rèn luyện chắc chắn đã đạt đến một trình độ giáo dục nhất định, đó chính là điều kiện duy nhất mà chúng tôi yêu cầu. Trong số những người tới tham dự có thể có những học sinh vừa mới đi học, các chuyên gia giáo dục, luật sư, bác sĩ, bệnh nhân... Trường học ở châu Âu của chúng tôi có học sinh đến từ khắp nơi trên thế giới, một học sinh ở Mỹ thậm chí còn theo chủ nghĩa vô chính phủ. Mặc dù nguồn gốc học sinh phức tạp, nhưng giữa những học sinh này chưa từng xảy ra bất cứ mâu thuẫn nào. Nguyên nhân vì sao? Chính lí tưởng chung đã khiến họ tập hợp lại ở nơi này. Bỉ là một đất nước nhỏ hơn Ấn Độ rất nhiều, người Bỉ chủ yếu sử dụng tiếng Flemish và tiếng Pháp. Người dân nước này cũng thuộc nhiều nhóm khác nhau, giáo hội Công giáo, chủ nghĩa xã hội và sự tồn tại của các tổ chức chính trị khác khiến mối quan hệ giữa họ vô cùng phức tạp. Thông thường, người thuộc các tổ chức khác nhau thể này tụ họp lại với nhau là điều rất hiếm thấy. Tuy nhiên, cuộc gặp mặt mà chúng tôi tổ chức đã rất thành công. Điều này xem ra có vẻ khó tin, vì vậy rất nhiều tạp chí đã bình luận: “Trong nhiều năm qua, chúng tôi đã cố gắng nghĩ cách tổ chức một cuộc gặp gỡ cho mọi tổ chức cùng có mặt, hôm nay, cuộc gặp ấy đã xuất hiện rồi.”

Đó chính là sức mạnh của trẻ em. Cho dù người lớn thuộc tổ chức tôn giáo hay chính trị nào thì cũng đều rất yêu thương và gần gũi với trẻ nhỏ. Sức mạnh thúc đẩy tình đoàn kết của trẻ chính là dựa trên cơ sở này. Người lớn thì lại có niềm tin mạnh mẽ vào tín ngưỡng, đồng thời coi đó là cơ sở hình thành nên các tổ chức hội nhóm. Khi cùng thảo luận một vấn đề nào đó, có thể vì bất đồng quan điểm mà cuối cùng dẫn đến ẩu đả lẫn nhau. Nhưng cách người lớn đối xử với trẻ nhỏ thì đều giống nhau. Có rất ít người nhận thức được tác dụng to lớn này của trẻ.

Sau đây chúng ta sẽ đi sâu tìm hiểu bản chất của tình yêu. Trước tiên hãy xem các thi sĩ và các nhà hiền triết miêu tả tình yêu như thế nào, bởi vì thi sĩ và các nhà hiền triết có thể biểu đạt sức mạnh to lớn của tình yêu bằng những cách thức đẹp đẽ nhất. Tình yêu vĩ đại đã thai nghén nên sự sống của con người, lẽ nào còn thứ tình cảm đẹp đẽ và cao thượng hơn tình yêu? Tiếng gọi của tình yêu thậm chí có thể lay động tâm hồn những con người tàn bạo nhất. Ngay cả những người đem lại sự hủy diệt và cái chết cũng bị thứ tình cảm tốt đẹp này làm cho cảm động. Vì vậy, cho dù bản chất của hành vi như thế nào thì trong sâu thẳm nội tâm con người cũng vẫn tiềm ẩn tình yêu. Sức mạnh này một khi được thức tỉnh thì sẽ phát huy tác dụng, lay động tâm hồn con người. Nếu trong tim con người vốn đã không có tình yêu thì cho dù chúng ta có miêu tả tình yêu đẹp đẽ đến đâu cũng không có tác dụng gì. Nếu con người có thể cảm nhận được sức mạnh của tình yêu thì đó là vì tuy tác dụng của tình yêu rất thâm lắng, nhưng con người không ai không bị ảnh hưởng bởi tình yêu, ai cũng có bản năng khao khát được yêu thương.

Muốn làm cho thế giới này trở nên hòa hợp hơn, chúng ta nên suy ngẫm nhiều hơn về tình yêu này, nghiên cứu hàm nghĩa bên trong của tình yêu. Trẻ nhỏ chính là điểm hội tụ tình yêu và sự ấm áp của con người. Toàn nhân loại đang đắm mình trong tình yêu thương này của trẻ. Trẻ chính là ngọn nguồn của tình yêu, tất cả những gì liên quan đến trẻ đều liên quan đến tình yêu. Việc đưa ra một định nghĩa chính xác về tình yêu là vô cùng khó khăn. Chúng ta đều cảm nhận được tình yêu, nhưng không ai có thể giải thích căn nguyên của tình yêu là từ đâu, ảnh hưởng của tình yêu to lớn đến mức nào, cũng không ai có thể giải thích được tình yêu có tác dụng to lớn đến đâu đối với sự đoàn kết của loài người. Cho dù chủng tộc, tín ngưỡng tôn giáo và địa vị xã hội của mỗi người là khác nhau, nhưng một khi trẻ nhỏ trở thành chủ đề trò chuyện giữa chúng ta thì mối quan hệ đoàn kết hữu hảo cũng sẽ được hình thành. Sự đề phòng giữa con người với nhau cũng theo đó mà bị xóa bỏ, sự ngăn cách giữa người với người, giữa các tổ chức với nhau trong cuộc sống hàng ngày cũng không còn nữa.

Khi sống bên cạnh trẻ nhỏ, mối quan hệ giữa người với người cũng trở nên ôn hòa, thân thiết hơn, con người không còn nghi kỵ lẫn nhau, và sự sống cũng bắt đầu từ đó. Người trưởng thành có tư tưởng vì tình yêu mà bao bọc người khác. Cũng giống như điều chúng ta cảm thấy ở trẻ, giữa người lớn với nhau cũng tiềm ẩn tình yêu, bởi vì giữa con người cũng có sức mạnh đoàn kết. Không có tình yêu thì cũng không tạo ra sức mạnh đoàn kết.

Chiến tranh đã đem lại nhiều hậu quả khủng khiếp cho thời đại chúng ta. Nơi đâu trên thế giới cũng có chiến tranh, lúc này nói đến tình yêu có lẽ đúng là một sự châm biếm cực điểm. Thế nhưng người ta vẫn cứ tiếp tục bàn bạc về tình yêu, đó thực sự là một điều kì lạ! Người ta đặt ra kế hoạch đoàn kết tương lai, điều này không chỉ cho thấy sự tồn tại của tình yêu mà còn cho thấy sức mạnh của tình yêu chính là cơ sở của tình đoàn kết. Cho đến nay, dường như tất cả mọi người đều nói rằng: “Đừng tiếp tục mơ mộng về tình yêu nữa. Chúng ta hãy đối mặt với thực tế. Tai họa đang xảy ra trước mắt chúng ta, làng mạc, rừng sâu, phụ nữ và trẻ em đều là những kẻ chịu tai họa, lẽ nào không phải sao?” Cho dù như vậy, chúng ta vẫn tiếp tục nói về tình yêu, tiến hành công việc tái thiết tình yêu. Các tín đồ tôn giáo biết yêu, những người chống lại tôn giáo cũng yêu, giới truyền thông, người qua đường, người có giáo dục, người không qua trường lớp nào, người giàu và người nghèo, người theo tôn giáo nào cũng vậy, tất cả đều đang nói về tình yêu.

Nếu không có minh chứng có sức thuyết phục về sự tồn tại của tình yêu, tại sao chúng ta không tiến hành nghiên cứu về hiện tượng quan trọng này? Lòng thù hận giữa người và người là sự hủy hoại to lớn trên toàn thế giới. Tại sao chúng ta chỉ nói suông về tình yêu? Tại sao chúng ta không coi đó là một chủ đề để nghiên cứu và phân tích, để loài người được hưởng nhiều lợi ích hơn từ sức mạnh của tình yêu? Hãy thử hỏi bản thân, vì sao không ai từng nghĩ đến việc nghiên cứu loại sức mạnh tự nhiên này, đồng thời liên kết nó với những sức mạnh khác? Con người đã tốn nhiều công sức vào việc nghiên cứu những hiện tượng tự nhiên khác, từ đó có được vô số phát hiện, vậy thì vì sao chúng ta không dành ra một chút công sức để nghiên cứu về thứ sức mạnh có thể giúp con người đoàn kết với nhau? Tất cả những việc có thể thức tỉnh sức mạnh tiềm tàng của tình yêu và có thể khiến tình yêu bộc lộ ra thì đều nên được hoan nghênh và tôn trọng. Ở trên chúng ta đã từng nói, thi sĩ và nhà hiền triết thường nói về tình yêu, dường như tình yêu là một loại lí tưởng. Tuy nhiên, tình yêu không chỉ là một loại lí tưởng, mà còn tồn tại một cách khách quan, trước kia như thế và sau này cũng vẫn thế.

Chúng ta cần biết rằng, sự tồn tại của thứ tình yêu thương mà chúng ta có thể cảm nhận được, vốn không có được nhờ sự giáo dục trong nhà trường.

Lời nói của các thi sĩ và nhà hiền triết, có thể do áp lực cuộc sống và sự hối hả của thời đại mà bị người ta quên lãng. Con người kêu gọi tình yêu, đồng thời không chịu ảnh hưởng từ thế giới bên ngoài. Yêu và khát vọng tình yêu không phải là thứ có thể học được, mà nó là một phần trong di truyền của nhân loại. Chỉ có sự sống mới có thể bộc lộ được tình yêu thực sự, trong khi thi sĩ và nhà hiền triết thì không thể.

Trên thực tế, ngoài góc độ thi sĩ và nhà hiền triết, chúng ta còn có thể suy ngẫm về tình yêu ở một góc độ khác, đó là góc độ bản thân sự sống. Từ góc độ này, chúng ta không chỉ coi tình yêu

là thứ ta khao khát, mà còn coi nó là một thực thể tồn tại mà bất cứ sức mạnh nào cũng không thể hủy diệt. Dưới đây chúng ta sẽ cùng thảo luận về lí luận của các thi sĩ, hiền triết và loại thực thể tồn tại nói trên. Chúng ta ca ngợi sức mạnh của tình yêu là sức mạnh vĩ đại nhất trong vũ trụ này. Kì thực, gọi tình yêu là một sức mạnh là chưa đúng, bởi vì đó không chỉ là một sức mạnh mà còn là một loại sáng tạo, nói chính xác hơn thì đó là “tình yêu của Thượng đế”.

Tôi thật sự hi vọng có thể dùng tất cả lời của thi sĩ, nhà hiền triết và thánh nhân nhưng do số lượng quá nhiều, ngôn ngữ họ sử dụng cũng quá nhiều nên tôi không thể làm được điều này. Nhưng ở đây, tôi có thể dẫn lời của một vị thánh mà chúng ta đã rất quen thuộc – Thánh Paulo. Ông đã mô tả tình yêu vô cùng lâm li. Trải qua 2000 năm, cho đến nay, lời của ông vẫn có thể khơi dậy lòng nhiệt tình của vô số tín đồ Cơ đốc giáo. Ông nói rằng:

“Nếu không có tình yêu thì ngôn ngữ của con người, thậm chí là cả của thiên sứ chẳng qua cũng chỉ là những âm thanh vô nghĩa. Dầu rằng ta có thể dự đoán tất cả mọi việc, thấu hiểu mọi sự bí mật, nắm được mọi tri thức, cho dù lòng tin của ta có thể dời cả núi, nhưng nếu không có tình yêu thì chắc chắn cũng không ích gì. Cho dù ta hiến tất cả của cải cho người nghèo, xả thân vì nhân nghĩa, nhưng nếu không có tình yêu thì điều đó làm sao thực hiện được!”

Nếu chúng ta nói với nhà truyền giáo rằng: “Ngài cảm nhận sâu sắc như vậy, chắc hẳn sẽ biết tình yêu là gì. Tình yêu chắc chắn là một điều vô cùng kì diệu, ngài có thể giải thích về nó cho chúng tôi được không?” Những lời nói đó của chúng ta có thể thông cảm được, bởi vì miêu tả về thứ tình cảm cao thượng này là điều không hề dễ dàng. Thực tế, những lời của thánh Paulo là một sự phản ánh văn minh hiện đại. Chẳng phải con người đã có thể dời non lấp bể, thậm chí sáng tạo ra những kì tích vĩ đại hay sao? Cùng với sự phát triển của khoa học kĩ thuật, khi chúng ta cất lời nói ở đầu này của trái đất thì ở đầu kia của trái đất đã có thể nghe thấy. Nhưng nếu như không có tình yêu, tất cả mọi thứ sẽ chẳng có bất cứ ý nghĩa nào cả. Chúng ta đã xây dựng nên một hệ thống tổ chức khổng lồ cung cấp cho người nghèo khổ thức ăn và quần áo, nhưng nếu như không có một tấm chân tình thì điều đó có ý nghĩa gì? Khi đánh trống, chúng ta có thể nghe thấy tiếng trống, hoàn toàn là vì không gian trống rỗng. Vậy thì bản chất của tình yêu là gì? Từ lời nói của thánh Paulo, chúng ta có thể thấy rằng tình yêu thật vĩ đại, cao cả. Thánh Paulo còn cho rằng, dù những lời này không mang tính lí luận triết học, nhưng cũng mang đến cho chúng ta những gợi ý tương tự. Ông nói:

“Tình yêu là một sự nhẫn nại vĩnh hằng, là sự nhân từ; tình yêu là không đố kị, không làm những chuyện đáng xấu hổ, không gò bó; tình yêu là không có dã tâm, không mưu cầu tư lợi, không giận dữ, không làm điều ác; tình yêu là sự mến mộ chân lí và chính nghĩa; làm bất cứ việc gì cũng cần bao dung, tin tưởng, kì vọng và nhẫn nại.”

Tất cả những điều này đều miêu tả thế giới nội tâm của con người, bất giác khiến người ta nghĩ đến những đặc điểm của trẻ nhỏ. Những lời nói này dường như đang miêu tả “tâm hồn có sức thẩm thấu” của trẻ. Tâm hồn có sức thẩm thấu này của trẻ có thể tiếp nhận bất cứ thứ gì, để rồi cuối cùng biểu hiện ra ngoài thông qua hành vi. Thông qua công việc cụ thể hóa, trẻ thu được vị trí bình đẳng với người khác và môi trường sống phù hợp với xung quanh. Trong con người trẻ sẵn có tính nhẫn nại. Đến với thế giới này, cho dù là được sinh ra trong bất cứ hoàn cảnh nào, trẻ cũng đều sẽ trưởng thành và thích nghi với hoàn cảnh đó. Sau khi khôn lớn thành người, trẻ sẽ cảm thấy vô cùng hạnh phúc trong hoàn cảnh của mình. Những đứa trẻ được sinh ra ở vùng nhiệt đới sẽ dần dần thích nghi với môi trường sống vùng nhiệt đới, còn những đứa trẻ được sinh ra ở môi trường sống khác thì sẽ xuất hiện tình trạng không thích ứng được như chúng. Bất luận sinh ra ở vùng sa mạc, đồng bằng, đồi núi hay thậm chí là vùng địa cực, trẻ cũng đều sẽ thích nghi với môi trường sống ở đó. Chỉ có nơi một con người được sinh ra và lớn lên mới là nơi người đó yêu thích nhất.

Đó chính là đứa trẻ của chúng ta.

Nếu trẻ không có tâm hồn có sức thẩm thấu đó thì văn hóa ở bất cứ đâu cũng không thể có được sự phát triển ổn định. Nếu tất cả văn minh đều bắt đầu lại từ đầu sau khi trẻ ra đời thì văn minh của loài người sẽ không bao giờ tiến bộ được.

“Tâm hồn có sức thẩm thấu” chính là nền tảng của xã hội mà con người sáng tạo nên. Bằng việc quan sát trẻ, chúng ta có thể hiểu rõ điều này. Trẻ giải quyết vấn đề nan giải và thần bí liên quan đến vận mệnh của nhân loại thông qua sức mạnh của tình yêu thương. Thi sĩ và các nhà hiền triết không phân tích tình yêu, chính quá trình phát triển của trẻ đã cho chúng ta thấy quỹ tích của tình yêu. Nếu chịu khó suy ngẫm về lời của thánh Paulo rồi quan sát trẻ, chúng ta sẽ thốt lên: “Mỗi lời nói của thánh Paulo đều được biểu hiện đầy đủ trên mỗi đứa trẻ. Trẻ có đủ loại tài sản tình yêu.”

Vì vậy tình yêu không chỉ tồn tại nơi trái tim con người đủ để khiến thi ca và tôn giáo có thể thể hiện ra, mà nó còn tồn tại trong tâm hồn của mỗi con người. Đó là điều kì diệu mà tạo hóa đã ban tặng cho loài người. Sức mạng vĩ đại này thể hiện trong bất cứ trường hợp nào. Con người đang phải chịu đựng nỗi khổ do biết bao cuộc chiến tranh gây ra, mật ngọt của tình yêu thì lại không ngừng tưới tắm cho con người. Vì vậy, nếu không có tình yêu thì tất cả những sáng tạo của con người, ngay cả thứ gọi là “sự tiến bộ” cũng không còn bất cứ ý nghĩa nào. Điều này không khó lí giải. Tình yêu là món quà tự nhiên dành cho mỗi đứa trẻ được sinh ra trên thế giới này. Nếu tiềm năng yêu thương của trẻ được phát huy thì thành tựu của con người là không thể nào đo đếm được. Đương nhiên những thành tựu chúng ta đã giành được là vô cùng vĩ đại. Trẻ em và người lớn phải kết hợp sức mạnh cùng nhau. Để trở nên vĩ đại, người lớn phải khiêm tốn học hỏi trẻ nhỏ. Điều này nghe có vẻ kì quặc, nhưng trong tất cả những kì tích mà con người đã sáng tạo và phát hiện ra thì chỉ có một lĩnh vực chưa được quan tâm, đó chính là “kì tích của trẻ”.

Tuy nhiên, tình yêu không hề ngăn cấm những điều mà chúng ta đang nói tới. Trong con mắt của con người, tình yêu đã được tô thêm màu sắc đầy mơ mộng. Chúng ta cho rằng, tình yêu chẳng qua chỉ là một sức mạnh phức tạp. Loại sức mạnh này có thể được biểu hiện bằng hai từ “hấp dẫn” và “thân thuộc”. Tình yêu thống trị toàn bộ thế giới này, khiến các hành tinh vận hành có quy luật, khiến nguyên tử kết hợp thành những vật chất mới, khiến mọi thứ nằm trên mặt đất, đồng thời cũng là sức mạnh điều hòa giữa hữu cơ và vô cơ. Sự gắn kết của sức mạnh này là nền tảng của mọi vật chất. Nói tóm lại, tuy tình yêu là vô thức, nhưng trong cuộc sống, nó có thể biến thành có ý thức. Thứ sức mạnh mà tất cả chúng ta cảm nhận được này chính là “tình yêu”.

Tất cả các loài động vật đều có khả năng sinh sản mang tính định kì, đó cũng chính là một hình thức biểu hiện của tình yêu. Hình thức biểu hiện này là nhu cầu của tự nhiên, bởi vì nếu không có tình yêu này thì sẽ không có sự sống và sự tiếp diễn của sự sống, vạn vật sẽ vì thế mà bị hủy diệt.

Chúng đôi khi có thể cảm nhận được sức mạnh này, nhưng ngay sau đó sức mạnh ấy sẽ tiêu tan trong ý thức của chúng. Điều này cho thấy tạo hóa đã rất tiết kiệm và nghiêm túc khi ban tặng tình yêu. Tình yêu mà tạo hóa ban phát ít ỏi như vậy, vì vậy tình yêu là vô cùng quý giá. Khi một sinh mệnh mới đến với thế giới này sẽ đánh thức tình yêu của cha mẹ dành cho con. Tình yêu khiến mẹ chăm bẵm, ôm ấp và bảo vệ đứa con, vì tình yêu mà mẹ sẽ ngày đêm giữ con ở bên cạnh mình. Tình yêu này sẽ bảo vệ con non, đảm bảo cho nó an toàn và khỏe mạnh. Phương diện này của tình yêu có chức năng hữu hạn: “Khi con non đã trưởng thành, tình yêu này của cha mẹ sẽ dần dần biến mất. Trước đó, giữa mẹ và con dường như tồn tại một sợi dây tình cảm vô cùng bền chặt, nó khiến mẹ và con có mối liên hệ vô cùng mật thiết, nhưng đến lúc đã trưởng thành, nếu con non dám lấy của mẹ thậm chí chỉ một miếng ăn, con mẹ sẽ tấn công dữ dội.”

Điều này có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là sau khi mục đích của tình yêu đã hoàn thành, nó sẽ lập tức biến mất, giống như mặt trời bị mây che khuất vậy.

Nhưng con người thì không. Sau khi đứa trẻ khôn lớn, tình yêu không những không mất đi mà nó còn vươn ra khỏi tầm vóc gia đình. Khi một nguyện vọng nào đó khiến chúng ta cảm động, tình yêu sẽ nhanh chóng khiến chúng ta đoàn kết lại với nhau.

Tình yêu của con người là vĩnh hằng, tác dụng của tình yêu không chỉ thể hiện ở cá nhân con

người, bởi vì nếu không phải những thế hệ trước đã cảm nhận được tác dụng của tình yêu thì tại sao họ lại xây dựng được nên tổ chức xã hội và truyền bá tình yêu đến những người khác?

Nếu sức mạnh tình yêu mà tạo hóa đã ban tặng có mục đích rõ ràng, nếu tạo hóa đã rất nghiêm túc và tỉ mỉ khi ban tặng những giống loài khác thứ sức mạnh này thì sự ban tặng mà tạo hóa dành cho con người cũng không thể không có mục đích. Nếu mục đích cuối cùng của tình yêu là cứu vớt, thì nếu tình yêu bị bỏ qua sẽ dẫn tới sự tổn hại. Giá trị của sức mạnh tinh thần mà Thượng đế đã ban tặng cho chúng ta này vượt xa giá trị của bất cứ loại vật chất nào. Có thể nói rằng, ngay cả khi con người đã tan biến trong vũ trụ thì tình yêu cũng sẽ vẫn tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ sáng tạo, bảo vệ và cứu vớt của mình.

Tình yêu là một món quà đặc biệt mà tự nhiên – vì một lí do nào đó – đã ban tặng cho con người. Xuất phát từ quan điểm này, nó tương tự với tác dụng của “ý thức vũ trụ”. Chúng ta phải trân trọng tình yêu, yêu mến tình yêu và phát triển tình yêu bằng tất cả sức lực của mình. Trong tất cả các sinh vật, chỉ có con người mới có thể khiến sức mạnh của tình yêu được thăng hoa. Trân trọng sức mạnh của tình yêu là sứ mệnh mà tạo hóa đã giao phó cho con người, loại sức mạnh này có thể khiến toàn nhân loại đoàn kết về một mối. Tình yêu không phải chỉ là một khái niệm nào đó, mà còn là một sức mạnh thực sự tồn tại.

Con người còn có thể thông qua sức mạnh này để kết hợp thành quả lao động và thành quả trí tuệ của bản thân. Không có sức mạnh nào, tất cả những gì con người sáng tạo ra đều mang lại sự hỗn loạn và tổn hại (tình trạng này thường xuyên xảy ra). Nếu không có sức mạnh này thì cùng với sự phát triển của loài người, tất cả những thứ con người sáng tạo ra đều sẽ không thể bảo tồn, cuối cùng dẫn đến bị hủy diệt.

Bây giờ chúng ta đã có thể hiểu ý nghĩa câu nói của thánh nhân: “Không có tình yêu thì tất cả đều là vô ích”. Tình yêu không phải là ngọn đèn soi sáng đêm đen, cũng không phải là sóng điện truyền âm thanh mà nó vượt qua tất cả những thứ đã được con người phát hiện và sử dụng, nó là sức mạnh to lớn nhất trong vũ trụ. Trong tim mỗi người đều có thứ sức mạnh này. Mặc dù sức mạnh mà tạo hóa đã ban tặng là hữu hạn và phân tán, nhưng nó chính là sức mạnh vĩ đại nhất trong số những sức mạnh chi phối con người. Mỗi đứa trẻ chào đời đều mang lại cho chúng ta thêm sức mạnh mới. Cho dù môi trường sau khi sinh ra khiến sức mạnh này không thể phát huy thì chúng ta cũng vẫn có thể cảm nhận được tác dụng to lớn của nó. Vì vậy chúng ta cần bỏ sức lực để nghiên cứu sức mạnh ấy, bởi vì tình yêu không phải là thứ tự nhiên ban cho môi trường, mà là ban tặng cho loài người. Muốn nghiên cứu và tận dụng tình yêu, chúng ta cần quan tâm đến trẻ.

Ai muốn cứu vớt và đoàn kết loài người thì phải căn cứ vào nguyện vọng của bản thân để đi theo con đường gian nan mà đầy tỉ mỉ này.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>